

1. Bia KSXD Truong Thanh.pdf
- 2 mucluc-MAU.pdf
- 3 PHAN I.pdf
- 4 TMINH-MOI.pdf
- 5 PHAN II.pdf
- 6 BANG 1.pdf
- 7 SO DO HO KHOAN.pdf
- 8 BANG 2.pdf
- 9 HINH TRU.pdf
- 10 BANG 3.pdf
- 11 MAT CAT.pdf
- 12 BANG 4.pdf
- 13 BANG TONG HOP.pdf
- 14 BANG 5.pdf
- 15 BANG THONG KE.pdf
- 16 PHAN III.pdf
- 17 PHULUC1.pdf
- 18 BIEU CO LY.pdf
- 19 PHULUC2.pdf
- 20 NEN CO KET.pdf

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

-----* *-----

BÁO CÁO

KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

Công trình:

**CỤM SHOWROOM KIA-MAZDA-THƯƠNG MẠI
BẠC LIÊU**

Địa điểm:

PHƯỜNG 7 – THÀNH PHỐ BẠC LIÊU – TỈNH BẠC LIÊU



TPHCM - Tháng 01/ 2018



CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH
VPGD: 302/47TCH10, P.TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM
ĐT: 08-62575876, 0982454542 Fax: 62575876

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH
302/47 TCH10, P.TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM
ĐT: 08-62575876, 0982454542 Fax: 62575876

-----* *-----

BÁO CÁO

KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

Công trình:

**CỤM SHOWROOM KIA-MAZDA-THƯƠNG MẠI
BẠC LIÊU**

Địa điểm:

PHƯỜNG 7 – THÀNH PHỐ BẠC LIÊU – TỈNH BẠC LIÊU

Chủ trì khảo sát địa chất:

KS.NGUYỄN VĂN SANG

Chủ đầu tư	Đơn vị tư vấn	Nhà thầu khảo sát địa chất

MỤC LỤC

(Số trang)

PHẦN I: THUYẾT MINH KỸ THUẬT..... 09

PHẦN II: KẾT QUẢ CÔNG TÁC KHẢO SÁT

- BẢNG 1: SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CÁC HỐ KHOAN..... 01
- BẢNG 2: HÌNH TRỤ CÁC HỐ KHOAN 05
- BẢNG 3: MẶT CẮT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH 02
- BẢNG 4: BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TN ĐẤT02
- BẢNG 5 : BẢNG THỐNG KÊ KQTN CƠ LÝ CÁC LỚP ĐẤT.....02

PHẦN III: PHỤ LỤC

(Số trang)

- PHỤ LỤC 1: BIỂU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CƠ LÝ..... 100
- PHỤ LỤC 2: BIỂU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN CỐ KẾT 55

PHẦN I

THUYẾT MINH KỸ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BÁO CÁO KHẢO SÁT ĐỊA KỸ THUẬT****I. MỤC ĐÍCH:**

Khảo sát địa kỹ thuật ở đây nhằm những mục tiêu cụ thể sau:

- Xác định rõ mặt cắt địa kỹ thuật dựa trên cơ sở đặc điểm địa chất và các tính chất cơ lý của đất đá tại công trình khảo sát.
- Xác định các chỉ tiêu cơ lý của các lớp đất cấu tạo nên mặt cắt địa kỹ thuật.
- Xác định chiều sâu mực nước ngầm.
- Trên cơ sở các số liệu khảo sát và thí nghiệm bản báo cáo này đưa ra một số nhận xét về điều kiện địa chất công trình và cung cấp những số liệu cần thiết phục vụ cho công tác tính toán nền móng công trình.

II. PHẦN CHUNG:

1. **Tên công trình:** CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU
2. **Vị trí công trình:** PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU
3. **Qui trình thực hiện:**

➤ **Khảo sát hiện trường:**

- | | |
|-------------------------------------|-------------------|
| + Khoan thăm dò địa chất công trình | : TCVN 9437: 2012 |
| + Lấy mẫu thí nghiệm | : TCVN 2683: 2012 |
| + Thí nghiệm SPT | : TCVN 9351:2012 |

➤ **Thí nghiệm trong phòng :**

- | | |
|---|----------------------|
| + Thành phần hạt | : TCVN – 4198 – 2014 |
| + Độ ẩm | : TCVN – 4196 – 2012 |
| + Dung trọng | : TCVN – 4202 – 2012 |
| + Khối lượng riêng | : TCVN – 4195 – 2012 |
| + Giới hạn Atterberg | : TCVN – 4197 – 2012 |
| + Thí nghiệm cắt phẳng | : TCVN – 4199 – 2012 |
| + Thí nghiệm nén lún | : TCVN – 4200 – 2012 |
| + các thí nghiệm khác nếu có. | |
| + Số liệu thí nghiệm được thống kê và chỉnh lý theo quy trình: TCVN 9153:2012 | |

III. CÔNG TÁC HIỆN TRƯỜNG:

Khối lượng khảo sát gồm những công việc chính sau:

1. **Công tác khoan:**

- Tiến hành khoan bằng máy XY – 1 của Trung Quốc.
- Thời gian thực hiện công tác hiện trường : **17-21/12/2017**

2. Công tác lấy mẫu:

- Khoan phá mẫu toàn đáy bằng phương pháp khoan dung dịch tuần hoàn cho tới vị trí cần lấy mẫu bơm sạch mùn khoan dưới đáy hố khoan sau đó lấy mẫu nguyên dạng.
- Số lượng mẫu được lấy bình quân là 2.0m lấy 01 mẫu, tại các ranh giới địa tầng còn lấy thêm mẫu bổ sung để khống chế.
- Mẫu nguyên dạng được lấy bằng ống thép thành mỏng có đường kính 75 mm, dài 550 mm, đóng nhẹ vào đáy hố khoan ở độ sâu đã định, sau khi lên đến mặt đất mẫu được bọc kín bằng parafin và dán nhãn ghi số hiệu, độ sâu lấy mẫu kèm theo các mô tả hiện trường. Trong quá trình khoan và lấy mẫu, kỹ sư địa kỹ thuật theo dõi và mô tả các biểu hiện thực tế xảy ra trong hố khoan, sau đó ghi vào nhật ký khảo sát.

3. Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT :

- Thí nghiệm xuyên động được thực hiện theo phương pháp Terzaghi, như sau:
 - a) Mẫu xuyên hình ống có tổng chiều dài 810mm, gồm 3 phần: phần mũi, phần thân và phần đầu nối.
 - + Phần mũi: có chiều dài: 25 ÷ 75mm, đường kính trong 35 ± 1.5 mm, góc vát lưỡi cắt: $16 \div 23^\circ$
 - + Phần thân: có chiều dài: 450 ÷ 750mm, đường kính trong 38 ± 1.5 mm, đường kính ngoài 51 ± 1.5 mm.
 - + Phần đầu nối: có chiều dài: 175mm.
 - Lực tác động để đưa mũi xuyên xâm nhập vào đất là lực động (đóng bằng búa). Búa có trọng lượng 63.5 ± 1.0 kg. Tầm búa rơi tự do là 760 ± 2.5 mm.
 - b) Mỗi lần thí nghiệm, chúng tôi khoan tới độ sâu cần thử (ở khoảng lấy mẫu thì lấy mẫu nguyên dạng), sau đó đưa mũi xuyên xuống đáy hố khoan. Dùng búa đóng mũi xuyên xâm nhập vào lòng đất 450 mm. Đếm số búa của mỗi đoạn 150 mm một. Số búa xuyên động chuẩn (N) là tổng số búa của hai lần đếm sau (300 mm).
 - c) Trong tầng cát bão hòa nước, nếu $N > 15$ thì được hiệu chỉnh theo công thức của Terzaghi và Pack như sau: $N' = 15 + 1/2 (N - 15)$

IV. BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN:

STT	Hố khoan	Độ sâu (m)	Mẫu khảo sát	TN SPT	Mẫu thí nghiệm cơ lý	Nén cố kết
1	HK1	40	20	20	20	3
2	HK2	40	20	20	20	2
3	HK3	40	20	20	20	2
4	HK4	40	20	20	20	1
5	HK5	40	20	20	20	3
Tổng	05 HK	200	100	100	100	11

V. BÁO CÁO:

Báo cáo này được lập tuân thủ theo các Quy trình hiện hành của Việt Nam.

Đất được phân loại theo tiêu chuẩn sau:

- Đất dính được phân loại theo chỉ số dẻo và % thành phần hạt như sau :

TÊN ĐẤT	% SÉT	Chỉ số dẻo I_p
SÉT	>30	>17
Á SÉT	10-30	7 - 17
Á CÁT	3-10	1-7

- Đất bùn được phân loại như sau:

* Khi $e_o \geq 1.5$ & $B > 1.0$ gọi là bùn sét.

* Khi $e_o \geq 1.0$ & $B > 1.0$ gọi là bùn sét pha.

* Khi $e_o \geq 0.9$ & $B > 1.0$ gọi là bùn cát pha.

Tuỳ theo hàm lượng thực vật, đất có tên phụ như sau:

+ Hàm lượng thực vật ít hơn 10% là đất lẫn thực vật

+ Hàm lượng thực vật ít hơn 10-60% là đất than bùn hóa

+ Hàm lượng thực vật lớn hơn 60% là than bùn

- Đất rời được phân loại theo % thành phần hạt.
- Trạng thái của đất được phân loại theo độ sệt như sau :

Tên đất	Độ sệt B	Trạng thái
SÉT PHA VÀ SÉT	$B > 1$	Nhão
	$1 \geq B > 0.75$	Dẻo nhão
	$0.75 \geq B > 0.5$	Dẻo mềm
	$0.5 \geq B > 0.25$	Dẻo cứng
	$0.25 \geq B \geq 0$	Nửa cứng
	$B < 0$	Cứng
CÁT PHA	$B < 0$	Cứng
	$1 \geq B \geq 0$	Dẻo
	$B > 1$	Chảy

A. KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH:

Căn cứ kết quả khoan khảo sát tại các hố khoan, địa tầng tại vị trí xây dựng công trình có thể phân thành các lớp sau:

1 / Lớp A:

Thành phần gồm: Lớp đất bề mặt

Lớp này phân bố như sau:

Hố khoan	Độ sâu mặt lớp, m	Độ sâu đáy lớp, m	Bề dày lớp, m	SPT, búa
HK1	0.00	0.70	0.70	
HK2	0.00	0.70	0.70	
HK3	0.00	0.70	0.70	
HK4	0.00	0.70	0.70	
HK5	0.00	0.70	0.70	

2 / Lớp 1:

Thành phần gồm: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Lớp này phân bố như sau:

Hố khoan	Độ sâu mặt lớp, m	Độ sâu đáy lớp, m	Bề dày lớp, m	SPT, búa
HK1	0.70	16.50	15.80	0-1
HK2	0.70	16.40	15.70	0-2
HK3	0.70	16.50	15.80	0-2
HK4	0.70	16.90	16.20	0-2
HK5	0.70	16.50	15.80	0-2

Sau đây là các chỉ tiêu cơ lý:

+	Thành phần hạt:		
-	Hạt sạn	: 0.3	%
-	Hạt cát	: 11.8	%
-	Hạt bụi	: 39.2	%
-	Hạt sét	: 48.7	%
+	Độ ẩm tự nhiên W	: 70.46	%
+	Dung trọng tự nhiên γ	: 15.5	kN/m ³
+	Dung trọng khô γ_d	: 9.1	kN/m ³
+	Dung trọng đẩy nổi γ'	: 5.7	kN/m ³
+	Khối lượng riêng G_s	: 26.46	kN/m ³
+	Hệ số rỗng e_o	: 1.905	
+	Độ rỗng n	: 65.6	%
+	Độ bão hòa S	: 97.9	%
+	Giới hạn Atterberg:		
-	Giới hạn chảy W_L	: 65.6	%
-	Giới hạn dẻo W_P	: 36.2	%
-	Chỉ số dẻo I_P	: 29.4	%
-	Độ sệt I_L	: 1.17	
+	Lực dính kết C	: 5.9	kPa
+	Góc nội ma sát ϕ	: 04°23'	
+	Hệ số nén lún, $a_{100-200}$: 0.221 x 10 ⁻²	kPa ⁻¹
+	Mô đun BD, $E_{100-200}$: 1158.7	kPa
+	Mô đun TBD, $E_{o(100-200)}$: 1158.7	kPa

+	Hệ số thấm, $k_{v(100-200)}$:	0.019	$\times 10^{-6}$	cm/s
+	Hệ số cố kết, C_v	:	0.233	$\times 10^{-3}$	cm ² /s
+	Hệ số nén, C_c	:	0.799		-
+	Hệ số nén lại, C_s	:	0.026		-
+	Hệ số nén lún, $a_{100-200}$:	0.208	$\times 10^{-2}$	kPa ⁻¹
+	Mô đun BD, $E_{100-200}$:	1283		kPa
+	Mô đun TBD, $E_{o(100-200)}$:	1283		kPa
+	Ứng suất tiền cố kết, σ_p	:	74.2		kPa

3/ Lớp 2:

Thành phần gồm: Sét, nâu đỏ - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng

Lớp này phân bố như sau:

Hố khoan	Độ sâu mặt lớp, m	Độ sâu đáy lớp, m	Bề dày lớp, m	SPT, búa
HK1	16.50	27.00	10.50	9-15
HK2	16.40	28.50	12.10	8-16
HK3	16.50	28.60	12.10	15-23
HK4	16.90	33.60	16.70	10-20
HK5	16.50	29.70	13.20	13-23

Sau đây là các chỉ tiêu cơ lý:

+	Thành phần hạt:			
-	Hạt sạn	:	0.0	%
-	Hạt cát	:	12.0	%
-	Hạt bụi	:	38.7	%
-	Hạt sét	:	49.3	%
+	Độ ẩm tự nhiên W	:	26.97	%
+	Dung trọng tự nhiên γ	:	19.2	kN/m ³
+	Dung trọng khô γ_d	:	15.1	kN/m ³
+	Dung trọng đẩy nổi γ'	:	9.6	kN/m ³
+	Khối lượng riêng G_s	:	27.30	kN/m ³
+	Hệ số rỗng e_o	:	0.807	
+	Độ rỗng n	:	44.7	%
+	Độ bão hòa S	:	91.3	%
+	Giới hạn Atterberg:			
-	Giới hạn chảy W_L	:	44.5	%
-	Giới hạn dẻo W_P	:	20.8	%
-	Chỉ số dẻo I_P	:	23.7	%
-	Độ sệt I_L	:	0.26	
+	Lực dính kết C	:	31.6	kPa
+	Góc nội ma sát φ	:	13°11'	
+	Hệ số nén lún, $a_{100-200}$:	0.030	$\times 10^{-2}$ kPa ⁻¹
+	Mô đun BD, $E_{100-200}$:	5962.3	kPa
+	Mô đun TBD, $E_{o(100-200)}$:	14084.4	kPa

+	Hệ số thấm, $k_{v(100-200)}$:	0.013	$\times 10^{-6}$	cm/s
+	Hệ số cố kết, C_v	:	0.609	$\times 10^{-3}$	cm^2/s
+	Hệ số nén, C_c	:	0.237		-
+	Hệ số nén lại, C_s	:	0.042		-
+	Hệ số nén lún, $a_{100-200}$:	0.04	$\times 10^{-2}$	kPa^{-1}
+	Mô đun BD, $E_{100-200}$:	4449		kPa
+	Mô đun TBD, $E_{0(100-200)}$:	10509.6		kPa
+	Ứng suất tiền cố kết, σ_p	:	268.3		kPa

4/ Lớp 3:

Thành phần gồm: Á sét, xám xanh - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng

Lớp này phân bố như sau:

Hố khoan	Độ sâu mặt lớp, m	Độ sâu đáy lớp, m	Bề dày lớp, m	SPT, búa
HK1	27.00	36.60	9.60	17-23
HK2	28.50	35.70	7.20	16-20
HK3	28.60	34.80	6.20	11-16
HK4	33.60	35.40	1.80	22

Sau đây là các chỉ tiêu cơ lý:

+	Thành phần hạt:			
-	Hạt sạn	:	0.0	%
-	Hạt cát	:	38.5	%
-	Hạt bụi	:	34.1	%
-	Hạt sét	:	27.4	%
+	Độ ẩm tự nhiên W	:	27.58	%
+	Dung trọng tự nhiên γ	:	19.1	kN/m^3
+	Dung trọng khô γ_d	:	15.0	kN/m^3
+	Dung trọng đẩy nổi γ'	:	9.4	kN/m^3
+	Khối lượng riêng G_s	:	27.00	kN/m^3
+	Hệ số rỗng e_o	:	0.802	
+	Độ rỗng n	:	44.5	%
+	Độ bão hòa S	:	92.8	%
+	Giới hạn Atterberg:			
-	Giới hạn chảy W_L	:	35.9	%
-	Giới hạn dẻo W_P	:	22.1	%
-	Chỉ số dẻo I_P	:	13.8	%
-	Độ sệt I_L	:	0.40	
+	Lực dính kết C	:	23.2	kPa
+	Góc nội ma sát φ	:	13°00'	
+	Hệ số nén lún, $a_{100-200}$:	0.031	$\times 10^{-2}$ kPa^{-1}
+	Mô đun BD, $E_{100-200}$:	5713.1	kPa
+	Mô đun TBD, $E_{0(100-200)}$:	14442.6	kPa

+	Hệ số thấm, $k_{v(100-200)}$:	0.044	$\times 10^{-6}$	cm/s
+	Hệ số cố kết, C_v	:	1.902	$\times 10^{-3}$	cm ² /s
+	Hệ số nén, C_c	:	0.209		-
+	Hệ số nén lại, C_s	:	0.034		-
+	Hệ số nén lún, $a_{100-200}$:	0.038	$\times 10^{-2}$	kPa ⁻¹
+	Mô đun BD, $E_{100-200}$:	4663		kPa
+	Mô đun TBD, $E_{0(100-200)}$:	11788		kPa
+	Ứng suất tiền cố kết, σ_p	:	245		kPa

5/ Lớp 4:

Thành phần gồm: Sét - Á sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng

Lớp này phân bố như sau:

Hố khoan	Độ sâu mặt lớp, m	Độ sâu đáy lớp, m	Bề dày lớp, m	SPT, búa
HK1	36.60	40.00	3.40	7-15
HK3	34.80	40.00	5.20	14-18
HK5	29.70	40.00	10.30	8-22

Sau đây là các chỉ tiêu cơ lý:

+	Thành phần hạt:			
-	Hạt sạn	:	0.0	%
-	Hạt cát	:	34.4	%
-	Hạt bụi	:	29.2	%
-	Hạt sét	:	36.4	%
+	Độ ẩm tự nhiên W	:	31.22	%
+	Dung trọng tự nhiên γ	:	18.7	kN/m ³
+	Dung trọng khô γ_d	:	14.2	kN/m ³
+	Dung trọng đẩy nổi γ'	:	9.0	kN/m ³
+	Khối lượng riêng G_s	:	27.09	kN/m ³
+	Hệ số rỗng e_0	:	0.902	
+	Độ rỗng n	:	47.4	%
+	Độ bão hòa S	:	93.7	%
+	Giới hạn Atterberg:			
-	Giới hạn chảy W_L	:	43.6	%
-	Giới hạn dẻo W_P	:	24.9	%
-	Chỉ số dẻo I_P	:	18.7	%
-	Độ sệt I_L	:	0.34	
+	Lực dính kết C	:	23.7	kPa
+	Góc nội ma sát φ	:	13°45'	
+	Hệ số nén lún, $a_{100-200}$:	0.036	$\times 10^{-2}$ kPa ⁻¹
+	Mô đun BD, $E_{100-200}$:	5173.2	kPa
+	Mô đun TBD, $E_{0(100-200)}$:	11011.9	kPa
+	Hệ số thấm, $k_{v(100-200)}$:	0.006	$\times 10^{-6}$ cm/s

+	Hệ số cố kết, C_v	:	0.226	$\times 10^{-3}$	cm^2/s
+	Hệ số nén, C_c	:	0.281		-
+	Hệ số nén lại, C_s	:	0.032		-
+	Hệ số nén lún, $a_{100-200}$:	0.042	$\times 10^{-2}$	kPa^{-1}
+	Mô đun BD, $E_{100-200}$:	4339		kPa
+	Mô đun TBD, $E_{0(100-200)}$:	9236.2		kPa
+	Ứng suất tiền cố kết, σ_p	:	270.4		kPa

6/ Lớp 5:

Thành phần gồm: Á cát, xám xanh đen, trạng thái dẻo

Lớp này phân bố như sau:

Hố khoan	Độ sâu mặt lớp, m	Độ sâu đáy lớp, m	Bề dày lớp, m	SPT, búa
HK2	35.70	40.00	4.30	9-17
HK4	35.40	40.00	4.60	13-17

Sau đây là các chỉ tiêu cơ lý:

+	Thành phần hạt:			
-	Hạt sạn	:	0.0	%
-	Hạt cát	:	80.4	%
-	Hạt bụi	:	11.2	%
-	Hạt sét	:	8.5	%
+	Độ ẩm tự nhiên W	:	25.03	%
+	Dung trọng tự nhiên γ	:	19.4	kN/m^3
+	Dung trọng khô γ_d	:	15.5	kN/m^3
+	Dung trọng đẩy nổi γ'	:	9.7	kN/m^3
+	Khối lượng riêng G_s	:	26.73	kN/m^3
+	Hệ số rỗng e_o	:	0.726	
+	Độ rỗng n	:	42.1	%
+	Độ bão hòa S	:	92.2	%
+	Giới hạn Atterberg:			
-	Giới hạn chảy W_L	:	28.1	%
-	Giới hạn dẻo W_P	:	22.8	%
-	Chỉ số dẻo I_P	:	5.2	%
-	Độ sệt I_L	:	0.42	
+	Lực dính kết C	:	8.1	kPa
+	Góc nội ma sát φ	:	23°05'	
+	Hệ số nén lún, $a_{100-200}$:	0.019	$\times 10^{-2}$ kPa^{-1}
+	Mô đun BD, $E_{100-200}$:	9105.4	kPa
+	Mô đun TBD, $E_{0(100-200)}$:	20792.0	kPa

ĐIỂM CHẤT THUYẾT VẤN :

Mức nước ngầm trong các hố khoan quan trắc sau 24h khoan:

Hố khoan	Mức nước tĩnh (m)	Hố khoan	Mức nước tĩnh (m)
HK1	-0.4m	HK4	-0.4m
HK2	-0.3m	HK5	-0.4m
HK3	-0.4m		

B. NHẬN XÉT SƠ BỘ ĐIỀU KIỆN ĐỊA KỸ THUẬT

- Nhìn chung, khu vực khảo sát phát hiện các đơn nguyên và phụ đơn nguyên địa chất công trình. Cụ thể như sau:

- + Lớp A: Lớp đất bề mặt
 - + Lớp 1: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão;
 - + Lớp 2: Sét, nâu đỏ - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng;
 - + Lớp 3: Á sét, xám xanh, vàng nâu, trạng thái dẻo cứng;
 - + Lớp 4: Sét-Á sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng;
 - + Lớp 5: Á cát, xám xanh đen, trạng thái dẻo;
- Lớp đất (1) chưa trải qua quá trình nén chặt tự nhiên, nên có hệ số rỗng lớn, tính nén lún lớn, không nên đặt móng các công trình có tải trọng vào lớp các đất này, các lớp đất này chỉ phù hợp cho công trình có tải trọng nhỏ và đất nền phải được gia cố. Khi thiết kế cần chú ý đến vấn đề trên.
- Đối với công trình có tải trọng có thể sử dụng các loại móng cọc đặt vào lớp (2), chiều sâu đặt mũi cọc từ 20m trở xuống.
- Bảng thống kê các chỉ tiêu cơ lý nêu ra đầy đủ các giá trị tính toán của các thông số địa kỹ thuật của các lớp đất đóng vai trò chủ yếu trong nền móng công trình. Khi thiết kế nền móng cần lưu ý tới những đặc điểm trên.

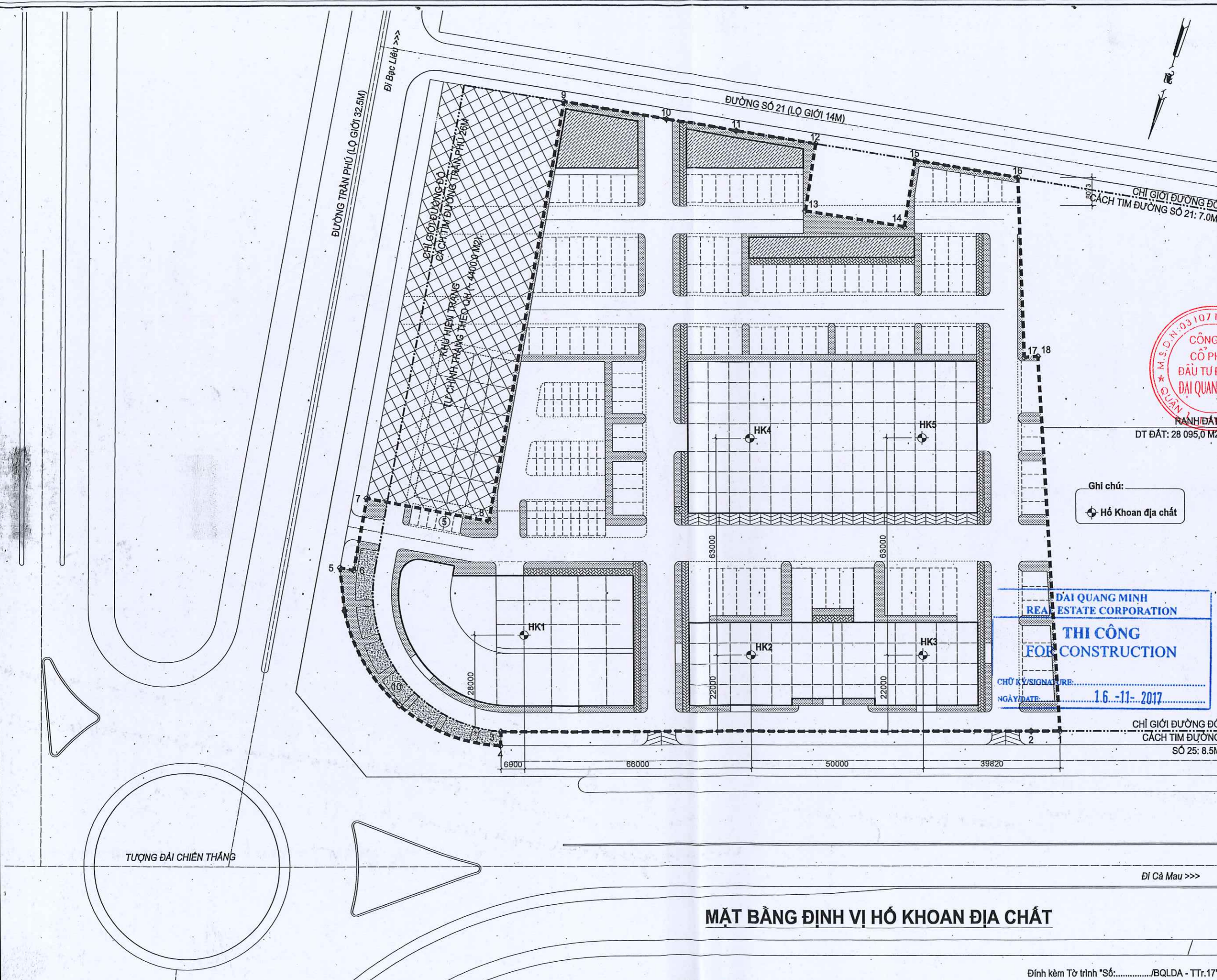
➤ Ghi chú:

- E_{1-2} : Mô đun biến dạng trong phòng thí nghiệm nén nhanh, tính trực tiếp từ số liệu thí nghiệm dưới cấp tải từ 100kN/m^2 đến 200kN/m^2 , chưa nhân với hệ số β và m_k .
- $E_{0(1-2)}$: Mô đun tổng biến dạng quy đổi ra hiện trường, tính trực tiếp từ số liệu thí nghiệm dưới cấp tải từ 100kN/m^2 đến 200kN/m^2 và đã nhân với hệ số β và m_k .
- $1\text{kG/cm}^2 = 100\text{kN/m}^2 = 100\text{kPa}$; $1\text{g/cm}^3 = 10\text{kN/m}^3$.

PHẦN II

KẾT QUẢ CÔNG TÁC KHẢO SÁT

BẢNG 1
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CÁC HỔ KHOAN



HỒ SƠ - DOCUMENT:		
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/>	FOR APPROVAL
THIẾT KẾ CƠ SỞ	<input type="checkbox"/>	BASIC DESIGN
DỰ TOÁN	<input type="checkbox"/>	FOR QUANTITY SURVEY
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	<input checked="" type="checkbox"/>	TECHNICAL DESIGN
PHÁT HÀNH - ISSUE		
Hiệu chỉnh/ Revision	Diễn giải/ Description	Ngày phát hành/ Date:
1		
2		
3		
LƯU Ý - NOTE:		
Chủ đầu tư/ Owner:		
THACO TRUNG HAI AUTO CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI		
Số Nguyễn Văn Trứ, P.8, Q.Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh		
Tư vấn, thiết kế/ Design Consultancy:		
ĐẠI QUANG MINH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC ĐẠI QUANG MINH		
Số Nguyễn Văn Trứ, P.8, Q.Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh		
Ranh/Đất		
DT ĐẤT: 28 095,0 M ²		
92 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM		
Ban QLDA SR-Nhà máy/ SR - Factory PMB:		
KS. Lê Khắc Đức		
PT.TK SR- Nhà máy/ SR- Factory Design Manager		
KTS. Nguyễn Anh Hiếu		
Chủ trì thiết kế/ Chief Design:		
KS. Nguyễn Hải Nam		
Thiết kế/ Designed by:		
KS. Nguyễn Trọng Đức		
Quản lý thiết kế/ Checked by:		
KS. Nguyễn Công Huân		
Công trình/ Project:		
CỤM SHOWROOM BẠC LIÊU		
Địa điểm/ Location:		
Phường 7, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu		
Hạng mục/ Item:		
KẾT CẤU		
Tên bản vẽ/ Drawing Name:		
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỐ KHOAN ĐỊA CHẤT		
Tên dự liệu/ Computer file:		
CUM_BLI		
Ngày hoàn thành/ Completion Date:		
11/2017		
Số hiệu bản vẽ/ Drawing No:		
KC.HK01.01		
Tỷ lệ/ Scale: A3		

ĐẠI QUANG MINH
 REAL ESTATE CORPORATION
THI CÔNG
 FOR CONSTRUCTION
 CHỮ KÝ/SIGNATURE:.....
 NGÀY/DATE:.....1.6.-11.-2017

Ghi chú:
 Hố Khoan địa chất

CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỘ
 CÁCH TÌM ĐƯỜNG
 SỐ 25: 8.5M

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỐ KHOAN ĐỊA CHẤT

BẢNG 2
HÌNH TRỤ CÁC HỔ KHOAN

HÌNH TRỤ HỐ KHOAN (BORING LOG)

Công trình (Project) : CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm (Location) : PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Hố khoan (Bore hole) : HK1

Tỷ lệ (Scale) : 1/200

Cao độ (Elevation) : +0.000m (Giả định / Dummy elevation)

Ngày khoan (Boring date) : 17/12/2017

Mức nước tĩnh (Ground water level) : -0.4m

Tổ trưởng (Team leader) : ĐÀO VĂN GIANG

Độ sâu hố khoan (Total depth of hole) : 40.0m

Giám sát bên A(Supervisor) :

Phương pháp khoan xoay sử dụng bentonite (Rotary drilling method)

Máy khoan(Driller) : XY-1

Tỷ lệ(Scale) (m)	Tên lớp(Stratum No)	Cao độ(Elevation)	Độ sâu lớp (m) (Depth)	B-dày lớp(Thickness)	TRỤ CẮT (GRAPHIC LOG)	Số hiệu và độ sâu mẫu (Sample No-Samp. depth)	MÔ TẢ (DESCRIPTION OF SOIL)	THÍ NGHIỆM XUYỀN TIÊU CHUẨN (STANDARD PENETRATION TEST)					Số hiệu và độ sâu SPT (Sampling and depth SPT)					
								Số búa ứng với 15cm (Blows per each 15cm)			N	Biểu đồ SPT (CHART SPT)						
								15cm	15cm	15cm		10		20	30	40	50	
0.0	A	0.00	0.00	0.7			Lớp đất bề mặt											
2.0		-0.70	0.70			HK1-1 1.8 ÷ 2.0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	SPT1-1 2.0 ÷ 2.45
4.0						HK1-2 3.8 ÷ 4.0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	SPT1-2 4.0 ÷ 4.45
6.0						HK1-3 5.8 ÷ 6.0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	SPT1-3 6.0 ÷ 6.45
8.0	1			15.8		HK1-4 7.8 ÷ 8.0	Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	SPT1-4 8.0 ÷ 8.45
10.0						HK1-5 9.8 ÷ 10.0		0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	SPT1-5 10.0 ÷ 10.45
12.0						HK1-6 11.8 ÷ 12.0		0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	SPT1-6 12.0 ÷ 12.45
14.0						HK1-7 13.8 ÷ 14.0		0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	SPT1-7 14.0 ÷ 14.45
16.0		-16.50	16.50			HK1-8 15.8 ÷ 16.0		0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	SPT1-8 16.0 ÷ 16.45
18.0						HK1-9 17.8 ÷ 18.0		5	6	7	13	13	13	13	13	13	13	SPT1-9 18.0 ÷ 18.45
20.0						HK1-10 19.8 ÷ 20.0		4	5	6	11	11	11	11	11	11	11	SPT1-10 20.0 ÷ 20.45
22.0	2			10.5		HK1-11 21.8 ÷ 22.0	Sét, nâu đỏ - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng	6	6	8	14	14	14	14	14	14	14	SPT1-11 22.0 ÷ 22.45
24.0						HK1-12 23.8 ÷ 24.0		3	4	5	9	9	9	9	9	9	9	SPT1-12 24.0 ÷ 24.45
26.0						HK1-13 25.8 ÷ 26.0		5	7	8	15	15	15	15	15	15	15	SPT1-13 26.0 ÷ 26.45
28.0		-27.00	27.00			HK1-14 27.8 ÷ 28.0		5	8	9	17	17	17	17	17	17	17	SPT1-14 28.0 ÷ 28.45
30.0						HK1-15 29.8 ÷ 30.0		6	8	11	19	19	19	19	19	19	19	SPT1-15 30.0 ÷ 30.45
32.0	3			9.6		HK1-16 31.8 ÷ 32.0	Á sét, xám xanh, vàng nâu Trạng thái dẻo cứng	7	8	10	18	18	18	18	18	18	18	SPT1-16 32.0 ÷ 32.45
34.0						HK1-17 33.8 ÷ 34.0		5	10	13	23	23	23	23	23	23	23	SPT1-17 34.0 ÷ 34.45
36.0		-36.60	36.60			HK1-18 35.8 ÷ 36.0		7	9	10	19	19	19	19	19	19	19	SPT1-18 36.0 ÷ 36.45
38.0	4			3.4		HK1-19 37.8 ÷ 38.0	Sét-Á sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng	5	7	8	15	15	15	15	15	15	15	SPT1-19 38.0 ÷ 38.45
40.0		-40.00	40.00			HK1-20 39.8 ÷ 40.0		2	2	5	7	7	7	7	7	7	7	SPT1-20 40.0 ÷ 40.45

HÌNH TRỤ HỐ KHOAN (BORING LOG)

Công trình (Project) : CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm (Location) : PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Hố khoan (Bore hole) : HK2

Tỷ lệ (Scale) : 1/200

Cao độ (Elevation) : +0.000m (Giả định / Dummy elevation)

Ngày khoan (Boring date) : 18/12/2017

Mức nước tĩnh (Ground water level) : -0.3m

Tổ trưởng (Team leader) : ĐÀO VĂN GIANG

Độ sâu hố khoan (Total depth of hole) : 40.0m

Giám sát bên A(Supervisor) :

Phương pháp khoan xoay sử dụng bentonite (Rotary drilling method)

Máy khoan(Driller) : XY-1

Tỷ lệ(Scale) (m)	Tên lớp(Stratum No)	Cao độ(Elevation)	Độ sâu lớp (m) (Depth) (m)	B-dày lớp(Thickness)	TRỤ CẮT (GRAPHIC LOG)	Số hiệu và độ sâu mẫu (Sample No-Samp. depth)	MÔ TẢ (DESCRIPTION OF SOIL)	THÍ NGHIỆM XUYỀN TIÊU CHUẨN (STANDARD PENETRATION TEST)					Số hiệu và độ sâu SPT (Sampling and depth SPT)						
								Số búa ứng với 15cm (Blows per each 15cm)			N	Biểu đồ SPT (CHART SPT)							
								15cm	15cm	15cm		10		20	30	40	50		
0.0	A	0.00	0.00	0.7			Lớp đất bề mặt												
2.0		-0.70	0.70			HK2-1 1.8 ÷ 2.0		0	0	0	0	0	0					SPT2-1 2.0 ÷ 2.45	
4.0						HK2-2 3.8 ÷ 4.0		0	0	0	0	0	0						SPT2-2 4.0 ÷ 4.45
6.0						HK2-3 5.8 ÷ 6.0		0	0	0	0	0	0						SPT2-3 6.0 ÷ 6.45
8.0	1			15.7		HK2-4 7.8 ÷ 8.0	Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão	0	0	0	0	0	0						SPT2-4 8.0 ÷ 8.45
10.0						HK2-5 9.8 ÷ 10.0		0	0	1	1	1	1						SPT2-5 10.0 ÷ 10.45
12.0						HK2-6 11.8 ÷ 12.0		0	0	1	1	1	1						SPT2-6 12.0 ÷ 12.45
14.0						HK2-7 13.8 ÷ 14.0		0	0	1	1	1	1						SPT2-7 14.0 ÷ 14.45
16.0		-16.40	16.40			HK2-8 15.8 ÷ 16.0		1	1	1	2	2	2						SPT2-8 16.0 ÷ 16.45
18.0						HK2-9 17.8 ÷ 18.0		4	5	7	12	12	12						SPT2-9 18.0 ÷ 18.45
20.0						HK2-10 19.8 ÷ 20.0		4	6	7	13	13	13						SPT2-10 20.0 ÷ 20.45
22.0	2			12.1		HK2-11 21.8 ÷ 22.0	Sét, nâu đỏ - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng	3	5	6	11	11	11						SPT2-11 22.0 ÷ 22.45
24.0						HK2-12 23.8 ÷ 24.0		2	3	5	8	8	8						SPT2-12 24.0 ÷ 24.45
26.0						HK2-13 25.8 ÷ 26.0		5	6	7	13	13	13						SPT2-13 26.0 ÷ 26.45
28.0		-28.50	28.50			HK2-14 27.8 ÷ 28.0		6	7	9	16	16	16						SPT2-14 28.0 ÷ 28.45
30.0						HK2-15 29.8 ÷ 30.0		5	9	10	19	19	19						SPT2-15 30.0 ÷ 30.45
32.0	3			7.2		HK2-16 31.8 ÷ 32.0	Á sét, xám xanh, vàng nâu Trạng thái dẻo cứng	6	7	9	16	16	16						SPT2-16 32.0 ÷ 32.45
34.0						HK2-17 33.8 ÷ 34.0		8	9	11	20	20	20						SPT2-17 34.0 ÷ 34.45
36.0		-35.70	35.70			HK2-18 35.8 ÷ 36.0		7	8	9	17	17	17						SPT2-18 36.0 ÷ 36.45
38.0	5			4.3		HK2-19 37.8 ÷ 38.0	Á cát, xám xanh đen, trạng thái dẻo	4	6	8	14	14	14						SPT2-19 38.0 ÷ 38.45
40.0		-40.00	40.00			HK2-20 39.8 ÷ 40.0		2	4	5	9	9	9						SPT2-20 40.0 ÷ 40.45

HÌNH TRỤ HỐ KHOAN (BORING LOG)

Công trình (Project) : CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm (Location) : PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Hố khoan (Bore hole) : HK3

Tỷ lệ (Scale) : 1/200

Cao độ (Elevation) : +0.000m (Giả định / Dummy elevation)

Ngày khoan (Boring date) : 21/12/2017

Mức nước tĩnh (Ground water level) : -0.4m

Tổ trưởng (Team leader) : ĐÀO VĂN GIANG

Độ sâu hố khoan (Total depth of hole) : 40.0m

Giám sát bên A(Supervisor) :

Phương pháp khoan xoay sử dụng bentonite (Rotary drilling method)

Máy khoan(Driller) : XY-1

Tỷ lệ(Scale) (m)	Tên lớp(Stratum No)	Cao độ(Elevation)	Độ sâu lớp (m) (Depth)	B-dày lớp(Thickness)	TRỤ CẮT (GRAPHIC LOG)	Số hiệu và độ sâu mẫu (Sample No-Samp. depth)	MÔ TẢ (DESCRIPTION OF SOIL)	THÍ NGHIỆM XUYỀN TIÊU CHUẨN (STANDARD PENETRATION TEST)					Số hiệu và độ sâu SPT (Sampling and depth SPT)					
								Số búa ứng với 15cm (Blows per each 15cm)			N	Biểu đồ SPT (CHART SPT)						
								15cm	15cm	15cm		10		20	30	40	50	
0.0	A	0.00	0.00	0.7			Lớp đất bề mặt											
2.0		-0.70	0.70			HK3-1 1.8 ÷ 2.0		0	0	0	0	0	0				SPT3-1 2.0 ÷ 2.45	
4.0						HK3-2 3.8 ÷ 4.0		0	0	0	0	0	0					SPT3-2 4.0 ÷ 4.45
6.0						HK3-3 5.8 ÷ 6.0		0	0	0	0	0	0					SPT3-3 6.0 ÷ 6.45
8.0	1			15.8		HK3-4 7.8 ÷ 8.0	Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão	0	0	0	0	0	0					SPT3-4 8.0 ÷ 8.45
10.0						HK3-5 9.8 ÷ 10.0		0	0	0	0	0	0					SPT3-5 10.0 ÷ 10.45
12.0						HK3-6 11.8 ÷ 12.0		0	0	0	0	0	0					SPT3-6 12.0 ÷ 12.45
14.0						HK3-7 13.8 ÷ 14.0		0	0	0	0	0	0					SPT3-7 14.0 ÷ 14.45
16.0		-16.50	16.50			HK3-8 15.8 ÷ 16.0		1	1	1	2	2	2					SPT3-8 16.0 ÷ 16.45
18.0						HK3-9 17.8 ÷ 18.0		5	8	10	18	18	18					SPT3-9 18.0 ÷ 18.45
20.0						HK3-10 19.8 ÷ 20.0		5	8	9	17	17	17					SPT3-10 20.0 ÷ 20.45
22.0	2			12.1		HK3-11 21.8 ÷ 22.0	Sét, nâu đỏ - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng	4	6	9	15	15	15					SPT3-11 22.0 ÷ 22.45
24.0						HK3-12 23.8 ÷ 24.0		6	8	10	18	18	18					SPT3-12 24.0 ÷ 24.45
26.0						HK3-13 25.8 ÷ 26.0		7	10	13	23	23	23					SPT3-13 26.0 ÷ 26.45
28.0		-28.60	28.60			HK3-14 27.8 ÷ 28.0		5	6	13	19	19	19					SPT3-14 28.0 ÷ 28.45
30.0	3			6.2		HK3-15 29.8 ÷ 30.0	Á sét, xám xanh, vàng nâu Trạng thái dẻo cứng	4	6	7	13	13	13					SPT3-15 30.0 ÷ 30.45
32.0						HK3-16 31.8 ÷ 32.0		4	5	6	11	11	11					SPT3-16 32.0 ÷ 32.45
34.0		-34.80	34.80			HK3-17 33.8 ÷ 34.0		6	7	9	16	16	16					SPT3-17 34.0 ÷ 34.45
36.0	4			5.2		HK3-18 35.8 ÷ 36.0		5	6	8	14	14	14					SPT3-18 36.0 ÷ 36.45
38.0						HK3-19 37.8 ÷ 38.0	Sét-Á sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng	4	6	9	15	15	15					SPT3-19 38.0 ÷ 38.45
40.0		-40.00	40.00			HK3-20 39.8 ÷ 40.0		6	8	10	18	18	18					SPT3-20 40.0 ÷ 40.45

HÌNH TRỤ HỐ KHOAN (BORING LOG)

Công trình (Project) : CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm (Location) : PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Hố khoan (Bore hole) : HK4

Tỷ lệ (Scale) : 1/200

Cao độ (Elevation) : +0.000m (Giả định / Dummy elevation)

Ngày khoan (Boring date) : 19/12/2017

Mức nước tĩnh (Ground water level) : -0.4m

Tổ trưởng (Team leader) : ĐÀO VĂN GIANG

Độ sâu hố khoan (Total depth of hole) : 40.0m

Giám sát bên A(Supervisor) :

Phương pháp khoan xoay sử dụng bentonite (Rotary drilling method)

Máy khoan(Driller) : XY-1

Tỷ lệ(Scale) (m)	Tên lớp(Stratum No)	Cao độ(Elevation)	Độ sâu lớp (m) (Depth)	B-dày lớp(Thickness)	TRỤ CẮT (GRAPHIC LOG)	Số hiệu và độ sâu mẫu (Sample No-Samp. depth)	MÔ TẢ (DESCRIPTION OF SOIL)	THÍ NGHIỆM XUYỀN TIÊU CHUẨN (STANDARD PENETRATION TEST)					Số hiệu và độ sâu SPT (Sampling and depth SPT)					
								Số búa ứng với 15cm (Blows per each 15cm)			N	Biểu đồ SPT (CHART SPT)						
								15cm	15cm	15cm		10		20	30	40	50	
0.0	A	0.00	0.00	0.7			Lớp đất bề mặt											
2.0		-0.70	0.70			HK4-1 1.8 ÷ 2.0		0	0	0	0	0	0					SPT4-1 2.0 ÷ 2.45
4.0						HK4-2 3.8 ÷ 4.0		0	0	0	0	0	0					SPT4-2 4.0 ÷ 4.45
6.0						HK4-3 5.8 ÷ 6.0		0	0	0	0	0	0					SPT4-3 6.0 ÷ 6.45
8.0	1			16.2		HK4-4 7.8 ÷ 8.0	Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão	0	0	0	0	0	0					SPT4-4 8.0 ÷ 8.45
10.0						HK4-5 9.8 ÷ 10.0		0	0	0	0	0	0					SPT4-5 10.0 ÷ 10.45
12.0						HK4-6 11.8 ÷ 12.0		0	0	1	1	1	1					SPT4-6 12.0 ÷ 12.45
14.0						HK4-7 13.8 ÷ 14.0		0	0	1	1	1	1					SPT4-7 14.0 ÷ 14.45
16.0						HK4-8 15.8 ÷ 16.0		0	1	1	2	2	2					SPT4-8 16.0 ÷ 16.45
18.0		-16.90	16.90			HK4-9 17.8 ÷ 18.0		5	7	10	17	17	17					SPT4-9 18.0 ÷ 18.45
20.0						HK4-10 19.8 ÷ 20.0		4	8	9	17	17	17					SPT4-10 20.0 ÷ 20.45
22.0						HK4-11 21.8 ÷ 22.0		5	6	8	14	14	14					SPT4-11 22.0 ÷ 22.45
24.0						HK4-12 23.8 ÷ 24.0		4	5	8	13	13	13					SPT4-12 24.0 ÷ 24.45
26.0	2			16.7		HK4-13 25.8 ÷ 26.0	Sét, nâu đỏ - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng	6	8	12	20	20	20					SPT4-13 26.0 ÷ 26.45
28.0						HK4-14 27.8 ÷ 28.0		4	5	6	11	11	11					SPT4-14 28.0 ÷ 28.45
30.0						HK4-15 29.8 ÷ 30.0		3	4	6	10	10	10					SPT4-15 30.0 ÷ 30.45
32.0						HK4-16 31.8 ÷ 32.0		4	6	8	14	14	14					SPT4-16 32.0 ÷ 32.45
34.0	3	-33.60	33.60	1.8		HK4-17 33.8 ÷ 34.0	Á sét, xám xanh, vàng nâu Trạng thái dẻo cứng	7	10	12	22	22	22					SPT4-17 34.0 ÷ 34.45
36.0		-35.40	35.40			HK4-18 35.8 ÷ 36.0		5	8	9	17	17	17					SPT4-18 36.0 ÷ 36.45
38.0	5			4.6		HK4-19 37.8 ÷ 38.0	Á cát, xám xanh đen, trạng thái dẻo	3	5	8	13	13	13					SPT4-19 38.0 ÷ 38.45
40.0		-40.00	40.00			HK4-20 39.8 ÷ 40.0		4	7	10	17	17	17					SPT4-20 40.0 ÷ 40.45

HÌNH TRỤ HỔ KHOAN (BORING LOG)

Công trình (Project) : CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm (Location) : PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Hố khoan (Bore hole) : HK5

Tỷ lệ (Scale) : 1/200

Cao độ (Elevation) : +0.000m (Giả định / Dummy elevation)

Ngày khoan (Boring date) : 20/12/2017

Mức nước tĩnh (Ground water level) : -0.4m

Tổ trưởng (Team leader) : ĐÀO VĂN GIANG

Độ sâu hố khoan (Total depth of hole) : 40.0m

Giám sát bên A(Supervisor) :

Phương pháp khoan xoay sử dụng bentonite (Rotary drilling method)

Máy khoan(Driller) : XY-1

Tỷ lệ(Scale) (m)	Tên lớp(Stratum No)	Cao độ(Elevation)	Độ sâu lớp (m) (Depth)	B-dày lớp(Thickness)	TRỤ CẮT (GRAPHIC LOG)	Số hiệu và độ sâu mẫu (Sample No-Samp. depth)	MÔ TẢ (DESCRIPTION OF SOIL)	THÍ NGHIỆM XUYỀN TIÊU CHUẨN (STANDARD PENETRATION TEST)					Số hiệu và độ sâu SPT (Sampling and depth SPT)						
								Số búa ứng với 15cm (Blows per each 15cm)			N	Biểu đồ SPT (CHART SPT)							
								15cm	15cm	15cm		10		20	30	40	50		
0.0	A	0.00	0.00	0.7			Lớp đất bề mặt												
2.0		-0.70	0.70			HK5-1 1.8 ÷ 2.0		0	0	0	0	0	0					SPT5-1 2.0 ÷ 2.45	
4.0						HK5-2 3.8 ÷ 4.0		0	0	0	0	0	0						SPT5-2 4.0 ÷ 4.45
6.0						HK5-3 5.8 ÷ 6.0		0	0	0	0	0	0						SPT5-3 6.0 ÷ 6.45
8.0	1			16.8		HK5-4 7.8 ÷ 8.0	Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão	0	0	0	0	0	0						SPT5-4 8.0 ÷ 8.45
10.0						HK5-5 9.8 ÷ 10.0		0	0	0	0	0	0						SPT5-5 10.0 ÷ 10.45
12.0						HK5-6 11.8 ÷ 12.0		0	0	1	1	1	1						SPT5-6 12.0 ÷ 12.45
14.0						HK5-7 13.8 ÷ 14.0		0	0	1	1	1	1						SPT5-7 14.0 ÷ 14.45
16.0		-16.50	16.50			HK5-8 15.8 ÷ 16.0		1	1	1	2	2	2						SPT5-8 16.0 ÷ 16.45
18.0						HK5-9 17.8 ÷ 18.0		4	6	7	13	13	13						SPT5-9 18.0 ÷ 18.45
20.0						HK5-10 19.8 ÷ 20.0		7	10	13	23	23	23						SPT5-10 20.0 ÷ 20.45
22.0	2			13.2		HK5-11 21.8 ÷ 22.0	Sét, nâu đỏ - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng	5	6	9	15	15	15						SPT5-11 22.0 ÷ 22.45
24.0						HK5-12 23.8 ÷ 24.0		5	8	9	17	17	17						SPT5-12 24.0 ÷ 24.45
26.0						HK5-13 25.8 ÷ 26.0		6	9	12	21	21	21						SPT5-13 26.0 ÷ 26.45
28.0						HK5-14 27.8 ÷ 28.0		5	8	10	18	18	18						SPT5-14 28.0 ÷ 28.45
30.0		-29.70	29.70			HK5-15 29.8 ÷ 30.0		4	5	8	13	13	13						SPT5-15 30.0 ÷ 30.45
32.0						HK5-16 31.8 ÷ 32.0		4	5	6	11	11	11						SPT5-16 32.0 ÷ 32.45
34.0	4			10.3		HK5-17 33.8 ÷ 34.0	Sét-Á sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng	3	3	5	8	8	8						SPT5-17 34.0 ÷ 34.45
36.0						HK5-18 35.8 ÷ 36.0		4	5	6	11	11	11						SPT5-18 36.0 ÷ 36.45
38.0						HK5-19 37.8 ÷ 38.0		4	5	7	12	12	12						SPT5-19 38.0 ÷ 38.45
40.0		-40.00	40.00			HK5-20 39.8 ÷ 40.0		4	10	12	22	22	22						SPT5-20 40.0 ÷ 40.45

BẢNG 3

MẶT CẮT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

MẶT CẮT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH (GEOTECHNICAL PROFILE)

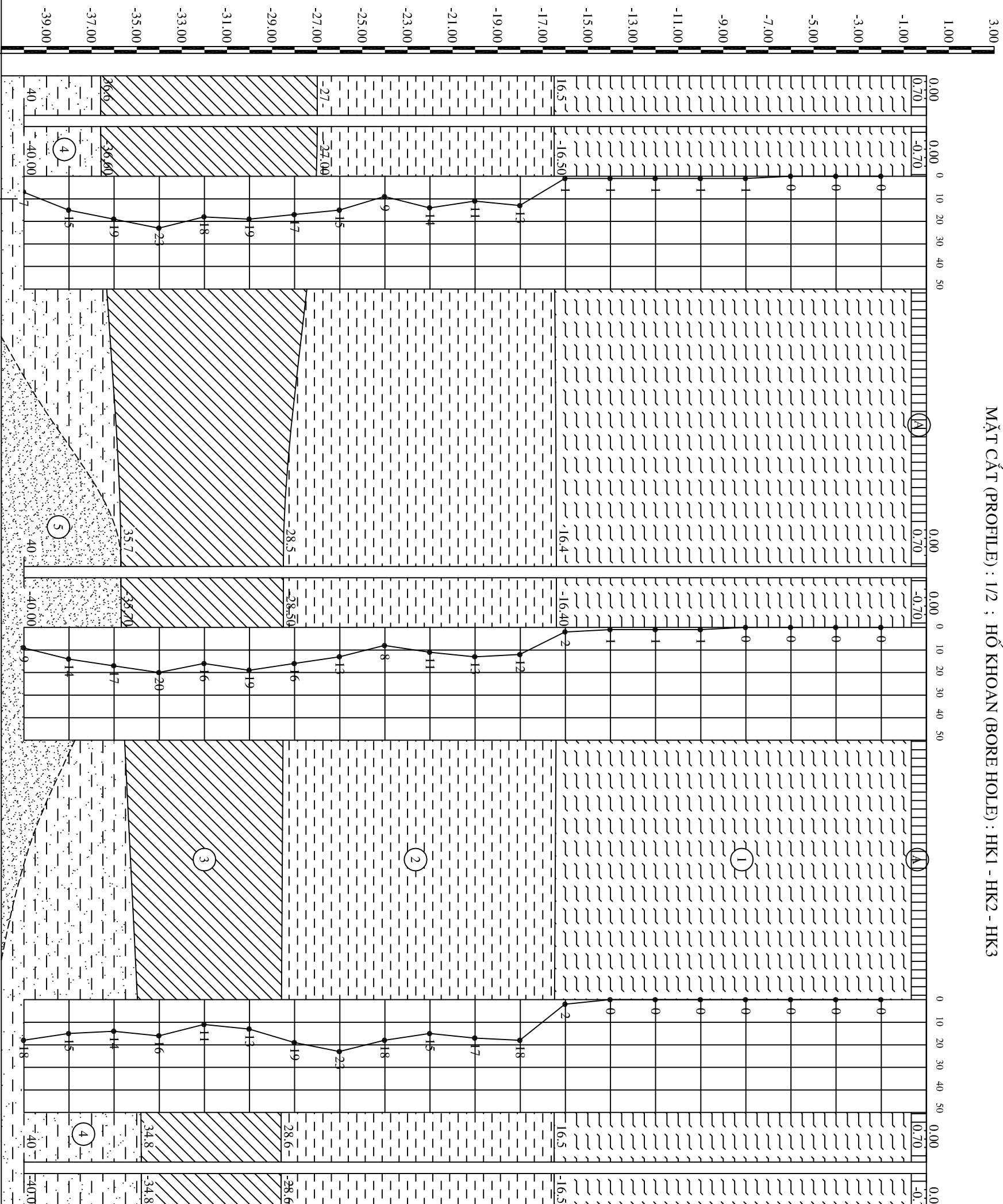
TỶ LỆ (SCALE) : 1/500 ; 1/200

CÔNG TRÌNH (PROJECT) : CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

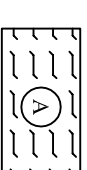
ĐỊA ĐIỂM (LOCATION) : PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

MẶT CẮT (PROFILE) : 1/2 ; HỐ KHOAN (BORE HOLE) : HK1 - HK2 - HK3

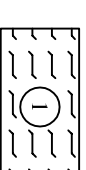
TT04-BM23



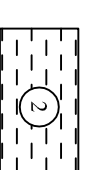
CHÚ GIẢI (LEGEND)



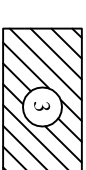
Lớp đất bề mặt



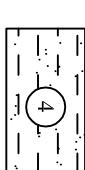
Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão



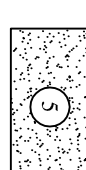
Sét, nâu đỏ - vàng nâu



Tràng thái dẻo cứng



Á sét, xám xanh - vàng nâu



Tràng thái dẻo cứng



Sét - Á sét, xám xanh đen



Tràng thái dẻo cứng



Á cát, xám xanh đen, trạng thái dẻo



HỮU CƠ/Organic, VỎ SỎI/Shellfish



SỎI SÀN/Gravel, CÁT/Sand



BỘT SÉT/Silt clay

TÊN HỐ KHOAN (N. BORE HOLE)	ĐỘ SÂU (DEPTH) (m)	CAO ĐỘ (ELEVATION) (m)	K/CÁCH LỀ (SPACE ODD) (m)	K/C CỘNG ĐỒN (SPACE ADD) (m)	TÊN CỌC (NAME PICKET)
HK1	0	0	5	0.00	A HK1
HK2	0	0	50	55.00	HK2
HK3	0	0	66	121.00	HK3 V

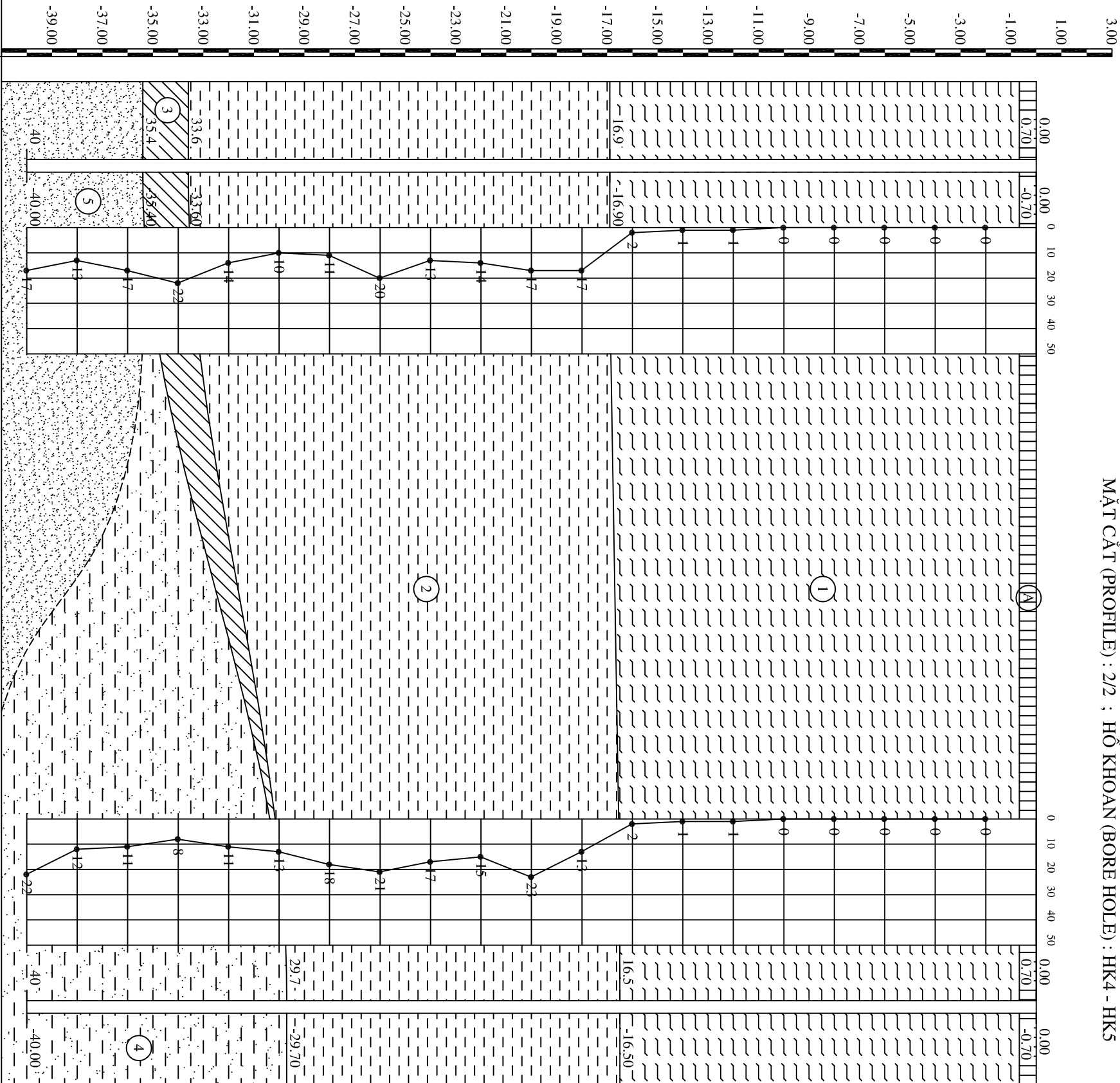
MẶT CẮT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH (GEOTECHNICAL PROFILE)

TỶ LỆ (SCALE) : 1/300 ; 1/200

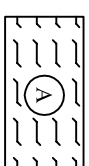
CÔNG TRÌNH (PROJECT) : CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẮC LIÊU

ĐỊA ĐIỂM (LOCATION) : PHƯỜNG 7, TP. BẮC LIÊU, T. BẮC LIÊU

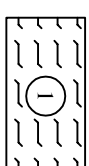
MẶT CẮT (PROFILE) : 2/2 ; HỐ KHOAN (BORE HOLE) : HK4 - HK5



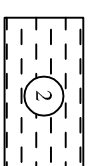
CHỮ GIẢI (LEGEND)



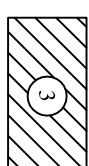
Lớp đất bề mặt



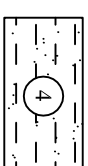
Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão



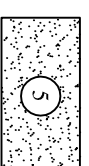
Sét, nâu đỏ - vàng nâu
Trạng thái dẻo cứng



Á sét, xám xanh - vàng nâu
Trạng thái dẻo cứng



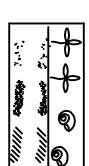
Sét - Á sét, xám xanh đen
Trạng thái dẻo cứng



Á cát, xám xanh đen, trạng thái dẻo



RANH GIỚI CÁC LỚP (Limit of Stratum)
a: Ranh giới xác định (Defined border line)
b: Ranh giới giả định (Dummy border line)



HỮU CƠ (Organic), VỎ SỎI (Shellfish)
SỎI SÀN (Gravel), CÁT (Sand)
BỘT SÉT (Silt clay)

ĐỘ SÂU DÂY LỚP (M)
(Depth of bottom stratum) (M)

CAO ĐỘ DÂY LỚP (M)
(Elevation of bottom stratum)

MẪU NGUYÊN DẠNG
(Undisturbed sample (TW))
MẪU KHÔNG NĐ (SPT)
(Disturbed sample (SS))

TÊN HỐ KHOAN (N. BORE HOLE)	ĐỘ SÂU (DEPTH) (m)	CAO ĐỘ (ELEVATION) (m)	K/ CÁCH LỀ (SPACE ODD) (m)	K/ CÁCH DÒN (SPACE ADD) (m)	TÊN CỐC (NAME PICKET)
HK4	0	0	5	5.00	HK4
HK5	0	0	5	55.00	HK5

BẢNG 4

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

PHÒNG THÍ NGHIỆM TỔNG HỢP

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

STT	Hố khoan	Mẫu	Độ sâu (m)	KQTN thành hạt, %										Độ ẩm W %	Dung trọng		KL riêng G _s	Độ bão hòa S _r	Độ rỗng n	Hệ số rỗng e ₀	Giới hạn Atterberg				THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG								MÔ TẢ TÊN ĐẤT				
				Sỏi sạn		Cát				Bụi		Ướt γ	khô γ _d		GH chảy W _L	GH dẻo W _p					Chỉ số dẻo I _p	Độ sệt I _L	Hệ số rỗng						Sức chống cắt cực đại														
				>10	10.0	5.0	2.0	1.0	0.50	0.25	0.1												0.05	0.01	e ₂₅	e ₅₀	e ₁₀₀	e ₂₀₀	e ₄₀₀	e ₈₀₀	τ (kPa)												
				đến	đến	đến	đến	đến	đến	đến	đến												đến	đến							25	50	75	100	200	300	400	Góc nội ma sát φ Độ			Lực dính C kPa		
1	HK1	HK1-1	1.8 - 2								0.8	7.7	25.5	11.8	54.2	82.61	14.9	5.1	26.3	98.4	68.8	2.207	73.52	41.43	32.09	1.28	2.050	1.914	1.736	1.497											04°00'	4.7	Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

BẢNG 5

**BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM
CƠ LÝ CÁC LỚP ĐẤT**

PHẦN III

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

BIỂU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-1

Độ sâu: 1.8 - 2.0 m

Hố khoan: HK1

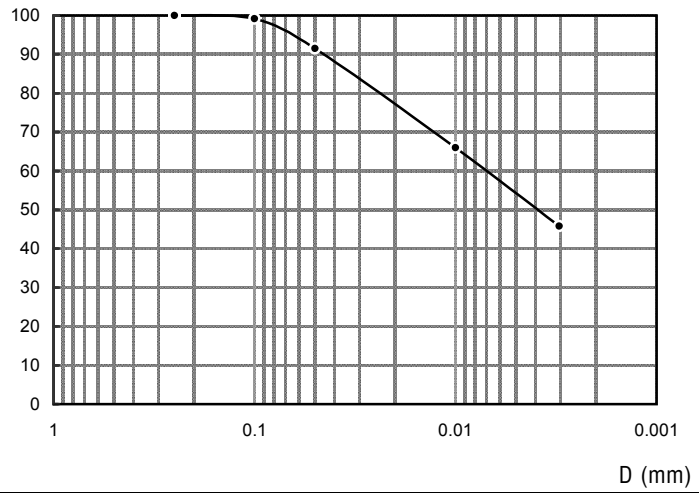
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	82.61	14.9	8.2	98.4	68.8	2.207	26.3	73.52	41.43	32.09	1.28

KQTN HẠT		KL đất khô:	28.05g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.007	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	0.8	100.0
2.0			0.1-0.05	7.7	99.2
1.0		Bụi	0.05-0.01	25.5	91.5
0.5			0.01-0.005	11.8	66.0
0.25					
0.1	0.22	Sét	<0.005	54.2	54.2



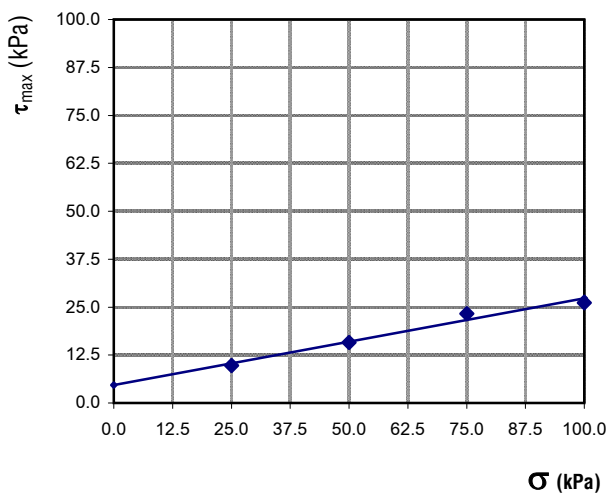
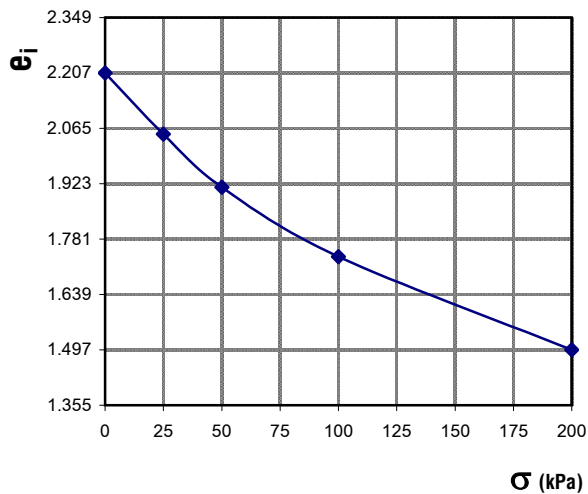
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 1 $e_0 = 2.207$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 454.4 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			2.207			
25	99.6	3.9	2.050	0.628	510.7	510.7
50	184.0	6.0	1.914	0.544	560.7	560.7
100	295.0	8.4	1.736	0.356	818.5	818.5
200	443.3	11.9	1.497	0.239	1144.8	1144.8

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	9.8
50	39.2	1.678	15.8
75	52.5	1.736	23.3
100	69.7	1.739	26.1

$\tan \varphi = 0.2256$ $\varphi = 12^\circ 43'$ C = 4.7 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-2

Độ sâu: 3.8 - 4.0 m

Hố khoan: HK1

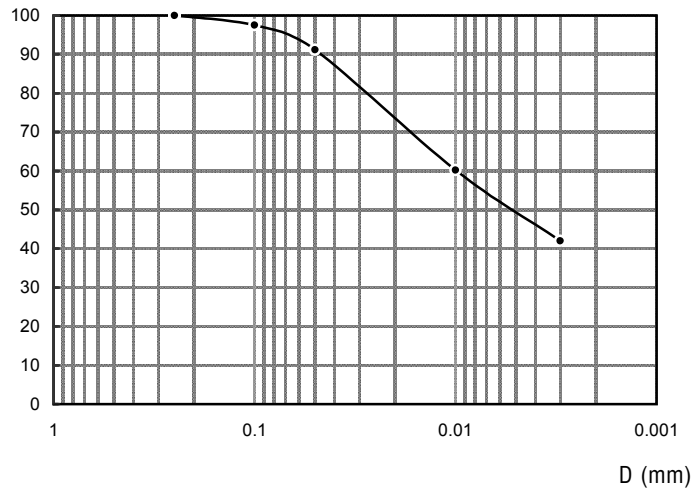
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	80.18	14.8	8.2	95.5	68.8	2.207	26.3	73.52	41.43	32.09	1.21

KQTN HẠT		KL đất khô:	34.42g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.010	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	2.5	100.0
			0.25-0.1	6.3	97.5
		Bụi	0.05-0.01	31.0	91.2
			0.01-0.005	11.2	60.2
		Sét	<0.005	49.0	49.0



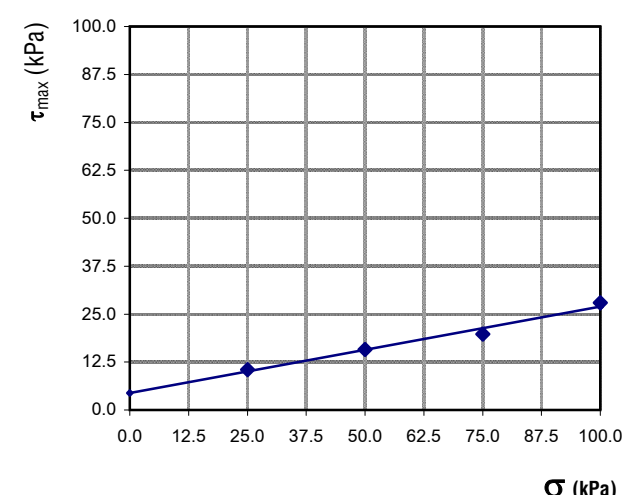
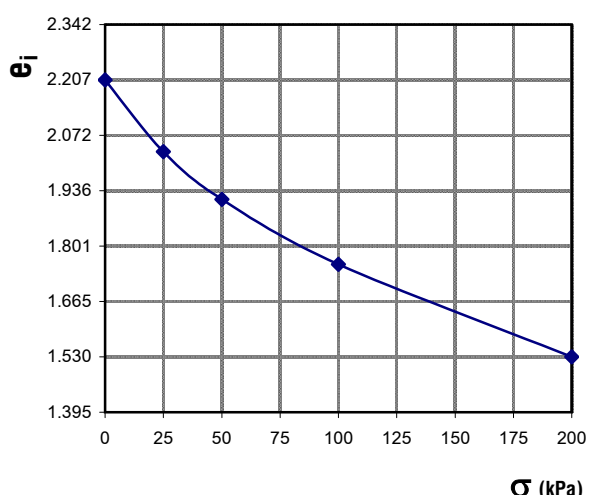
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 2 $e_0 = 2.207$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 435.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			2.207			
25	109.5	3.6	2.032	0.700	458.1	458.1
50	184.2	6.7	1.915	0.468	647.9	647.9
100	284.0	9.8	1.756	0.318	916.7	916.7
200	424.5	13.3	1.530	0.226	1219.5	1219.5

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	10.5
50	39.2	1.678	15.8
75	52.5	1.736	19.8
100	69.7	1.739	28.0

$\tan \varphi = 0.2260$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 4.4 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-3

Độ sâu: 5.8 - 6.0 m

Hố khoan: HK1

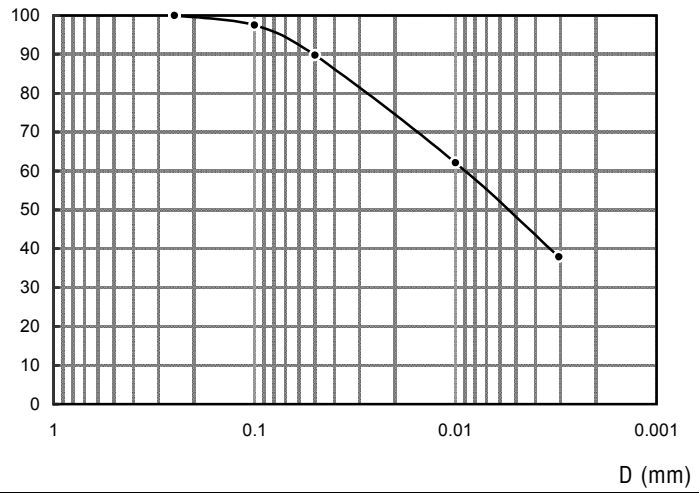
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	78.14	15.0	8.4	96.3	68.2	2.143	26.4	74.20	39.16	35.04	1.11

KQTN HẠT		KL đất khô:	29.54g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.009	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	2.5	100.0
2.0			0.1-0.05	7.7	97.5
1.0		Bụi	0.05-0.01	27.7	89.8
0.5			0.01-0.005	16.3	62.1
0.25					
0.1	0.73	Sét	<0.005	45.8	45.8



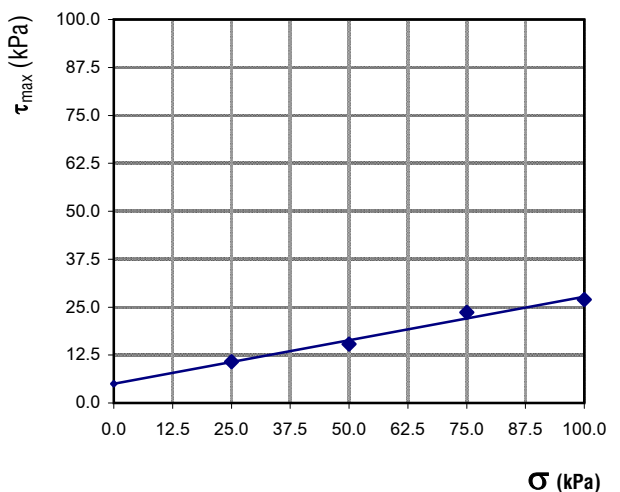
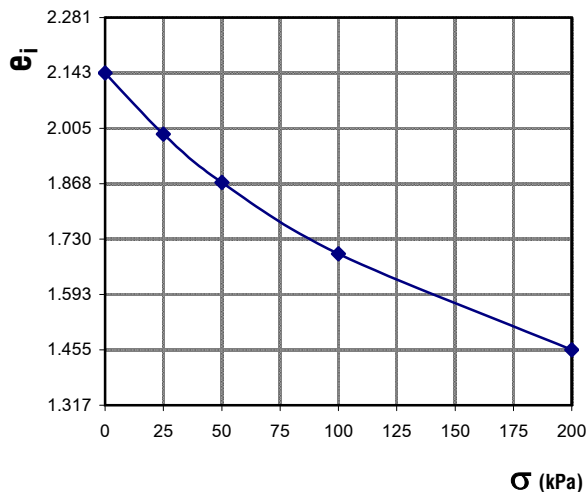
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 3 $e_0 = 2.143$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 451.0 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			2.143			
25	98.0	3.9	1.991	0.608	516.9	516.9
50	174.3	6.0	1.871	0.480	623.1	623.1
100	288.0	9.1	1.694	0.354	811.0	811.0
200	440.0	12.6	1.455	0.239	1127.2	1127.2

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	10.8
50	39.2	1.678	15.4
75	52.5	1.736	23.6
100	69.7	1.739	27.0

$\tan \varphi = 0.2272$ $\varphi = 12^\circ 48'$ C = 5.0 kPa



Đại diện TN: **Trần Hồng Văn**

Xử lý: **KS. Võ Thanh Long**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-4

Độ sâu: 7.8 - 8.0 m

Hố khoan: HK1

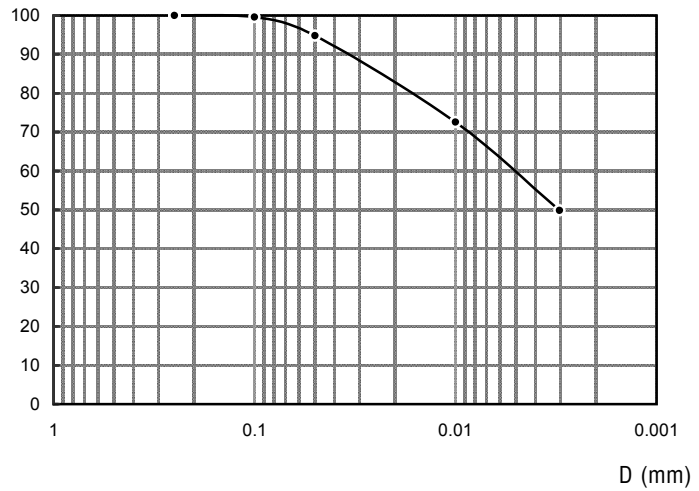
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	74.98	15.2	8.7	97.3	67.0	2.034	26.4	70.66	36.71	33.95	1.13

KQTN HẠT		KL đất khô:	25.73g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.005	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{i-12} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	0.4	100.0
			0.1-0.05	4.8	99.6
		Bụi	0.05-0.01	22.2	94.8
			0.01-0.005	13.6	72.6
		Sét	<0.005	59.0	59.0



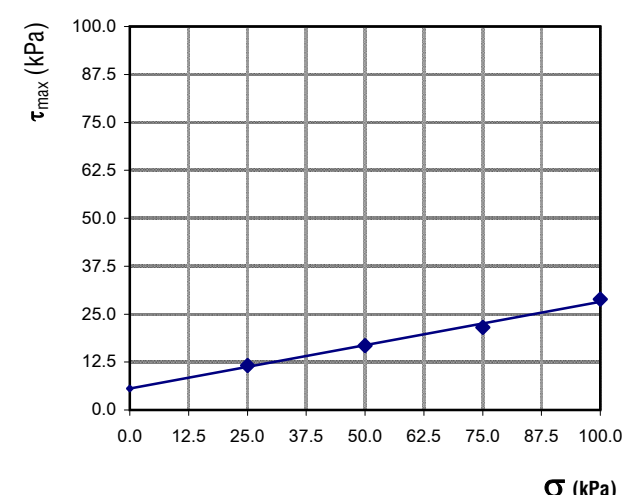
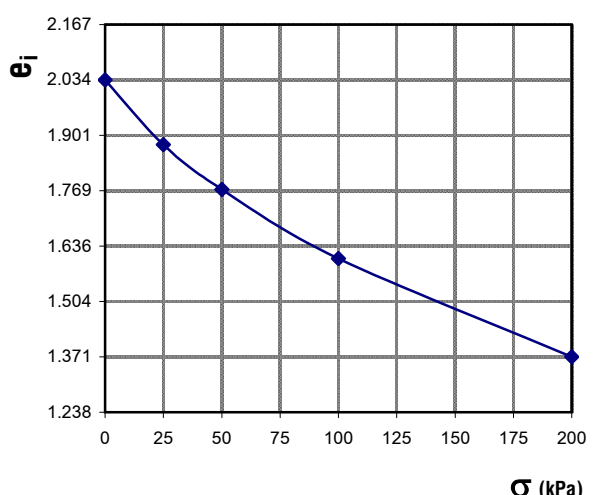
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 4 $e_0 = 2.034$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 449.0 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E^* m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			2.034			
25	102.6	3.5	1.879	0.620	489.4	489.4
50	174.6	6.0	1.772	0.428	672.7	672.7
100	284.0	8.8	1.606	0.332	834.9	834.9
200	438.0	11.9	1.371	0.235	1108.9	1108.9

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	11.6
50	39.2	1.678	16.8
75	52.5	1.736	21.5
100	69.7	1.739	28.9

$\tan \varphi = 0.2264$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 5.6 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-5

Độ sâu: 9.8 - 10.0 m

Hố khoan: HK1

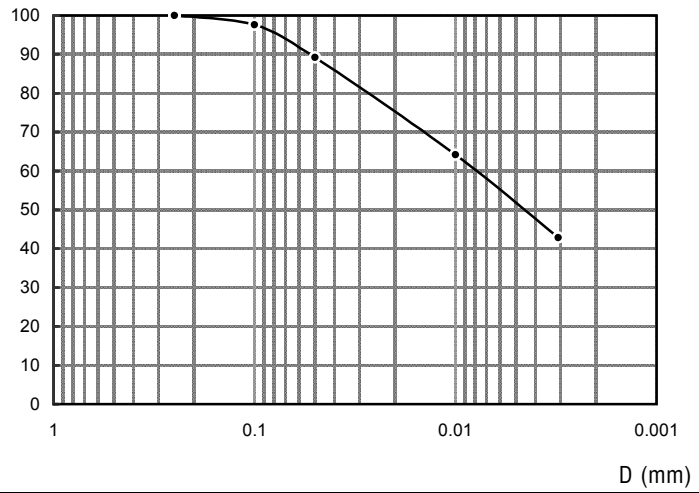
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	71.61	15.5	9.0	98.2	65.6	1.911	26.2	68.86	38.46	30.40	1.09

KQTN HẠT		KL đất khô:	26.30g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.008	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-12} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	2.4	100.0
2.0			0.1-0.05	8.4	97.6
1.0		Bụi	0.05-0.01	25.0	89.2
0.5			0.01-0.005	12.6	64.2
0.25					
0.1	0.63	Sét	<0.005	51.6	51.6



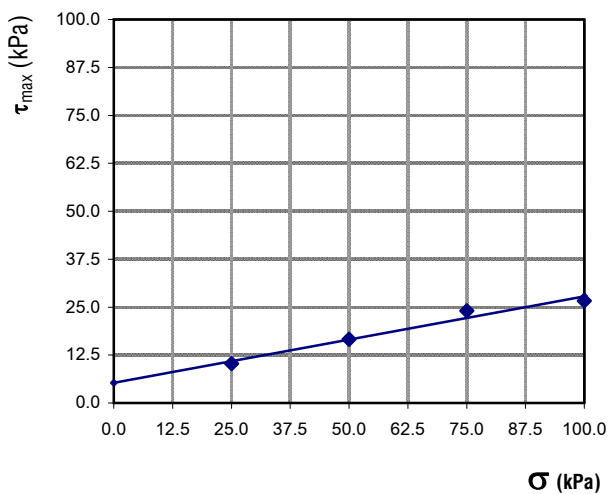
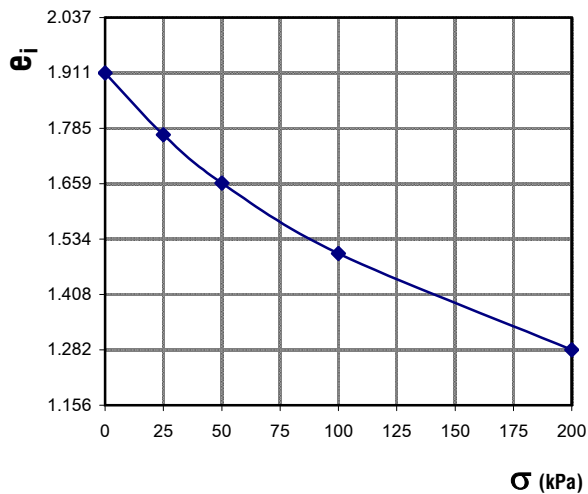
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 5 $e_0 = 1.911$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 442.0 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.911			
25	96.3	3.2	1.771	0.560	519.8	519.8
50	171.9	4.2	1.661	0.440	629.8	629.8
100	282.3	7.4	1.501	0.320	831.6	831.6
200	431.2	10.5	1.282	0.219	1142.0	1142.0

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	10.3
50	39.2	1.678	16.6
75	52.5	1.736	24.0
100	69.7	1.739	26.6

$\tan \varphi = 0.2252$ $\varphi = 12^\circ 41'$ C = 5.3 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-6

Độ sâu: 11.8 - 12.0 m

Hố khoan: HK1

Ngày TN: 29-12-17

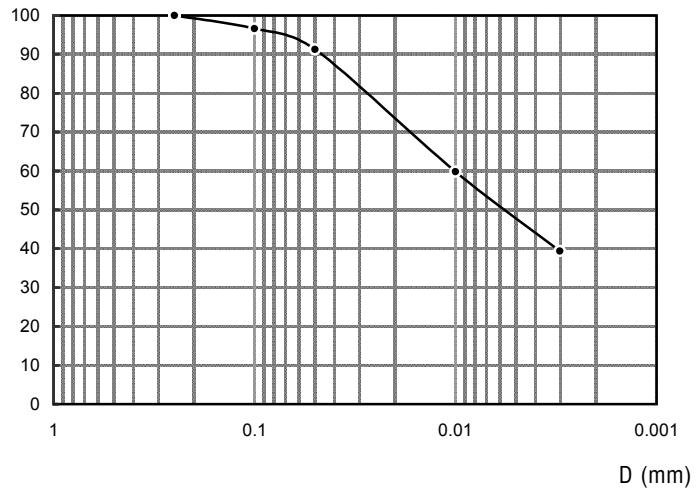
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	65.30	15.9	9.6	98.3	63.8	1.760	26.5	60.20	26.66	33.54	1.15

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		32.43g	0.010	*	*	*	*
		Nhiệt độ TN: 30.0°C					

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	3.4	100.0
2.0			0.1-0.05	5.3	96.6
1.0		Bụi	0.05-0.01	31.5	91.3
0.5			0.01-0.005	13.0	59.8
0.25					
0.1	1.09	Sét	<0.005	46.8	46.8



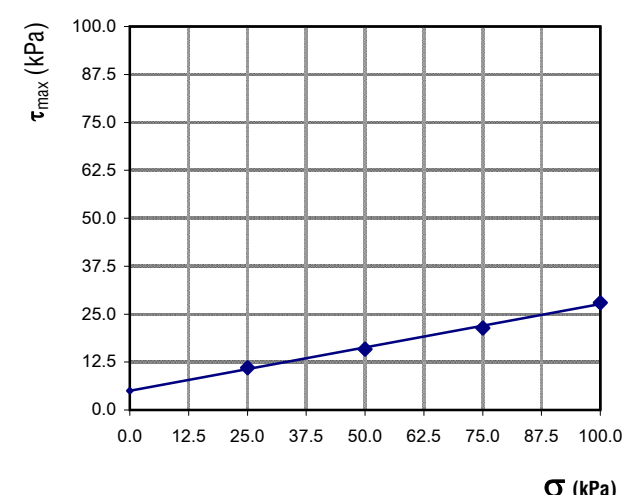
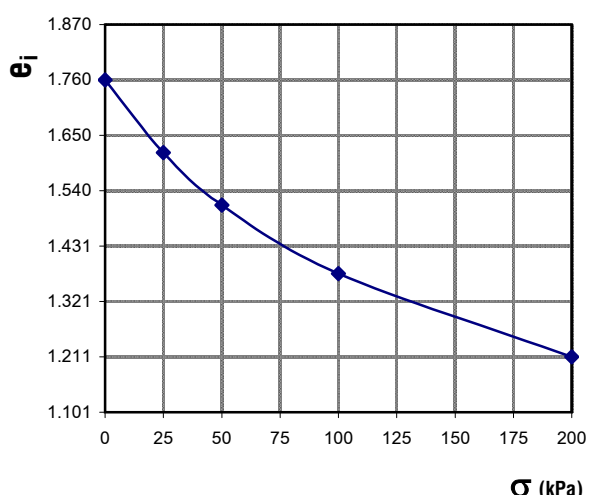
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 6 $e_0 = 1.760$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 412.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.760			
25	105.3	3.9	1.616	0.576	479.2	479.2
50	181.6	6.7	1.512	0.416	628.8	628.8
100	281.0	10.2	1.376	0.272	923.5	923.5
200	402.0	14.0	1.211	0.165	1440.0	1440.0

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	11.0
50	39.2	1.678	15.9
75	52.5	1.736	21.4
100	69.7	1.739	28.0

$\tan \varphi = 0.2260$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 5.0 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-7

Độ sâu: 13.8 - 14.0 m

Hố khoan: HK1

Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012:

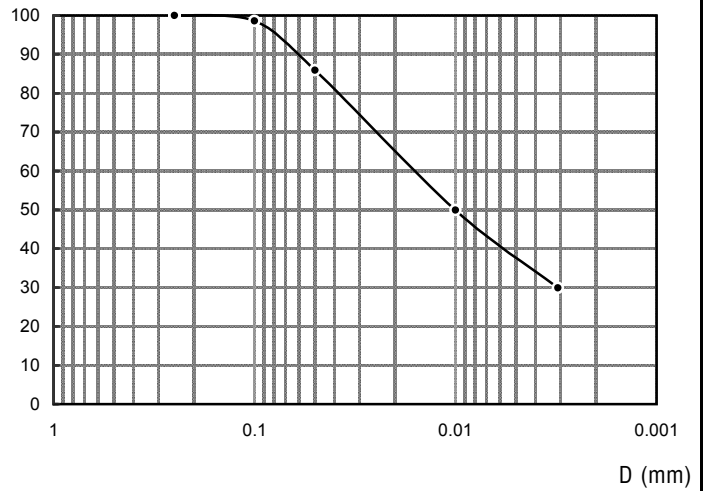
Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	62.08	16.1	9.9	98.3	62.5	1.667	26.4	59.50	32.36	27.14	1.10

KQTN HẠT

KL đất khô:	32.09g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.016	0.003	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	1.4	100.0
			0.1-0.05	12.7	98.6
		Bụi	0.05-0.01	36.0	85.9
			0.01-0.005	12.9	49.9
		Sét	<0.005	37.0	37.0



Thí nghiệm nén lún

$m_v = 1.00$ Hộp nén số: 7 $e_0 = 1.667$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 452.0 $h_0 = 20\text{mm}$

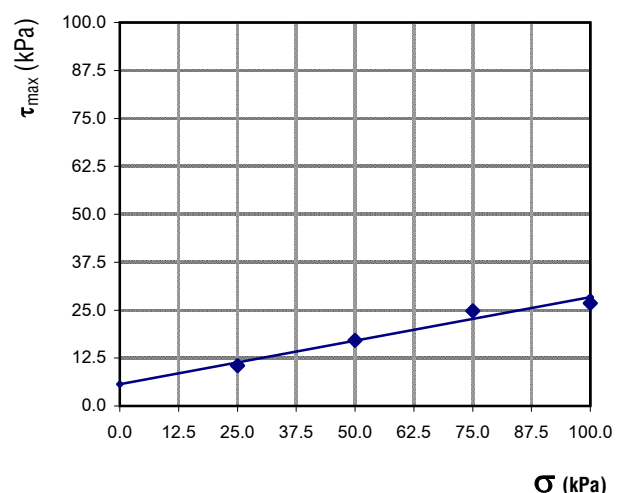
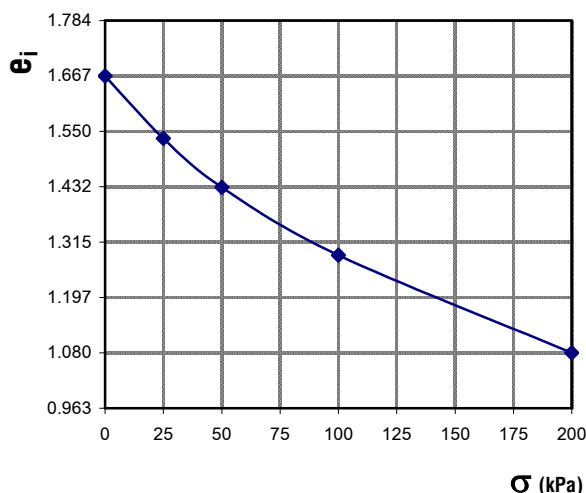
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.667			
25	99.6	3.2	1.535	0.528	505.1	505.1
50	178.0	5.6	1.431	0.416	609.4	609.4
100	286.0	8.4	1.287	0.288	844.1	844.1
200	441.0	11.9	1.080	0.207	1104.8	1104.8

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	10.5
50	39.2	1.678	17.1
75	52.5	1.736	24.8
100	69.7	1.739	26.8

$\tan \varphi = 0.2264$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 5.7 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-8

Độ sâu: 15.8 - 16.0 m

Hố khoan: HK1

Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012:

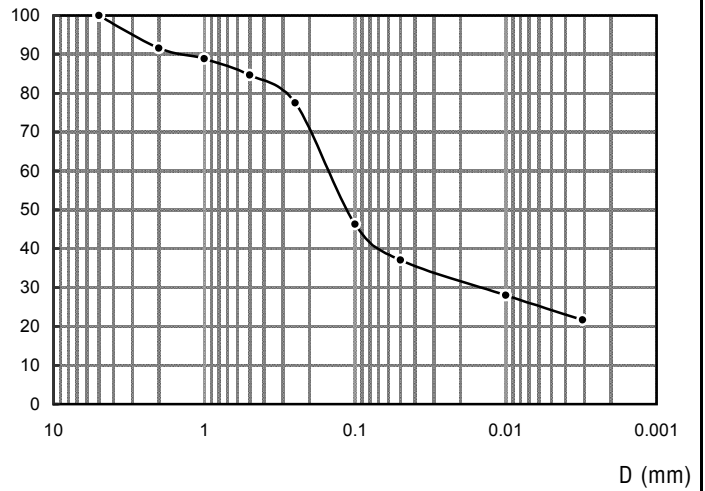
Bùn sét, xám nâu - xám đen, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	72.60	15.4	8.9	97.7	66.2	1.955	26.3	60.84	42.30	18.54	1.63

KQTN HẠT

KL đất khô:	44.19g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.166	0.017	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2	8.4	100.0
		Cát	2-1	2.7	91.6
20.0			1-0.5	4.2	88.9
10.0			0.5-0.25	7.2	84.7
5.0			0.25-0.1	31.2	77.5
2.0	3.72		0.1-0.05	9.2	46.3
1.0	1.19	Bụi	0.05-0.01	9.1	37.1
0.5	1.86		0.01-0.005	3.7	28.0
0.25	3.17		Sét	<0.005	24.3
0.1	13.78				



Thí nghiệm nén lún

$m_v = 1.00$ Hộp nén số: 8 $e_0 = 1.955$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 412.1 $h_0 = 20\text{mm}$

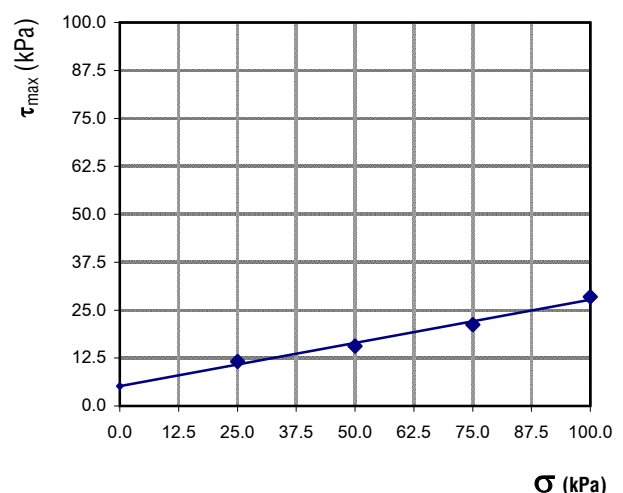
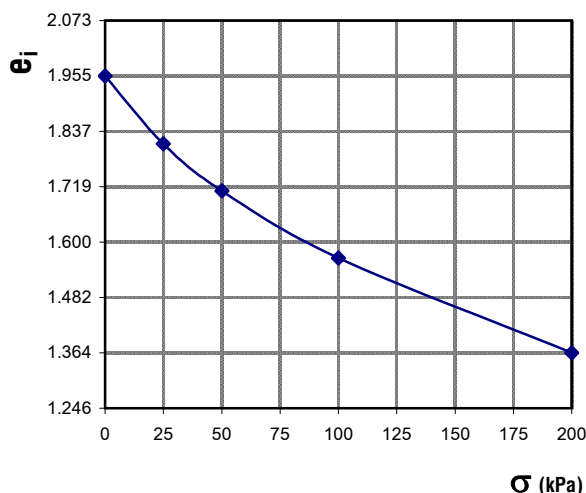
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.955			
25	99.3	3.4	1.810	0.580	509.5	509.5
50	167.0	5.6	1.710	0.400	702.5	702.5
100	265.0	8.8	1.566	0.288	941.0	941.0
200	402.0	12.6	1.364	0.202	1270.3	1270.3

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	11.6
50	39.2	1.678	15.6
75	52.5	1.736	21.2
100	69.7	1.739	28.5

$\tan \varphi = 0.2252$ $\varphi = 12^\circ 41'$ C = 5.2 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-9

Độ sâu: 17.8 - 18.0 m

Hố khoan: HK1

Ngày TN: 29-12-17

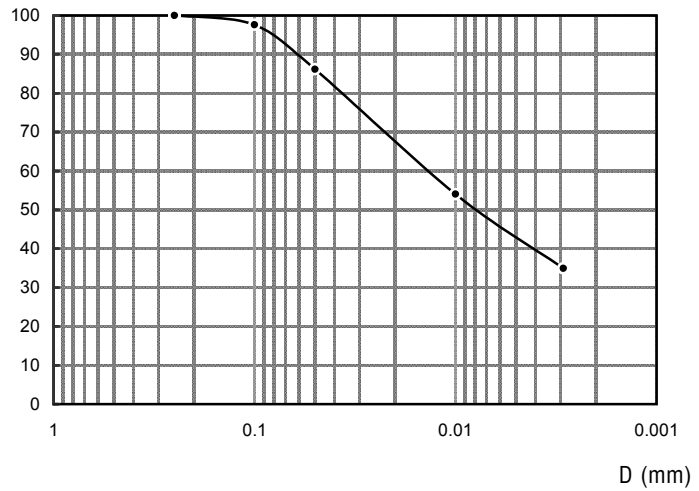
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Sét, nâu - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	29.31	19.0	14.7	93.4	46.2	0.857	27.3	40.02	21.66	18.36	0.42

KQTN HẠT		KL đất khô:	45.09g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.014	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	2.4	100.0
2.0			0.1-0.05	11.4	97.6
		Bụi	0.05-0.01	32.2	86.2
1.0			0.01-0.005	13.5	54.0
0.5					
0.25		Sét	<0.005	40.5	40.5
0.1	1.09				



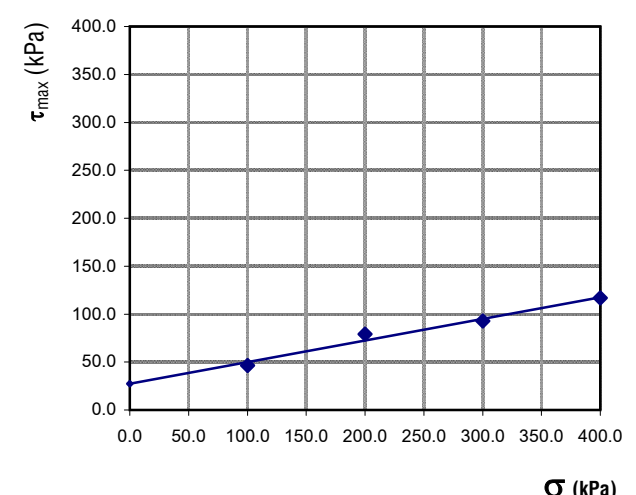
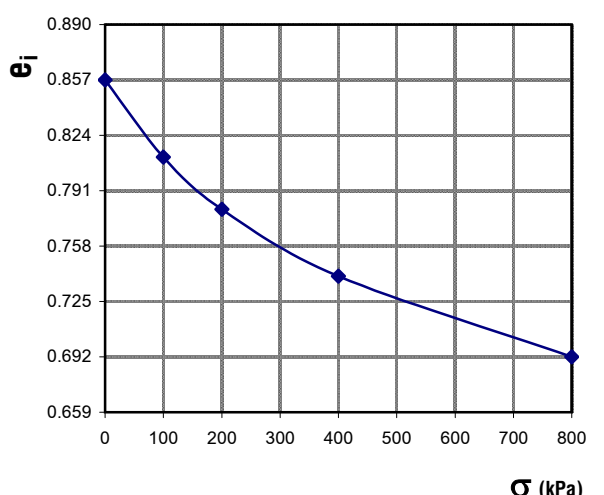
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 5.85$ Hộp nén số: 9 $e_0 = 0.857$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 193.0 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.857			
100	56.0	7.7	0.811	0.046	4037.0	9446.5
200	91.5	10.9	0.780	0.031	5841.9	13670.1
400	135.0	12.6	0.740	0.020	8900.0	20826.0
800	188.3	15.5	0.692	0.012	14500.0	33930.0

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	46.4
200	39.2	1.678	79.2
300	52.5	1.736	92.7
400	69.7	1.739	117.0

$\tan \varphi = 0.2253$ $\varphi = 12^\circ 42'$ $C = 27.5 \text{ kPa}$



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-10

Độ sâu: 19.8 - 20.0 m

Hố khoan: HK1

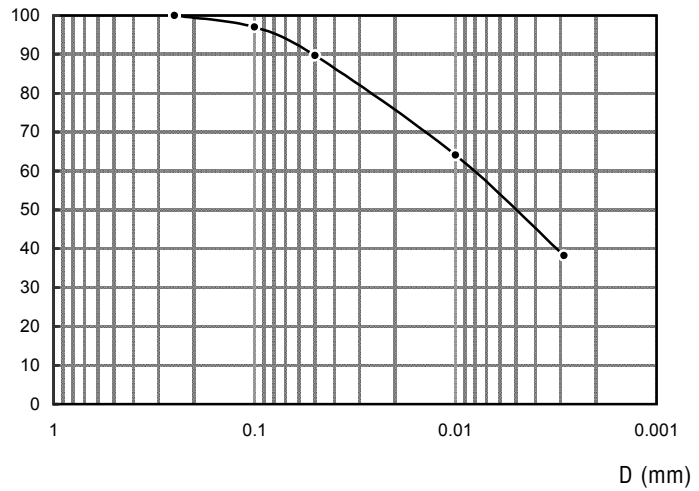
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, nâu - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	27.40	19.2	15.1	93.0	44.5	0.801	27.2	39.33	20.74	18.59	0.36

KQTN HẠT		KL đất khô:	45.34g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.009	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-12} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	3.0	100.0
			0.1-0.05	7.3	97.0
		Bụi	0.05-0.01	25.6	89.7
			0.01-0.005	17.8	64.1
		Sét	<0.005	46.3	46.3



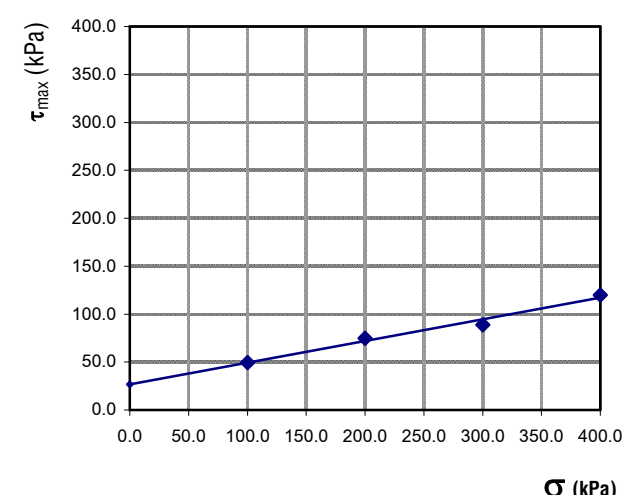
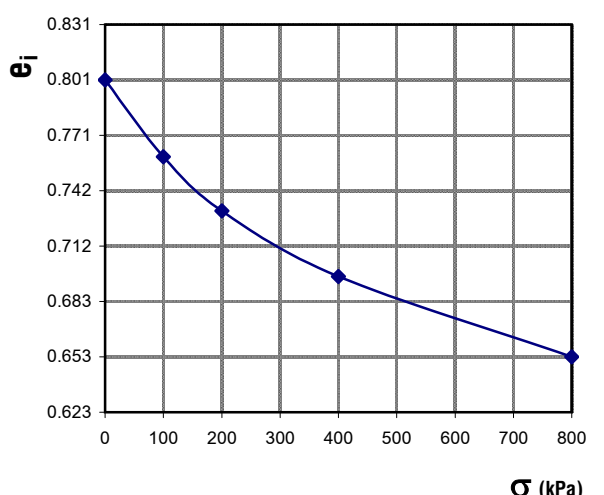
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 6.00$ Hộp nén số: 10 $e_0 = 0.801$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 179.5 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.801			
100	52.0	7.7	0.760	0.041	4392.7	10542.4
200	86.0	10.5	0.731	0.029	6069.0	14565.5
400	126.3	12.3	0.696	0.018	9616.7	23080.0
800	175.1	15.5	0.653	0.011	15418.2	37003.6

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	49.4
200	39.2	1.678	74.8
300	52.5	1.736	88.7
400	69.7	1.739	120.0

$\tan \varphi = 0.2257$ $\varphi = 12^\circ 43'$ $C = 26.8 \text{ kPa}$



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-11

Độ sâu: 21.8 - 22.0 m

Hố khoan: HK1

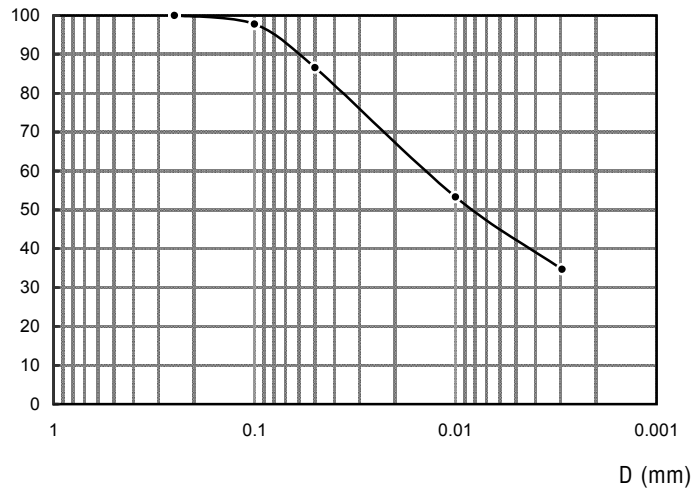
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, nâu - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	28.04	19.1	14.9	91.6	45.6	0.839	27.4	46.19	20.75	25.44	0.29

KQTN HẠT		KL đất khô:	36.16g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.013	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	2.2	100.0
			0.1-0.05	11.2	97.8
		Bụi	0.05-0.01	33.3	86.6
			0.01-0.005	11.8	53.3
	0.80	Sét	<0.005	41.5	41.5



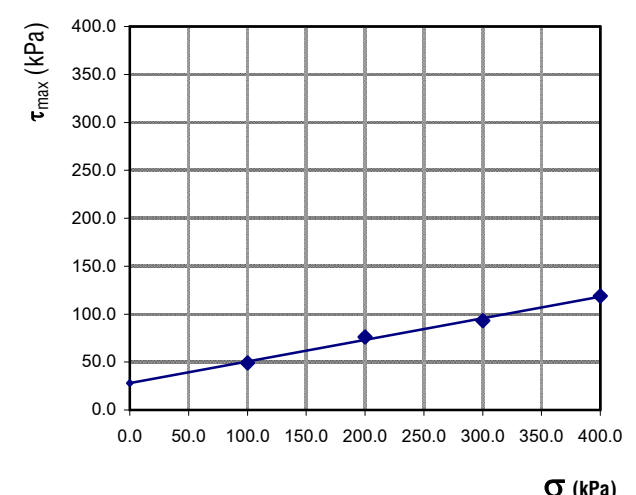
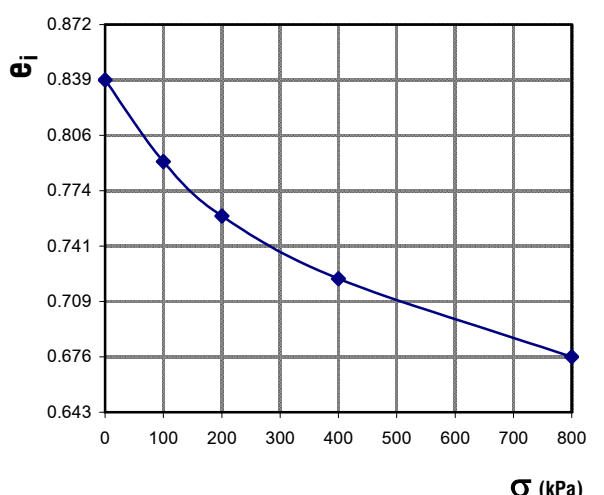
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 5.96$ Hộp nén số: 11 $e_0 = 0.839$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 193.0 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.839			
100	59.0	8.4	0.791	0.048	3831.3	9126.0
200	96.0	11.2	0.759	0.032	5596.9	13331.8
400	137.2	13.3	0.722	0.019	9257.9	22052.3
800	188.3	16.3	0.676	0.012	14350.0	34181.7

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	49.2
200	39.2	1.678	76.2
300	52.5	1.736	93.0
400	69.7	1.739	118.9

$\tan \varphi = 0.2259$ $\varphi = 12^\circ 44'$ $C = 27.9 \text{ kPa}$



Đại diện TN: **Trần Hồng Văn**

Xử lý: **KS. Võ Thanh Long**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-12

Độ sâu: 23.8 - 24.0 m

Hố khoan: HK1

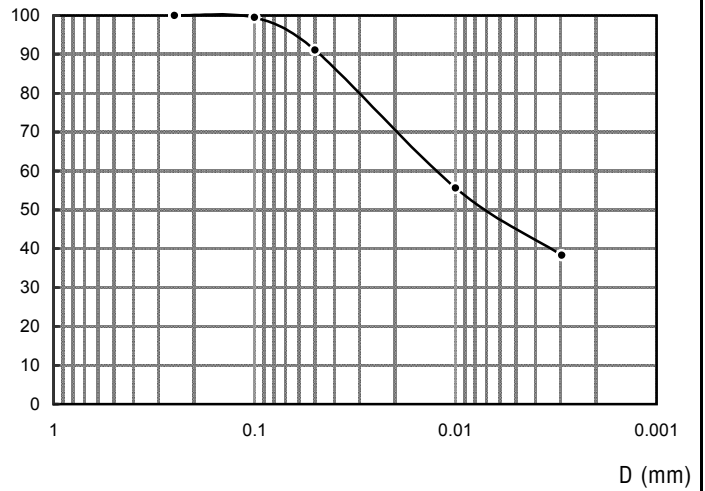
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, nâu - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	30.46	18.5	14.2	90.5	47.8	0.915	27.2	41.20	23.96	17.24	0.38

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		32.88g					
		Nhiệt độ TN: 30.0°C	0.013	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-12} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	0.5	100.0
			0.1-0.05	8.4	99.5
		Bụi	0.05-0.01	35.5	91.1
			0.01-0.005	9.9	55.6
		Sét	<0.005	45.7	45.7



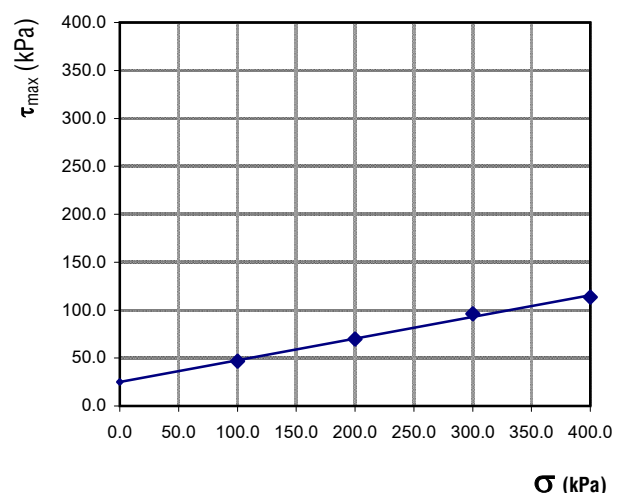
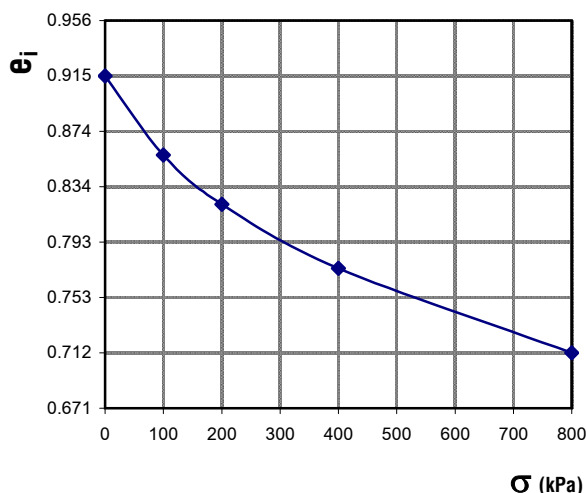
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 5.65$ Hộp nén số: 12 $e_0 = 0.915$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 225.5 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.915			
100	65.8	6.3	0.857	0.058	3301.7	7455.3
200	105.0	9.5	0.821	0.036	5158.3	11647.5
400	155.0	11.6	0.774	0.024	7587.5	17132.6
800	220.0	13.7	0.712	0.016	11087.5	25035.6

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	46.9
200	39.2	1.678	69.8
300	52.5	1.736	96.2
400	69.7	1.739	113.4

$\tan \varphi = 0.2259$ $\varphi = 12^\circ 44'$ $C = 25.1 \text{ kPa}$



Đại diện TN: **Trần Hồng Văn**

Xử lý: **KS. Võ Thanh Long**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-13

Độ sâu: 25.8 - 26.0 m

Hố khoan: HK1

Ngày TN: 29-12-17

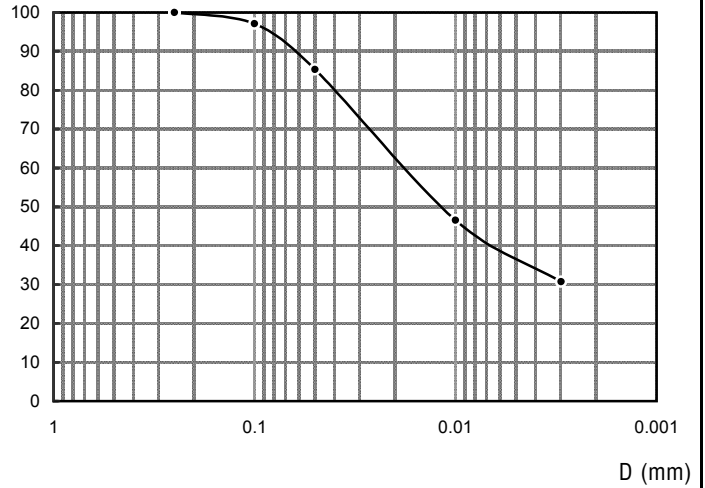
Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, vàng nâu - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	29.30	19.0	14.7	93.3	46.2	0.857	27.3	48.12	20.58	27.54	0.32

KQTN HẠT

KL đất khô:	35.82g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.018	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	2.9	100.0
2.0			0.1-0.05	11.8	97.1
1.0		Bụi	0.05-0.01	38.8	85.3
0.5			0.01-0.005	9.1	46.5
0.25					
0.1	1.03	Sét	<0.005	37.4	37.4



Thí nghiệm nén lún

$m_v = 5.87$ Hộp nén số: 13 $e_0 = 0.857$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 195.0 $h_0 = 20\text{mm}$

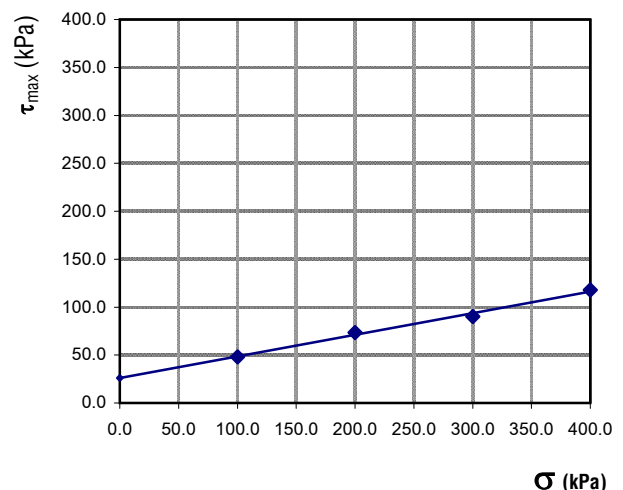
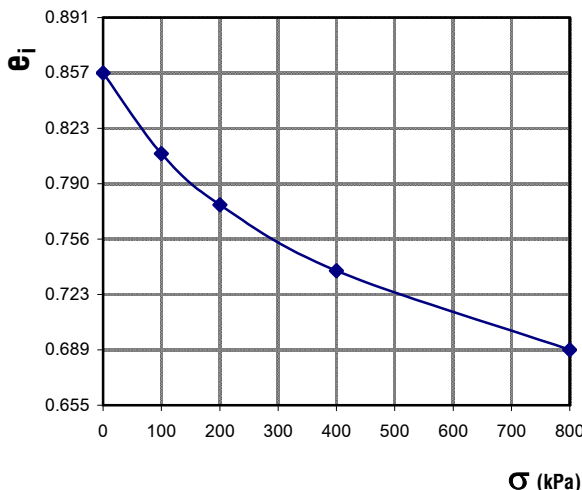
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.857			
100	58.5	7.4	0.808	0.049	3789.8	8890.9
200	94.0	10.2	0.777	0.031	5832.3	13682.5
400	136.2	10.9	0.737	0.020	8885.0	20844.2
800	190.2	13.7	0.689	0.012	14475.0	33958.4

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	48.1
200	39.2	1.678	73.5
300	52.5	1.736	90.3
400	69.7	1.739	117.7

$\tan \varphi = 0.2256$ $\varphi = 12^\circ 43'$ C = 26.0 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-14

Độ sâu: 27.8 - 28.0 m

Hố khoan: HK1

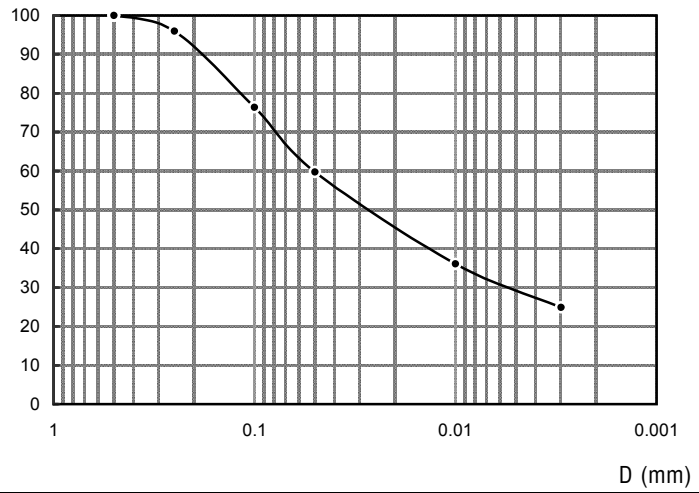
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á sét, xám vàng, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	22.69	19.5	15.9	87.8	41.1	0.698	27.0	30.30	17.52	12.78	0.40

KQTN HẠT		KL đất khô:	50.75g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.052	0.005	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	4.0	100.0
			0.25-0.1	19.6	96.0
			0.1-0.05	16.7	76.4
		Bụi	0.05-0.01	23.6	59.7
			0.01-0.005	6.4	36.1
		Sét	<0.005	29.7	29.7



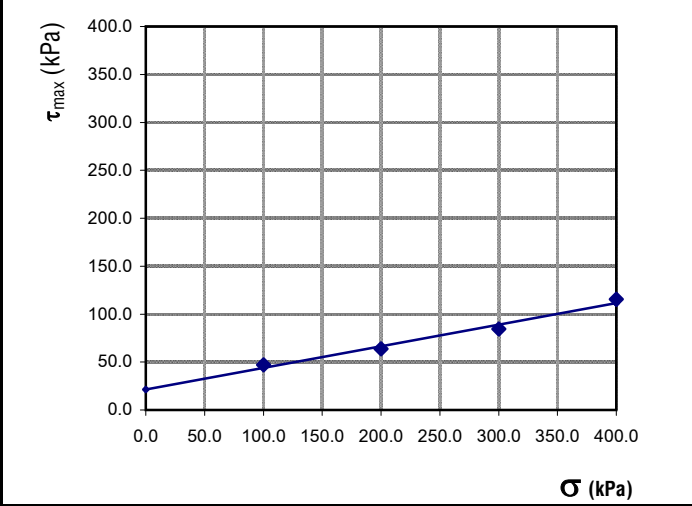
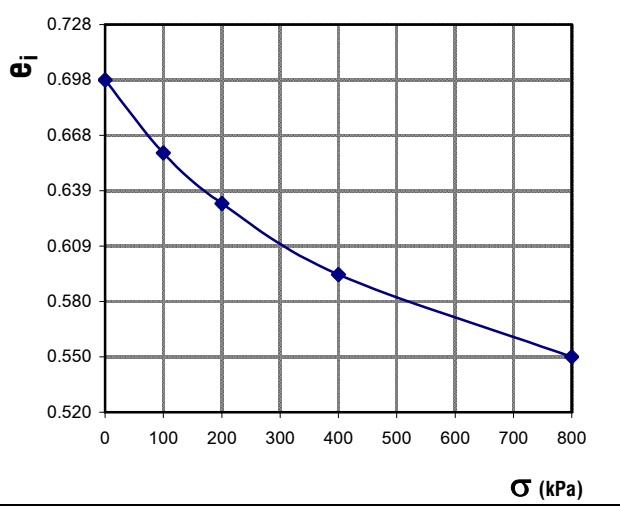
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 4.59$ Hộp nén số: 14 $e_0 = 0.698$
 $\beta = 0.62$ Số đọc sau 24h: 189.0 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.698			
100	53.0	8.1	0.659	0.039	4353.8	12390.2
200	86.0	10.5	0.632	0.027	6144.4	17485.9
400	130.4	11.6	0.594	0.019	8589.5	24443.9
800	184.4	14.8	0.550	0.011	14490.9	41238.2

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	47.2
200	39.2	1.678	63.8
300	52.5	1.736	84.5
400	69.7	1.739	115.6

$\tan \varphi = 0.2259$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 21.3 kPa



Đại diện TN: **Trần Hồng Văn**

Xử lý: **KS. Võ Thanh Long**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-15

Độ sâu: 29.8 - 30.0 m

Hố khoan: HK1

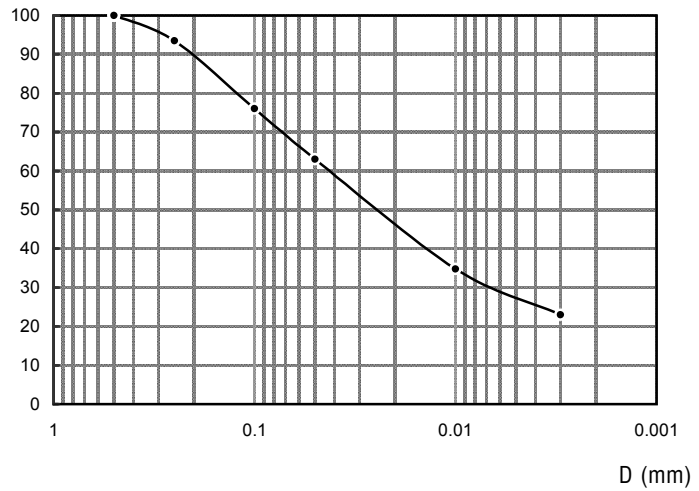
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á sét, nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	25.51	19.5	15.5	92.4	42.8	0.748	27.1	32.52	20.78	11.74	0.40

KQTN HẠT		KL đất khô:	48.00g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.043	0.006	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25	6.5	100.0
5.0			0.25-0.1	17.5	93.5
2.0			0.1-0.05	13.0	76.0
1.0		Bụi	0.05-0.01	28.2	63.0
0.5			0.01-0.005	6.8	34.8
0.25	3.12				
0.1	8.40	Sét	<0.005	28.0	28.0



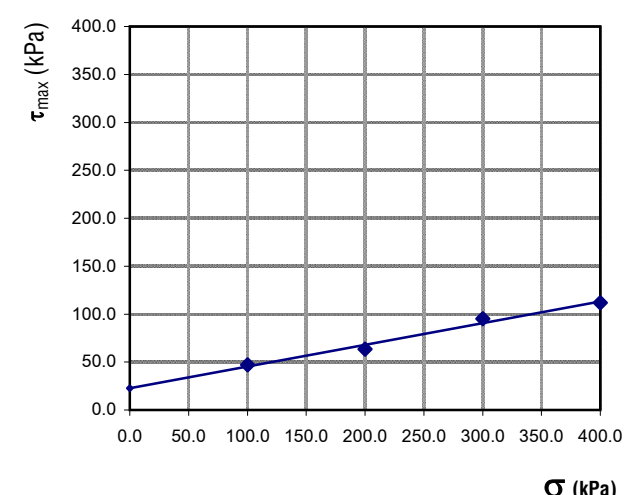
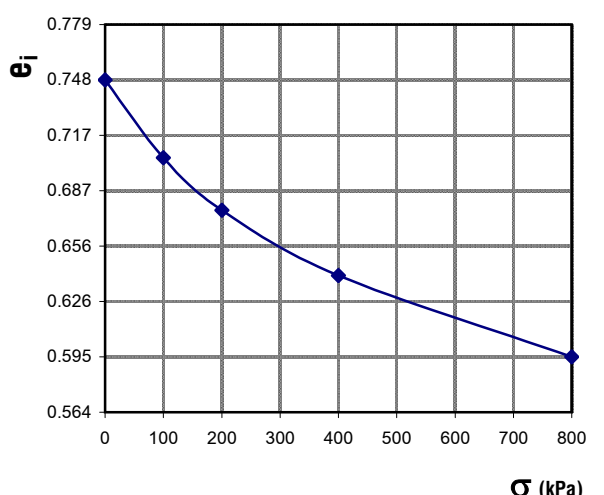
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 4.37$ Hộp nén số: 15 $e_0 = 0.748$
 $\beta = 0.62$ Số đọc sau 24h: 189.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.748			
100	54.0	6.3	0.705	0.043	4065.1	11014.0
200	89.0	9.1	0.676	0.029	5879.3	15929.4
400	132.0	10.9	0.640	0.018	9311.1	25227.5
800	184.5	13.7	0.595	0.011	14909.1	40394.7

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	47.0
200	39.2	1.678	63.4
300	52.5	1.736	95.1
400	69.7	1.739	111.8

$\tan \varphi = 0.2261$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 22.8 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-16

Độ sâu: 31.8 - 32.0 m

Hố khoan: HK1

Ngày TN: 29-12-17

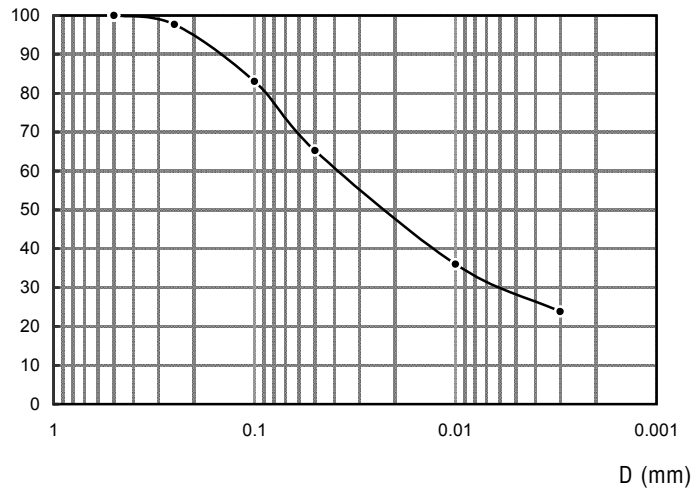
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Á sét, xám xanh - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	28.38	19.0	14.8	93.3	45.0	0.818	26.9	36.73	20.93	15.80	0.47

KQTN HẠT		KL đất khô:	46.50g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.040	0.006	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-12} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	2.3	100.0
			0.25-0.1	14.7	97.7
			0.1-0.05	17.8	83.0
		Bụi	0.05-0.01	29.2	65.2
			0.01-0.005	7.0	36.0
		Sét	<0.005	29.0	29.0



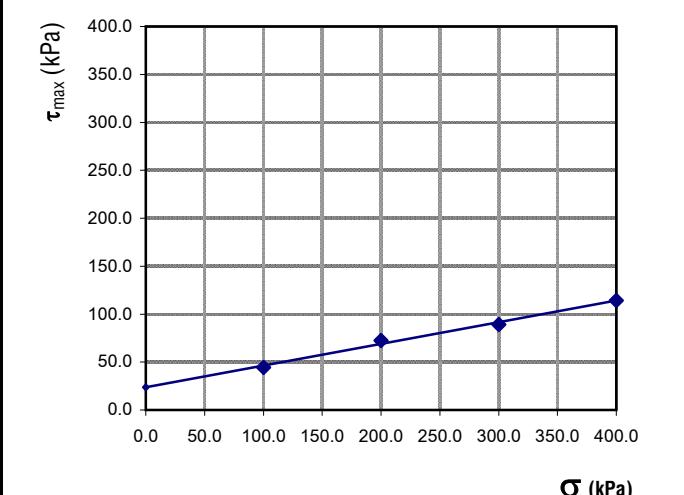
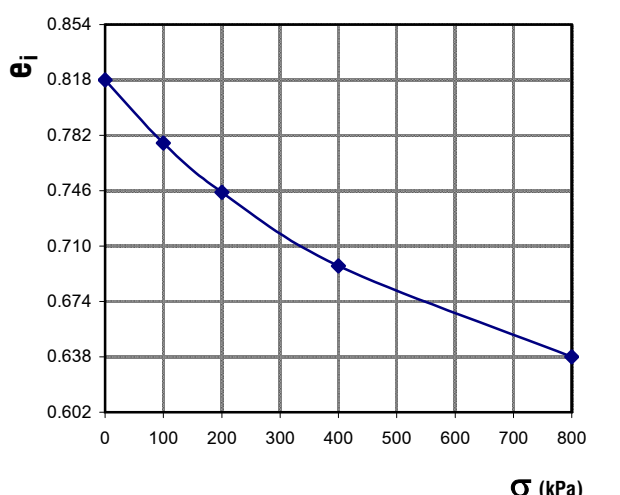
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 4.03$ Hộp nén số: 16 $e_0 = 0.818$
 $\beta = 0.62$ Số đọc sau 24h: 214.5 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.818			
100	52.0	8.1	0.777	0.041	4434.1	11065.4
200	89.0	11.2	0.745	0.032	5553.1	13857.8
400	142.0	12.6	0.697	0.024	7270.8	18144.4
800	209.3	16.5	0.638	0.015	11313.3	28232.4

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	44.5
200	39.2	1.678	72.5
300	52.5	1.736	89.2
400	69.7	1.739	114.3

$\tan \varphi = 0.2261$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 23.6 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-17

Độ sâu: 33.8 - 34.0 m

Hố khoan: HK1

Ngày TN: 29-12-17

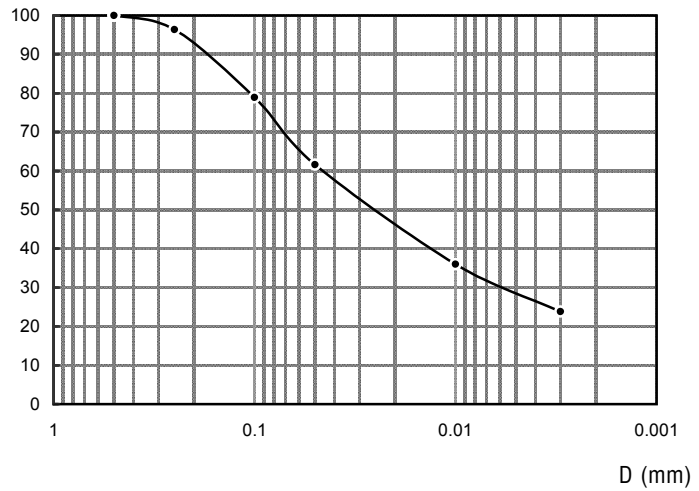
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Á sét, xám xanh - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	30.41	18.7	14.3	92.5	47.0	0.888	27.0	37.83	23.88	13.95	0.47

KQTN HẠT		KL đất khô:	46.41g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.047	0.006	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	3.6	100.0
			0.25-0.1	17.5	96.4
			0.1-0.05	17.3	78.9
		Bụi	0.05-0.01	25.6	61.6
			0.01-0.005	6.8	36.0
		Sét	<0.005	29.2	29.2



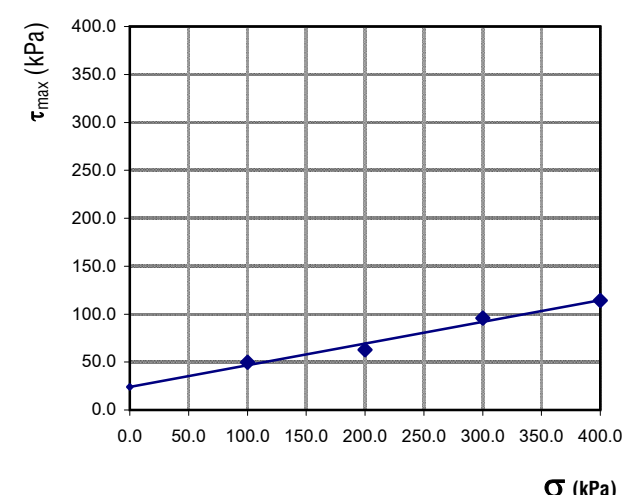
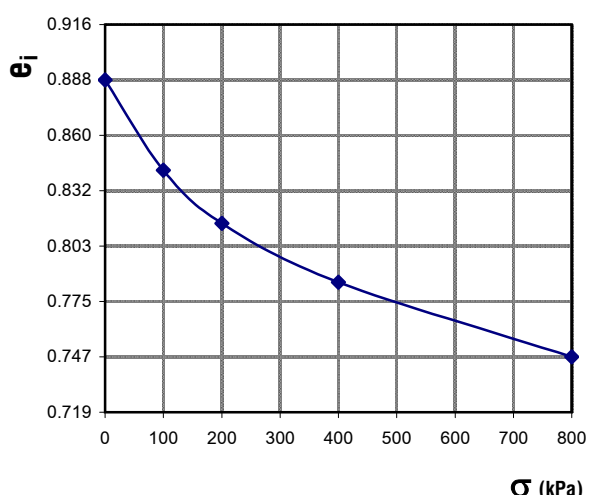
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 3.35$ Hộp nén số: 17 $e_0 = 0.888$
 $\beta = 0.62$ Số đọc sau 24h: 165.0 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.888			
100	56.0	8.4	0.842	0.046	4104.3	8524.7
200	86.0	11.6	0.815	0.027	6822.2	14169.8
400	119.0	13.0	0.785	0.015	12100.0	25131.7
800	161.0	16.5	0.747	0.010	17850.0	37074.5

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	49.7
200	39.2	1.678	62.9
300	52.5	1.736	95.8
400	69.7	1.739	114.1

$\tan \varphi = 0.2261$ $\varphi = 12^\circ 44'$ $C = 24.1 \text{ kPa}$



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-18

Độ sâu: 35.8 - 36.0 m

Hố khoan: HK1

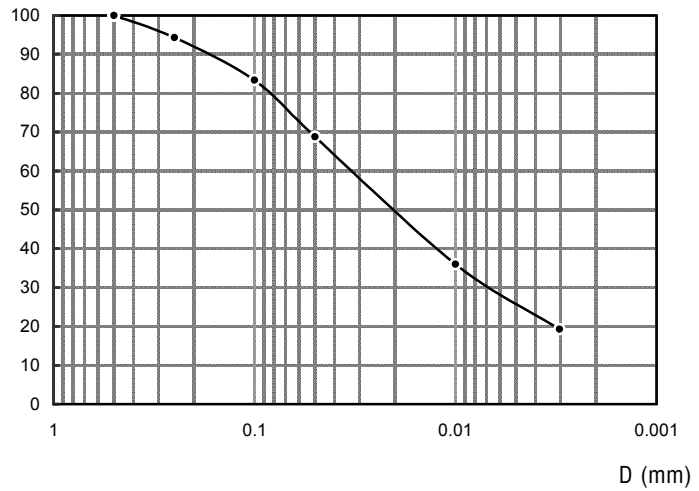
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á sét, xám xanh - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	28.96	18.6	14.4	89.7	46.5	0.868	26.9	35.10	23.09	12.01	0.49

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		49.03g					
		Nhiệt độ TN: 30.0°C	0.033	0.007	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	5.7	100.0
			0.25-0.1	10.9	94.3
			0.1-0.05	14.6	83.4
		Bụi	0.05-0.01	32.8	68.8
			0.01-0.005	11.1	36.0
		Sét	<0.005	24.9	24.9



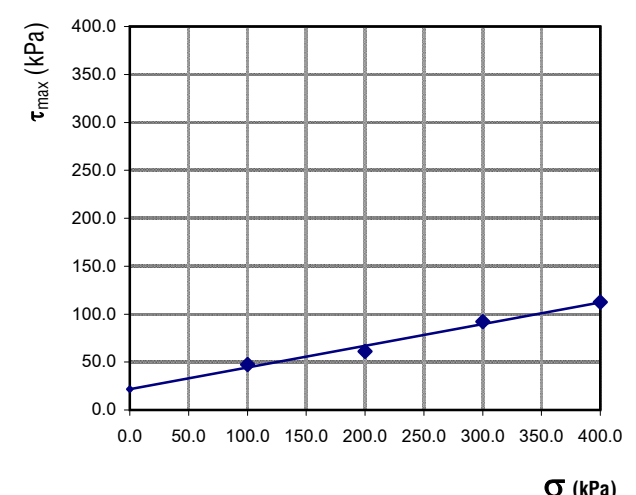
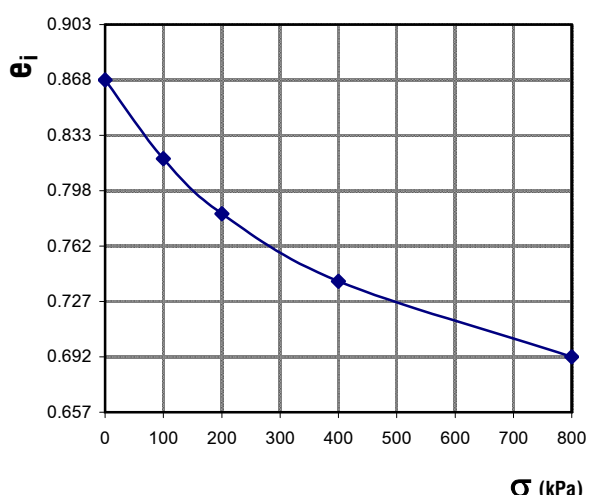
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 3.67$ Hộp nén số: 18 $e_0 = 0.868$
 $\beta = 0.62$ Số đọc sau 24h: 203.0 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.868			
100	60.0	7.7	0.818	0.050	3736.0	8500.9
200	99.0	10.2	0.783	0.035	5194.3	11819.1
400	145.0	11.6	0.740	0.022	8104.5	18441.1
800	198.0	14.8	0.692	0.012	14500.0	32993.3

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	47.5
200	39.2	1.678	61.1
300	52.5	1.736	92.0
400	69.7	1.739	112.5

$\tan \varphi = 0.2259$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 21.8 kPa



Đại diện TN:

Xử lý:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-19

Độ sâu: 37.8 - 38.0 m

Hố khoan: HK1

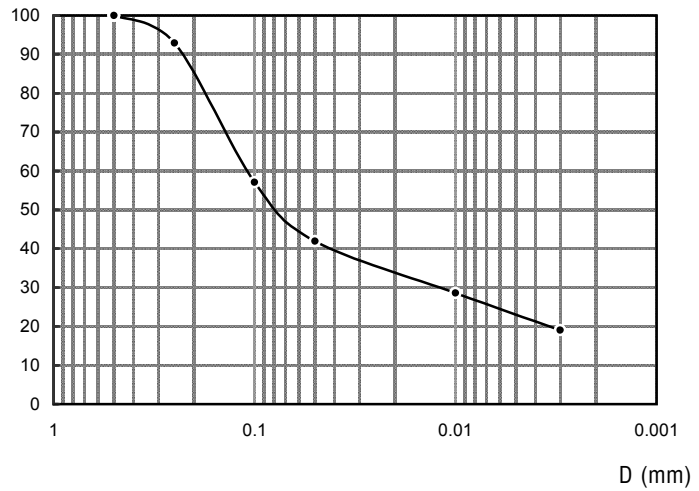
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	36.93	18.0	13.1	94.3	51.3	1.053	26.9	45.21	29.30	15.91	0.48

KQTN HẠT		KL đất khô:	58.44g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.112	0.012	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	7.1	100.0
			0.25-0.1	35.8	92.9
			0.1-0.05	15.2	57.1
		Bụi	0.05-0.01	13.3	41.9
			0.01-0.005	5.6	28.6
		Sét	<0.005	23.0	23.0



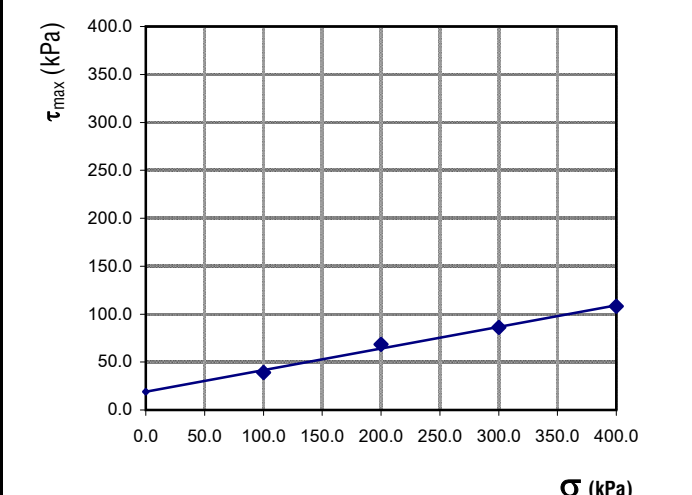
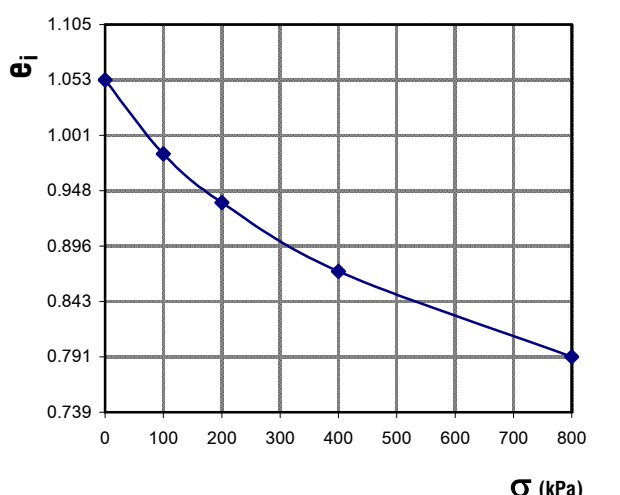
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 2.00$ Hộp nén số: 19 $e_0 = 1.053$
 $\beta = 0.62$ Số đọc sau 24h: 272.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.053			
100	75.0	8.4	0.983	0.070	2932.9	3636.7
200	121.0	11.2	0.937	0.046	4310.9	5345.5
400	185.0	13.3	0.872	0.033	5869.7	7278.4
800	265.5	16.8	0.791	0.020	9360.0	11606.4

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	kPa/0.01mm	kPa
100	32.3	1.686	38.9
200	39.2	1.678	68.3
300	52.5	1.736	86.1
400	69.7	1.739	108.3

$\tan \varphi = 0.2260$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 18.9 kPa



Đại diện TN: **Trần Hồng Văn**

Xử lý: **KS. Võ Thanh Long**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK1-20

Độ sâu: 39.8 - 40.0 m

Hố khoan: HK1

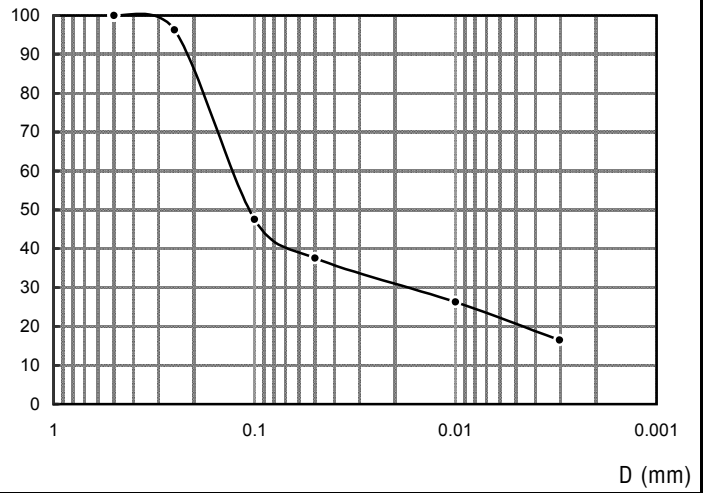
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	30.61	18.5	14.2	91.7	47.4	0.901	27.0	41.53	26.20	15.33	0.29

KQTN HẠT		KL đất khô:	57.30g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.138	0.019	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25	3.7	100.0
5.0			0.25-0.1	48.8	96.3
2.0			0.1-0.05	9.9	47.5
1.0		Bụi	0.05-0.01	11.3	37.6
0.5			0.01-0.005	5.7	26.3
0.25	2.13				
0.1	27.98	Sét	<0.005	20.6	20.6



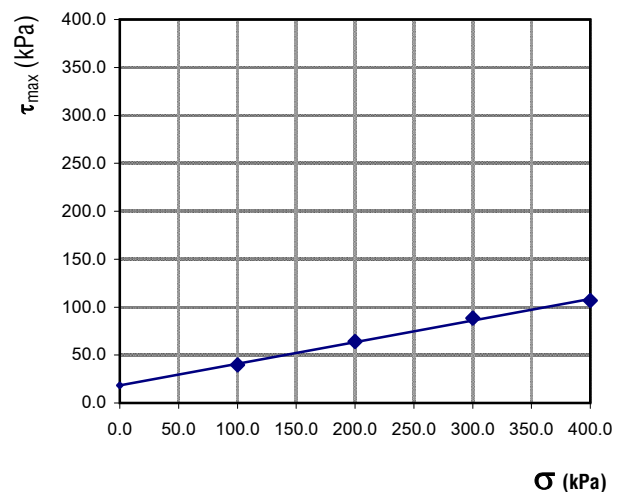
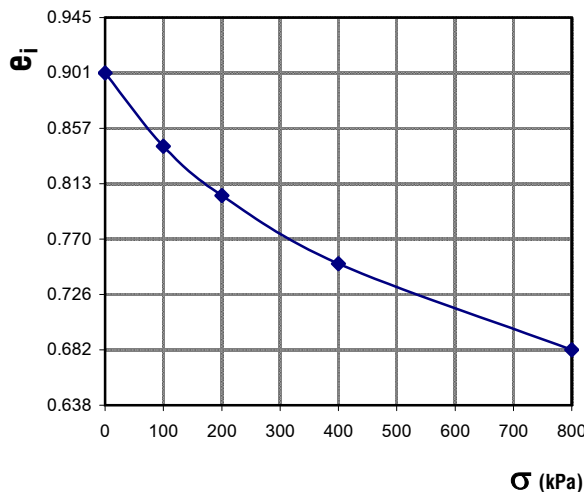
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 3.46$ Hộp nén số: 20 $e_0 = 0.901$
 $\beta = 0.62$ Số đọc sau 24h: 248.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.901			
100	68.0	8.8	0.843	0.058	3277.6	7031.1
200	110.6	11.6	0.804	0.039	4725.6	10137.4
400	168.0	13.7	0.750	0.027	6681.5	14333.1
800	242.0	17.9	0.682	0.017	10294.1	22082.9

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	kPa/0.01mm	kPa
100	32.3	1.686	39.8
200	39.2	1.678	64.1
300	52.5	1.736	88.4
400	69.7	1.739	106.9

$\tan \varphi = 0.2256$ $\varphi = 12^\circ 43'$ C = 18.4 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-1

Độ sâu: 1.8 - 2.0 m

Hố khoan: HK2

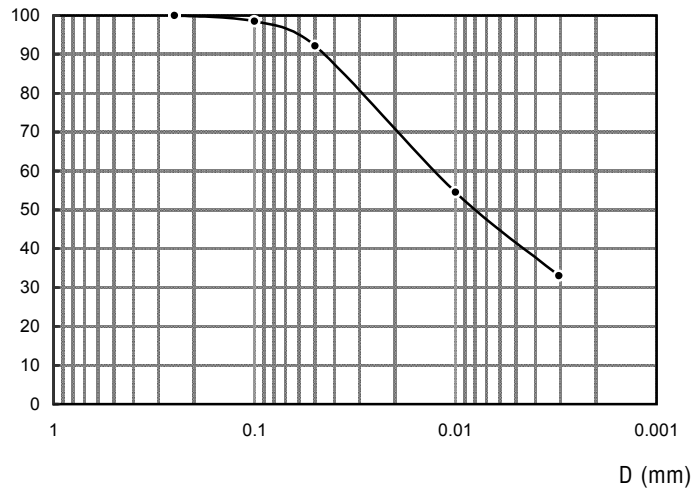
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	60.89	16.1	10.0	98.0	62.1	1.640	26.4	57.64	28.57	29.07	1.11

KQTN HẠT		KL đất khô:	33.97g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.014	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	1.5	100.0
2.0			0.1-0.05	6.3	98.5
1.0		Bụi	0.05-0.01	37.7	92.2
0.5			0.01-0.005	9.8	54.5
0.25					
0.1	0.50	Sét	<0.005	44.7	44.7



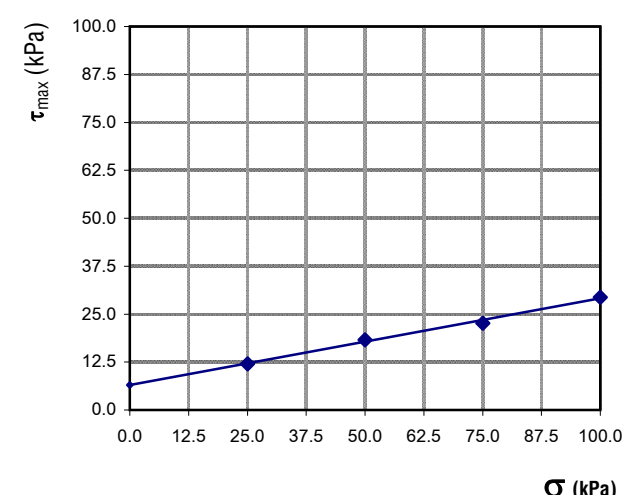
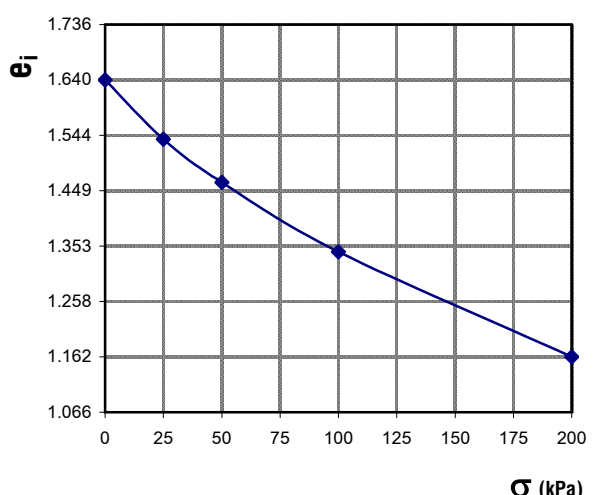
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 21 $e_0 = 1.640$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 374.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.640			
25	78.2	3.5	1.538	0.408	647.1	647.1
50	136.0	5.6	1.463	0.300	846.0	846.0
100	228.3	9.1	1.343	0.240	1026.3	1026.3
200	365.0	11.9	1.162	0.181	1294.5	1294.5

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	kPa/0.01mm	kPa
25	32.3	1.686	12.0
50	39.2	1.678	18.3
75	52.5	1.736	22.6
100	69.7	1.739	29.4

$\tan \varphi = 0.2260$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 6.5 kPa



Đại diện TN: **Trần Hồng Văn**

Xử lý: **KS. Võ Thanh Long**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-2

Độ sâu: 3.8 - 4.0 m

Hố khoan: HK2

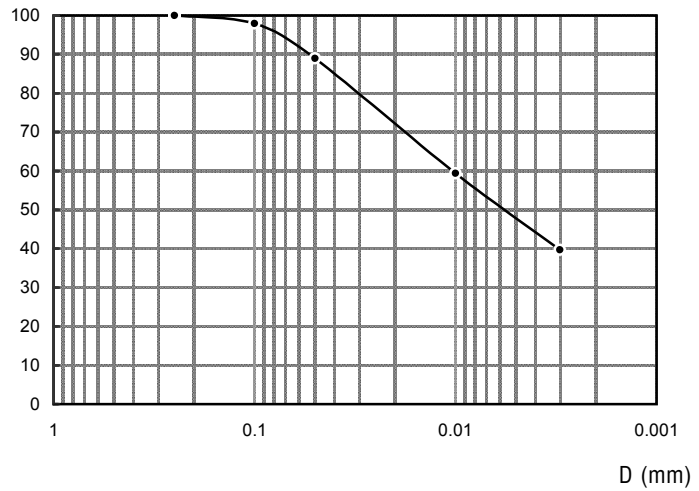
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	68.72	15.7	9.3	98.5	64.9	1.849	26.5	63.15	36.28	26.87	1.21

KQTN HẠT		KL đất khô:	31.42g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.010	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	2.1	100.0
2.0			0.1-0.05	8.9	97.9
1.0		Bụi	0.05-0.01	29.6	89.0
0.5			0.01-0.005	11.1	59.4
0.25					
0.1	0.67	Sét	<0.005	48.3	48.3



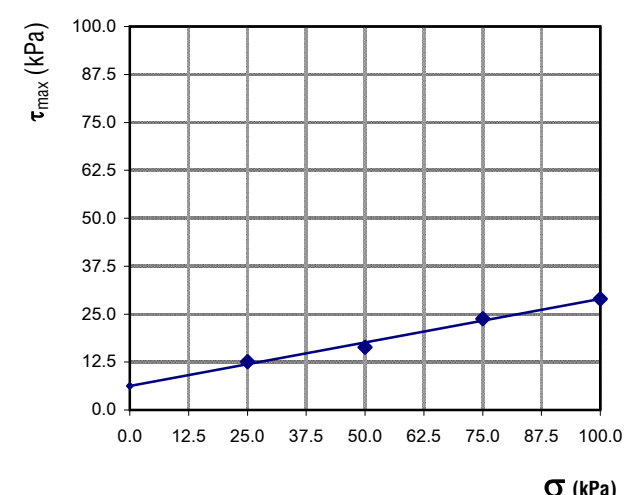
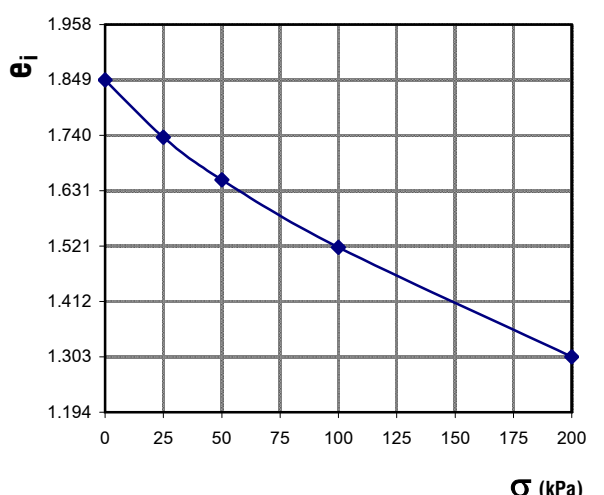
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 22 $e_0 = 1.849$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 394.6 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.849			
25	81.0	3.9	1.736	0.452	630.3	630.3
50	140.5	6.3	1.652	0.336	814.3	814.3
100	235.6	9.8	1.519	0.266	997.0	997.0
200	385.0	11.6	1.303	0.216	1166.2	1166.2

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	12.6
50	39.2	1.678	16.4
75	52.5	1.736	23.8
100	69.7	1.739	29.0

$\tan \varphi = 0.2264$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 6.3 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-3

Độ sâu: 5.8 - 6.0 m

Hố khoan: HK2

Ngày TN: 02-01-18

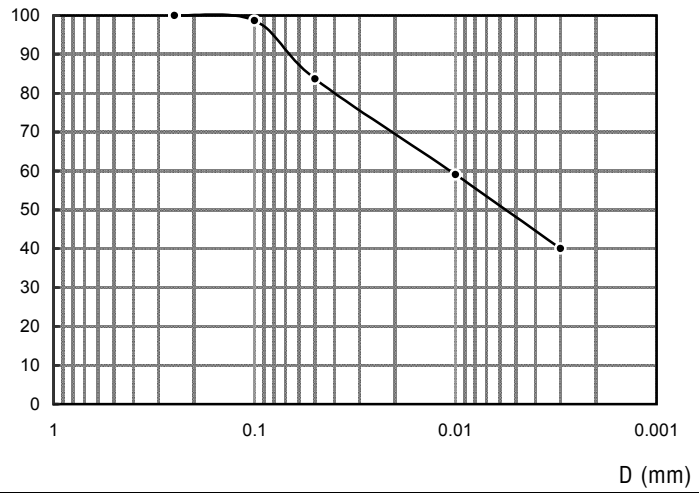
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	66.49	15.8	9.5	98.0	64.4	1.811	26.7	62.79	40.00	22.79	1.16

KQTN HẠT		KL đất khô:	31.83g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.011	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	1.3	100.0
			0.1-0.05	15.0	98.7
		Bụi	0.05-0.01	24.6	83.7
			0.01-0.005	13.4	59.1
		Sét	<0.005	45.7	45.7



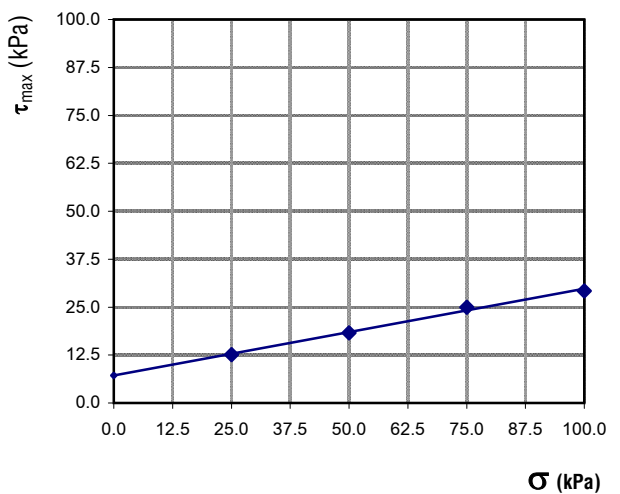
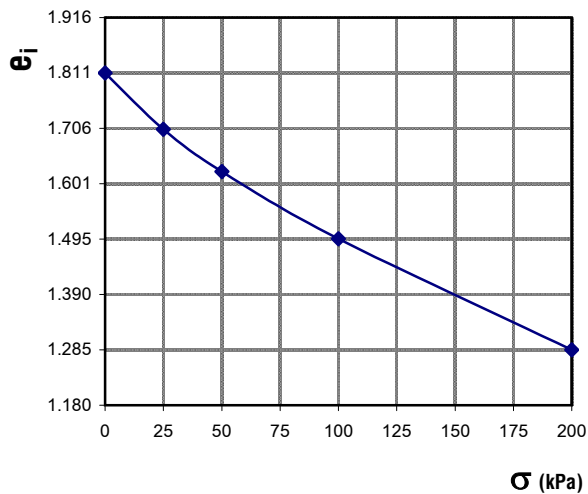
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 23 $e_0 = 1.811$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 385.4 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.811			
25	78.4	4.2	1.704	0.428	656.8	656.8
50	135.0	5.6	1.624	0.320	845.0	845.0
100	226.0	8.1	1.496	0.256	1025.0	1025.0
200	376.0	11.2	1.285	0.211	1182.9	1182.9

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	kPa/0.01mm	kPa
25	32.3	1.686	12.6
50	39.2	1.678	18.3
75	52.5	1.736	25.0
100	69.7	1.739	29.2

$\tan \varphi = 0.2260$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 7.2 kPa



Đại diện TN:

Xử lý:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-4

Độ sâu: 7.8 - 8.0 m

Hố khoan: HK2

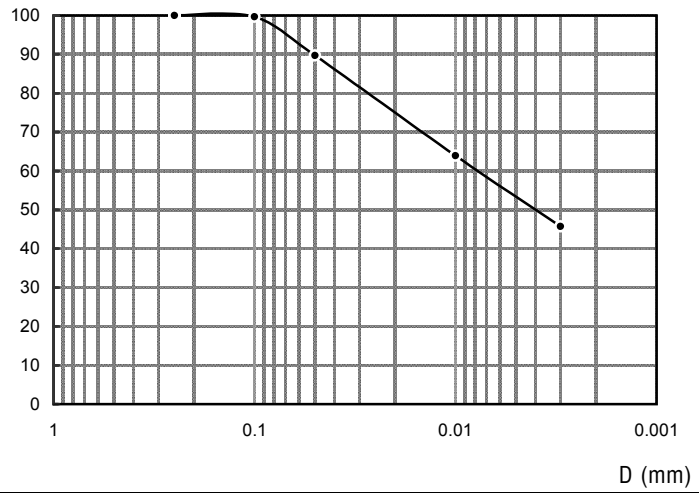
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	76.95	15.2	8.6	97.8	67.7	2.093	26.6	72.98	39.26	33.72	1.12

KQTN HẠT		KL đất khô:	29.31g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.008	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	0.3	100.0
			0.1-0.05	10.0	99.7
		Bụi	0.05-0.01	25.8	89.7
			0.01-0.005	12.2	63.9
			Sét	<0.005	51.7



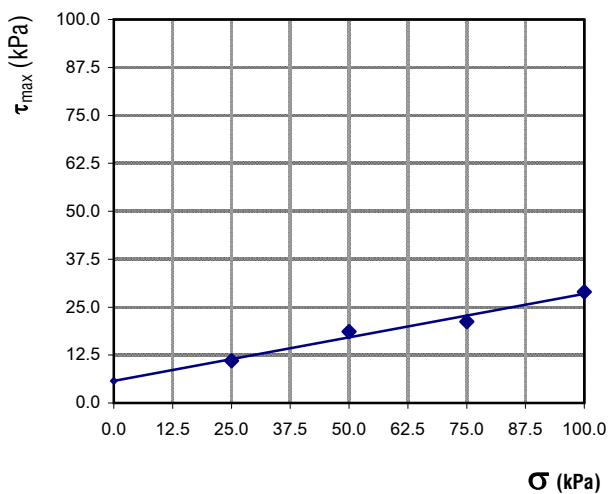
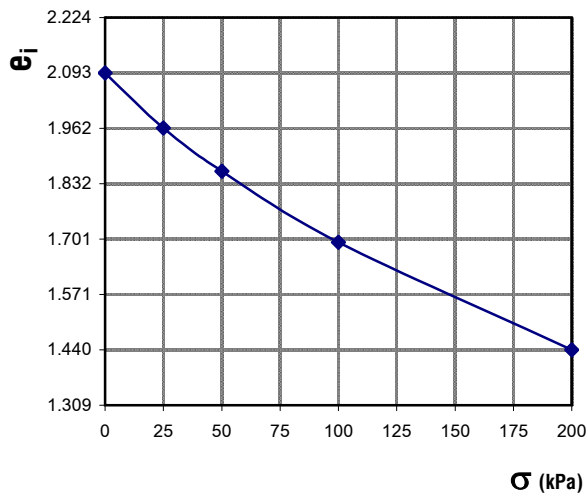
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 24 $e_0 = 2.093$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 431.8 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			2.093			
25	84.7	3.2	1.963	0.520	594.8	594.8
50	152.0	5.3	1.861	0.408	726.2	726.2
100	259.0	7.4	1.694	0.334	856.6	856.6
200	421.3	10.2	1.440	0.254	1060.6	1060.6

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	11.0
50	39.2	1.678	18.6
75	52.5	1.736	21.2
100	69.7	1.739	29.0

$\tan \varphi = 0.2264$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 5.8 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-5

Độ sâu: 9.8 - 10.0 m

Hố khoan: HK2

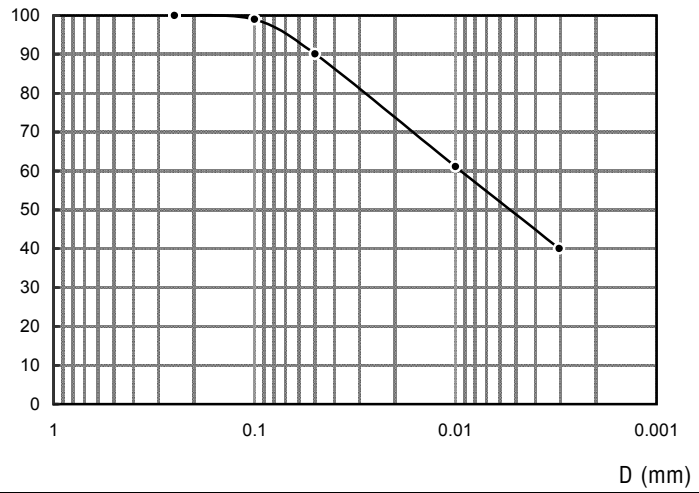
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	72.84	15.3	8.9	97.6	66.4	1.978	26.5	68.27	42.35	25.92	1.18

KQTN HẠT		KL đất khô:	27.96g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.009	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	1.0	100.0
			0.1-0.05	8.9	99.0
		Bụi	0.05-0.01	29.0	90.1
			0.01-0.005	14.0	61.1
		Sét	<0.005	47.1	47.1



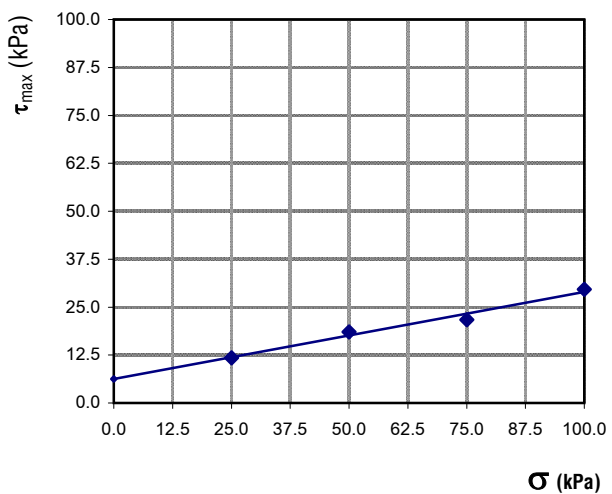
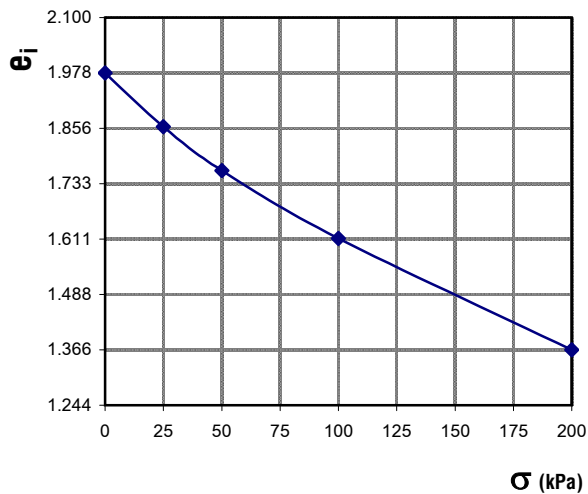
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 25 $e_0 = 1.978$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 421.3 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E^* m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.978			
25	82.0	3.7	1.859	0.476	625.6	625.6
50	146.0	5.0	1.762	0.388	736.9	736.9
100	247.0	6.9	1.612	0.300	920.7	920.7
200	411.0	10.4	1.366	0.246	1061.8	1061.8

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	11.8
50	39.2	1.678	18.5
75	52.5	1.736	21.7
100	69.7	1.739	29.6

$\tan \varphi = 0.2264$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 6.3 kPa



Đại diện TN:

Xử lý:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-6

Độ sâu: 11.8 - 12.0 m

Hố khoan: HK2

Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012:

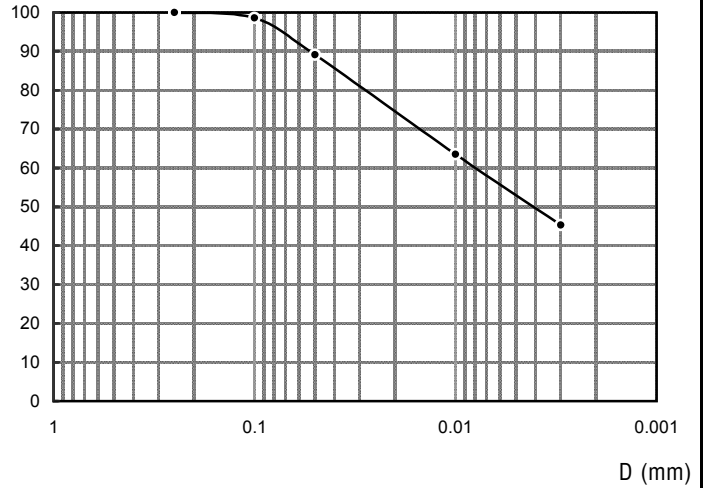
Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	70.61	15.7	9.2	99.3	65.4	1.891	26.6	65.14	40.82	24.32	1.22

KQTN HẠT

KL đất khô:	31.67g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.008	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	1.4	100.0
			0.1-0.05	9.5	98.6
		Bụi	0.05-0.01	25.6	89.1
			0.01-0.005	10.4	63.5
		Sét	<0.005	53.1	53.1



Thí nghiệm nén lún

$m_v = 1.00$ Hộp nén số: 26 $e_0 = 1.891$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 410.0 $h_0 = 20\text{mm}$

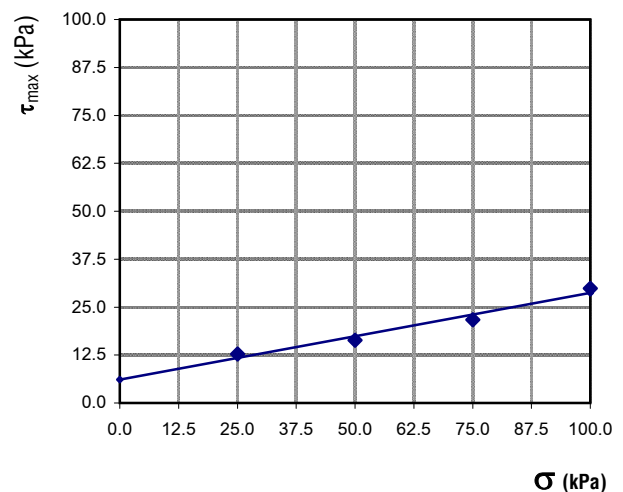
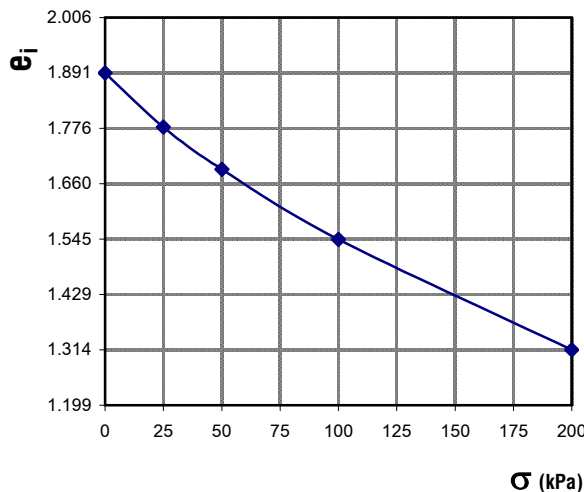
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.891			
25	79.0	2.8	1.778	0.452	639.6	639.6
50	140.0	4.8	1.690	0.352	789.2	789.2
100	242.0	7.6	1.544	0.292	921.2	921.2
200	400.0	10.6	1.314	0.230	1106.1	1106.1

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	12.8
50	39.2	1.678	16.4
75	52.5	1.736	21.7
100	69.7	1.739	29.9

$\tan \varphi = 0.2264$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 6.1 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-7

Độ sâu: 13.8 - 14.0 m

Hố khoan: HK2

Ngày TN: 02-01-18

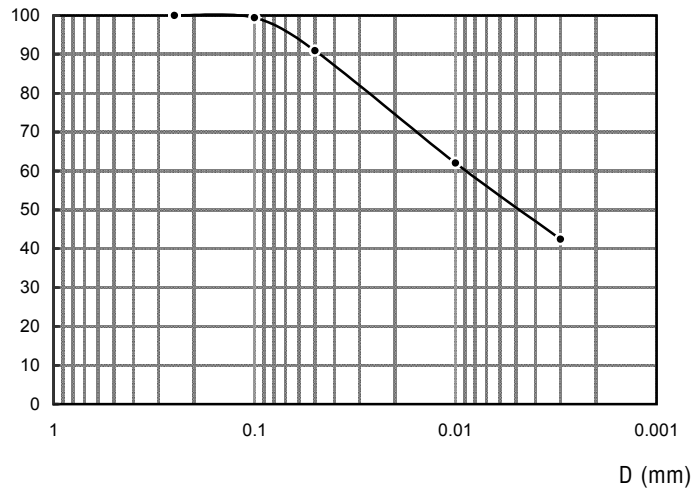
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	74.01	15.4	8.9	98.8	66.7	2.000	26.7	70.66	40.14	30.52	1.11

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		29.97g					
		Nhiệt độ TN: 30.0°C	0.009	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	0.6	100.0
			0.1-0.05	8.5	99.4
		Bụi	0.05-0.01	28.9	90.9
			0.01-0.005	12.6	62.0
		Sét	<0.005	49.4	49.4



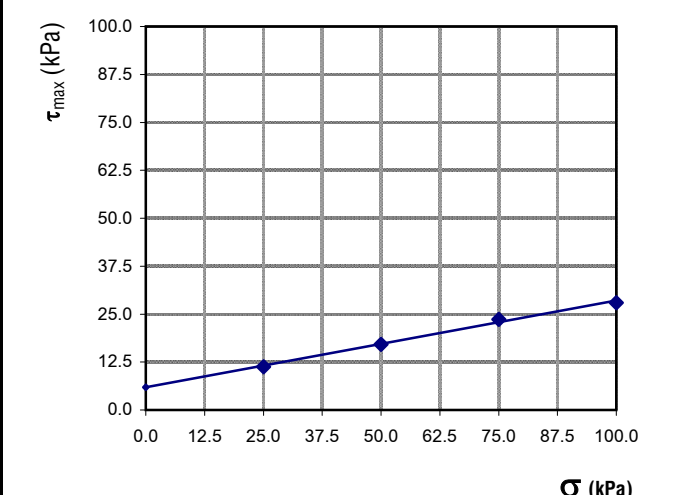
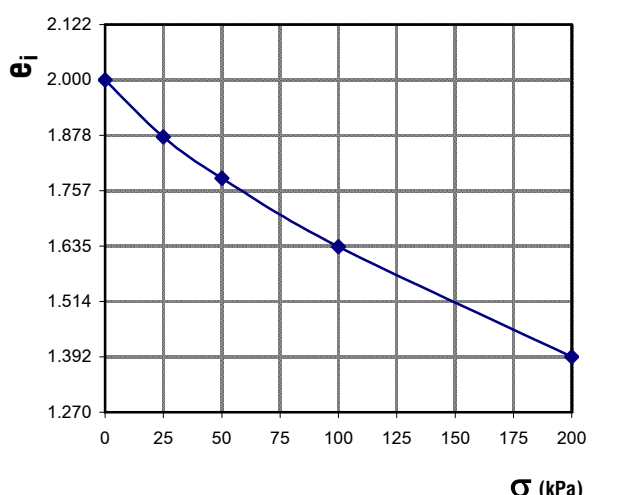
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 27 $e_0 = 2.000$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 415.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E^* m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			2.000			
25	83.7	2.4	1.875	0.500	600.0	600.0
50	145.0	4.6	1.784	0.364	789.8	789.8
100	246.0	7.8	1.634	0.300	928.0	928.0
200	405.0	10.2	1.392	0.242	1088.4	1088.4

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	11.3
50	39.2	1.678	17.1
75	52.5	1.736	23.6
100	69.7	1.739	28.0

$\tan \varphi = 0.2264$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 5.9 kPa



Đại diện TN:

Xử lý:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-8

Độ sâu: 15.8 - 16.0 m

Hố khoan: HK2

Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012:

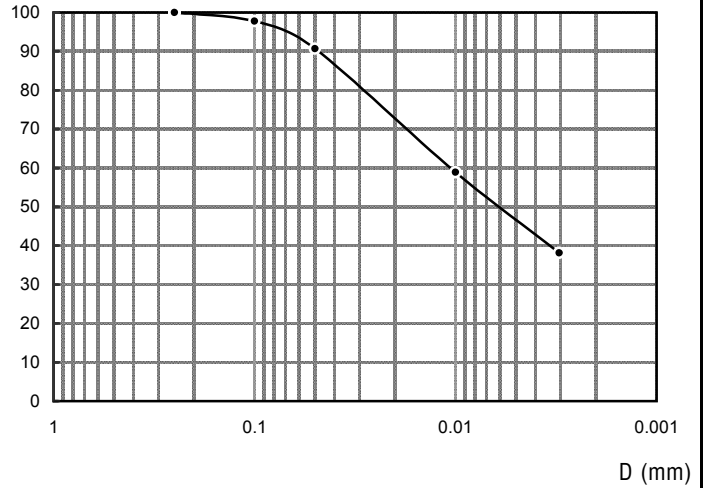
Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	72.67	15.6	9.0	99.1	66.0	1.944	26.5	68.00	39.50	28.50	1.16

KQTN HẠT

KL đất khô:	29.30g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.011	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	2.2	100.0
			0.1-0.05	7.1	97.8
		Bụi	0.05-0.01	31.8	90.7
			0.01-0.005	12.2	58.9
		Sét	<0.005	46.7	46.7



Thí nghiệm nén lún

$m_v = 1.00$ Hộp nén số: 28 $e_0 = 1.944$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 409.5 $h_0 = 20\text{mm}$

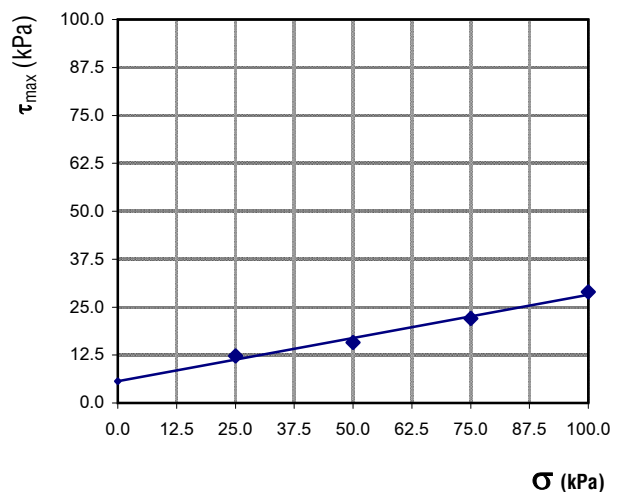
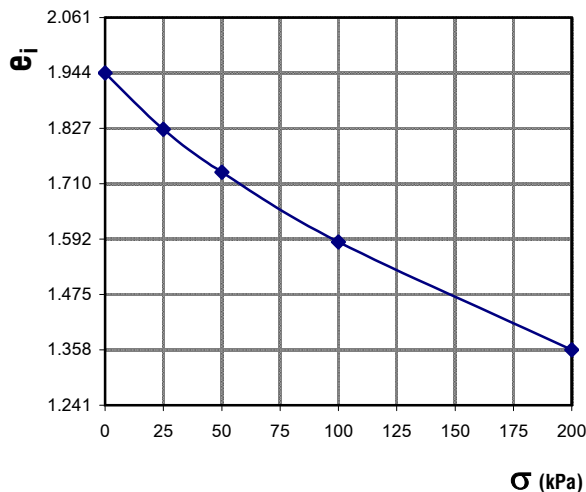
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.944			
25	81.6	3.1	1.825	0.476	618.5	618.5
50	144.5	5.1	1.734	0.364	776.1	776.1
100	245.0	8.3	1.586	0.296	923.6	923.6
200	399.5	11.3	1.358	0.228	1134.2	1134.2

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	12.3
50	39.2	1.678	15.8
75	52.5	1.736	22.0
100	69.7	1.739	29.0

$\tan \varphi = 0.2252$ $\varphi = 12^\circ 41'$ C = 5.7 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-9

Độ sâu: 17.8 - 18.0 m

Hố khoan: HK2

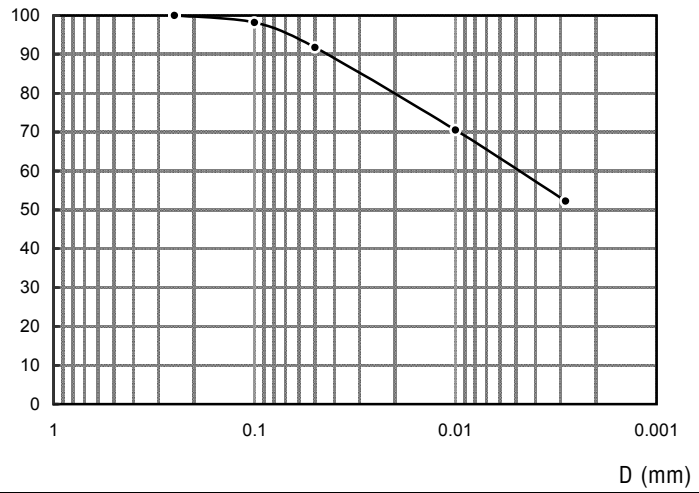
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, nâu vàng, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	29.02	18.8	14.6	91.5	46.3	0.863	27.2	45.03	20.16	24.87	0.36

KQTN HẠT		KL đất khô:	39.30g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.005	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	1.8	100.0
			0.1-0.05	6.4	98.2
		Bụi	0.05-0.01	21.3	91.8
			0.01-0.005	11.5	70.5
		Sét	<0.005	59.0	59.0



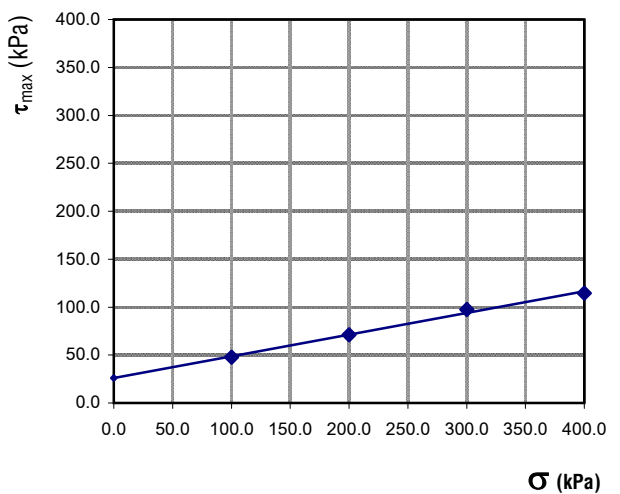
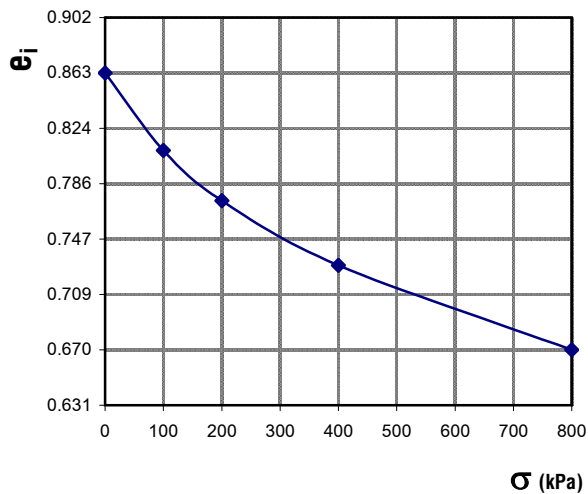
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 5.88$ Hộp nén số: 29 $e_0 = 0.863$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 223.5 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.863			
100	65.0	8.6	0.809	0.054	3450.0	8114.4
200	105.0	11.6	0.774	0.035	5168.6	12156.5
400	153.0	13.3	0.729	0.023	7713.0	18141.1
800	218.0	16.2	0.670	0.015	11526.7	27110.7

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	kPa/0.01mm	kPa
100	32.3	1.686	47.9
200	39.2	1.678	71.0
300	52.5	1.736	97.6
400	69.7	1.739	114.4

$\tan \varphi = 0.2261$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 26.2 kPa



Đại diện TN:

Xử lý: KS. Võ Thanh Long

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-10

Độ sâu: 19.8 - 20.0 m

Hố khoan: HK2

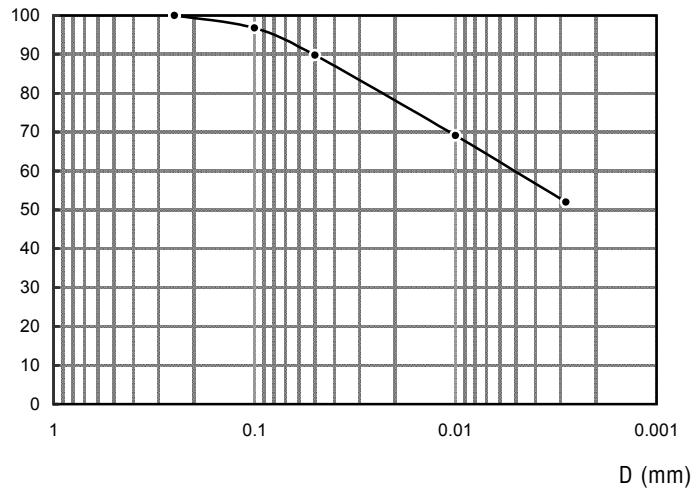
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, nâu vàng, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	26.74	19.3	15.2	91.7	44.3	0.796	27.3	41.51	19.05	22.46	0.34

KQTN HẠT		KL đất khô:	39.29g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.006	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	3.2	100.0
			0.1-0.05	7.0	96.8
		Bụi	0.05-0.01	20.7	89.8
			0.01-0.005	12.0	69.1
		Sét	<0.005	57.1	57.1



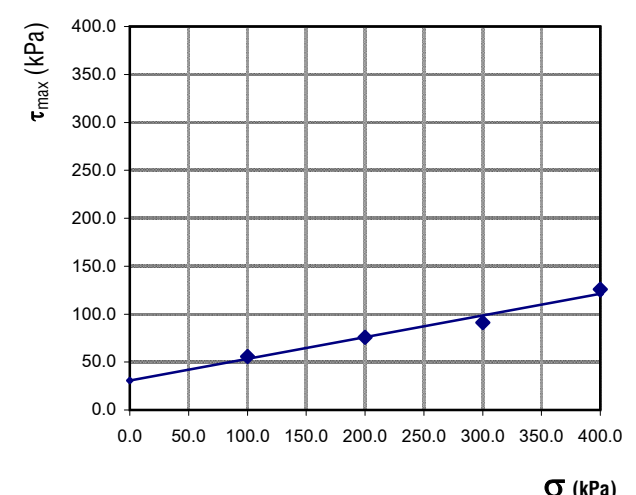
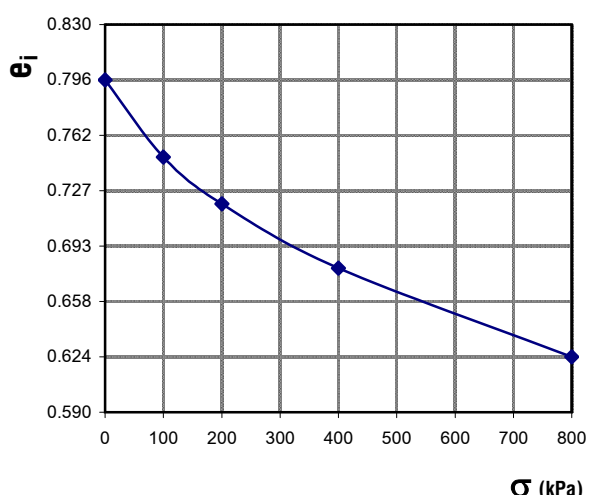
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 6.00$ Hộp nén số: 30 $e_0 = 0.796$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 207.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.796			
100	58.7	6.8	0.748	0.048	3741.7	8980.0
200	96.0	12.0	0.719	0.029	6027.6	14466.2
400	140.0	13.4	0.679	0.020	8595.0	20628.0
800	202.0	16.3	0.624	0.014	11992.9	28782.9

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	55.6
200	39.2	1.678	75.8
300	52.5	1.736	91.0
400	69.7	1.739	125.9

$\tan \varphi = 0.2261$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 30.6 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-11

Độ sâu: 21.8 - 22.0 m

Hố khoan: HK2

Ngày TN: 02-01-18

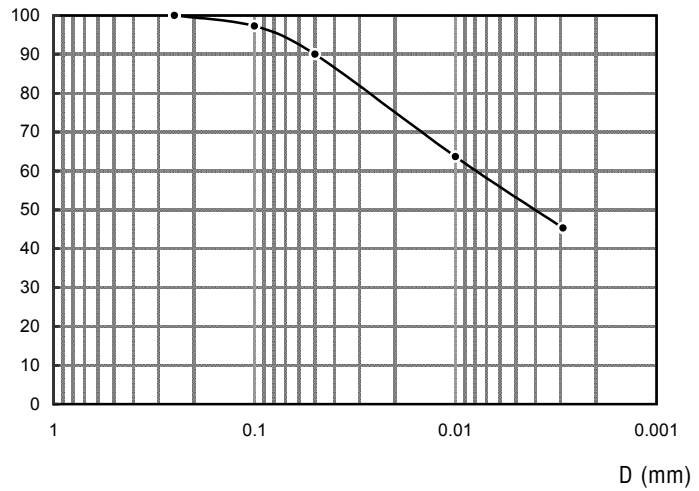
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Sét, nâu vàng, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	30.20	18.8	14.4	91.6	47.4	0.903	27.4	46.07	21.62	24.45	0.35

KQTN HẠT		KL đất khô:	31.17g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.008	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	2.7	100.0
			0.1-0.05	7.3	97.3
		Bụi	0.05-0.01	26.3	90.0
			0.01-0.005	10.4	63.7
	0.84	Sét	<0.005	53.3	53.3



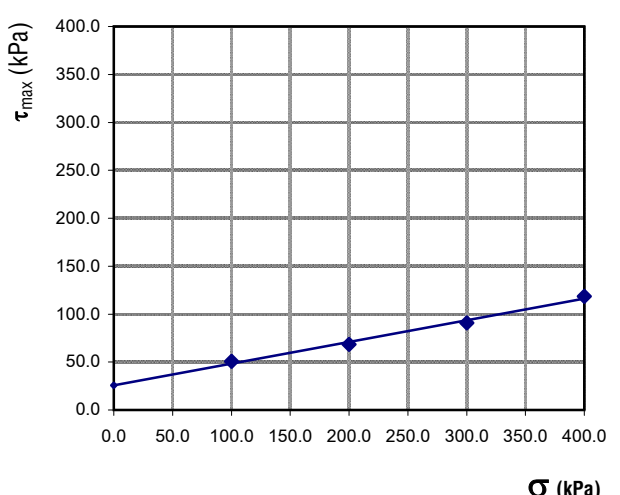
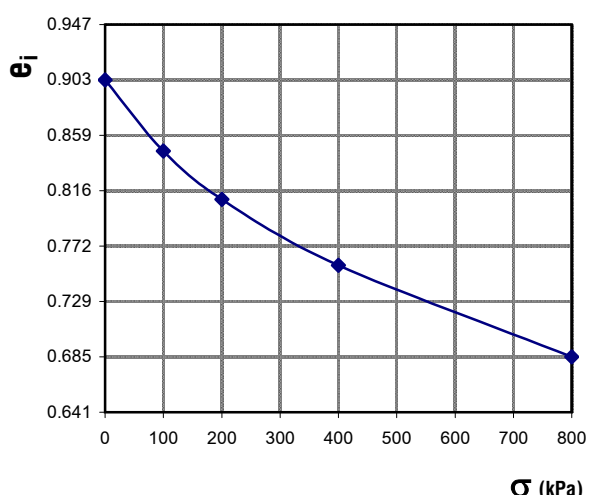
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 5.71$ Hộp nén số: 31 $e_0 = 0.903$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 246.0 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.903			
100	64.7	7.1	0.847	0.056	3398.2	7754.7
200	108.0	11.4	0.809	0.038	4860.5	11091.7
400	163.5	14.1	0.757	0.026	6957.7	15877.5
800	240.0	16.8	0.685	0.018	9761.1	22274.9

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	50.6
200	39.2	1.678	68.5
300	52.5	1.736	90.8
400	69.7	1.739	118.6

$\tan \varphi = 0.2263$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 25.6 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-12

Độ sâu: 23.8 - 24.0 m

Hố khoan: HK2

Ngày TN: 02-01-18

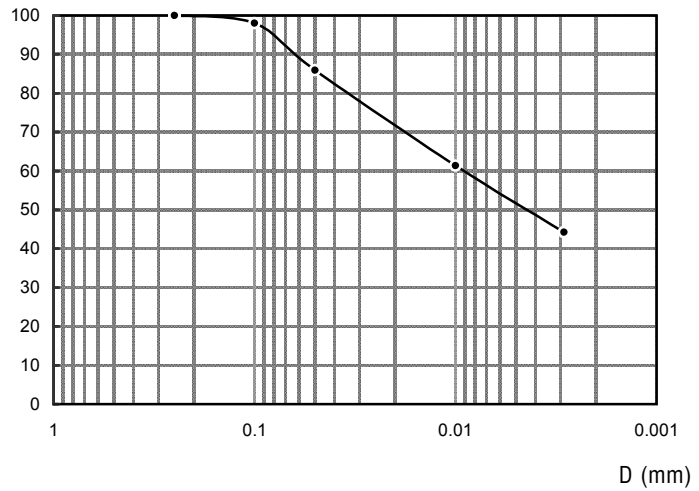
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Sét, nâu đỏ - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	29.31	19.0	14.7	93.4	46.2	0.857	27.3	43.10	20.83	22.27	0.38

KQTN HẠT		KL đất khô:	38.05g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.009	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	2.0	100.0
2.0			0.1-0.05	12.1	98.0
1.0		Bụi	0.05-0.01	24.5	85.9
0.5			0.01-0.005	8.8	61.4
0.25					
0.1	0.78	Sét	<0.005	52.6	52.6



Thí nghiệm nén lún

$m_v = 5.90$ Hộp nén số: 32 $e_0 = 0.857$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 225.5 $h_0 = 20\text{mm}$

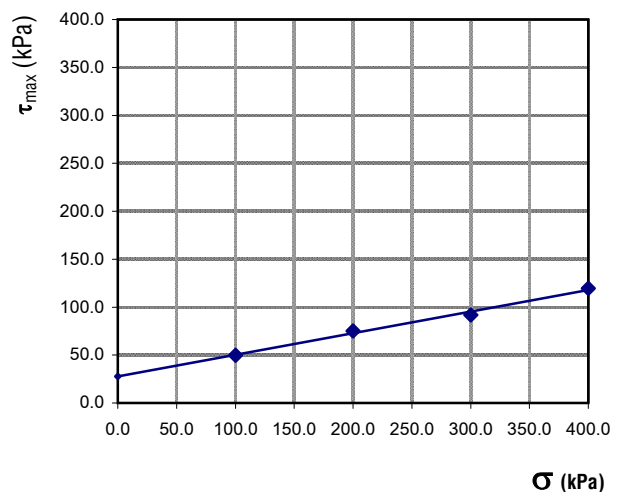
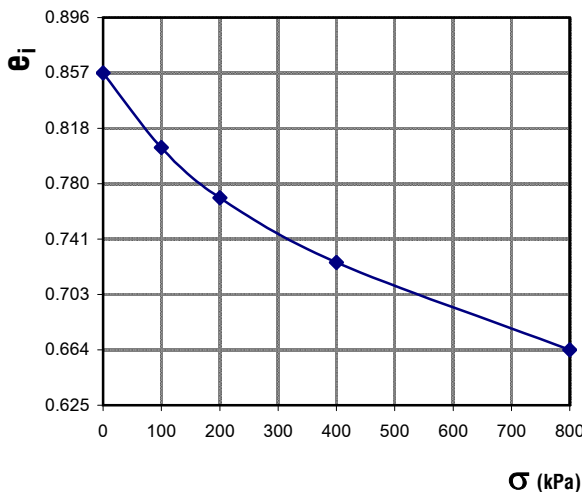
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.857			
100	61.5	7.4	0.805	0.052	3571.2	8427.9
200	104.0	13.0	0.770	0.035	5157.1	12170.9
400	153.0	14.5	0.725	0.023	7695.7	18161.7
800	220.0	17.8	0.664	0.015	11500.0	27140.0

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	49.7
200	39.2	1.678	75.2
300	52.5	1.736	91.7
400	69.7	1.739	119.5

$\tan \varphi = 0.2259$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 27.6 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-13

Độ sâu: 25.8 - 26.0 m

Hố khoan: HK2

Ngày TN: 02-01-18

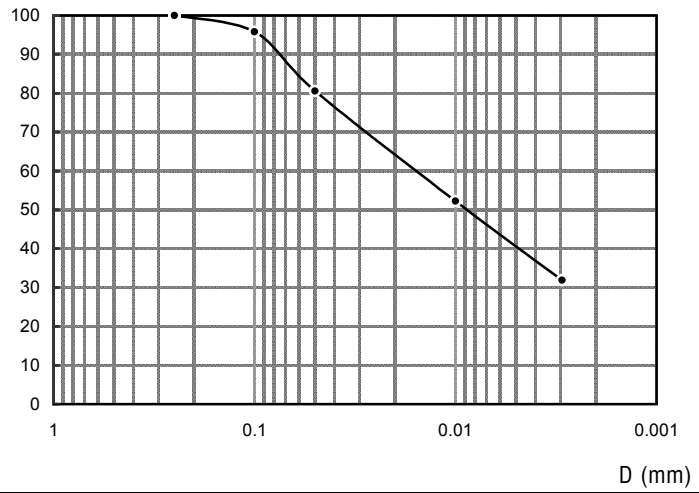
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Sét, nâu đỏ - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	24.13	19.5	15.7	90.1	42.1	0.726	27.1	39.88	18.69	21.19	0.26

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		44.51g					
		Nhiệt độ TN: 30.0°C	0.018	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	4.2	100.0
2.0			0.1-0.05	15.2	95.8
1.0		Bụi	0.05-0.01	28.4	80.6
0.5			0.01-0.005	7.4	52.2
0.25					
0.1	1.87	Sét	<0.005	44.8	44.8



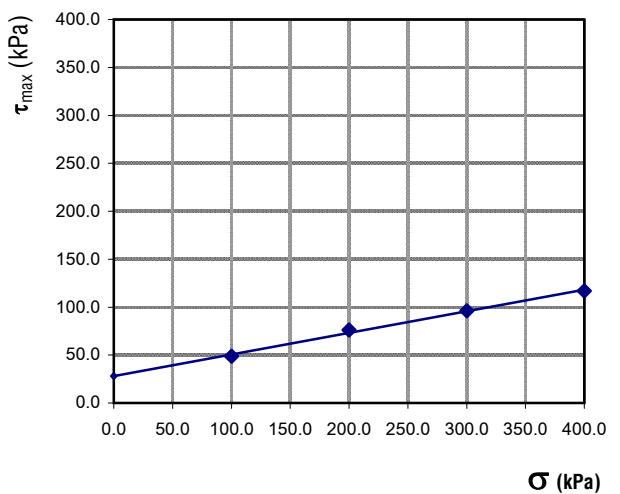
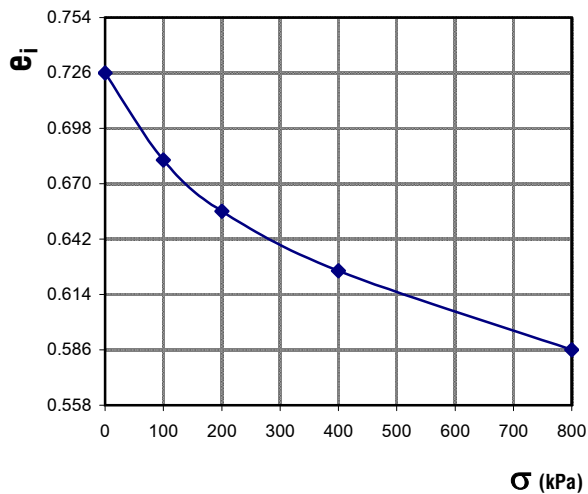
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 6.00$ Hộp nén số: 33 $e_0 = 0.726$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 180.4 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.726			
100	56.0	6.5	0.682	0.044	3922.7	9414.5
200	92.0	13.4	0.656	0.026	6469.2	15526.2
400	128.0	15.1	0.626	0.015	11040.0	26496.0
800	176.0	18.7	0.586	0.010	16260.0	39024.0

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	48.6
200	39.2	1.678	76.0
300	52.5	1.736	96.3
400	69.7	1.739	117.0

$\tan \varphi = 0.2255$ $\varphi = 12^\circ 42'$ $C = 28.1 \text{ kPa}$



Đại diện TN:

Xử lý:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-14

Độ sâu: 27.8 - 28.0 m

Hố khoan: HK2

Ngày TN: 02-01-18

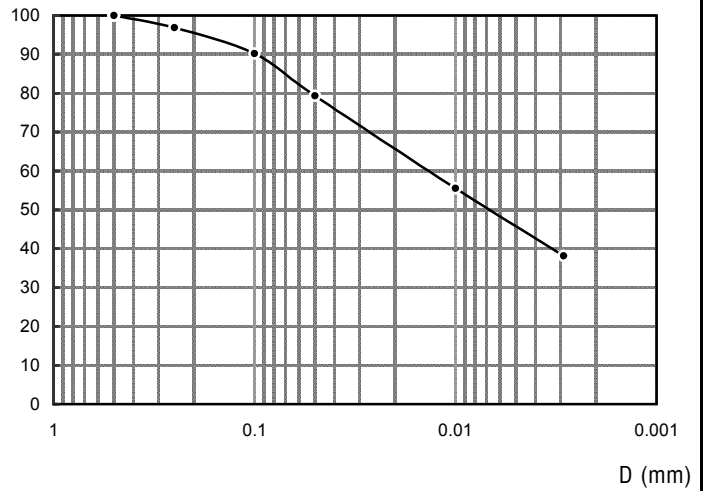
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Sét, xám trắng - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	30.42	18.7	14.3	91.0	47.8	0.916	27.4	46.19	21.03	25.16	0.37

KQTN HẠT		KL đất khô:	41.11g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.013	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	3.1	100.0
			0.25-0.1	6.7	96.9
			0.1-0.05	10.9	90.2
		Bụi	0.05-0.01	23.8	79.3
			0.01-0.005	11.1	55.5
		Sét	<0.005	44.4	44.4



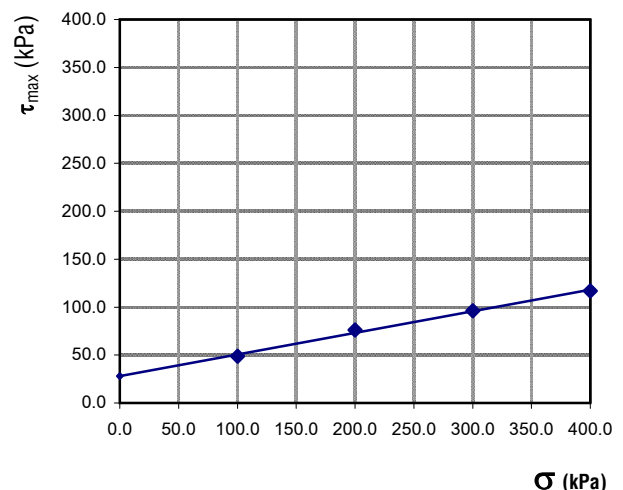
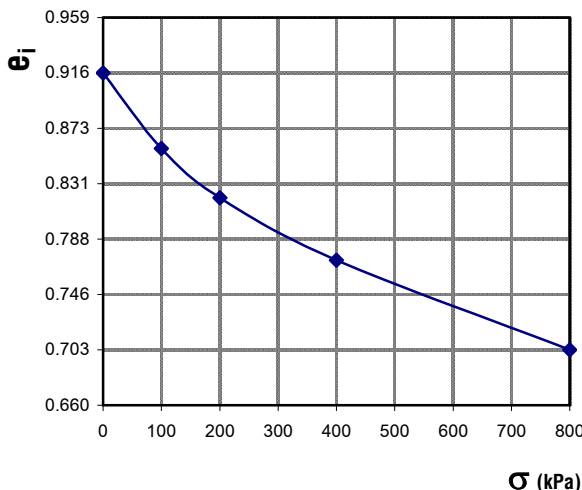
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 5.65$ Hộp nén số: 34 $e_0 = 0.916$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 240.9 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.916			
100	65.2	6.3	0.858	0.058	3303.4	7465.8
200	110.5	13.3	0.820	0.038	4889.5	11050.2
400	162.0	15.6	0.772	0.024	7583.3	17138.3
800	235.0	18.7	0.703	0.017	10423.5	23557.2

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	48.6
200	39.2	1.678	76.0
300	52.5	1.736	96.3
400	69.7	1.739	117.0

$\tan \varphi = 0.2255$ $\varphi = 12^\circ 42'$ C = 28.1 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-15

Độ sâu: 29.8 - 30.0 m

Hố khoan: HK2

Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á sét, vàng nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	29.61	19.0	14.7	95.1	45.8	0.844	27.1	38.56	22.73	15.83	0.43

KQTN HẠT				KL đất khô:	57.12g	D_{60} (mm)	0.037	D_{30} (mm)	0.006	D_{10} (mm)	*	C_c	*	C_u	*
				Nhiệt độ TN:	30.0°C										
Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %										
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0										
			10-5		100.0										
			5-2		100.0										
		Cát	2-1		100.0										
20.0			1-0.5		100.0										
10.0			0.5-0.25	0.9	100.0										
5.0			0.25-0.1	5.8	99.1										
2.0			0.1-0.05	25.4	93.3										
1.0		Bụi	0.05-0.01	30.1	67.9										
0.5			0.01-0.005	9.6	37.8										
0.25	0.53														
0.1	3.34	Sét	<0.005	28.2	28.2										

Thí nghiệm nén lún

$m_v = 3.95$ Hộp nén số: 35 $e_0 = 0.844$
 $\beta = 0.62$ Số đọc sau 24h: 231.7 $h_0 = 20\text{mm}$

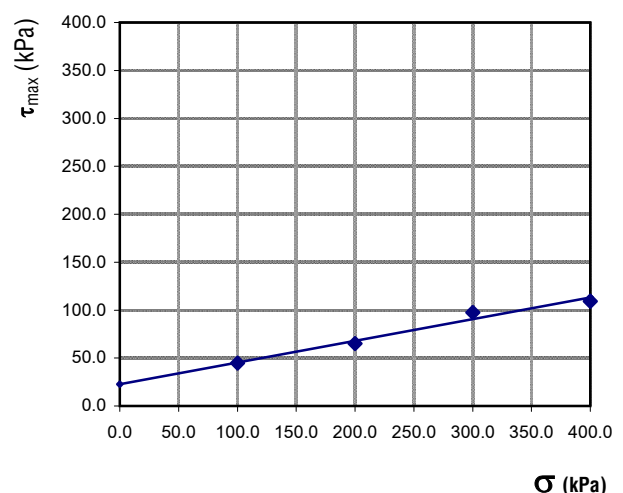
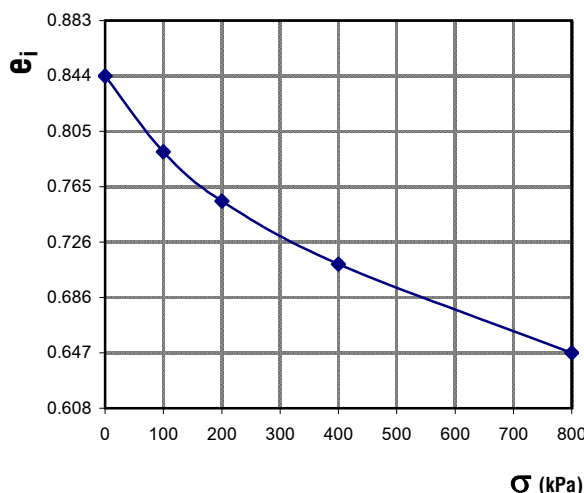
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.844			
100	63.4	6.2	0.790	0.054	3414.8	8362.9
200	105.0	11.0	0.755	0.035	5114.3	12524.9
400	156.0	14.8	0.710	0.023	7630.4	18686.9
800	226.0	17.6	0.647	0.016	10687.5	26173.7

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	kPa/0.01mm	kPa
100	32.3	1.686	44.7
200	39.2	1.678	65.1
300	52.5	1.736	97.6
400	69.7	1.739	109.2

$\tan \varphi = 0.2260$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 22.7 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-16

Độ sâu: 31.8 - 32.0 m

Hố khoan: HK2

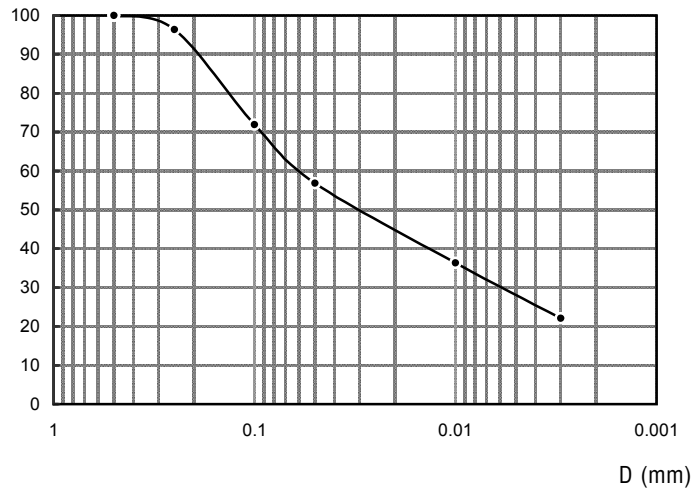
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á sét, nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	27.31	19.2	15.1	93.6	44.1	0.788	27.0	36.42	22.06	14.36	0.37

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		53.52g					
		Nhiệt độ TN: 30.0°C	0.061	0.006	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	3.6	100.0
			0.25-0.1	24.5	96.4
			0.1-0.05	15.1	71.9
		Bụi	0.05-0.01	20.5	56.8
			0.01-0.005	7.9	36.3
		Sét	<0.005	28.4	28.4



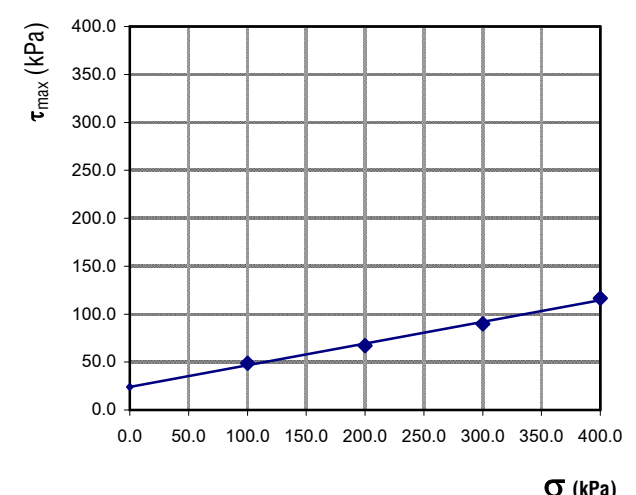
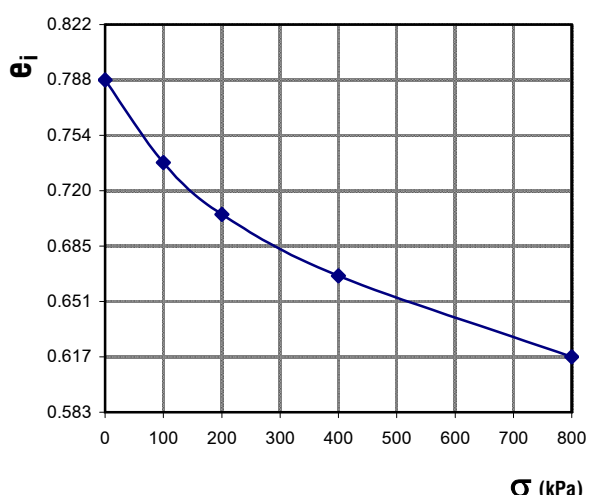
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 4.23$ Hộp nén số: 36 $e_0 = 0.788$
 $\beta = 0.62$ Số đọc sau 24h: 208.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.788			
100	61.2	6.1	0.737	0.051	3505.9	9183.7
200	102.0	11.4	0.705	0.032	5428.1	14219.0
400	146.0	14.4	0.667	0.019	8973.7	23506.6
800	203.0	17.4	0.617	0.013	12823.1	33590.1

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	48.9
200	39.2	1.678	67.0
300	52.5	1.736	89.8
400	69.7	1.739	116.5

$\tan \varphi = 0.2256$ $\varphi = 12^\circ 43'$ $C = 24.2 \text{ kPa}$



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-17

Độ sâu: 33.8 - 34.0 m

Hố khoan: HK2

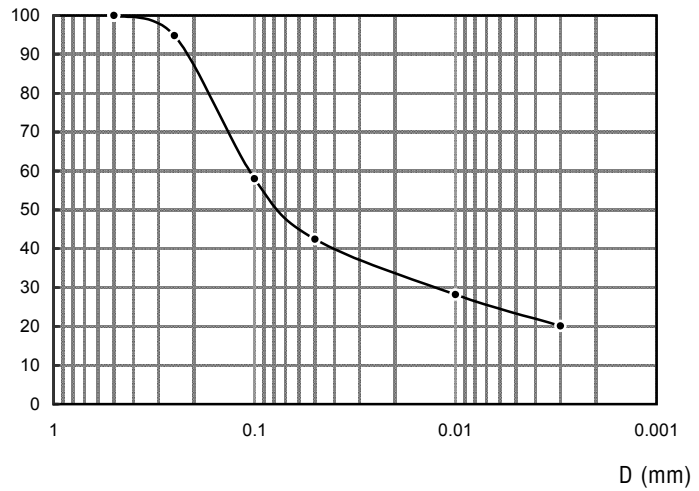
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á sét, nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	30.50	18.9	14.5	96.0	46.1	0.855	26.9	38.45	26.18	12.27	0.35

KQTN HẠT		KL đất khô:	58.24g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.108	0.012	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25	5.2	100.0
5.0			0.25-0.1	36.8	94.8
2.0			0.1-0.05	15.6	58.0
1.0		Bụi	0.05-0.01	14.2	42.4
0.5			0.01-0.005	5.8	28.2
0.25	3.02				
0.1	21.43	Sét	<0.005	22.4	22.4



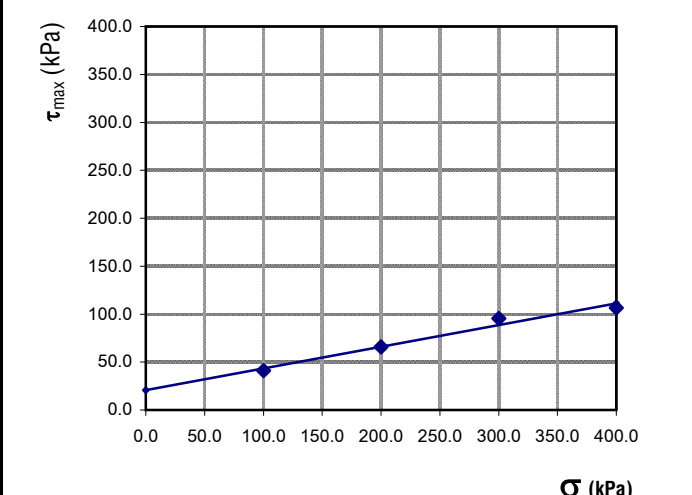
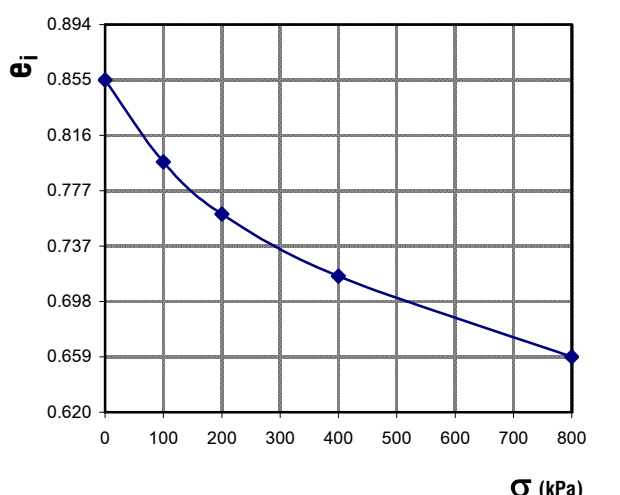
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 3.90$ Hộp nén số: 37 $e_0 = 0.855$
 $\beta = 0.62$ Số đọc sau 24h: 229.6 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.855			
100	67.0	6.7	0.797	0.058	3198.3	7733.4
200	112.0	12.5	0.760	0.037	4856.8	11743.6
400	162.0	15.6	0.716	0.022	8000.0	19344.0
800	224.0	18.8	0.659	0.014	12257.1	29637.8

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	41.0
200	39.2	1.678	65.9
300	52.5	1.736	95.5
400	69.7	1.739	106.4

$\tan \varphi = 0.2258$ $\varphi = 12^\circ 43'$ C = 20.8 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-18

Độ sâu: 35.8 - 36.0 m

Hố khoan: HK2

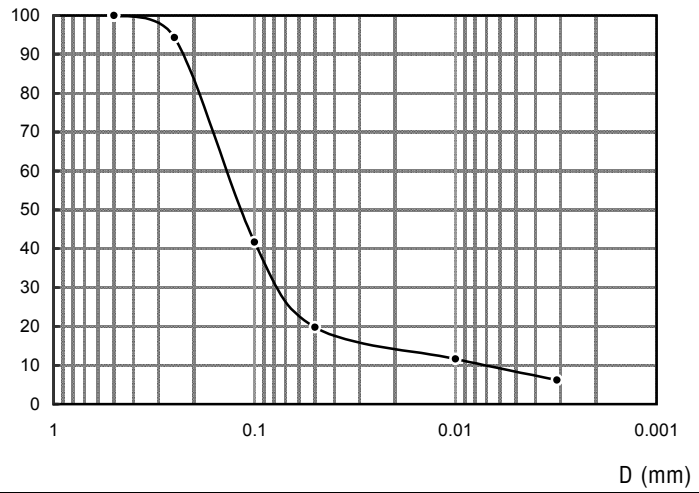
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á cát, xám xanh đen, trạng thái dẻo

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	19.61	20.2	16.9	90.9	36.5	0.574	26.6	23.45	17.63	5.82	0.34

KQTN HẠT		KL đất khô:	101.86g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.152	0.078	0.007	5.7	21.7

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	5.7	100.0
			0.25-0.1	52.6	94.3
			0.1-0.05	21.9	41.7
		Bụi	0.05-0.01	8.2	19.8
			0.01-0.005	3.2	11.6
		Sét	<0.005	8.4	8.4



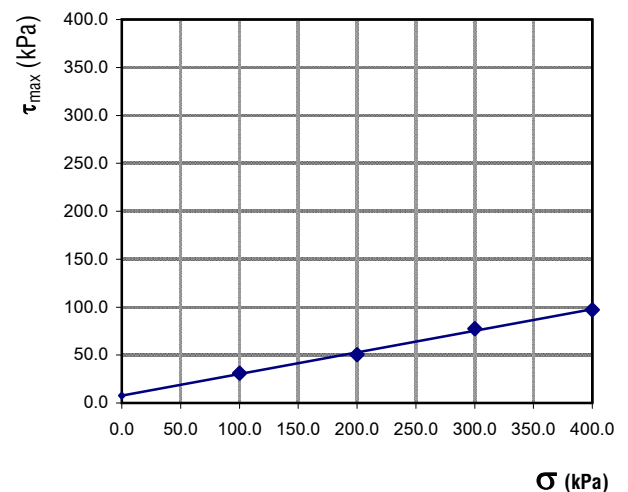
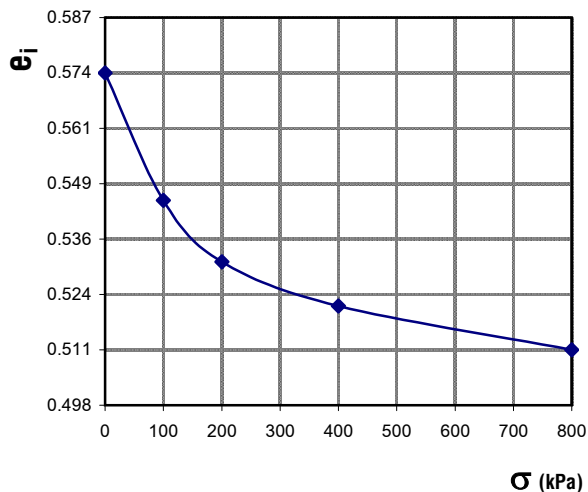
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 4.00$ Hộp nén số: 38 $e_0 = 0.574$
 $\beta = 0.74$ Số đọc sau 24h: 96.4 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.574			
100	42.5	6.9	0.545	0.029	5427.6	16065.7
200	64.0	10.9	0.531	0.014	11035.7	32665.7
400	79.0	13.7	0.521	0.005	30620.0	90635.2
800	94.0	16.4	0.511	0.003	50700.0	150072.0

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	31.0
200	39.2	1.678	50.3
300	52.5	1.736	77.6
400	69.7	1.739	97.2

$\tan \varphi = 0.2259$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 7.6 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-19

Độ sâu: 37.8 - 38.0 m

Hố khoan: HK2

Ngày TN: 02-01-18

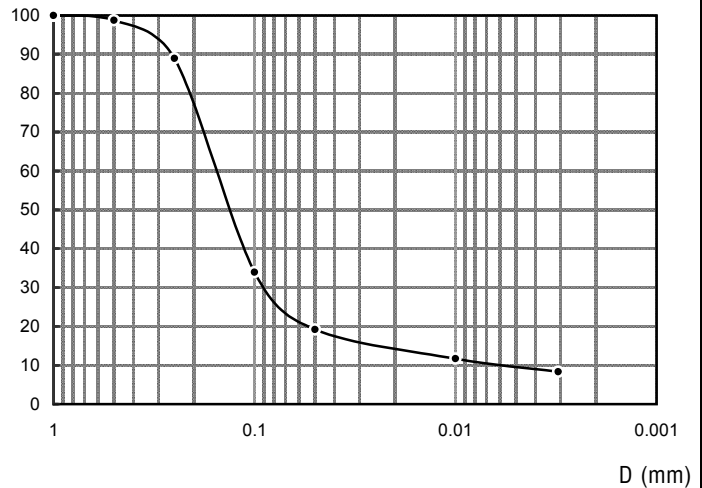
Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á cát, xám xanh đen, trạng thái dẻo

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	22.64	19.8	16.1	91.9	39.7	0.658	26.7	26.11	20.27	5.84	0.41

KQTN HẠT

KL đất khô:	103.07g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.171	0.089	0.007	6.6	24.4

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5	1.2	100.0
			0.5-0.25	9.8	98.8
			0.25-0.1	55.1	89.0
			0.1-0.05	14.7	33.9
		Bụi	0.05-0.01	7.5	19.2
			0.01-0.005	2.5	11.7
		Sét	<0.005	9.2	9.2



Thí nghiệm nén lún

$m_v = 3.71$ Hộp nén số: 39 $e_0 = 0.658$
 $\beta = 0.74$ Số đọc sau 24h: 104.6 $h_0 = 20\text{mm}$

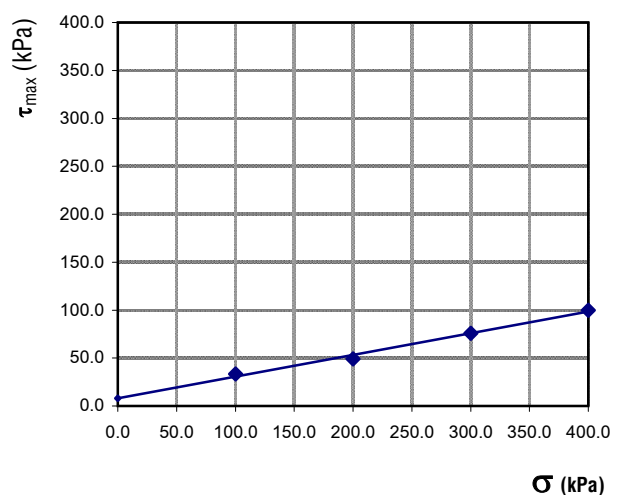
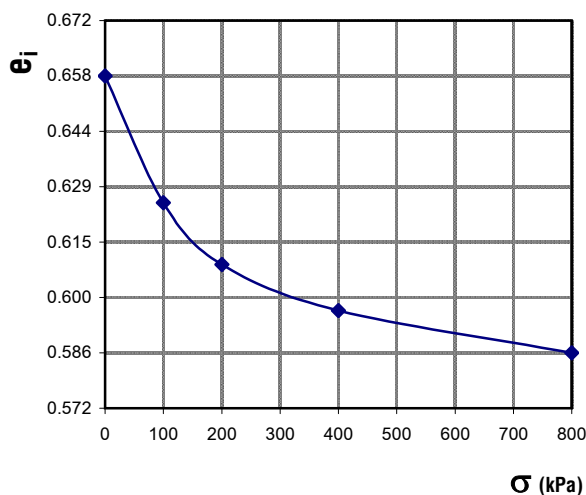
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.658			
100	46.0	7.1	0.625	0.033	5024.2	13775.0
200	68.0	10.4	0.609	0.016	10156.3	27845.4
400	85.2	14.4	0.597	0.006	26816.7	73523.3
800	102.0	17.2	0.586	0.003	53233.3	145949.8

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	kPa/0.01mm	kPa
100	32.3	1.686	33.4
200	39.2	1.678	49.2
300	52.5	1.736	75.7
400	69.7	1.739	100.0

$\tan \varphi = 0.2263$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 8.0 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK2-20

Độ sâu: 39.8 - 40.0 m

Hố khoan: HK2

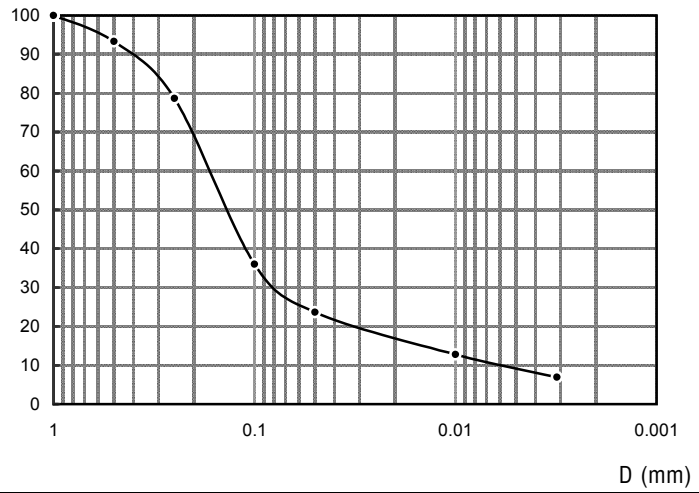
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á cát, xám xanh đen, trạng thái dẻo

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	28.15	19.0	14.8	94.0	44.4	0.797	26.6	31.97	25.42	6.55	0.42

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		92.74g					
		Nhiệt độ TN: 30.0°C	0.184	0.077	0.006	5.4	30.7

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5	6.7	100.0
			0.5-0.25	14.6	93.3
			0.25-0.1	42.7	78.7
			0.1-0.05	12.4	36.0
		Bụi	0.05-0.01	10.8	23.6
			0.01-0.005	3.5	12.8
		Sét	<0.005	9.3	9.3



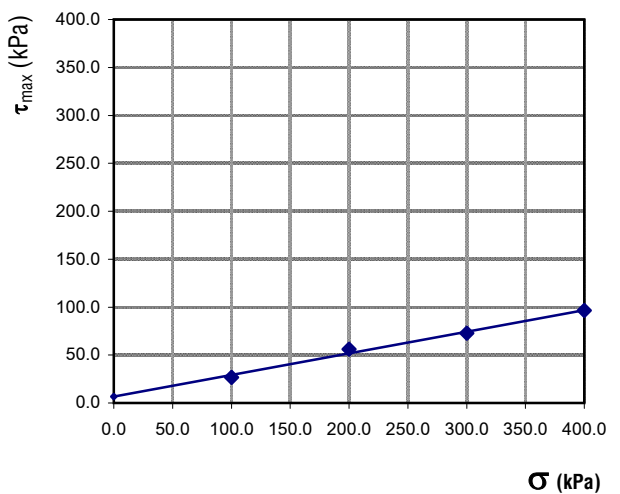
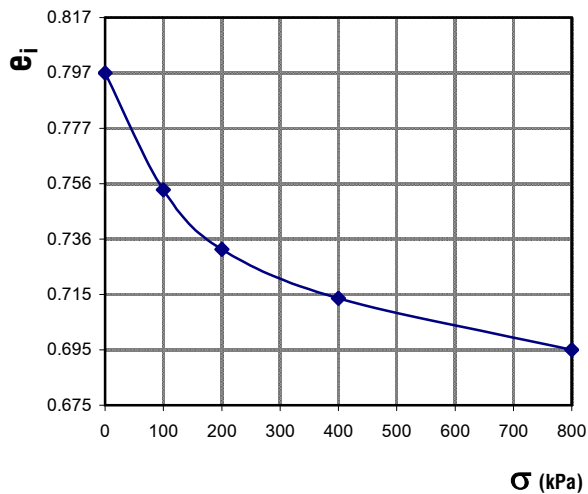
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 2.27$ Hộp nén số: 40 $e_0 = 0.797$
 $\beta = 0.74$ Số đọc sau 24h: 128.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.797			
100	53.7	6.8	0.754	0.043	4179.1	7020.0
200	79.0	9.5	0.732	0.022	7972.7	13392.6
400	103.0	13.2	0.714	0.009	19244.4	32326.8
800	125.0	14.7	0.695	0.005	34280.0	57583.5

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	kPa/0.01mm	kPa
100	32.3	1.686	26.8
200	39.2	1.678	56.2
300	52.5	1.736	72.7
400	69.7	1.739	96.5

$\tan \varphi = 0.2256$ $\varphi = 12^\circ 43'$ C = 6.7 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-1

Độ sâu: 1.8 - 2.0 m

Hố khoan: HK3

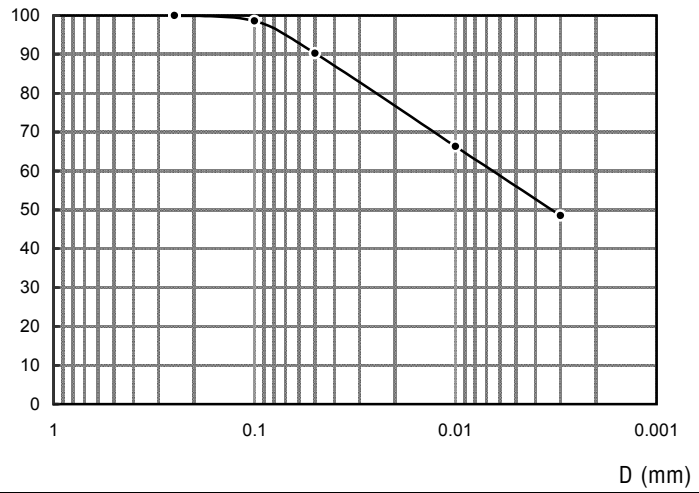
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	62.44	15.9	9.8	97.1	63.0	1.704	26.5	58.59	35.67	22.92	1.17

KQTN HẠT		KL đất khô:	29.65g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.006	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	1.4	100.0
			0.1-0.05	8.3	98.6
		Bụi	0.05-0.01	24.0	90.3
			0.01-0.005	9.6	66.3
			Sét	<0.005	56.7



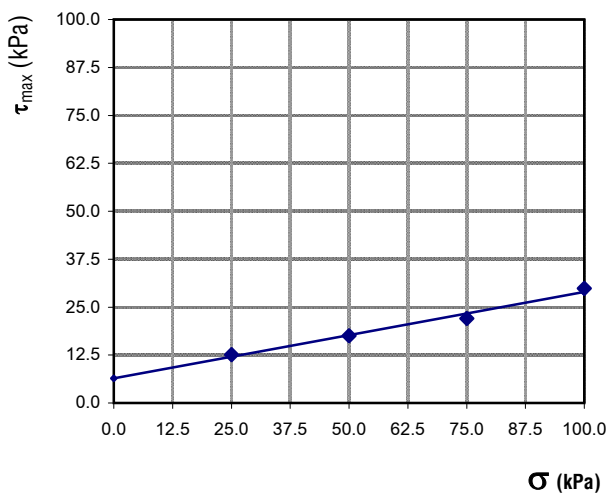
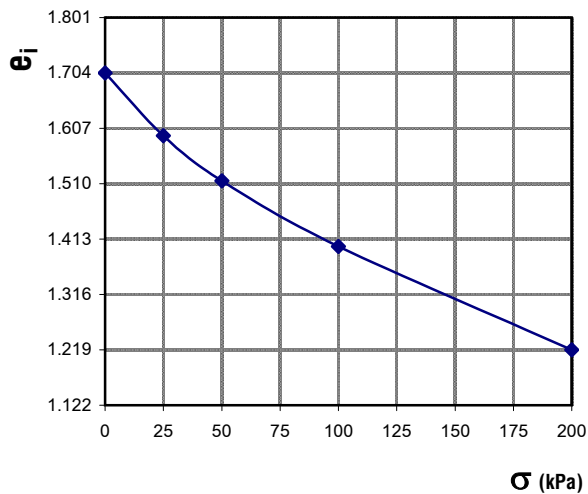
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 1 $e_0 = 1.704$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 371.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.704			
25	82.6	3.9	1.594	0.440	614.5	614.5
50	142.0	6.0	1.515	0.316	820.9	820.9
100	228.0	8.4	1.400	0.230	1093.5	1093.5
200	362.0	11.9	1.219	0.181	1326.0	1326.0

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	12.6
50	39.2	1.678	17.5
75	52.5	1.736	22.0
100	69.7	1.739	29.9

$\tan \varphi = 0.2256$ $\varphi = 12^\circ 43'$ C = 6.4 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-2

Độ sâu: 3.8 - 4.0 m

Hố khoan: HK3

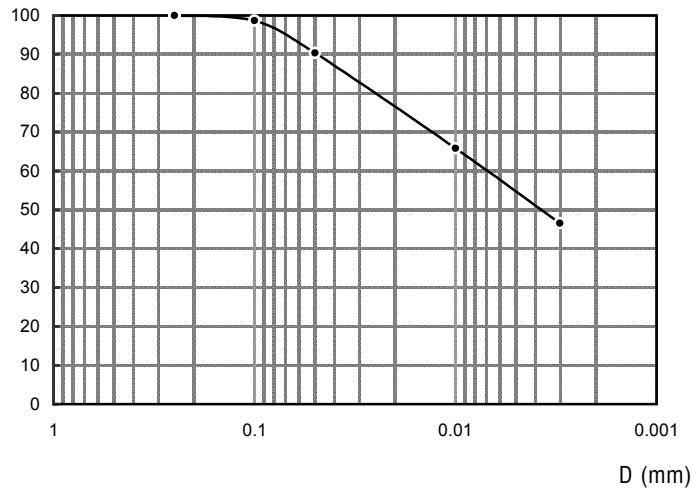
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	79.18	15.1	8.4	97.5	68.2	2.143	26.4	75.31	38.12	37.19	1.10

KQTN HẠT		KL đất khô:	29.29g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.008	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-12} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	1.3	100.0
			0.1-0.05	8.3	98.7
		Bụi	0.05-0.01	24.6	90.4
			0.01-0.005	12.2	65.8
		Sét	<0.005	53.6	53.6



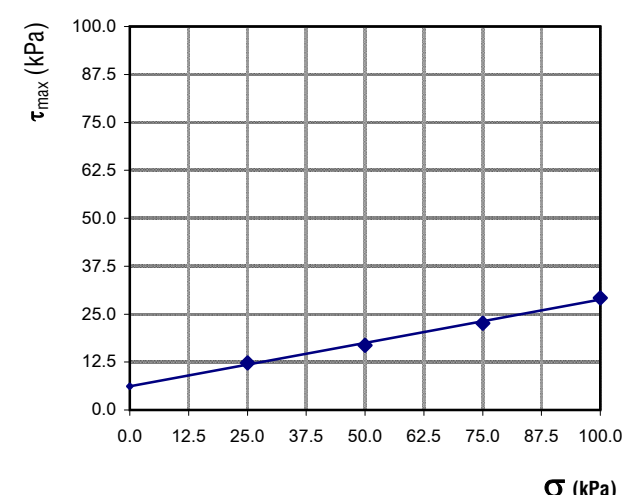
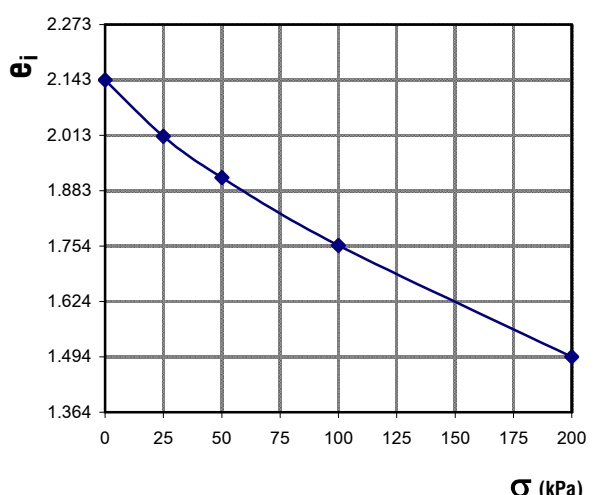
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 2 $e_0 = 2.143$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 426.4 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E^* m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			2.143			
25	85.7	3.6	2.011	0.528	595.3	595.3
50	149.0	6.7	1.914	0.388	776.0	776.0
100	251.0	9.8	1.755	0.318	916.4	916.4
200	416.0	13.3	1.494	0.261	1055.6	1055.6

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	12.3
50	39.2	1.678	16.9
75	52.5	1.736	22.6
100	69.7	1.739	29.2

$\tan \varphi = 0.2256$ $\varphi = 12^\circ 43'$ C = 6.2 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-3

Độ sâu: 5.8 - 6.0 m

Hố khoan: HK3

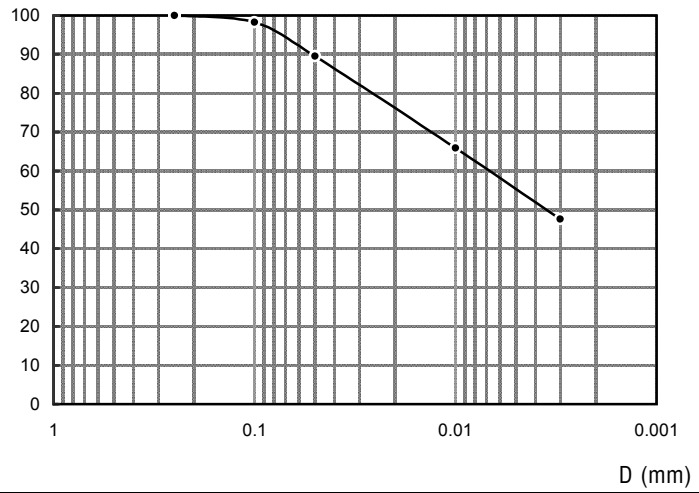
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	77.33	15.2	8.6	98.6	67.4	2.070	26.4	74.69	39.46	35.23	1.07

KQTN HẠT		KL đất khô:	29.32g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.007	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	1.7	100.0
2.0			0.1-0.05	8.8	98.3
1.0		Bụi	0.05-0.01	23.6	89.5
0.5			0.01-0.005	11.5	65.9
0.25					
0.1	0.51	Sét	<0.005	54.4	54.4



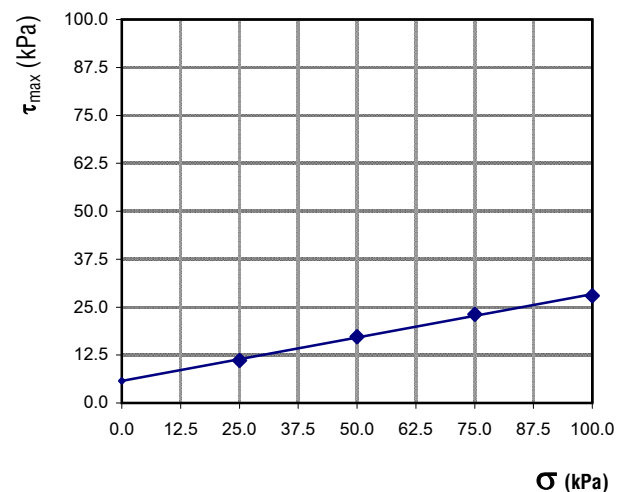
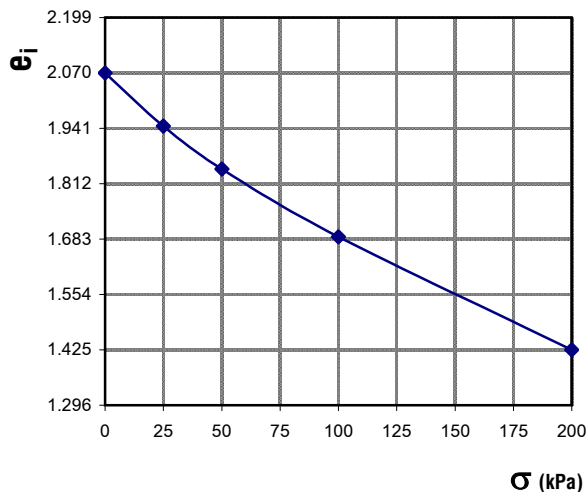
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 3 $e_0 = 2.070$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 432.3 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E^* m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			2.070			
25	83.0	3.9	1.946	0.496	619.0	619.0
50	148.0	6.0	1.846	0.400	736.5	736.5
100	252.0	9.1	1.688	0.316	900.6	900.6
200	421.8	12.6	1.425	0.263	1022.1	1022.1

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	kPa/0.01mm	kPa
25	32.3	1.686	11.1
50	39.2	1.678	17.3
75	52.5	1.736	23.1
100	69.7	1.739	28.0

$\tan \varphi = 0.2260$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 5.8 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-4

Độ sâu: 7.8 - 8.0 m

Hố khoan: HK3

Ngày TN: 02-01-18

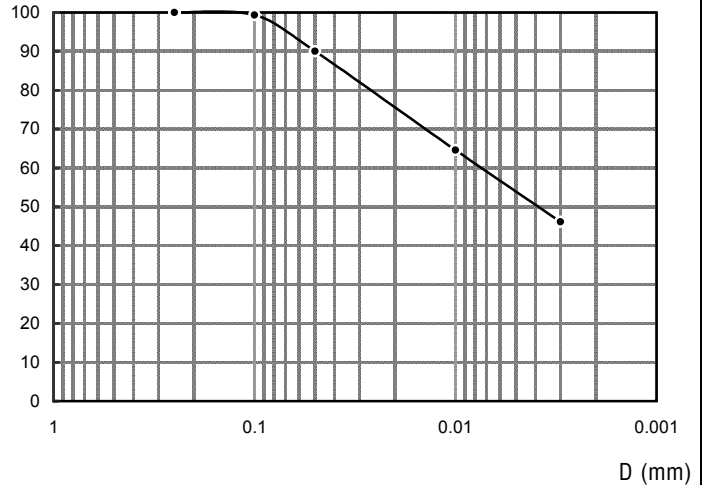
Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	72.45	15.5	9.0	98.5	66.2	1.956	26.6	68.94	39.11	29.83	1.12

KQTN HẠT

KL đất khô:	29.37g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.006	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{i-12} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	0.7	100.0
2.0			0.1-0.05	9.3	99.3
1.0		Bụi	0.05-0.01	25.4	90.0
0.5			0.01-0.005	6.4	64.6
0.25					
0.1	0.20	Sét	<0.005	58.2	58.2



Thí nghiệm nén lún

$m_v = 1.00$ Hộp nén số: 4 $e_0 = 1.956$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 398.7 $h_0 = 20\text{mm}$

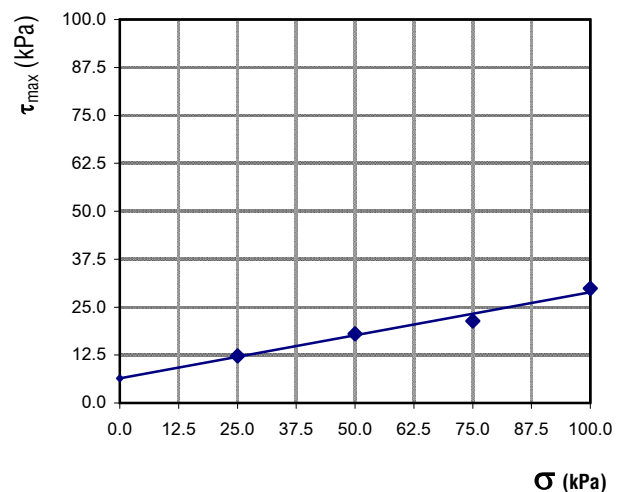
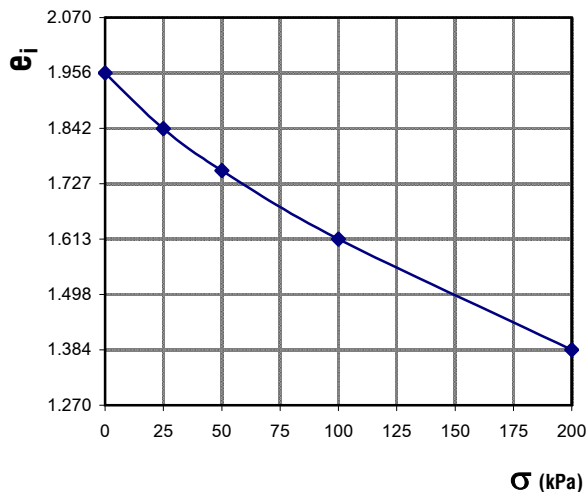
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.956			
25	79.8	3.5	1.841	0.460	642.6	642.6
50	140.0	6.0	1.754	0.348	816.4	816.4
100	235.0	8.8	1.613	0.282	976.6	976.6
200	389.0	11.9	1.384	0.229	1141.0	1141.0

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	12.3
50	39.2	1.678	18.0
75	52.5	1.736	21.4
100	69.7	1.739	29.9

$\tan \varphi = 0.2248$ $\varphi = 12^\circ 40'$ C = 6.4 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-5

Độ sâu: 9.8 - 10.0 m

Hố khoan: HK3

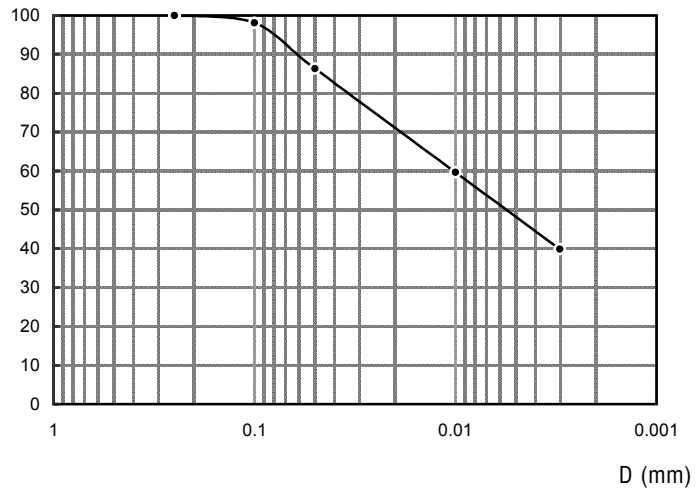
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	67.03	15.9	9.5	99.3	64.2	1.789	26.5	62.16	35.59	26.57	1.18

KQTN HẠT		KL đất khô:	32.04g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.010	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	1.9	100.0
			0.1-0.05	11.8	98.1
		Bụi	0.05-0.01	26.7	86.3
			0.01-0.005	10.7	59.6
		Sét	<0.005	48.9	48.9



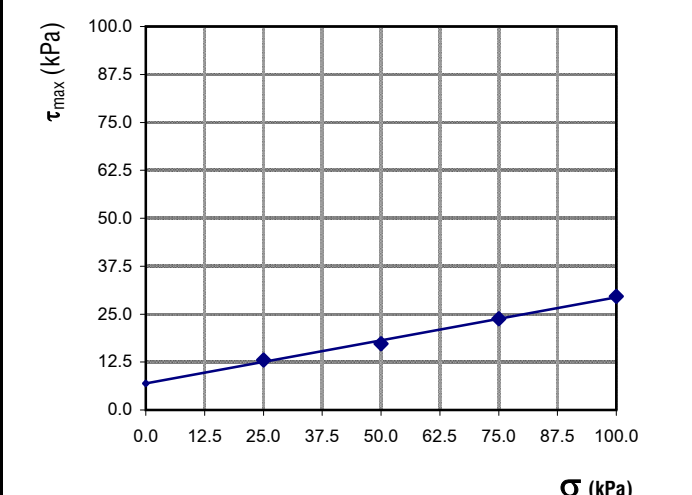
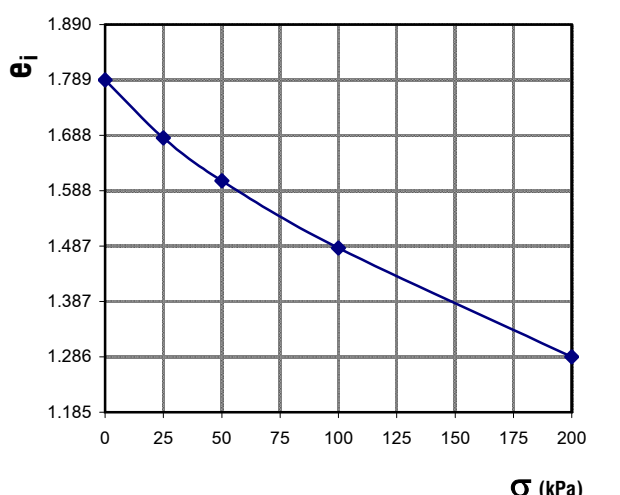
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 5 $e_0 = 1.789$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 371.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E^* m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.789			
25	76.0	3.2	1.684	0.420	664.0	664.0
50	132.0	4.2	1.606	0.312	860.3	860.3
100	221.3	7.4	1.484	0.244	1068.0	1068.0
200	362.0	10.5	1.286	0.198	1254.5	1254.5

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	13.0
50	39.2	1.678	17.3
75	52.5	1.736	23.8
100	69.7	1.739	29.6

$\tan \varphi = 0.2252$ $\varphi = 12^\circ 41'$ C = 6.9 kPa



Đại diện TN:

Xử lý: KS. Võ Thanh Long

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-6

Độ sâu: 11.8 - 12.0 m

Hố khoan: HK3

Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012:

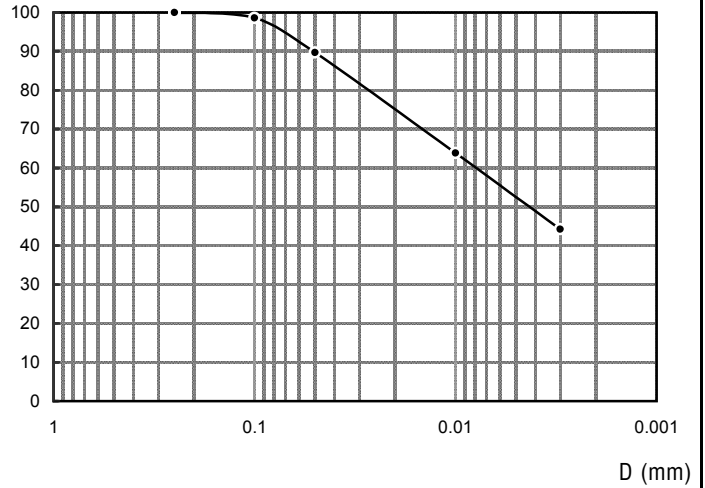
Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	77.08	15.3	8.6	98.0	67.7	2.093	26.6	70.45	42.18	28.27	1.23

KQTN HẠT

KL đất khô:	28.87g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.008	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	1.4	100.0
			0.1-0.05	8.9	98.6
		Bụi	0.05-0.01	25.9	89.7
			0.01-0.005	11.3	63.8
		Sét	<0.005	52.5	52.5



Thí nghiệm nén lún

$m_v = 1.00$ Hộp nén số: 6 $e_0 = 2.093$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 420.3 $h_0 = 20\text{mm}$

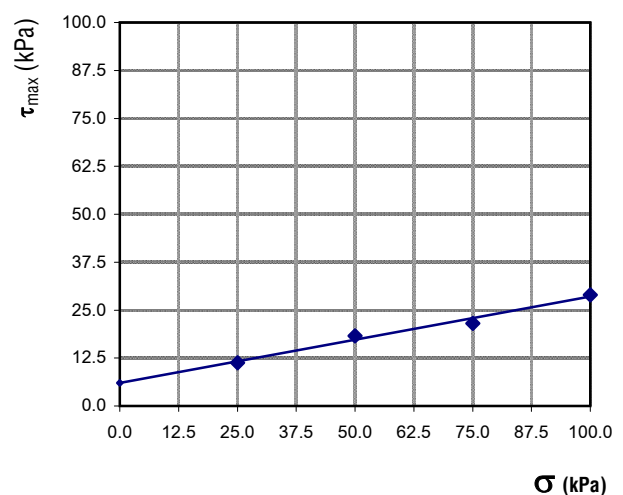
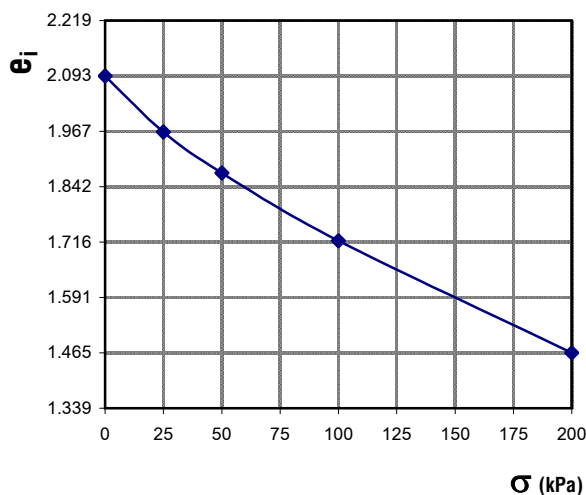
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			2.093			
25	83.4	3.9	1.966	0.508	608.9	608.9
50	145.0	6.7	1.873	0.372	797.3	797.3
100	246.0	10.2	1.719	0.308	932.8	932.8
200	410.0	14.0	1.465	0.254	1070.5	1070.5

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	11.3
50	39.2	1.678	18.3
75	52.5	1.736	21.5
100	69.7	1.739	29.0

$\tan \varphi = 0.2252$ $\varphi = 12^\circ 41'$ C = 6.0 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-7

Độ sâu: 13.8 - 14.0 m

Hố khoan: HK3

Ngày TN: 02-01-18

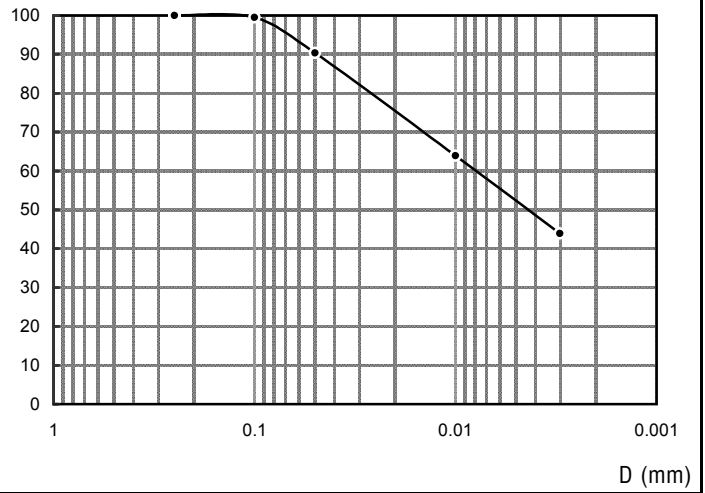
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	78.63	15.0	8.4	96.9	68.2	2.143	26.4	74.62	39.00	35.62	1.11

KQTN HẠT		KL đất khô:	30.30g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.007	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	0.5	100.0
			0.1-0.05	9.1	99.5
		Bụi	0.05-0.01	26.5	90.4
			0.01-0.005	10.5	63.9
		Sét	<0.005	53.4	53.4



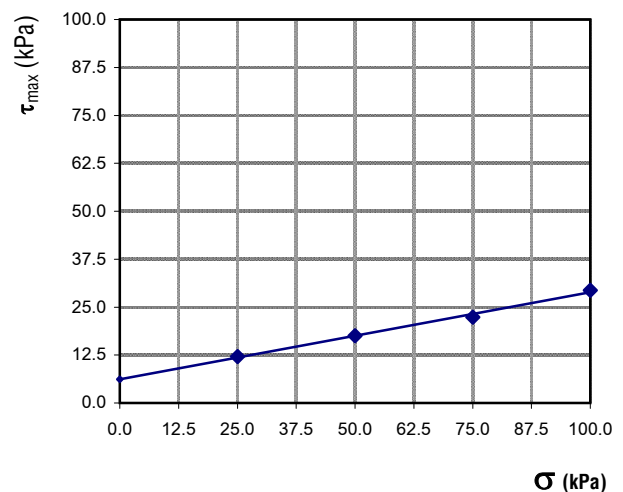
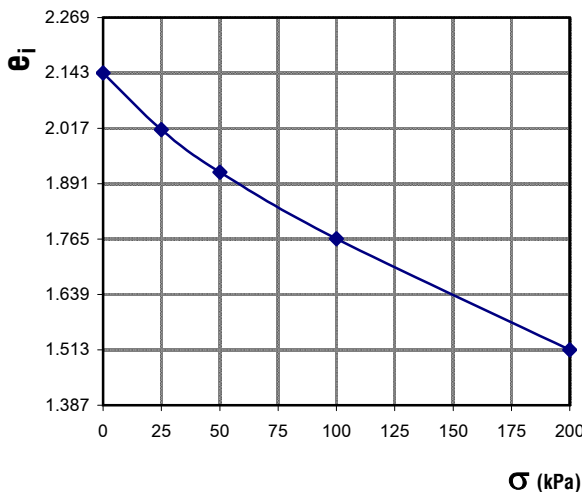
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 7 $e_0 = 2.143$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 413.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			2.143			
25	83.0	3.2	2.014	0.516	609.1	609.1
50	146.0	5.6	1.917	0.388	776.8	776.8
100	242.0	8.4	1.766	0.302	965.9	965.9
200	403.0	11.9	1.513	0.253	1093.3	1093.3

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	12.1
50	39.2	1.678	17.5
75	52.5	1.736	22.4
100	69.7	1.739	29.4

$\tan \varphi = 0.2272$ $\varphi = 12^\circ 48'$ C = 6.2 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-8

Độ sâu: 15.8 - 16.0 m

Hố khoan: HK3

Ngày TN: 02-01-18

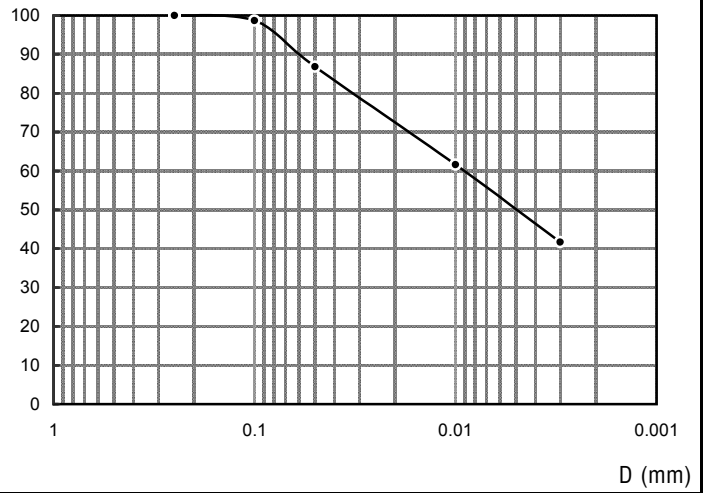
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	65.01	15.8	9.6	97.9	63.8	1.760	26.5	62.57	34.26	28.31	1.09

KQTN HẠT		KL đất khô:	32.22g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.009	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	1.3	100.0
			0.1-0.05	11.9	98.7
		Bụi	0.05-0.01	25.2	86.8
			0.01-0.005	14.0	61.6
		Sét	<0.005	47.6	47.6



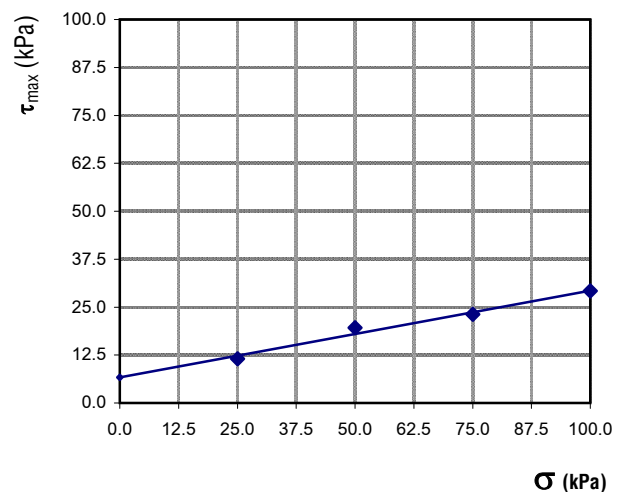
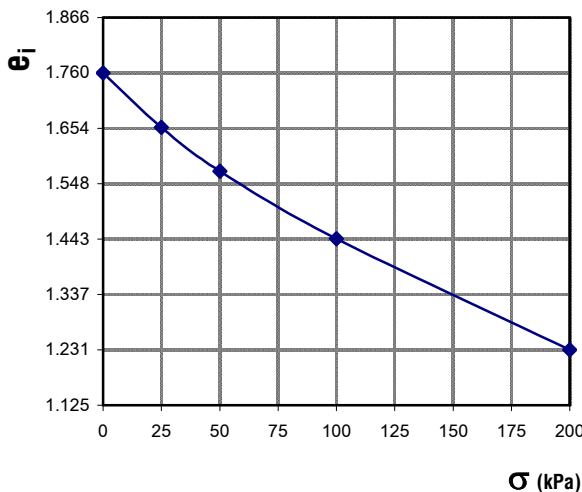
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 8 $e_0 = 1.760$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 395.7 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E^* m_k \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.760			
25	76.0	3.4	1.656	0.416	663.5	663.5
50	138.0	5.6	1.572	0.336	790.5	790.5
100	232.6	8.8	1.443	0.258	996.9	996.9
200	386.0	12.6	1.231	0.212	1152.4	1152.4

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	11.5
50	39.2	1.678	19.6
75	52.5	1.736	23.1
100	69.7	1.739	29.2

$\tan \varphi = 0.2264$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 6.7 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-9

Độ sâu: 17.8 - 18.0 m

Hố khoan: HK3

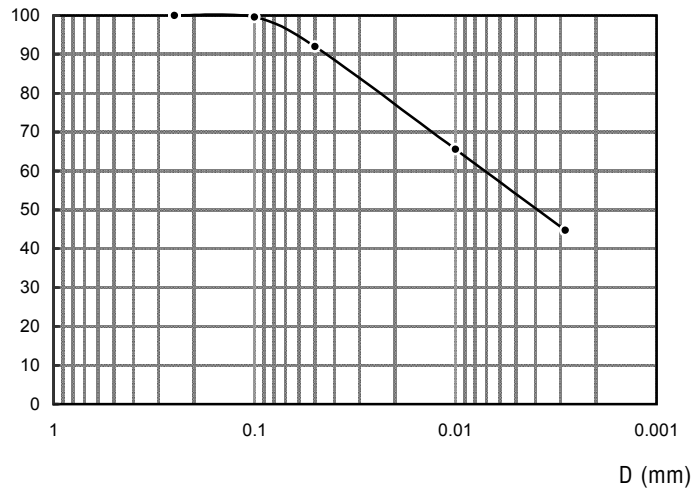
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, nâu, trạng thái nửa cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	27.93	19.2	15.0	93.0	45.1	0.820	27.3	48.29	24.02	24.27	0.16

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		42.21g	0.008	*	*	*	*
		Nhiệt độ TN: 30.0°C					

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	0.4	100.0
2.0			0.1-0.05	7.6	99.6
1.0		Bụi	0.05-0.01	26.4	92.0
0.5			0.01-0.005	12.0	65.6
0.25					
0.1	0.18	Sét	<0.005	53.6	53.6



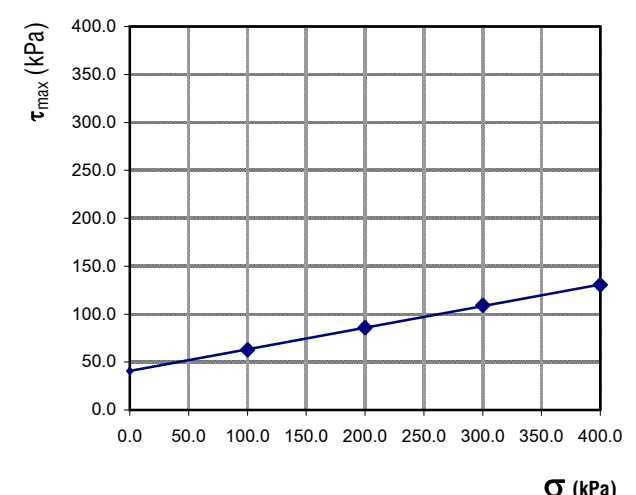
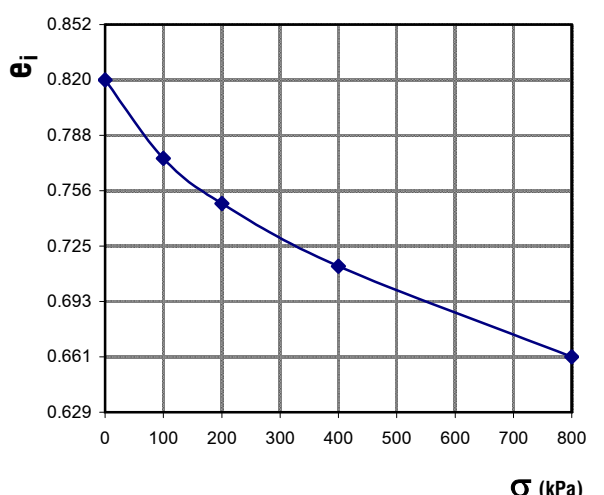
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 6.00$ Hộp nén số: 9 $e_0 = 0.820$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 190.7 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.820			
100	55.0	7.7	0.775	0.045	4044.4	9706.7
200	87.0	10.9	0.749	0.026	6826.9	16384.6
400	127.0	12.6	0.713	0.018	9716.7	23320.0
800	186.0	15.5	0.661	0.013	13176.9	31624.6

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	62.9
200	39.2	1.678	85.7
300	52.5	1.736	109.2
400	69.7	1.739	130.4

$\tan \varphi = 0.2260$ $\varphi = 12^\circ 44'$ $C = 40.6 \text{ kPa}$



Đại diện TN:

Xử lý:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-10

Độ sâu: 19.8 - 20.0 m

Hố khoan: HK3

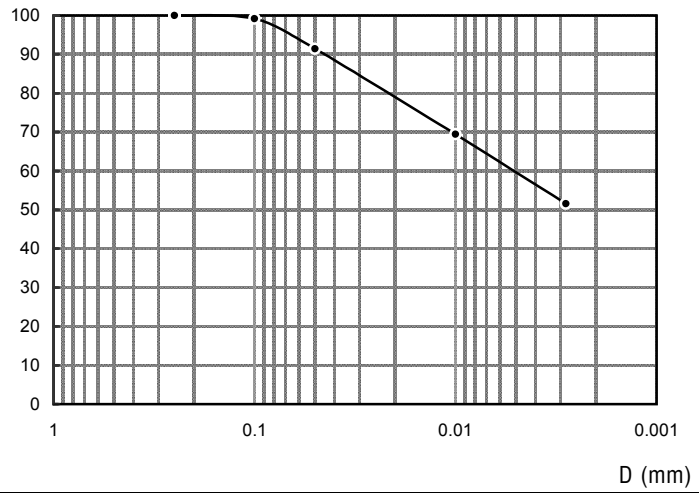
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	32.66	18.4	13.9	92.5	49.1	0.964	27.3	51.68	23.65	28.03	0.32

KQTN HẠT		KL đất khô:	39.65g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.006	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	0.8	100.0
2.0			0.1-0.05	7.8	99.2
1.0		Bụi	0.05-0.01	22.0	91.4
0.5			0.01-0.005	11.1	69.4
0.25					
0.1	0.32	Sét	<0.005	58.3	58.3



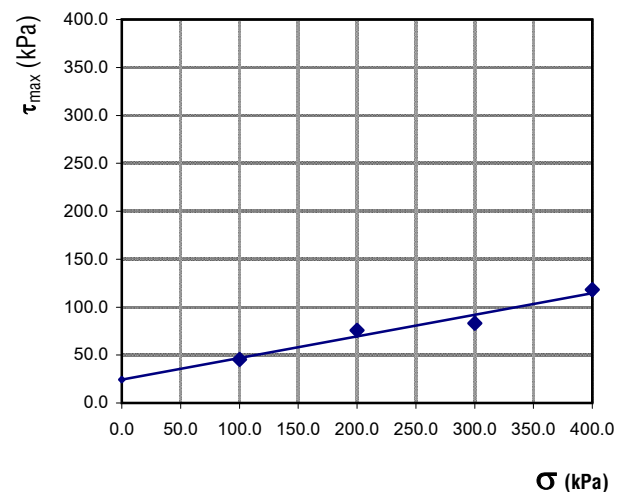
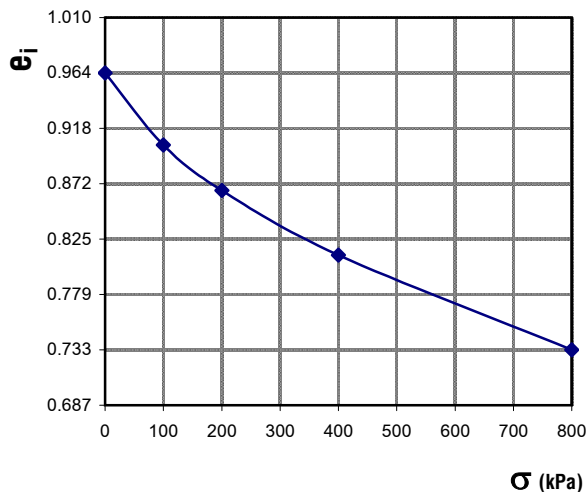
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 5.50$ Hộp nén số: 10 $e_0 = 0.964$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 250.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.964			
100	67.0	7.7	0.904	0.060	3273.3	7201.3
200	108.0	10.5	0.866	0.038	5010.5	11023.2
400	163.0	12.3	0.812	0.027	6911.1	15204.4
800	244.0	15.5	0.733	0.020	9060.0	19932.0

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	45.5
200	39.2	1.678	75.8
300	52.5	1.736	83.2
400	69.7	1.739	118.3

$\tan \varphi = 0.2258$ $\varphi = 12^\circ 43'$ $C = 24.3 \text{ kPa}$



Đại diện TN: **Trần Hồng Vân**

Xử lý: **KS. Võ Thanh Long**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-11

Độ sâu: 21.8 - 22.0 m

Hố khoan: HK3

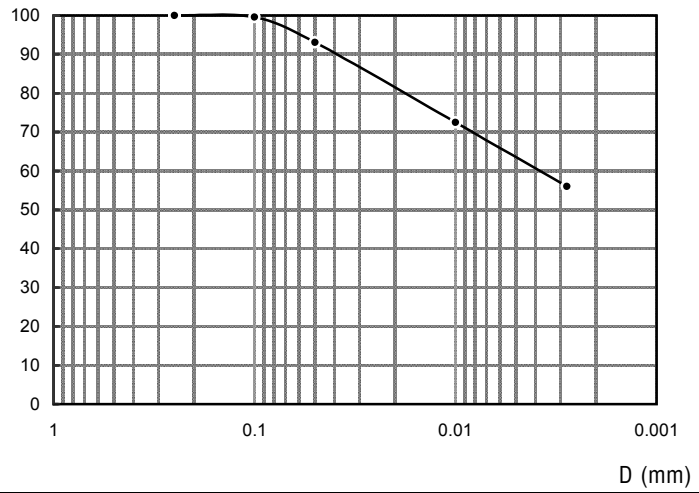
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	32.69	18.7	14.1	95.0	48.5	0.943	27.4	47.69	23.56	24.13	0.38

KQTN HẠT				KL đất khô:	38.71g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
				Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.004	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	0.4	100.0
2.0			0.1-0.05	6.5	99.6
1.0		Bụi	0.05-0.01	20.6	93.1
0.5			0.01-0.005	8.0	72.5
0.25					
0.1	0.15	Sét	<0.005	64.5	64.5



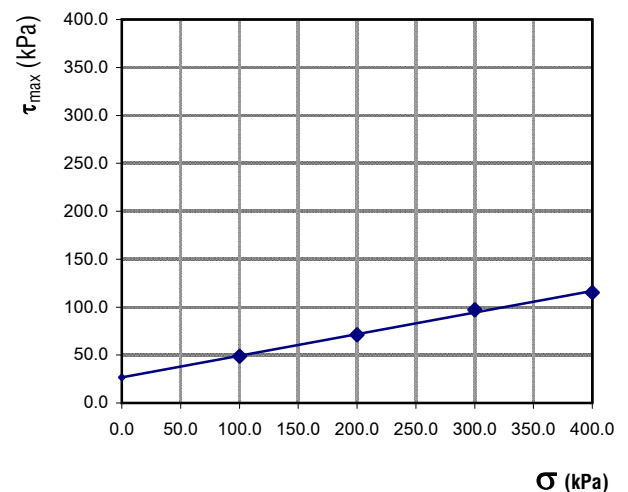
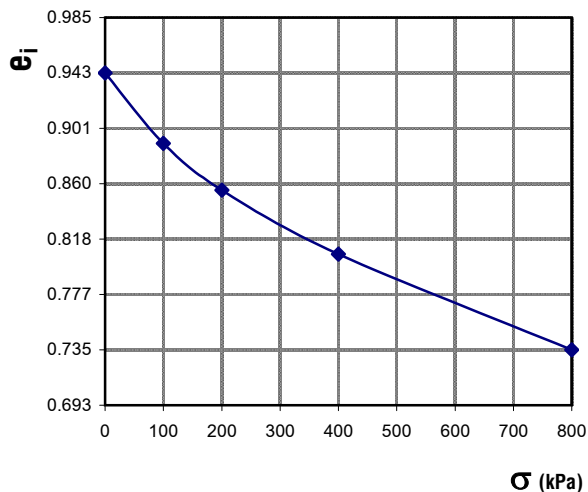
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 5.50$ Hộp nén số: 11 $e_0 = 0.943$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 230.6 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E^*m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.943			
100	62.0	8.4	0.890	0.053	3666.0	8065.3
200	100.0	11.2	0.855	0.035	5400.0	11880.0
400	150.0	13.3	0.807	0.024	7729.2	17004.2
800	225.0	16.3	0.735	0.018	10038.9	22085.6

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	48.7
200	39.2	1.678	71.1
300	52.5	1.736	97.2
400	69.7	1.739	115.3

$\tan \varphi = 0.2259$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 26.6 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-12

Độ sâu: 23.8 - 24.0 m

Hố khoan: HK3

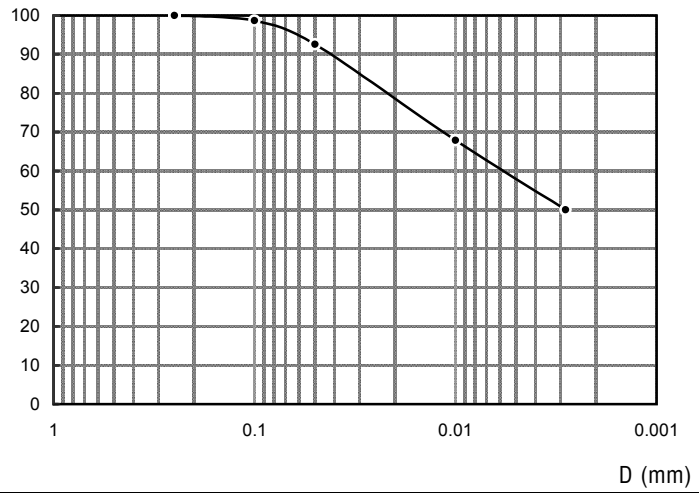
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, vàng nâu, trạng thái nửa cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	23.97	19.7	15.9	91.7	41.5	0.711	27.2	45.17	18.43	26.74	0.21

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		40.97g	0.007	*	*	*	*
		Nhiệt độ TN: 30.0°C					

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	1.3	100.0
2.0			0.1-0.05	6.1	98.7
1.0		Bụi	0.05-0.01	24.7	92.6
0.5			0.01-0.005	11.4	67.9
0.25					
0.1	0.52	Sét	<0.005	56.5	56.5



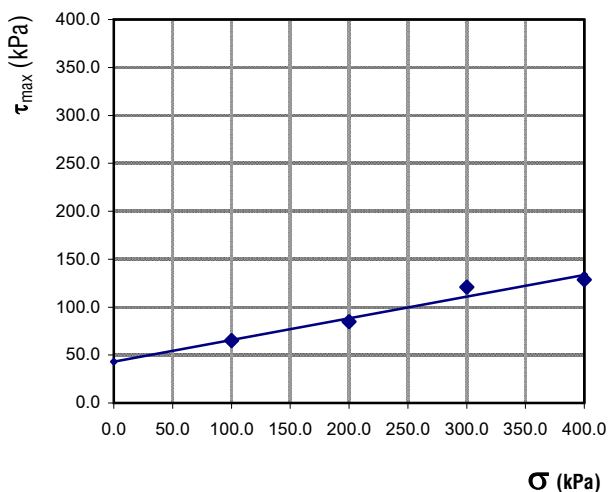
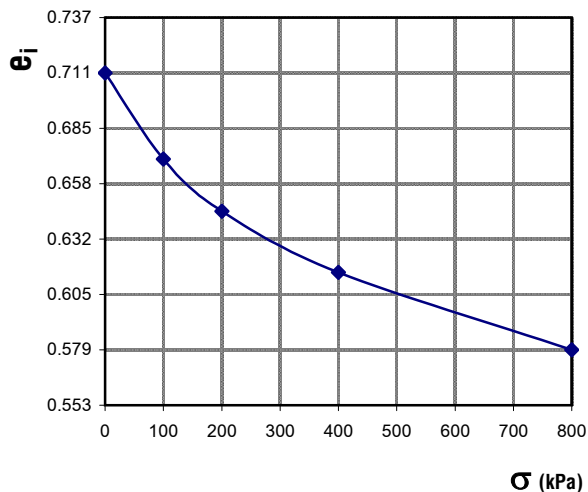
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 6.00$ Hộp nén số: 12 $e_0 = 0.711$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 168.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.711			
100	53.4	6.3	0.670	0.041	4173.2	10015.6
200	84.0	9.5	0.645	0.025	6680.0	16032.0
400	120.0	11.6	0.616	0.015	10966.7	26320.0
800	164.0	13.7	0.579	0.009	17955.6	43093.3

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	65.1
200	39.2	1.678	84.7
300	52.5	1.736	120.8
400	69.7	1.739	128.5

$\tan \varphi = 0.2263$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 43.2 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-13

Độ sâu: 25.8 - 26.0 m

Hố khoan: HK3

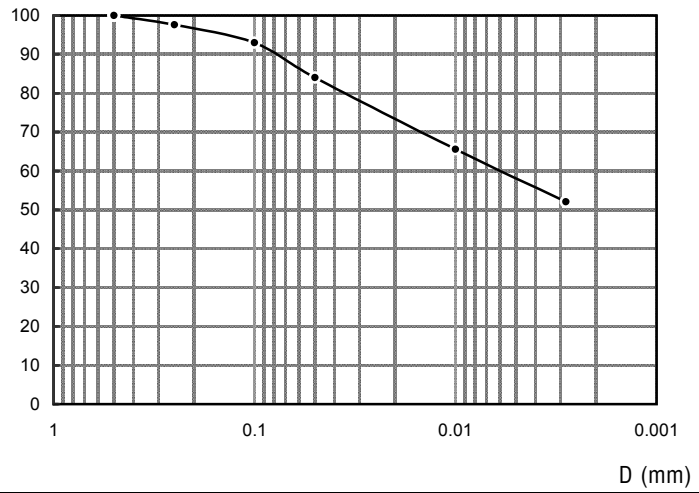
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, vàng nâu - xám trắng, trạng thái nửa cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	22.17	19.9	16.3	89.7	40.3	0.675	27.3	45.72	20.63	25.09	0.06

KQTN HẠT		KL đất khô:	39.26g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.005	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	2.4	100.0
			0.25-0.1	4.6	97.6
			0.1-0.05	9.0	93.0
		Bụi	0.05-0.01	18.4	84.0
			0.01-0.005	6.7	65.6
		Sét	<0.005	58.9	58.9



Thí nghiệm nén lún

$m_v = 6.00$ Hộp nén số: 13 $e_0 = 0.675$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 166.1 $h_0 = 20\text{mm}$

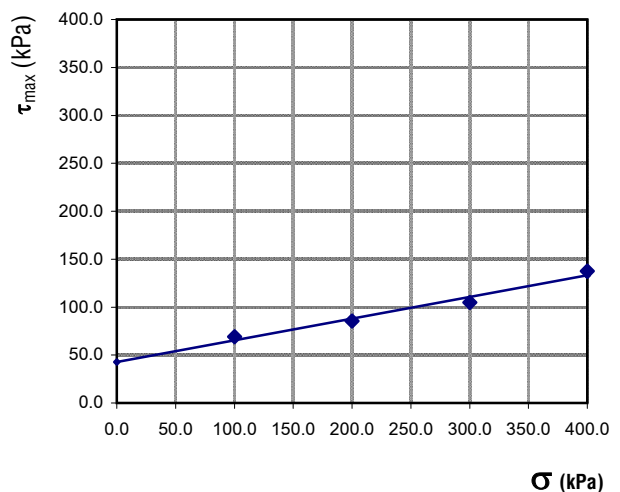
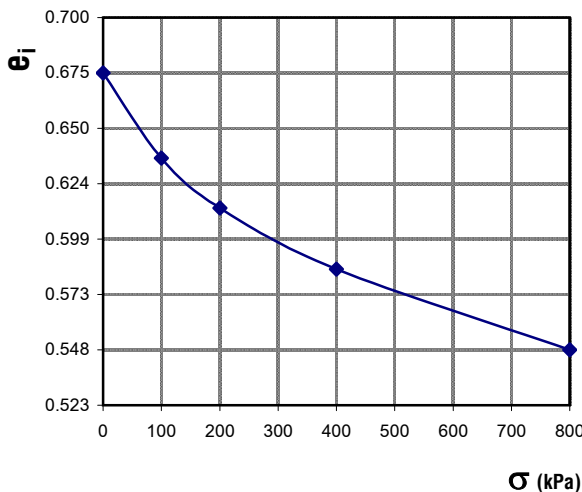
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.675			
100	51.8	7.4	0.636	0.039	4294.9	10307.7
200	82.0	10.2	0.613	0.023	7113.0	17071.3
400	116.0	10.9	0.585	0.014	11521.4	27651.4
800	162.0	13.7	0.548	0.009	17611.1	42266.7

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	69.0
200	39.2	1.678	85.4
300	52.5	1.736	104.7
400	69.7	1.739	137.7

$\tan \varphi = 0.2254$ $\varphi = 12^\circ 42'$ $C = 42.9 \text{ kPa}$



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-14

Độ sâu: 27.8 - 28.0 m

Hố khoan: HK3

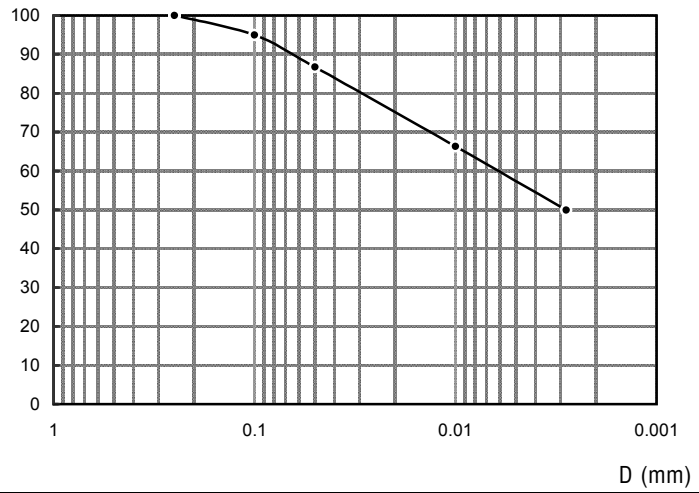
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, vàng nâu - xám trắng, trạng thái nửa cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	21.75	19.8	16.3	87.5	40.5	0.681	27.4	43.00	20.49	22.51	0.06

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		40.94g	0.007	*	*	*	*
		Nhiệt độ TN: 30.0°C					

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	5.0	100.0
2.0			0.1-0.05	8.3	95.0
1.0		Bụi	0.05-0.01	20.4	86.7
0.5			0.01-0.005	9.8	66.3
0.25					
0.1	2.06	Sét	<0.005	56.5	56.5



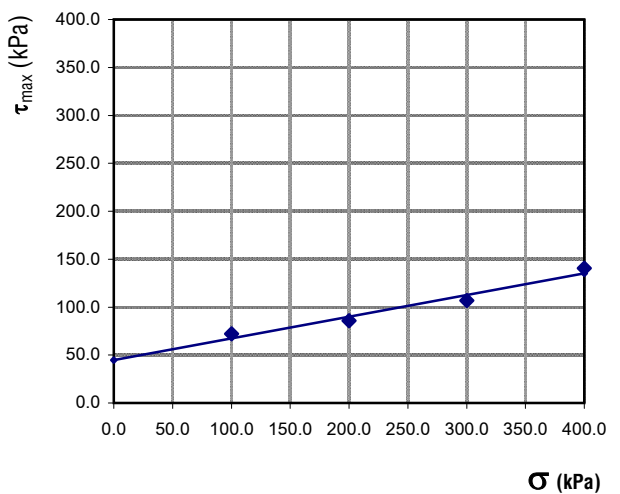
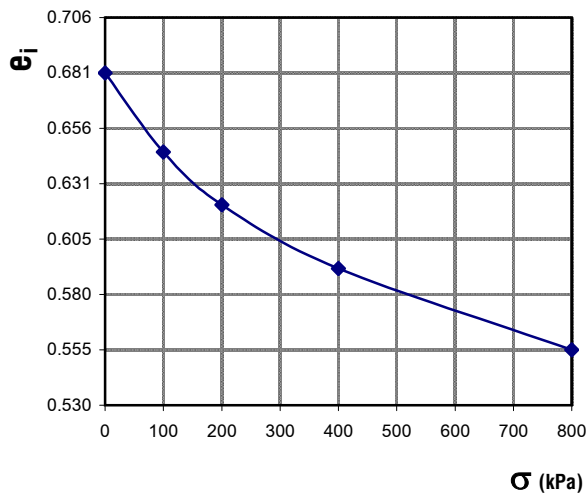
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 6.00$ Hộp nén số: 14 $e_0 = 0.681$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 165.0 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.681			
100	50.0	8.1	0.645	0.036	4669.4	11206.7
200	80.0	10.5	0.621	0.024	6854.2	16450.0
400	115.0	11.6	0.592	0.015	10806.7	25936.0
800	161.0	14.8	0.555	0.009	17688.9	42453.3

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	kPa/0.01mm	kPa
100	32.3	1.686	72.2
200	39.2	1.678	85.9
300	52.5	1.736	106.9
400	69.7	1.739	140.5

$\tan \varphi = 0.2259$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 44.9 kPa



Đại diện TN: **Trần Hồng Văn**

Xử lý: **KS. Võ Thanh Long**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-15

Độ sâu: 29.8 - 30.0 m

Hố khoan: HK3

Ngày TN: 02-01-18

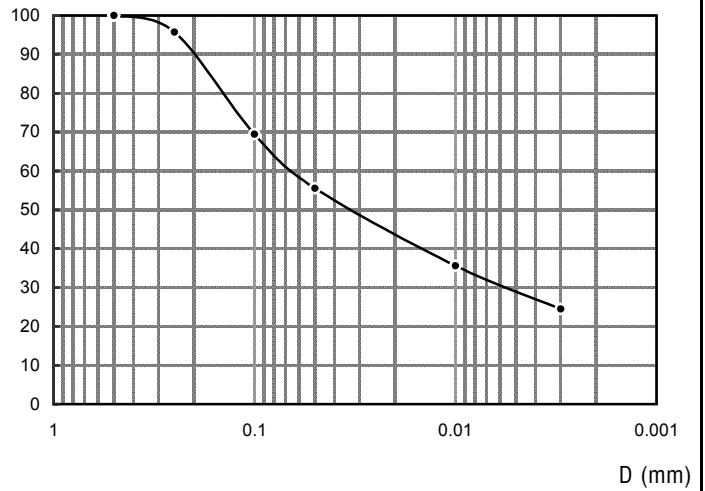
Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á sét, xám nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	29.29	18.9	14.6	93.6	45.7	0.842	26.9	39.86	23.78	16.08	0.34

KQTN HẠT

KL đất khô:	50.34g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.068	0.007	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	4.3	100.0
			0.25-0.1	26.3	95.7
			0.1-0.05	13.9	69.4
		Bụi	0.05-0.01	19.9	55.5
			0.01-0.005	8.6	35.6
		Sét	<0.005	27.0	27.0



Thí nghiệm nén lún

$m_v = 3.97$ Hộp nén số: 15 $e_0 = 0.842$
 $\beta = 0.62$ Số đọc sau 24h: 213.5 $h_0 = 20\text{mm}$

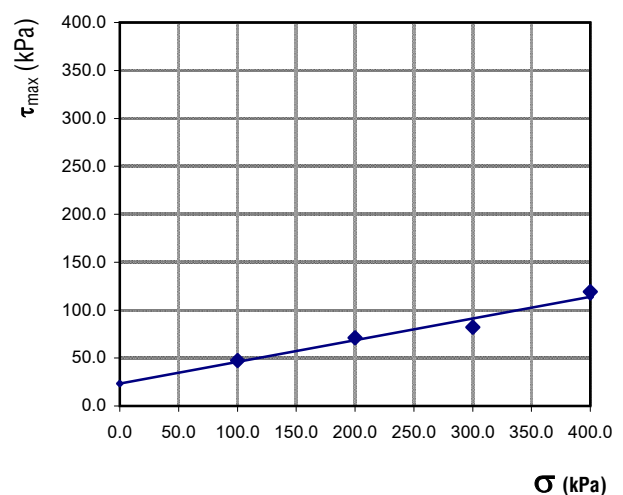
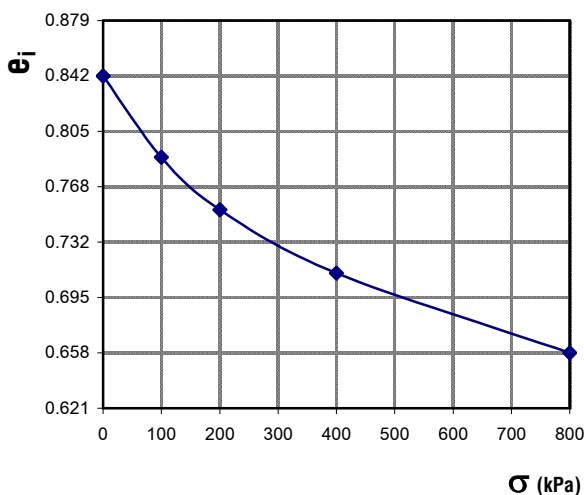
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.842			
100	64.0	6.3	0.788	0.054	3411.1	8396.1
200	104.0	9.1	0.753	0.035	5108.6	12574.2
400	149.2	10.9	0.711	0.021	8347.6	20546.8
800	208.3	13.7	0.658	0.013	13161.5	32395.8

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	47.4
200	39.2	1.678	71.1
300	52.5	1.736	82.3
400	69.7	1.739	119.1

$\tan \varphi = 0.2263$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 23.4 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-16

Độ sâu: 31.8 - 32.0 m

Hố khoan: HK3

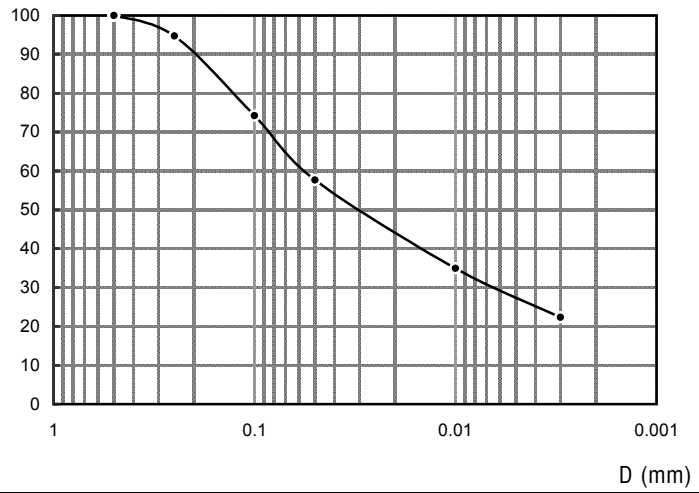
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á sét, xám nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	25.31	19.5	15.6	93.5	42.2	0.731	27.0	34.82	19.26	15.56	0.39

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		49.48g					
		Nhiệt độ TN: 30.0°C	0.057	0.006	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	5.3	100.0
			0.25-0.1	20.5	94.7
			0.1-0.05	16.5	74.2
		Bụi	0.05-0.01	22.8	57.7
			0.01-0.005	5.6	34.9
		Sét	<0.005	29.3	29.3



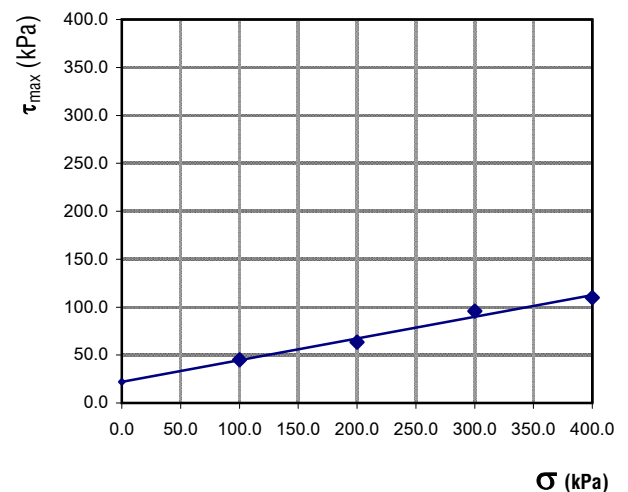
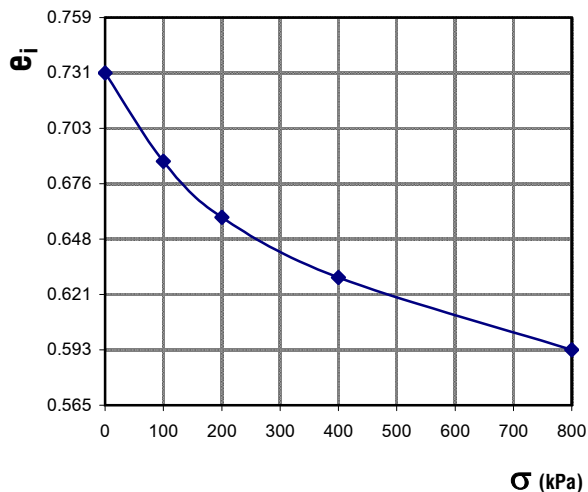
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 4.46$ Hộp nén số: 16 $e_0 = 0.731$
 $\beta = 0.62$ Số đọc sau 24h: 175.3 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.731			
100	57.4	8.1	0.687	0.044	3934.1	10866.4
200	92.0	11.2	0.659	0.028	6025.0	16641.7
400	127.0	12.6	0.629	0.015	11060.0	30548.8
800	171.0	16.5	0.593	0.009	18100.0	49994.0

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	45.0
200	39.2	1.678	63.4
300	52.5	1.736	95.7
400	69.7	1.739	109.7

$\tan \varphi = 0.2264$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 21.9 kPa



Đại diện TN: **Trần Hồng Văn**

Xử lý: **KS. Võ Thanh Long**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-17

Độ sâu: 33.8 - 34.0 m

Hố khoan: HK3

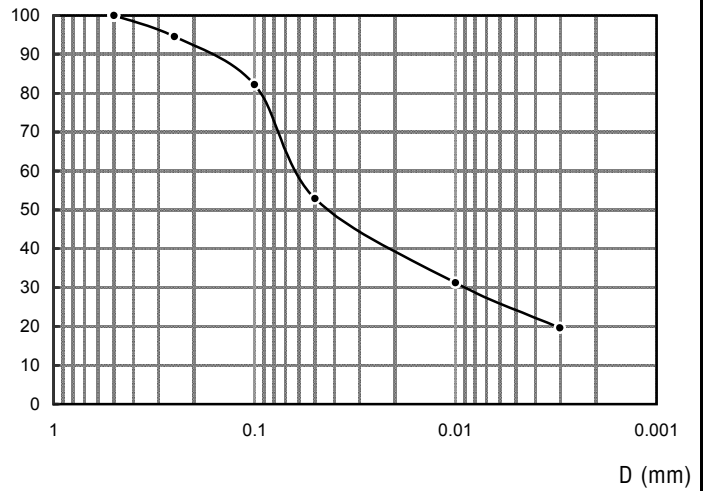
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á sét, xám nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	24.67	19.6	15.7	92.5	41.9	0.720	27.0	35.35	20.87	14.48	0.26

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		52.31g					
		Nhiệt độ TN: 30.0°C	0.063	0.009	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	5.4	100.0
			0.25-0.1	12.4	94.6
			0.1-0.05	29.3	82.2
		Bụi	0.05-0.01	21.7	52.9
			0.01-0.005	5.5	31.2
		Sét	<0.005	25.7	25.7



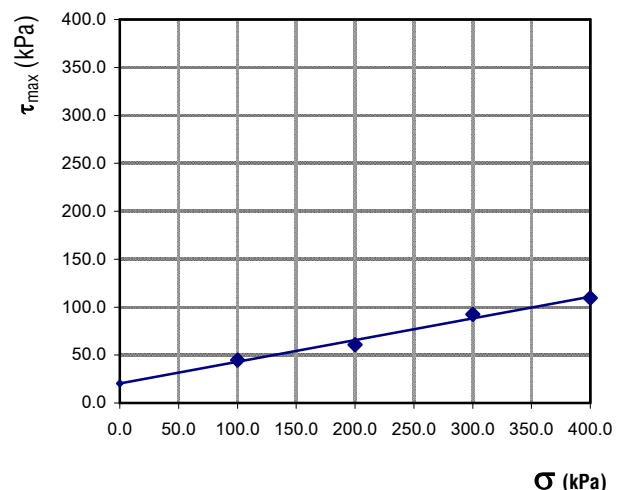
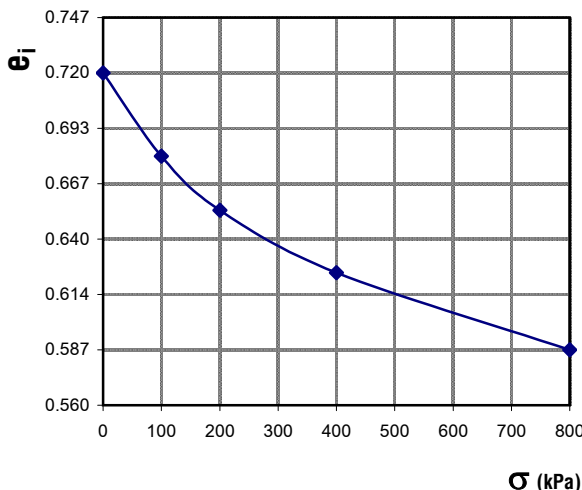
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 4.48$ Hộp nén số: 17 $e_0 = 0.720$
 $\beta = 0.62$ Số đọc sau 24h: 171.2 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.720			
100	54.3	8.4	0.680	0.040	4300.0	11943.7
200	86.0	11.6	0.654	0.026	6461.5	17947.6
400	121.5	13.0	0.624	0.015	11026.7	30627.7
800	167.0	16.5	0.587	0.009	18044.4	50120.2

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	kPa/0.01mm	kPa
100	32.3	1.686	44.8
200	39.2	1.678	60.9
300	52.5	1.736	92.5
400	69.7	1.739	109.6

$\tan \varphi = 0.2260$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 20.5 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-18

Độ sâu: 35.8 - 36.0 m

Hố khoan: HK3

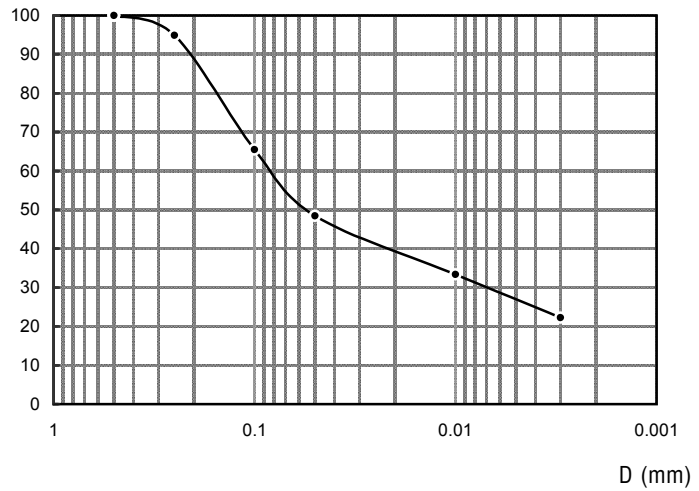
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	38.35	17.8	12.9	95.3	51.9	1.078	26.8	47.26	31.95	15.31	0.42

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		54.50g					
		Nhiệt độ TN:	0.086	0.008	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	5.1	100.0
			0.25-0.1	29.4	94.9
			0.1-0.05	17.1	65.5
		Bụi	0.05-0.01	15.0	48.4
			0.01-0.005	7.9	33.4
		Sét	<0.005	25.5	25.5



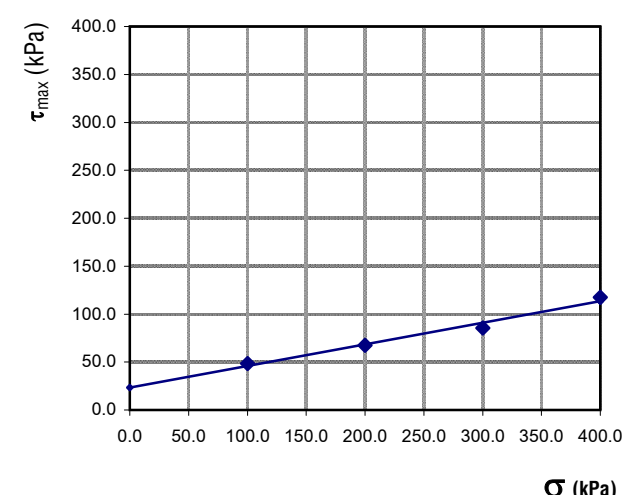
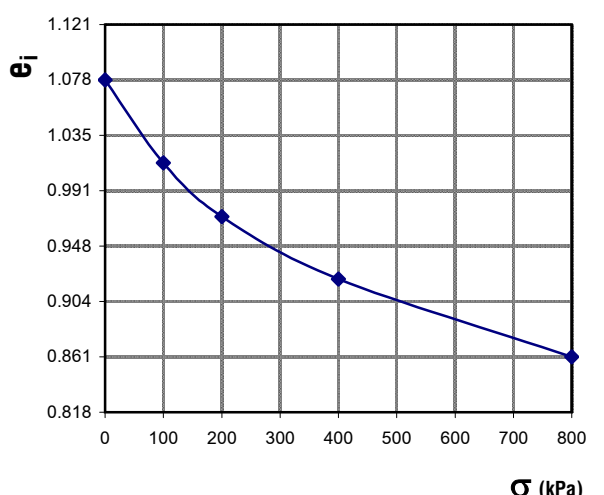
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 2.00$ Hộp nén số: 18 $e_0 = 1.078$
 $\beta = 0.62$ Số đọc sau 24h: 223.5 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.078			
100	69.4	7.7	1.013	0.065	3196.9	3964.2
200	110.0	10.2	0.971	0.042	4792.9	5943.1
400	158.0	11.6	0.922	0.025	7884.0	9776.2
800	218.0	14.8	0.861	0.015	12813.3	15888.5

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	48.4
200	39.2	1.678	67.3
300	52.5	1.736	85.6
400	69.7	1.739	117.6

$\tan \varphi = 0.2259$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 23.3 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-19

Độ sâu: 37.8 - 38.0 m

Hố khoan: HK3

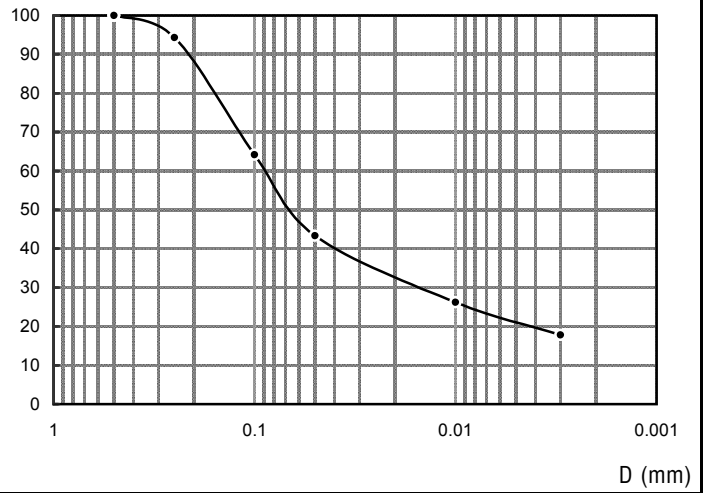
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	34.28	18.2	13.6	94.0	49.6	0.985	27.0	43.69	30.00	13.69	0.31

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		62.12g					
		Nhiệt độ TN: 30.0°C	0.091	0.019	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	5.7	100.0
			0.25-0.1	30.1	94.3
			0.1-0.05	20.9	64.2
		Bụi	0.05-0.01	17.1	43.3
			0.01-0.005	4.5	26.2
		Sét	<0.005	21.7	21.7



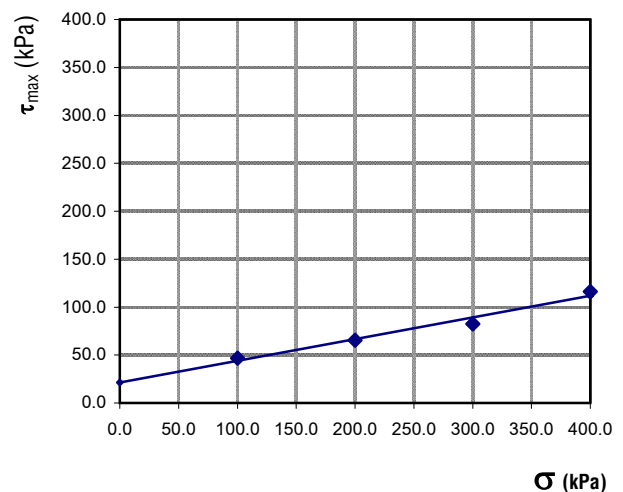
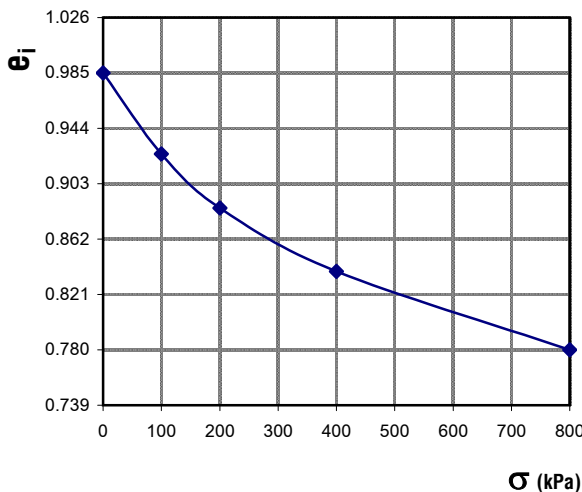
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 2.83$ Hộp nén số: 19 $e_0 = 0.985$
 $\beta = 0.62$ Số đọc sau 24h: 223.5 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.985			
100	67.0	8.4	0.925	0.060	3308.3	5794.5
200	109.0	11.2	0.885	0.040	4812.5	8429.1
400	157.0	13.3	0.838	0.024	7854.2	13756.6
800	218.0	16.8	0.780	0.015	12253.3	21461.7

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	46.7
200	39.2	1.678	65.4
300	52.5	1.736	82.6
400	69.7	1.739	116.3

$\tan \varphi = 0.2260$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 21.3 kPa



Đại diện TN:

Xử lý:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK3-20

Độ sâu: 39.8 - 40.0 m

Hố khoan: HK3

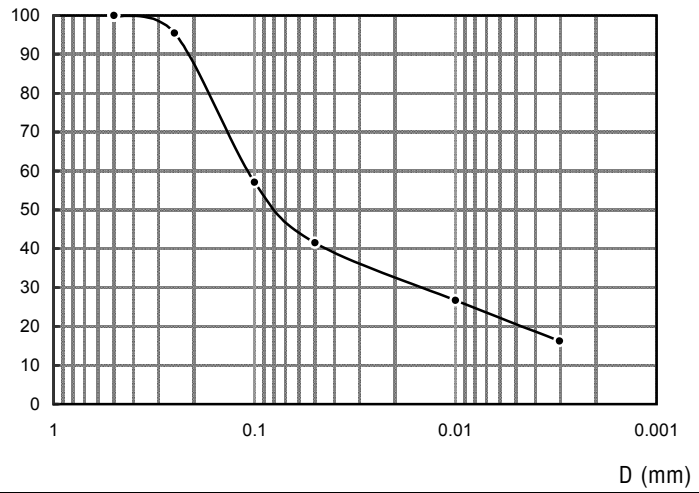
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	27.00	19.3	15.2	94.3	43.5	0.770	26.9	36.04	23.12	12.92	0.30

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		61.57g					
		Nhiệt độ TN: 30.0°C	0.111	0.015	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	4.5	100.0
			0.25-0.1	38.4	95.5
			0.1-0.05	15.6	57.1
		Bụi	0.05-0.01	14.8	41.5
			0.01-0.005	6.6	26.7
		Sét	<0.005	20.1	20.1



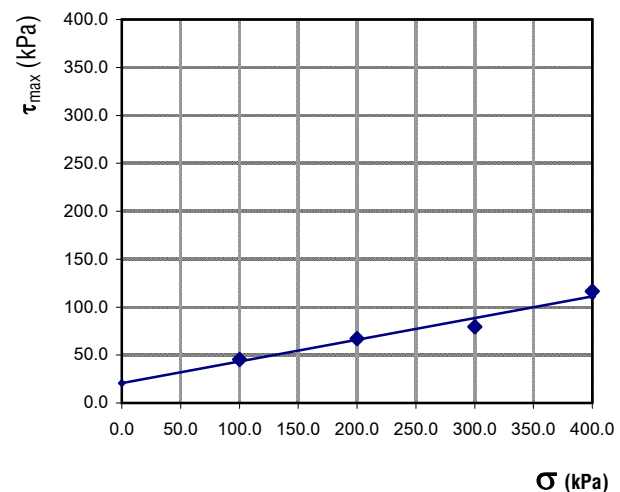
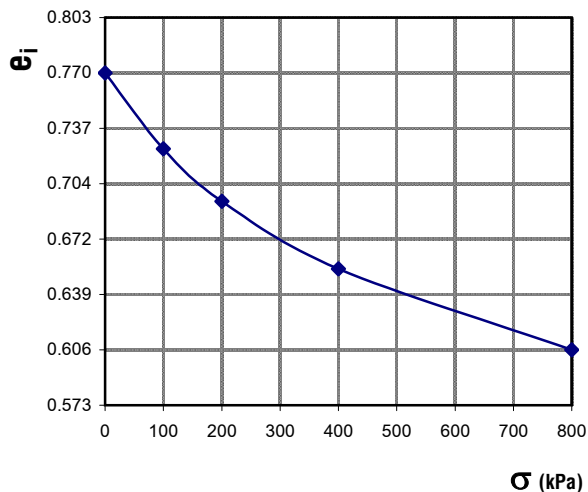
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 4.28$ Hộp nén số: 20 $e_0 = 0.770$
 $\beta = 0.62$ Số đọc sau 24h: 203.0 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.770			
100	58.4	8.8	0.725	0.045	3933.3	10437.5
200	95.0	11.6	0.694	0.031	5564.5	14766.0
400	141.0	13.7	0.654	0.020	8470.0	22476.0
800	198.0	17.9	0.606	0.012	13783.3	36575.5

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	45.4
200	39.2	1.678	67.0
300	52.5	1.736	79.5
400	69.7	1.739	116.5

$\tan \varphi = 0.2258$ $\varphi = 12^\circ 43'$ C = 20.7 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-1

Độ sâu: 1.8 - 2.0 m

Hố khoan: HK4

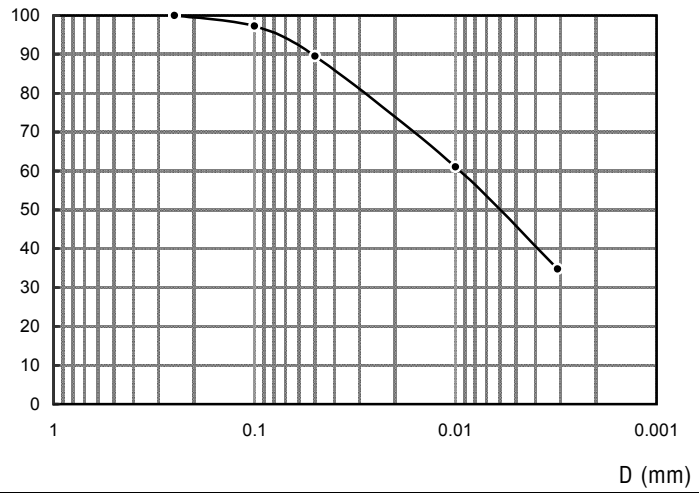
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	78.83	15.0	8.4	97.5	67.9	2.119	26.2	71.20	39.10	32.10	1.24

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		27.69g	0.010	*	*	*	*
		Nhiệt độ TN: 30.0°C					

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	2.7	100.0
2.0			0.1-0.05	7.8	97.3
1.0		Bụi	0.05-0.01	28.5	89.5
0.5			0.01-0.005	15.0	61.0
0.25					
0.1	0.75	Sét	<0.005	46.0	46.0



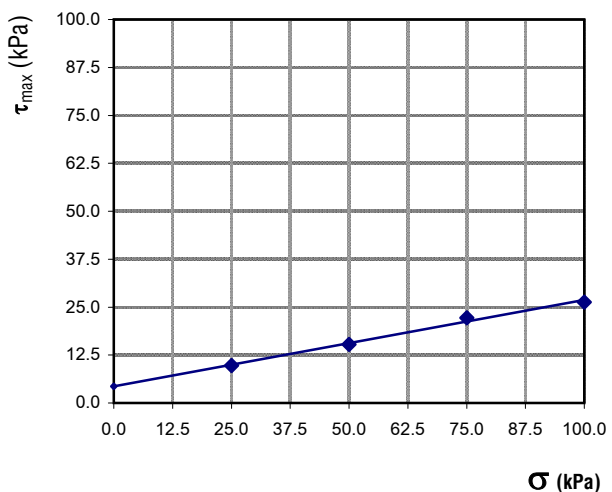
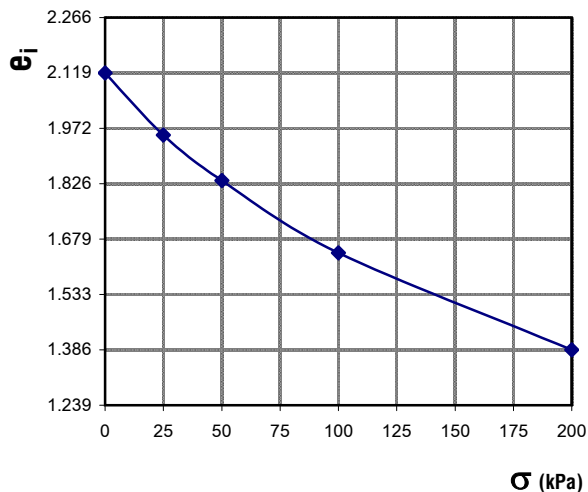
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 21 $e_0 = 2.119$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 481.8 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			2.119			
25	105.6	3.5	1.955	0.656	475.5	475.5
50	184.0	5.6	1.834	0.484	610.5	610.5
100	306.3	9.1	1.643	0.382	741.9	741.9
200	470.0	11.9	1.386	0.257	1028.4	1028.4

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	9.8
50	39.2	1.678	15.3
75	52.5	1.736	22.2
100	69.7	1.739	26.3

$\tan \varphi = 0.2256$ $\varphi = 12^\circ 43'$ C = 4.3 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-2

Độ sâu: 3.8 - 4.0 m

Hố khoan: HK4

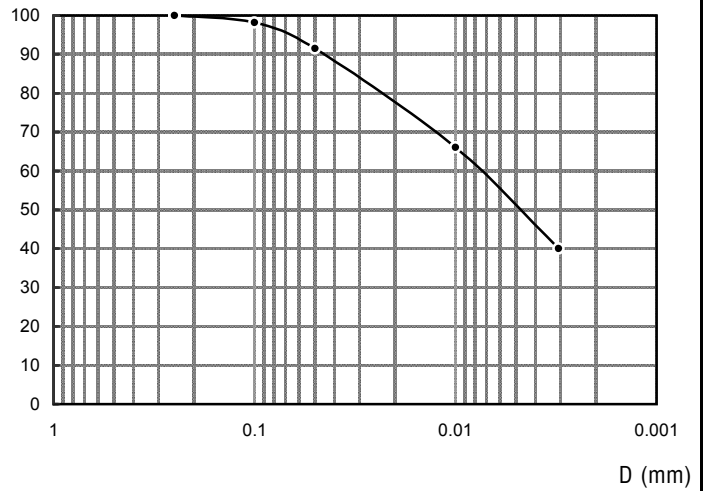
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	72.02	15.5	9.0	98.5	65.8	1.922	26.3	65.30	32.08	33.22	1.20

KQTN HẠT		KL đất khô:	28.04g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.008	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-12} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	1.8	100.0
			0.25-0.1	6.7	98.2
		Bụi	0.05-0.01	25.4	91.5
			0.01-0.005	14.8	66.1
		Sét	<0.005	51.3	51.3



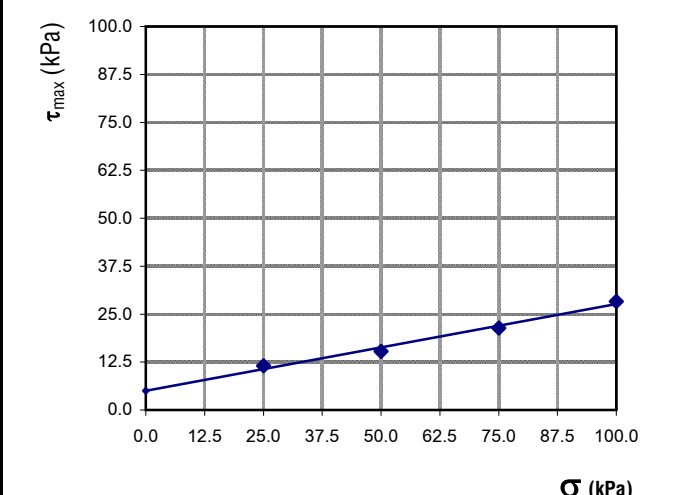
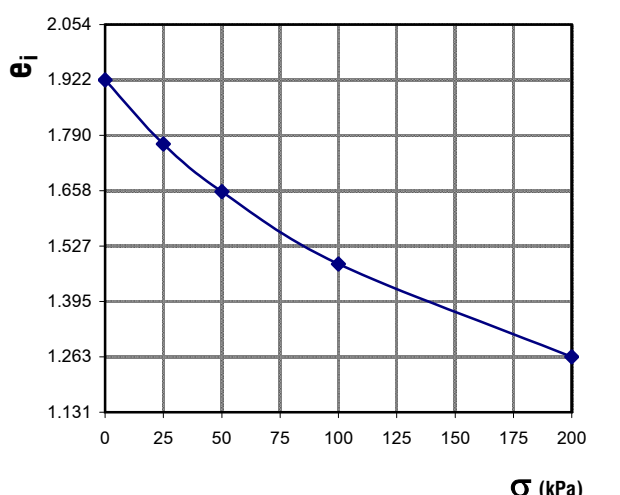
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 22 $e_0 = 1.922$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 462.9 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.922			
25	105.0	3.9	1.770	0.608	480.6	480.6
50	184.0	6.3	1.656	0.456	607.5	607.5
100	302.0	9.8	1.484	0.344	772.1	772.1
200	451.6	11.6	1.263	0.221	1124.0	1124.0

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	11.5
50	39.2	1.678	15.3
75	52.5	1.736	21.4
100	69.7	1.739	28.3

$\tan \varphi = 0.2260$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 5.0 kPa



Đại diện TN: **Trần Hồng Văn**

Xử lý: **KS. Võ Thanh Long**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-3

Độ sâu: 5.8 - 6.0 m

Hố khoan: HK4

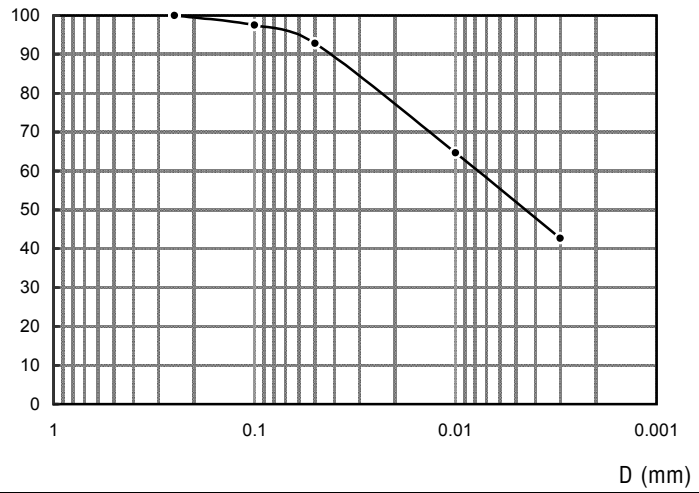
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	64.28	15.7	9.6	97.2	63.5	1.740	26.3	60.21	30.18	30.03	1.14

KQTN HẠT		KL đất khô:	33.85g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.008	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	2.5	100.0
2.0			0.1-0.05	4.7	97.5
1.0		Bụi	0.05-0.01	28.1	92.8
0.5			0.01-0.005	12.2	64.7
0.25					
0.1	0.85	Sét	<0.005	52.5	52.5



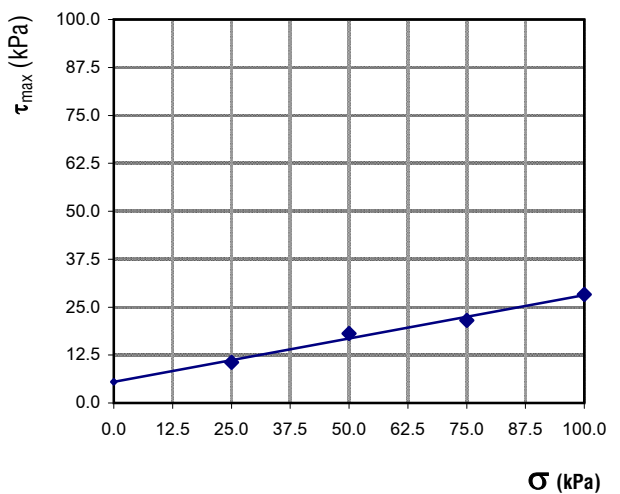
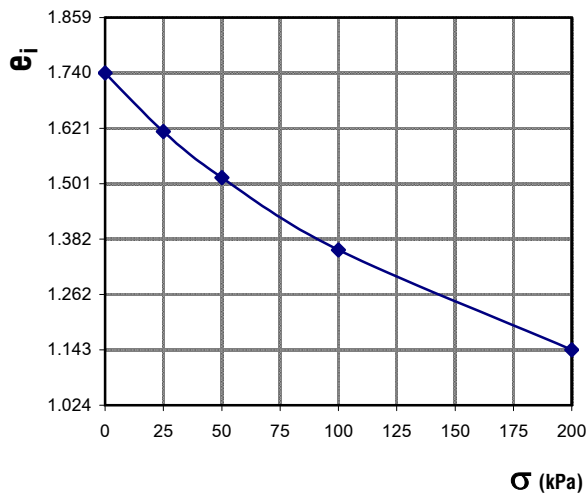
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 23 $e_0 = 1.740$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 447.0 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.740			
25	94.0	4.2	1.614	0.504	543.7	543.7
50	166.0	5.6	1.514	0.400	653.5	653.5
100	280.0	8.1	1.358	0.312	805.8	805.8
200	436.1	11.2	1.143	0.215	1096.7	1096.7

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	10.6
50	39.2	1.678	18.1
75	52.5	1.736	21.5
100	69.7	1.739	28.3

$\tan \varphi = 0.2260$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 5.5 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-4

Độ sâu: 7.8 - 8.0 m

Hố khoan: HK4

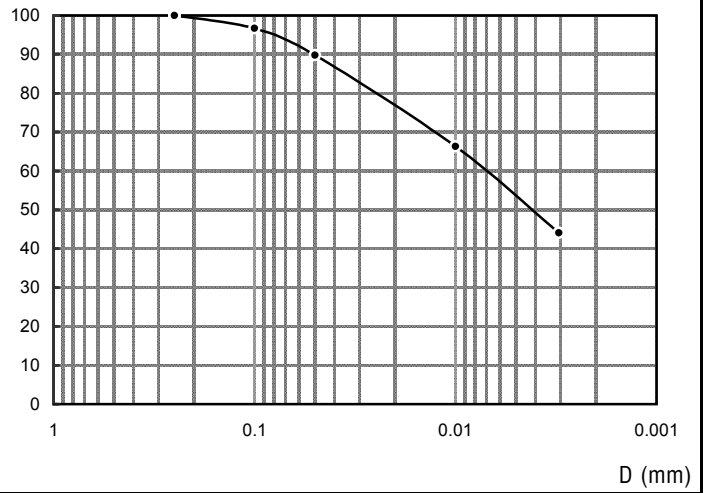
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	77.66	15.2	8.6	99.0	67.4	2.070	26.4	71.02	40.19	30.83	1.22

KQTN HẠT		KL đất khô:	25.41g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.007	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	3.3	100.0
			0.25-0.1	6.9	96.7
		Bụi	0.05-0.01	23.5	89.8
			0.01-0.005	13.0	66.3
			Sét	<0.005	53.3



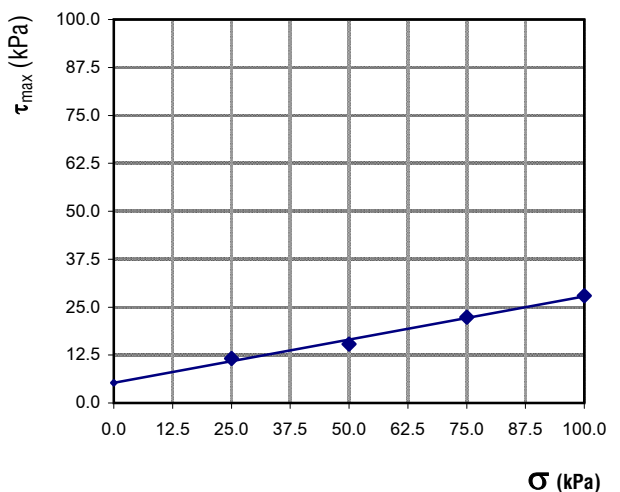
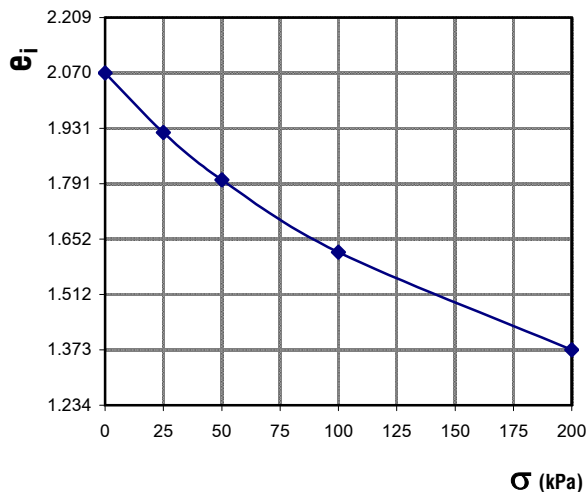
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 24 $e_0 = 2.070$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 463.9 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E^* m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			2.070			
25	99.0	3.2	1.920	0.600	511.7	511.7
50	175.5	5.3	1.801	0.476	613.4	613.4
100	294.0	7.4	1.619	0.364	769.5	769.5
200	452.6	10.2	1.373	0.246	1064.6	1064.6

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	11.6
50	39.2	1.678	15.4
75	52.5	1.736	22.4
100	69.7	1.739	28.0

$\tan \varphi = 0.2248$ $\varphi = 12^\circ 40'$ C = 5.3 kPa



Đại diện TN:

Xử lý:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-5

Độ sâu: 9.8 - 10.0 m

Hố khoan: HK4

Ngày TN: 29-12-17

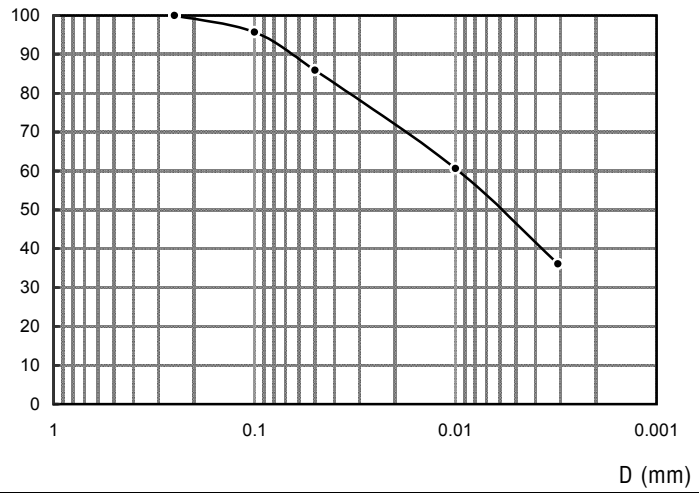
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	69.67	15.4	9.1	96.9	65.4	1.890	26.3	62.55	30.90	31.65	1.22

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		26.62g	0.010	*	*	*	*
		Nhiệt độ TN: 30.0°C					

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	4.3	100.0
2.0			0.1-0.05	9.8	95.7
1.0		Bụi	0.05-0.01	25.3	85.9
0.5			0.01-0.005	15.5	60.6
0.25					
0.1	1.15	Sét	<0.005	45.1	45.1



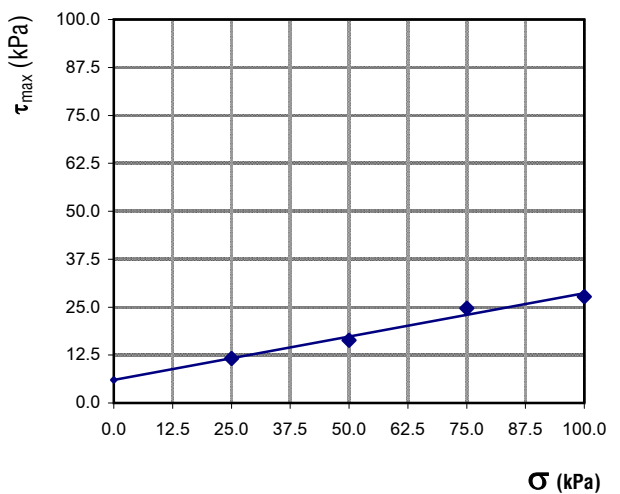
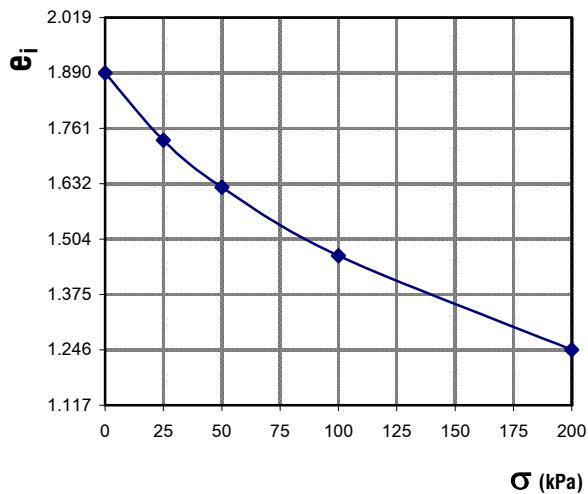
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 25 $e_0 = 1.890$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 456.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.890			
25	109.0	3.7	1.734	0.624	463.1	463.1
50	184.0	5.0	1.624	0.440	621.4	621.4
100	294.0	6.9	1.465	0.318	825.2	825.2
200	445.0	10.4	1.246	0.219	1125.6	1125.6

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	11.6
50	39.2	1.678	16.4
75	52.5	1.736	24.7
100	69.7	1.739	27.7

$\tan \varphi = 0.2264$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 6.0 kPa



Đại diện TN:

Xử lý:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-6

Độ sâu: 11.8 - 12.0 m

Hố khoan: HK4

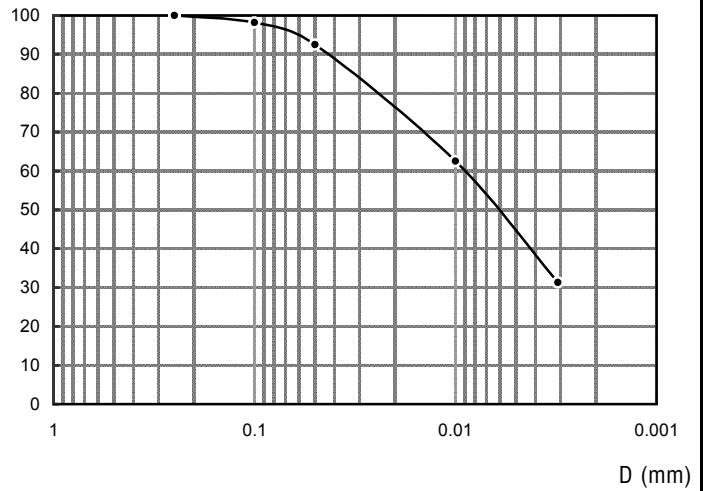
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	62.21	15.3	9.4	90.6	64.5	1.819	26.5	60.70	30.76	29.94	1.05

KQTN HẠT		KL đất khô:	28.56g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.009	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-12} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	1.8	100.0
2.0			0.1-0.05	5.7	98.2
1.0		Bụi	0.05-0.01	30.0	92.5
0.5			0.01-0.005	20.0	62.5
0.25					
0.1	0.52	Sét	<0.005	42.5	42.5



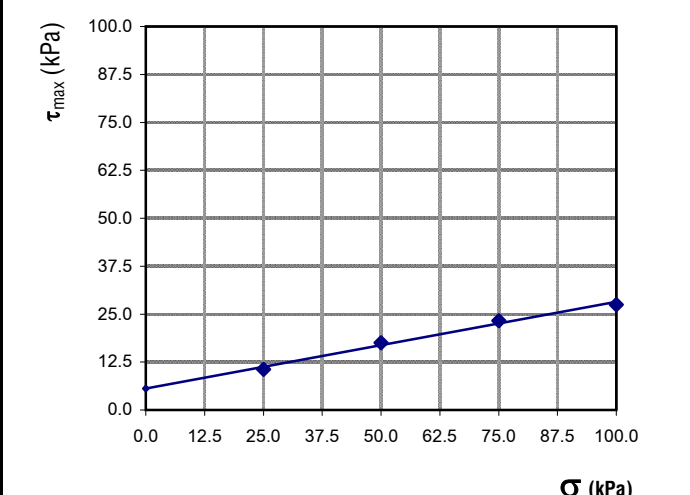
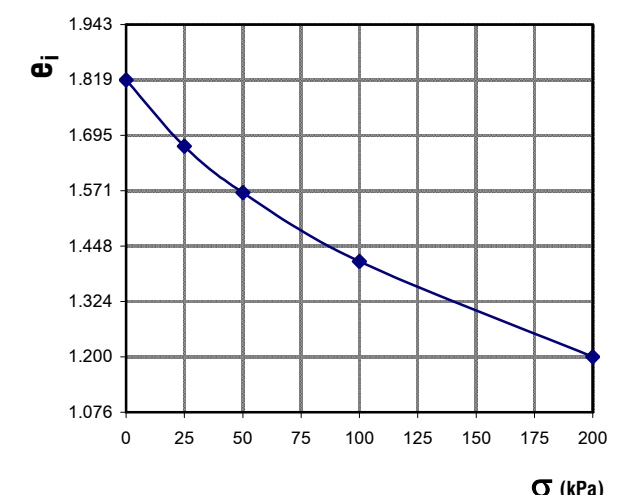
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 26 $e_0 = 1.819$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 450.0 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E^* m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.819			
25	105.3	2.8	1.671	0.592	476.2	476.2
50	179.5	4.8	1.567	0.416	642.1	642.1
100	288.6	7.6	1.413	0.308	833.4	833.4
200	439.0	10.6	1.200	0.213	1132.9	1132.9

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	10.6
50	39.2	1.678	17.5
75	52.5	1.736	23.3
100	69.7	1.739	27.5

$\tan \varphi = 0.2260$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 5.6 kPa



Đại diện TN:

Xử lý:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-7

Độ sâu: 13.8 - 14.0 m

Hố khoan: HK4

Ngày TN: 29-12-17

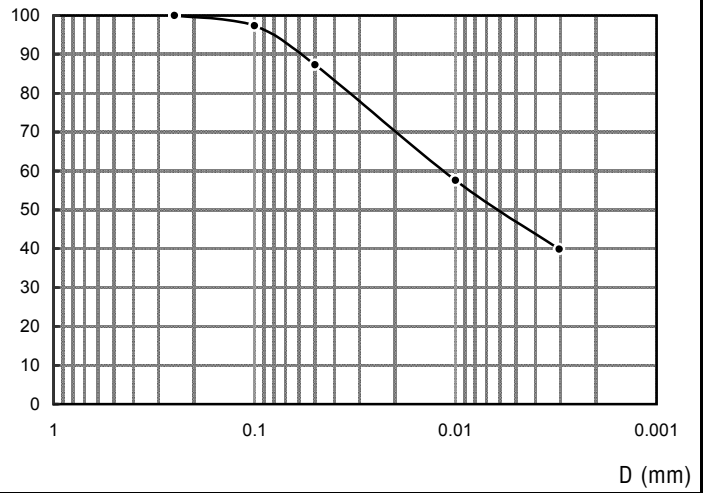
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	68.13	15.6	9.3	98.0	64.6	1.828	26.3	61.11	32.90	28.21	1.25

KQTN HẠT		KL đất khô:	32.18g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.012	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-12} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	2.6	100.0
			0.1-0.05	10.1	97.4
		Bụi	0.05-0.01	29.7	87.3
			0.01-0.005	10.3	57.6
		Sét	<0.005	47.3	47.3



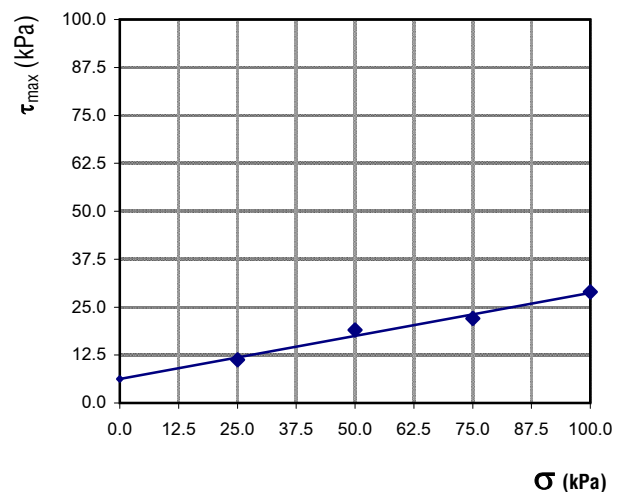
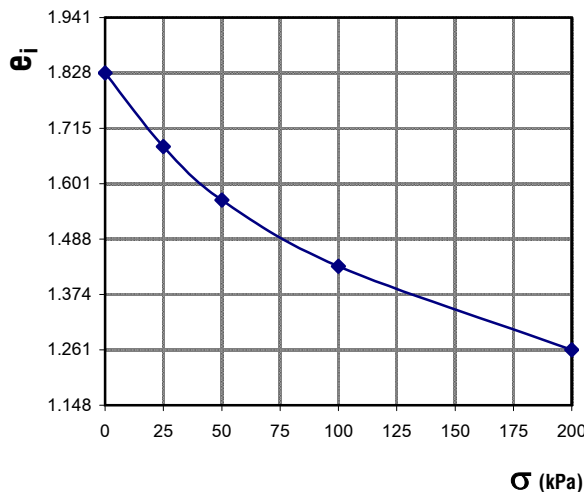
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 27 $e_0 = 1.828$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 411.0 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.828			
25	106.3	2.4	1.677	0.604	468.2	468.2
50	184.3	4.6	1.568	0.436	614.0	614.0
100	280.5	7.8	1.432	0.272	944.1	944.1
200	401.0	10.2	1.261	0.171	1422.2	1422.2

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	11.3
50	39.2	1.678	19.0
75	52.5	1.736	22.0
100	69.7	1.739	29.0

$\tan \varphi = 0.2244$ $\varphi = 12^\circ 39'$ C = 6.3 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-8

Độ sâu: 15.8 - 16.0 m

Hố khoan: HK4

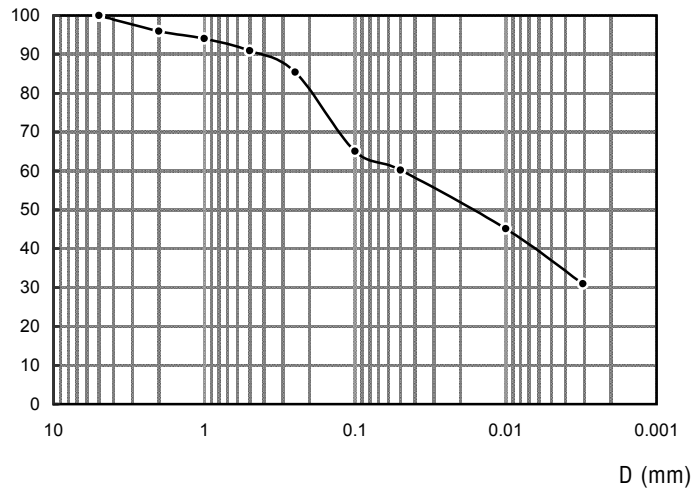
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	59.18	16.2	10.2	98.1	61.5	1.598	26.5	50.30	26.33	23.97	1.37

KQTN HẠT		KL đất khô:	30.91g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.049	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2	4.0	100.0
		Cát	2-1	1.9	96.0
			1-0.5	3.2	94.1
			0.5-0.25	5.5	90.9
			0.25-0.1	20.3	85.4
			0.1-0.05	4.9	65.1
		Bụi	0.05-0.01	15.1	60.2
			0.01-0.005	6.7	45.1
		Sét	<0.005	38.4	38.4



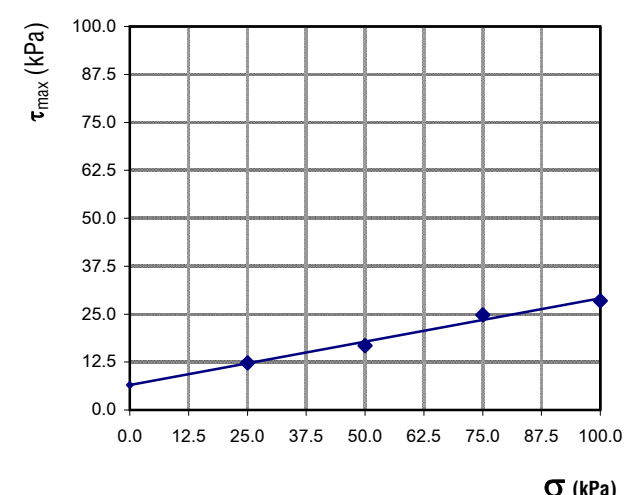
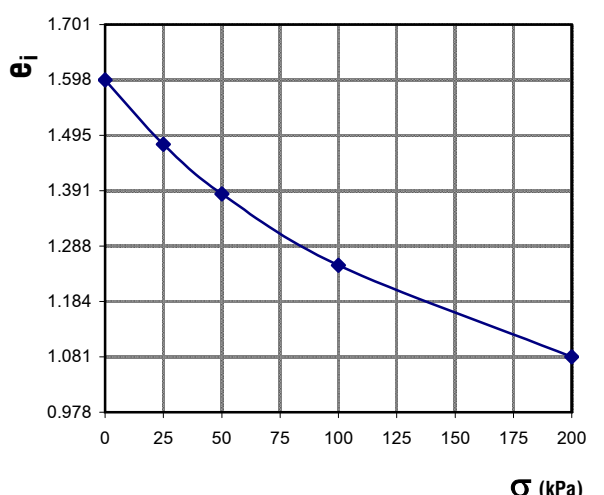
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 28 $e_0 = 1.598$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 409.0 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.598			
25	92.6	3.1	1.478	0.480	541.3	541.3
50	165.0	5.1	1.385	0.372	666.1	666.1
100	268.0	8.3	1.252	0.266	896.6	896.6
200	399.0	11.3	1.081	0.171	1317.0	1317.0

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	12.3
50	39.2	1.678	16.8
75	52.5	1.736	24.8
100	69.7	1.739	28.5

$\tan \varphi = 0.2264$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 6.5 kPa



Đại diện TN:

Xử lý:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-9

Độ sâu: 17.8 - 18.0 m

Hố khoan: HK4

Ngày TN: 29-12-17

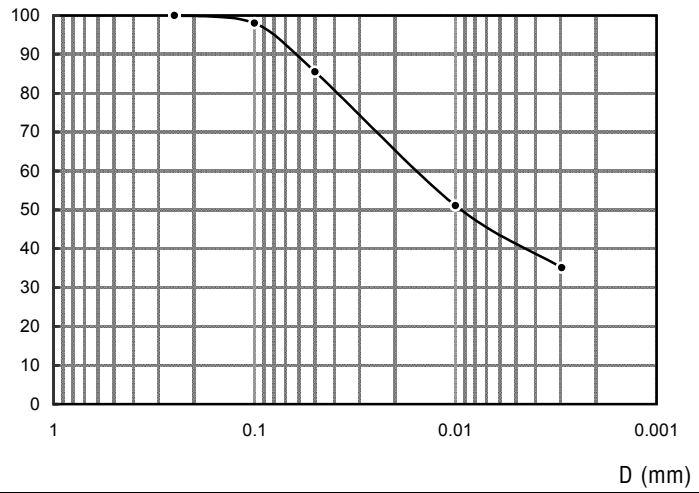
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Sét, nâu đỏ - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	26.55	18.9	14.9	87.1	45.4	0.832	27.3	41.59	20.80	20.79	0.28

KQTN HẠT		KL đất khô:	35.76g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.018	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	2.0	100.0
			0.1-0.05	12.5	98.0
		Bụi	0.05-0.01	34.4	85.5
			0.01-0.005	9.1	51.1
	0.72	Sét	<0.005	42.0	42.0



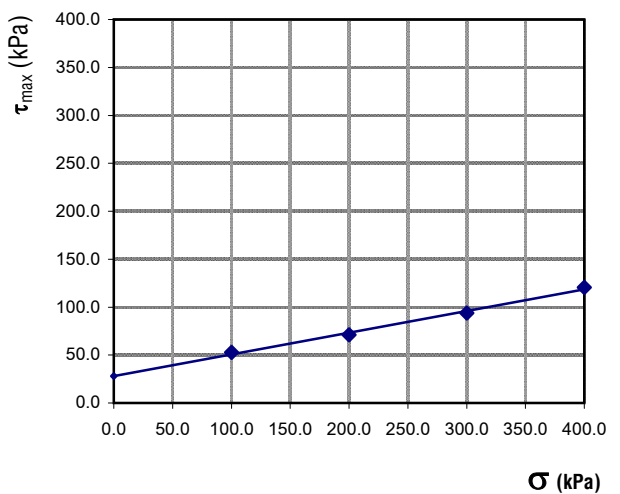
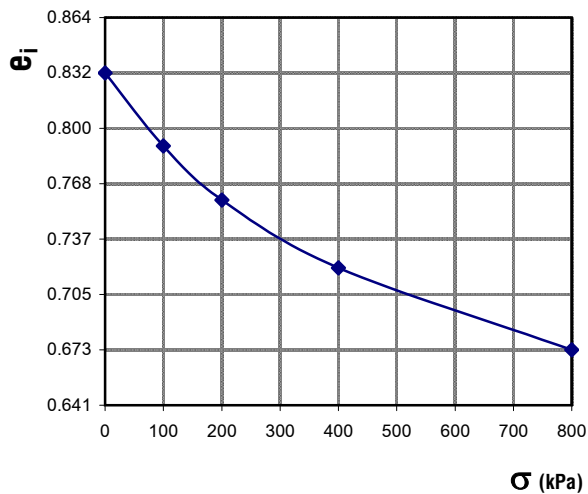
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 5.96$ Hộp nén số: 29 $e_0 = 0.832$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 190.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.832			
100	53.3	8.6	0.790	0.042	4361.9	10390.1
200	89.0	11.6	0.759	0.031	5774.2	13754.1
400	132.0	13.3	0.720	0.020	8795.0	20949.7
800	185.5	16.2	0.673	0.012	14333.3	34142.0

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	52.8
200	39.2	1.678	71.1
300	52.5	1.736	93.7
400	69.7	1.739	120.5

$\tan \varphi = 0.2257$ $\varphi = 12^\circ 43'$ C = 28.1 kPa



Đại diện TN: **Trần Hồng Văn**

Xử lý: **KS. Võ Thanh Long**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-10

Độ sâu: 19.8 - 20.0 m

Hố khoan: HK4

Ngày TN: 29-12-17

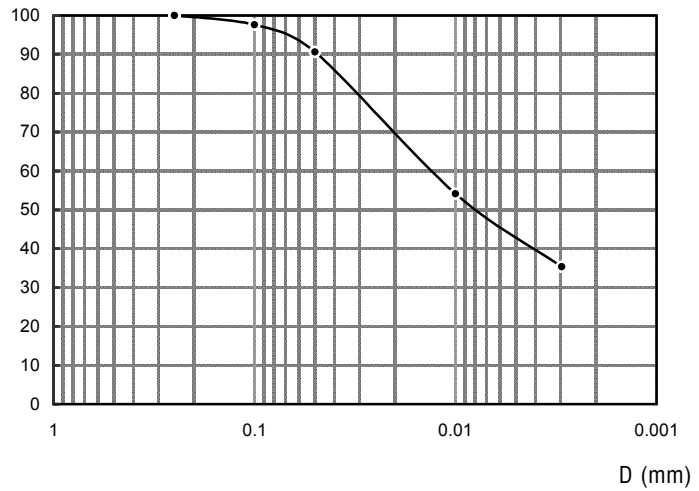
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Sét, nâu đỏ - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	30.11	18.2	14.0	86.8	48.5	0.943	27.2	45.20	20.16	25.04	0.40

KQTN HẠT		KL đất khô:	35.62g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.013	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	2.4	100.0
			0.1-0.05	7.0	97.6
		Bụi	0.05-0.01	36.5	90.6
			0.01-0.005	11.6	54.1
		Sét	<0.005	42.5	42.5



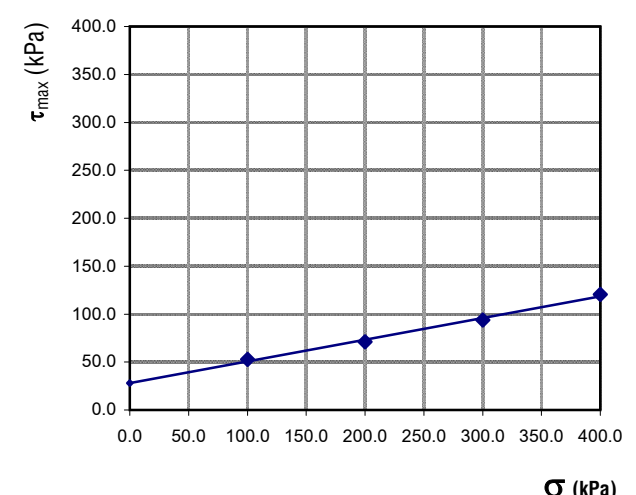
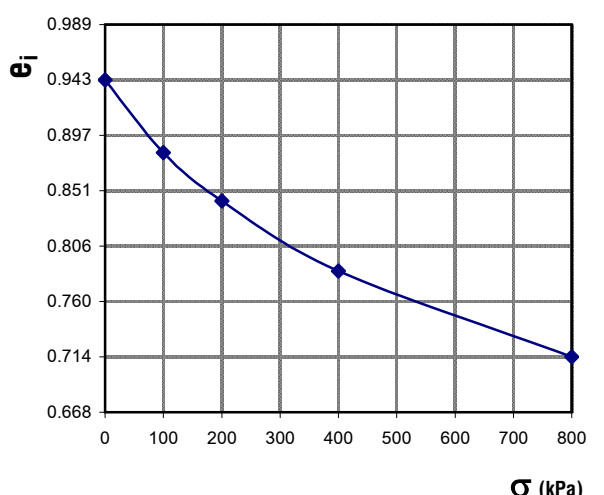
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 5.54$ Hộp nén số: 30 $e_0 = 0.943$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 252.5 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.943			
100	67.0	6.8	0.883	0.060	3238.3	7169.7
200	112.6	12.0	0.843	0.040	4707.5	10422.4
400	172.0	13.4	0.785	0.029	6355.2	14070.4
800	246.3	16.3	0.714	0.018	9916.7	21955.5

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	52.8
200	39.2	1.678	71.1
300	52.5	1.736	93.7
400	69.7	1.739	120.5

$\tan \varphi = 0.2257$ $\varphi = 12^\circ 43'$ C = 28.1 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-11

Độ sâu: 21.8 - 22.0 m

Hố khoan: HK4

Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012:

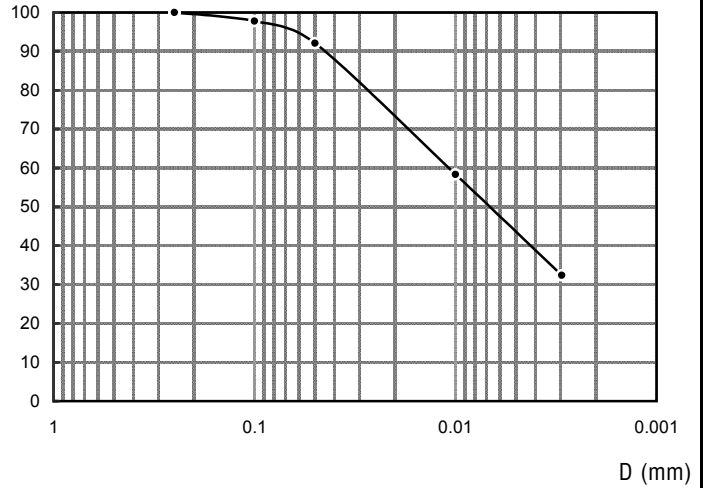
Sét, nâu đỏ - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	29.30	19.0	14.7	93.8	46.0	0.850	27.2	52.28	21.03	31.25	0.26

KQTN HẠT

KL đất khô:	38.87g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.011	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	2.2	100.0
2.0			0.1-0.05	5.7	97.8
1.0		Bụi	0.05-0.01	33.8	92.1
0.5			0.01-0.005	17.3	58.3
0.25					
0.1	0.85	Sét	<0.005	41.0	41.0



Thí nghiệm nén lún

$m_v = 5.94$ Hộp nén số: 31 $e_0 = 0.850$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 211.5 $h_0 = 20\text{mm}$

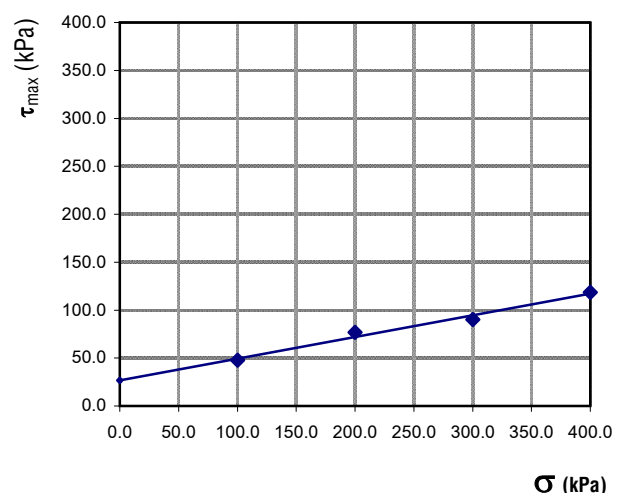
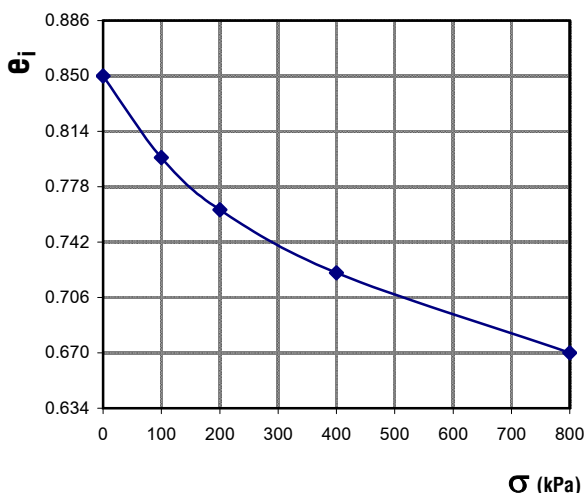
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.850			
100	62.6	7.1	0.797	0.053	3490.6	8286.6
200	102.6	11.4	0.763	0.034	5285.3	12547.3
400	148.6	14.1	0.722	0.021	8395.2	19930.3
800	206.3	16.8	0.670	0.013	13246.2	31446.4

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	47.7
200	39.2	1.678	76.7
300	52.5	1.736	90.3
400	69.7	1.739	118.6

$\tan \varphi = 0.2263$ $\varphi = 12^\circ 45'$ $C = 26.8 \text{ kPa}$



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-12

Độ sâu: 23.8 - 24.0 m

Hố khoan: HK4

Ngày TN: 29-12-17

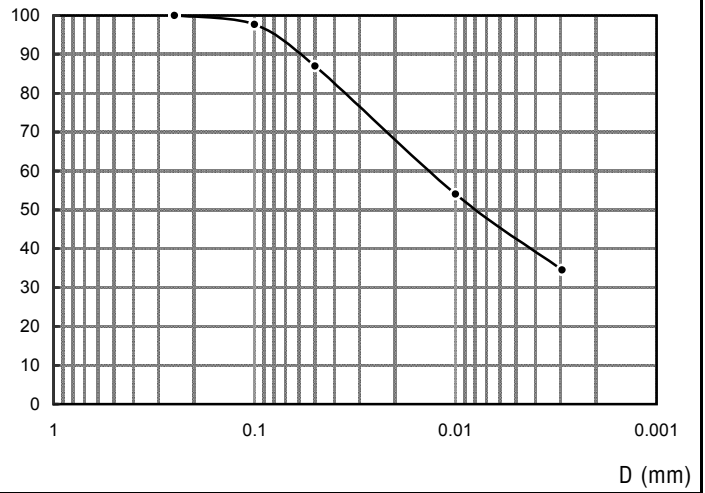
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Sét, nâu đỏ - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	28.45	19.2	14.9	92.9	45.6	0.839	27.4	47.25	21.19	26.06	0.28

KQTN HẠT		KL đất khô:	36.31g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.013	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	2.3	100.0
2.0			0.1-0.05	10.7	97.7
1.0		Bụi	0.05-0.01	33.0	87.0
0.5			0.01-0.005	12.7	54.0
0.25					
0.1	0.82	Sét	<0.005	41.3	41.3



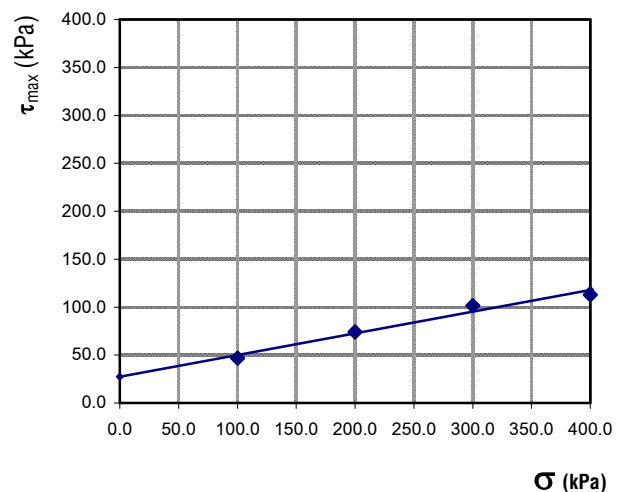
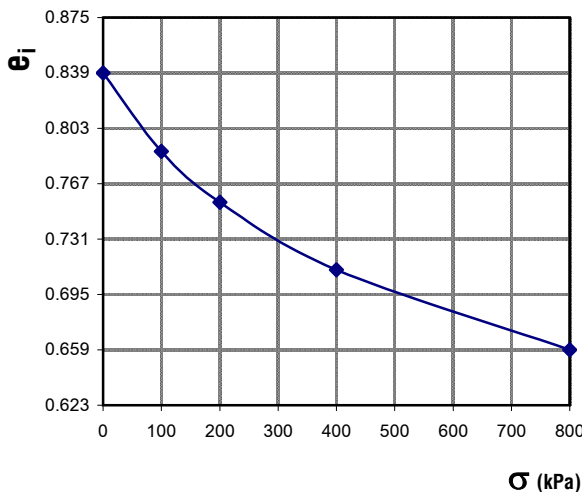
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 5.98$ Hộp nén số: 32 $e_0 = 0.839$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 213.5 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.839			
100	61.0	7.4	0.788	0.051	3605.9	8618.1
200	102.0	13.0	0.755	0.033	5418.2	12949.5
400	150.0	14.5	0.711	0.022	7977.3	19065.7
800	208.3	17.8	0.659	0.013	13161.5	31456.1

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	46.7
200	39.2	1.678	74.2
300	52.5	1.736	101.4
400	69.7	1.739	113.0

$\tan \varphi = 0.2261$ $\varphi = 12^\circ 44'$ $C = 27.3 \text{ kPa}$



Đại diện TN: **Trần Hồng Văn**

Xử lý: **KS. Võ Thanh Long**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-13

Độ sâu: 25.8 - 26.0 m

Hố khoan: HK4

Ngày TN: 29-12-17

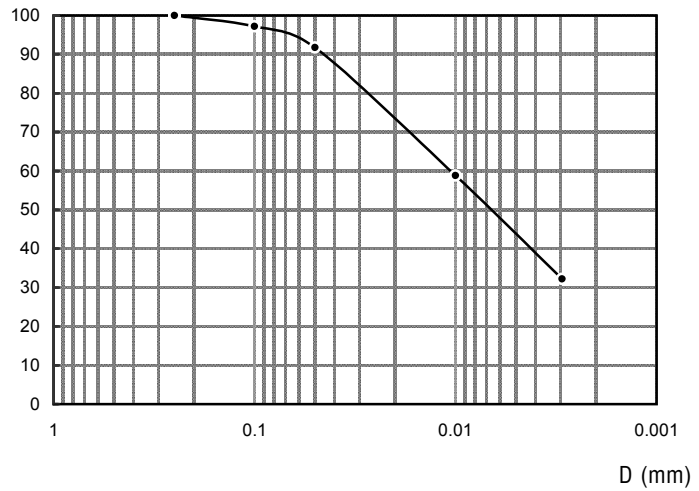
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Sét, nâu đỏ, trạng thái nửa cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	19.13	20.1	16.9	84.4	38.3	0.621	27.4	45.42	18.65	26.77	0.02

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		38.87g					
		Nhiệt độ TN: 30.0°C	0.011	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	2.8	100.0
			0.1-0.05	5.4	97.2
		Bụi	0.05-0.01	33.0	91.8
			0.01-0.005	18.4	58.8
		Sét	<0.005	40.4	40.4



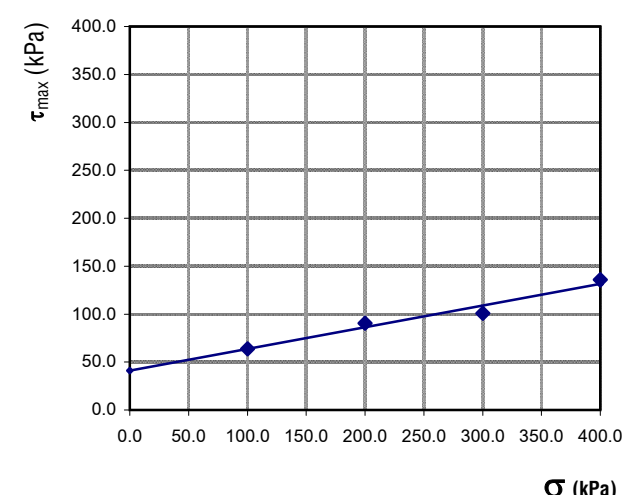
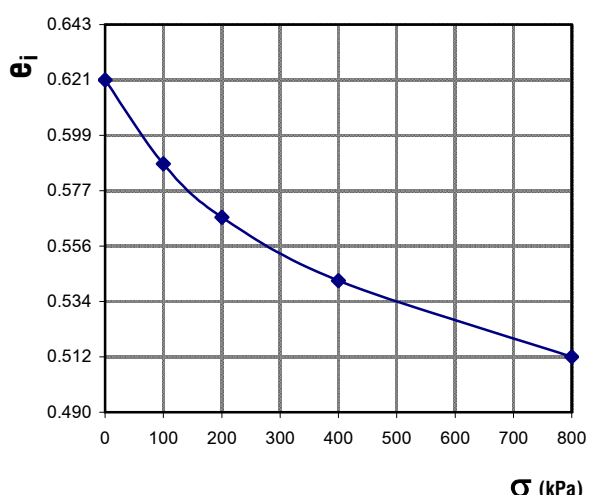
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 6.00$ Hộp nén số: 33 $e_0 = 0.621$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 154.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.621			
100	46.3	6.5	0.588	0.033	4912.1	11789.1
200	78.0	13.4	0.567	0.021	7561.9	18148.6
400	109.0	15.1	0.542	0.013	12053.8	28929.2
800	150.3	18.7	0.512	0.008	19275.0	46260.0

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	63.9
200	39.2	1.678	90.4
300	52.5	1.736	100.7
400	69.7	1.739	135.8

$\tan \varphi = 0.2260$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 41.2 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-14

Độ sâu: 27.8 - 28.0 m

Hố khoan: HK4

Ngày TN: 29-12-17

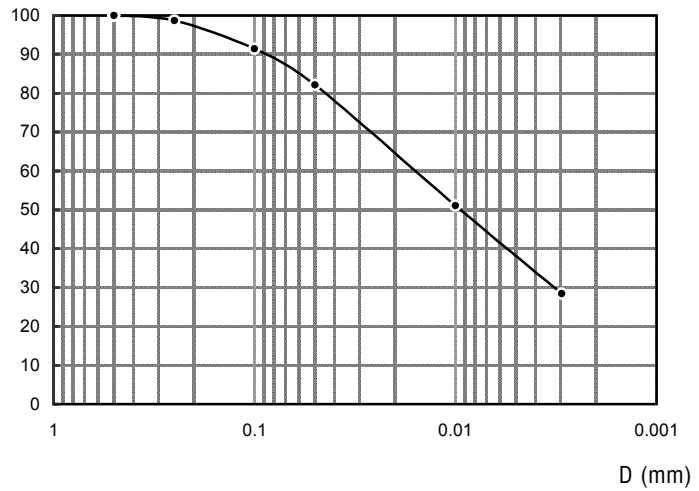
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Sét, xám vàng - vàng nâu, trạng thái nửa cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	24.06	19.5	15.7	89.4	42.3	0.732	27.2	41.02	20.53	20.49	0.17

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		44.33g					
		Nhiệt độ TN: 30.0°C	0.016	0.003	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	1.3	100.0
			0.25-0.1	7.3	98.7
			0.1-0.05	9.3	91.4
		Bụi	0.05-0.01	31.0	82.1
			0.01-0.005	15.1	51.1
		Sét	<0.005	36.0	36.0



Thí nghiệm nén lún

$m_v = 6.00$ Hộp nén số: 34 $e_0 = 0.732$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 193.0 $h_0 = 20\text{mm}$

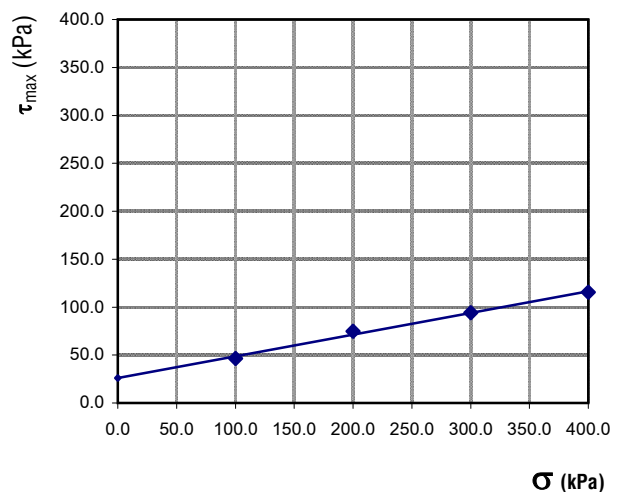
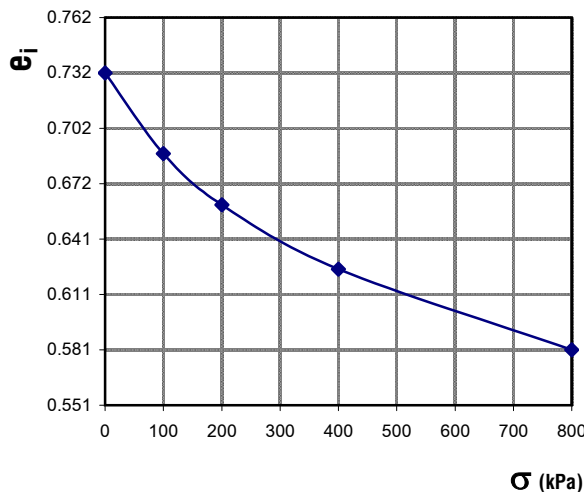
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.732			
100	56.0	6.3	0.688	0.044	3936.4	9447.3
200	94.0	13.3	0.660	0.028	6028.6	14468.6
400	135.0	15.6	0.625	0.018	9222.2	22133.3
800	188.3	18.7	0.581	0.011	14772.7	35454.5

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	46.5
200	39.2	1.678	74.7
300	52.5	1.736	94.1
400	69.7	1.739	115.5

$\tan \varphi = 0.2264$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 26.1 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-15

Độ sâu: 29.8 - 30.0 m

Hố khoan: HK4

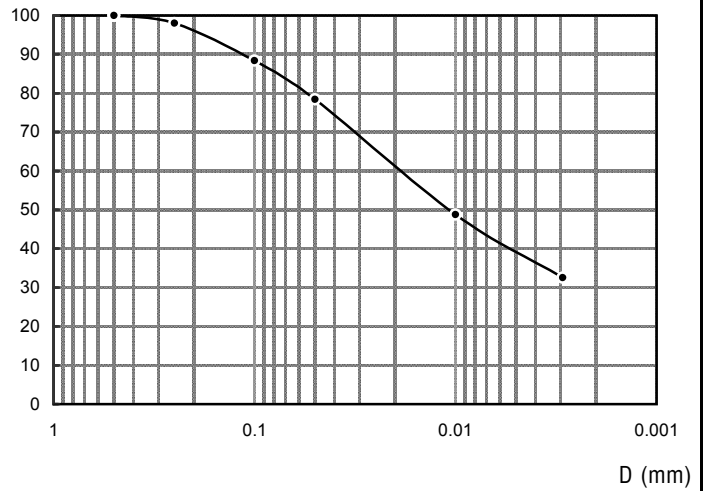
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, vàng nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	23.17	19.6	15.9	88.2	41.8	0.717	27.3	36.26	18.20	18.06	0.28

KQTN HẠT		KL đất khô:	43.52g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.018	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	2.0	100.0
			0.25-0.1	9.6	98.0
		Bụi	0.1-0.05	10.0	88.4
			0.05-0.01	29.6	78.4
			0.01-0.005	10.6	48.8
		Sét	<0.005	38.2	38.2



Thí nghiệm nén lún

$m_v = 6.00$ Hộp nén số: 35 $e_0 = 0.717$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 184.5 $h_0 = 20\text{mm}$

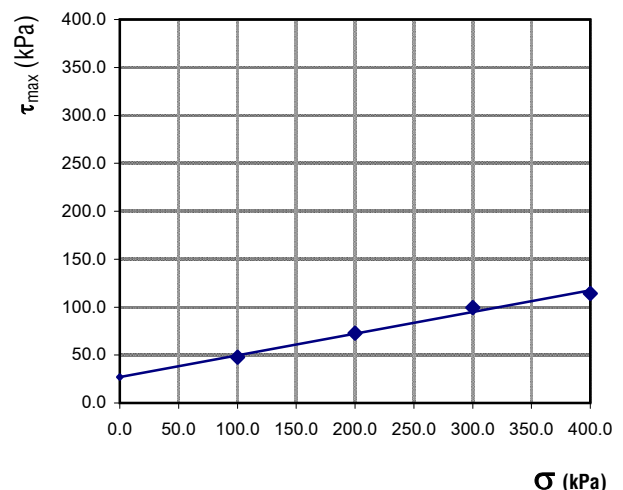
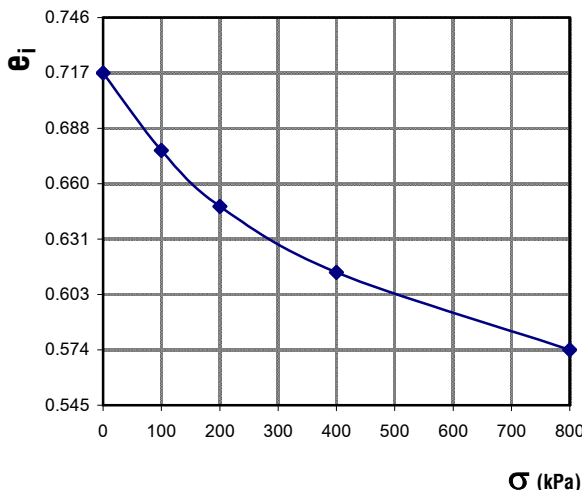
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.717			
100	52.0	6.2	0.677	0.040	4292.5	10302.0
200	89.0	11.0	0.648	0.029	5782.8	13878.6
400	132.0	14.8	0.614	0.017	9694.1	23265.9
800	180.0	17.6	0.574	0.010	16140.0	38736.0

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	kPa/0.01mm	kPa
100	32.3	1.686	47.9
200	39.2	1.678	72.7
300	52.5	1.736	99.5
400	69.7	1.739	114.3

$\tan \varphi = 0.2260$ $\varphi = 12^\circ 44'$ $C = 27.1 \text{ kPa}$



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-16

Độ sâu: 31.8 - 32.0 m

Hố khoan: HK4

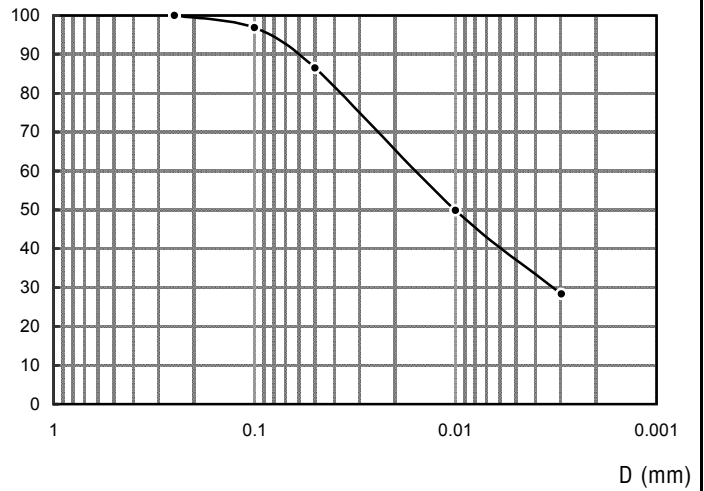
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	28.10	19.2	15.0	93.1	45.3	0.827	27.4	40.10	20.36	19.74	0.39

KQTN HẠT		KL đất khô:	38.75g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.016	0.003	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-12} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	3.1	100.0
2.0			0.1-0.05	10.4	96.9
1.0		Bụi	0.05-0.01	36.7	86.5
0.5			0.01-0.005	15.1	49.8
0.25					
0.1	1.22	Sét	<0.005	34.7	34.7



Thí nghiệm nén lún

$m_v = 6.00$ Hộp nén số: 36 $e_0 = 0.827$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 211.2 $h_0 = 20\text{mm}$

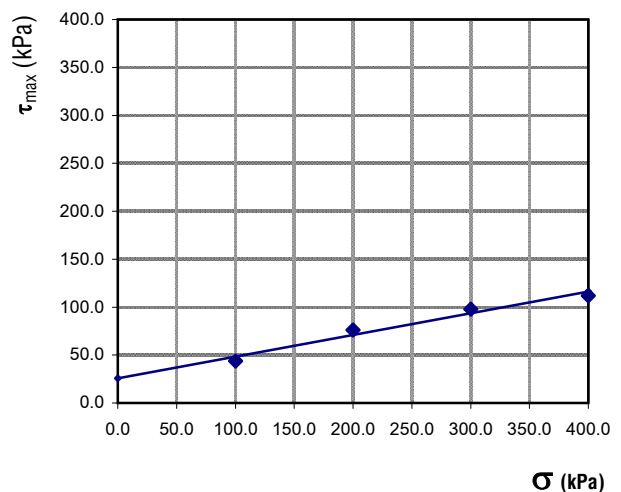
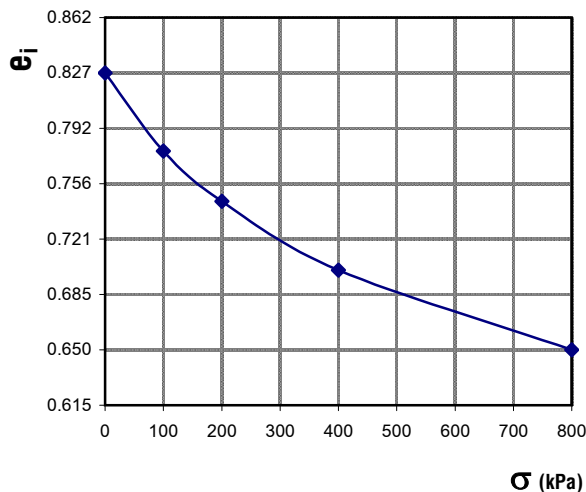
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.827			
100	60.0	6.1	0.777	0.050	3654.0	8769.6
200	99.0	11.4	0.745	0.032	5553.1	13327.5
400	149.0	14.4	0.701	0.022	7931.8	19036.4
800	206.0	17.4	0.650	0.013	13084.6	31403.1

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	43.8
200	39.2	1.678	76.0
300	52.5	1.736	97.7
400	69.7	1.739	112.0

$\tan \varphi = 0.2263$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 25.8 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-17

Độ sâu: 33.8 - 34.0 m

Hố khoan: HK4

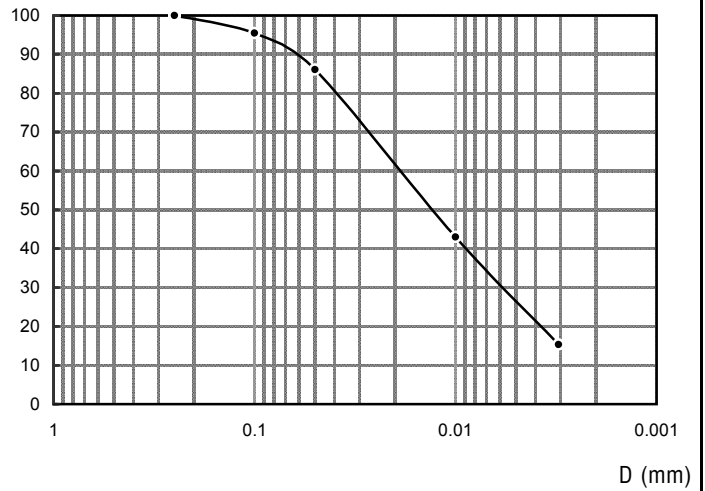
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á sét, vàng nâu, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	28.31	19.0	14.8	91.9	45.6	0.838	27.2	34.85	24.30	10.55	0.38

KQTN HẠT		KL đất khô:	41.00g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.018	0.006	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	4.5	100.0
2.0			0.1-0.05	9.4	95.5
1.0		Bụi	0.05-0.01	43.1	86.1
0.5			0.01-0.005	16.4	43.0
0.25					
0.1	1.85	Sét	<0.005	26.6	26.6



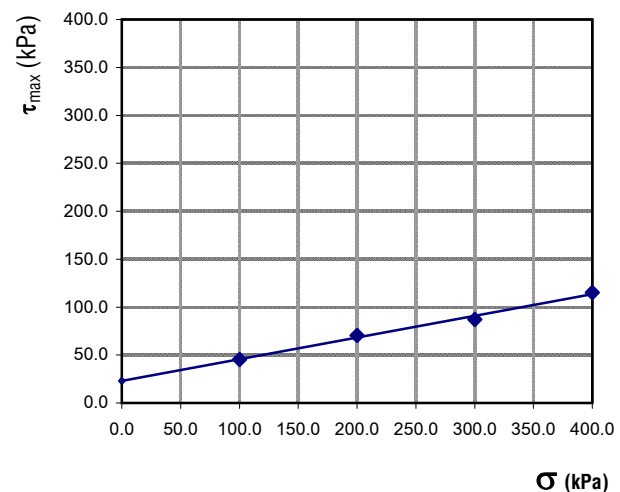
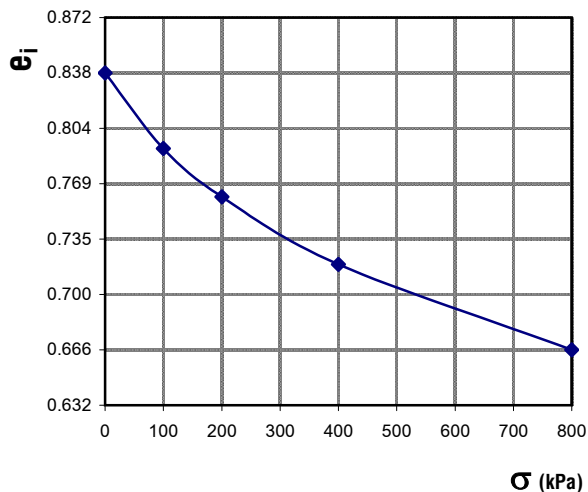
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 3.89$ Hộp nén số: 37 $e_0 = 0.838$
 $\beta = 0.62$ Số đọc sau 24h: 206.0 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.838			
100	56.0	6.7	0.791	0.047	3910.6	9431.7
200	94.0	12.5	0.761	0.030	5970.0	14398.4
400	142.0	15.6	0.719	0.021	8385.7	20224.7
800	201.0	18.8	0.666	0.013	13223.1	31891.4

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	45.5
200	39.2	1.678	70.6
300	52.5	1.736	87.3
400	69.7	1.739	115.3

$\tan \varphi = 0.2261$ $\varphi = 12^\circ 44'$ $C = 23.2 \text{ kPa}$



Đại diện TN: **Trần Hồng Văn**

Xử lý: **KS. Võ Thanh Long**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-18

Độ sâu: 35.8 - 36.0 m

Hố khoan: HK4

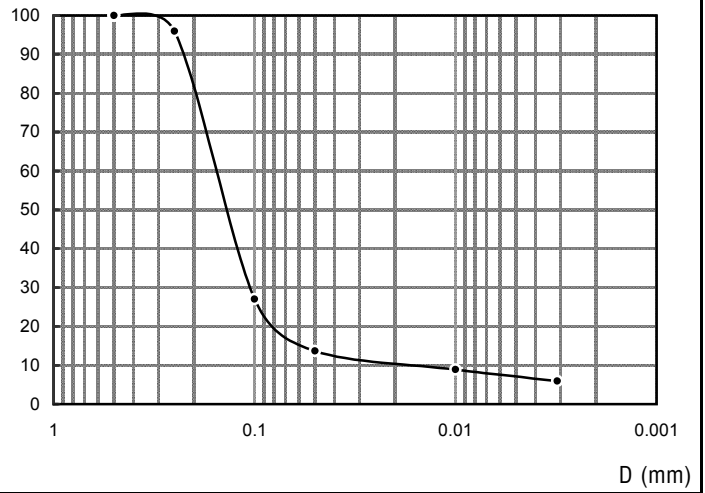
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á cát, xám xanh đen, trạng thái dẻo

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	24.18	19.5	15.7	92.1	41.2	0.701	26.7	26.50	22.60	3.90	0.41

KQTN HẠT		KL đất khô:	107.83g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.172	0.107	0.018	3.7	9.6

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	4.0	100.0
			0.25-0.1	69.0	96.0
			0.1-0.05	13.3	27.0
		Bụi	0.05-0.01	4.8	13.7
			0.01-0.005	1.8	8.9
		Sét	<0.005	7.1	7.1



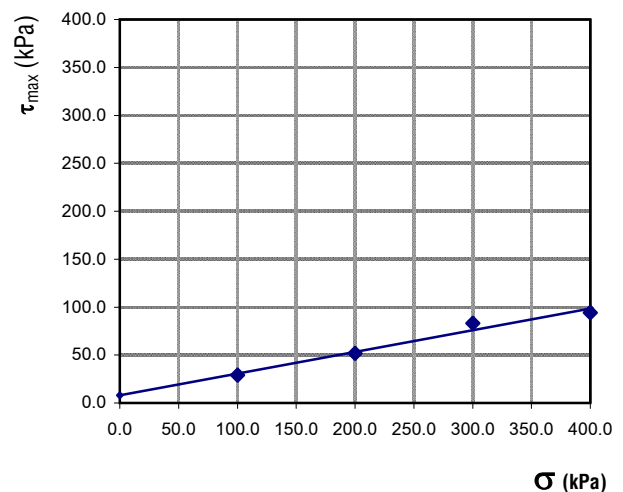
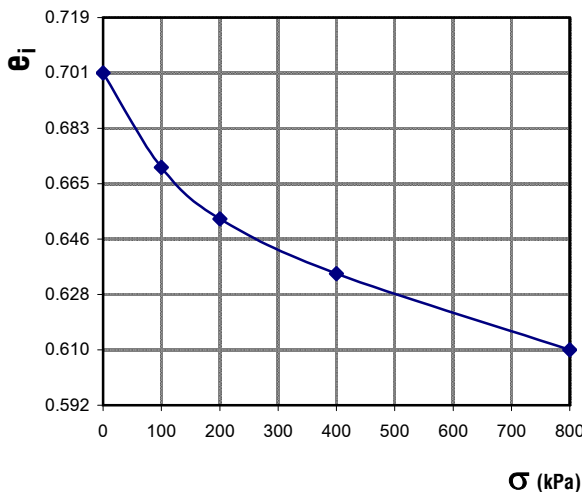
Thí nghiệm nén lún
 $m_w = 3.46$ Hộp nén số: 38 $e_0 = 0.701$
 $\beta = 0.74$ Số đọc sau 24h: 123.0 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.701			
100	43.0	6.9	0.670	0.031	5487.1	14028.9
200	66.0	10.9	0.653	0.017	9823.5	25115.8
400	89.0	13.7	0.635	0.009	18366.7	46958.1
800	120.0	16.4	0.610	0.006	27250.0	69670.1

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	29.2
200	39.2	1.678	51.7
300	52.5	1.736	83.2
400	69.7	1.739	94.1

$\tan \varphi = 0.2262$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 8.0 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-19

Độ sâu: 37.8 - 38.0 m

Hố khoan: HK4

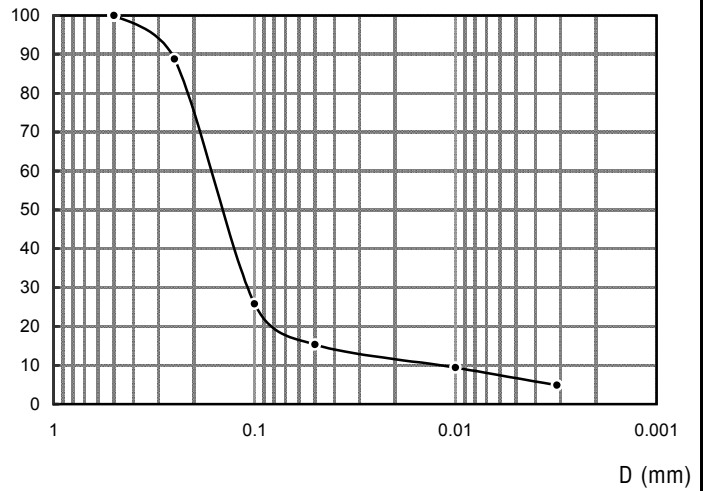
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á cát, xám xanh đen, trạng thái dẻo

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	25.64	19.0	15.1	88.7	43.7	0.775	26.8	27.52	24.00	3.52	0.47

KQTN HẠT		KL đất khô:	95.75g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.181	0.110	0.011	6.1	16.5

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25	11.2	100.0
5.0			0.25-0.1	63.0	88.8
2.0			0.1-0.05	10.5	25.8
1.0		Bụi	0.05-0.01	5.9	15.3
0.5			0.01-0.005	2.6	9.4
0.25	10.77				
0.1	60.30	Sét	<0.005	6.8	6.8



Thí nghiệm nén lún

$m_v = 2.42$ Hộp nén số: 39 $e_0 = 0.775$
 $\beta = 0.74$ Số đọc sau 24h: 130.2 $h_0 = 20\text{mm}$

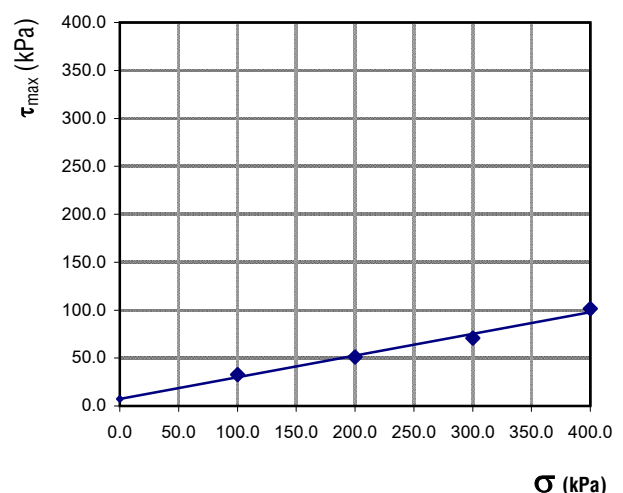
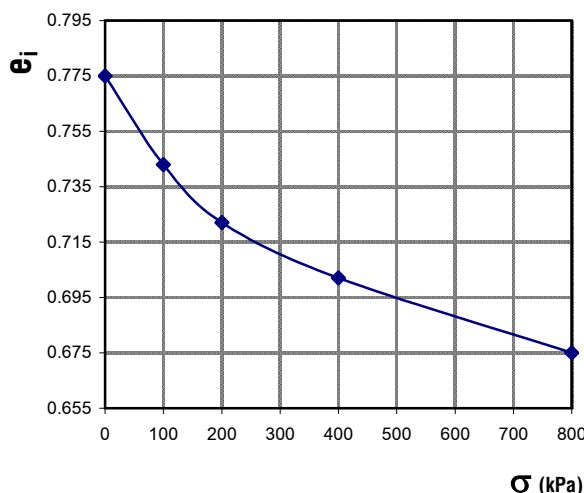
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.775			
100	42.0	7.1	0.743	0.032	5546.9	9933.3
200	69.0	10.4	0.722	0.021	8300.0	14863.6
400	94.0	14.4	0.702	0.010	17220.0	30837.6
800	127.0	17.2	0.675	0.007	24314.3	43542.0

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	32.7
200	39.2	1.678	51.0
300	52.5	1.736	70.7
400	69.7	1.739	101.6

$\tan \varphi = 0.2264$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 7.4 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK4-20

Độ sâu: 39.8 - 40.0 m

Hố khoan: HK4

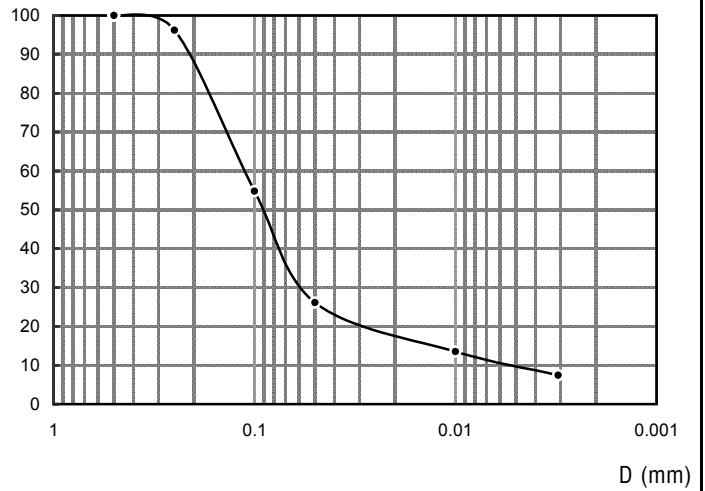
Ngày TN: 29-12-17

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Á cát, xám xanh đen, trạng thái dẻo

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	29.95	18.7	14.4	92.4	46.7	0.875	27.0	32.89	27.10	5.79	0.49

KQTN HẠT		KL đất khô:	84.88g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.119	0.057	0.005	5.5	23.8

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	3.8	100.0
			0.25-0.1	41.4	96.2
			0.1-0.05	28.7	54.8
		Bụi	0.05-0.01	12.6	26.1
			0.01-0.005	3.6	13.5
		Sét	<0.005	9.9	9.9



Thí nghiệm nén lún

$m_v = 2.00$ Hộp nén số: 40 $e_0 = 0.875$
 $\beta = 0.74$ Số đọc sau 24h: 133.5 $h_0 = 20\text{mm}$

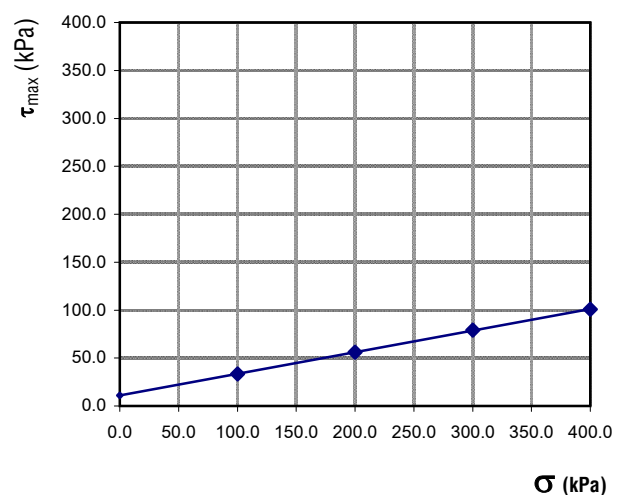
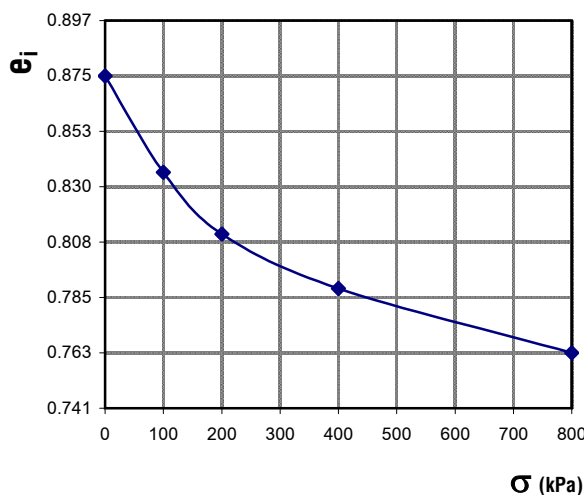
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.875			
100	48.0	6.8	0.836	0.039	4807.7	7115.4
200	76.0	9.5	0.811	0.025	7344.0	10869.1
400	103.0	13.2	0.789	0.011	16463.6	24366.2
800	130.2	14.7	0.763	0.007	25557.1	37824.6

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	33.4
200	39.2	1.678	56.2
300	52.5	1.736	79.2
400	69.7	1.739	101.0

$\tan \varphi = 0.2258$ $\varphi = 12^\circ 43'$ C = 11.0 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-1

Độ sâu: 1.8 - 2.0 m

Hố khoan: HK5

Ngày TN: 02-01-18

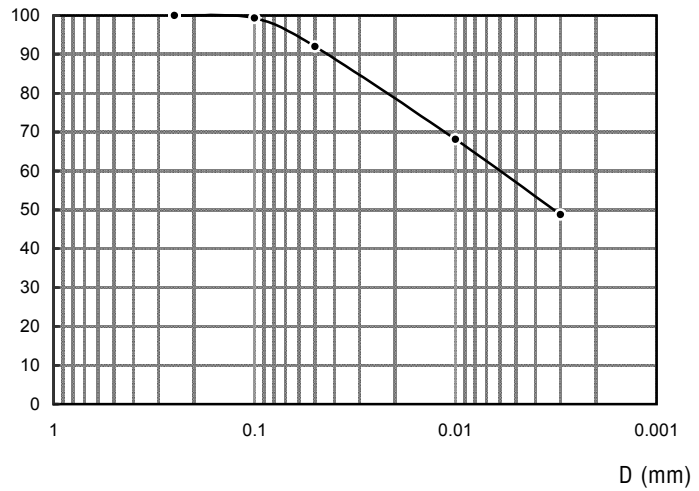
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	67.24	15.5	9.3	96.4	64.9	1.849	26.5	63.18	32.63	30.55	1.13

KQTN HẠT		KL đất khô:	28.82g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.007	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-12} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	0.7	100.0
			0.1-0.05	7.3	99.3
		Bụi	0.05-0.01	23.9	92.0
			0.01-0.005	14.9	68.1
		Sét	<0.005	53.2	53.2



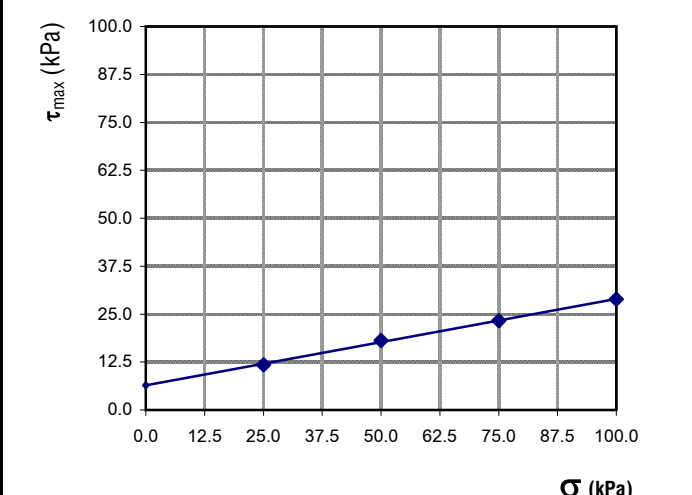
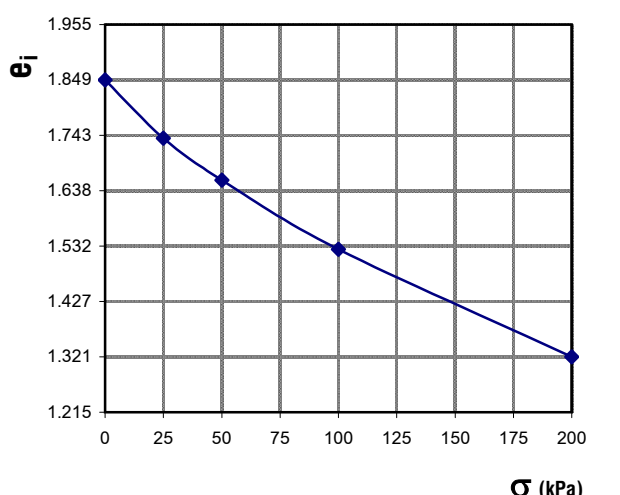
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 41 $e_0 = 1.849$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 381.3 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.849			
25	78.4	2.3	1.738	0.444	641.7	641.7
50	135.0	4.2	1.658	0.320	855.6	855.6
100	227.8	6.5	1.526	0.264	1006.8	1006.8
200	372.0	10.2	1.321	0.205	1232.2	1232.2

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	11.8
50	39.2	1.678	18.1
75	52.5	1.736	23.3
100	69.7	1.739	28.9

$\tan \varphi = 0.2260$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 6.4 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-2

Độ sâu: 3.8 - 4.0 m

Hố khoan: HK5

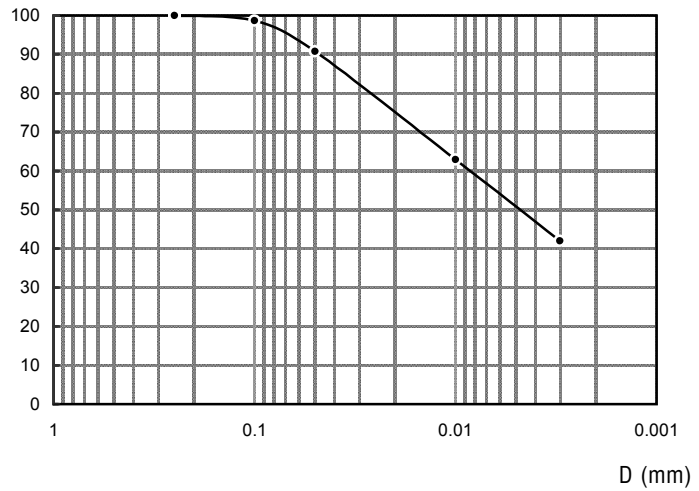
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	81.65	14.9	8.2	97.1	68.9	2.220	26.4	76.49	42.34	34.15	1.15

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		32.03g					
		Nhiệt độ TN: 30.0°C	0.008	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	1.3	100.0
			0.1-0.05	7.9	98.7
		Bụi	0.05-0.01	27.9	90.8
			0.01-0.005	14.7	62.9
		Sét	<0.005	48.2	48.2



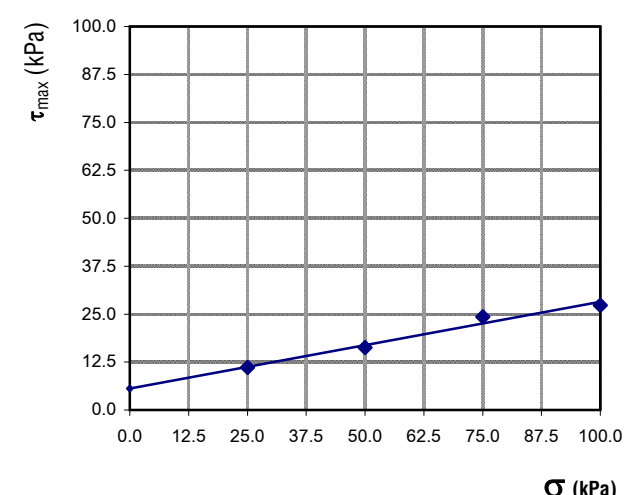
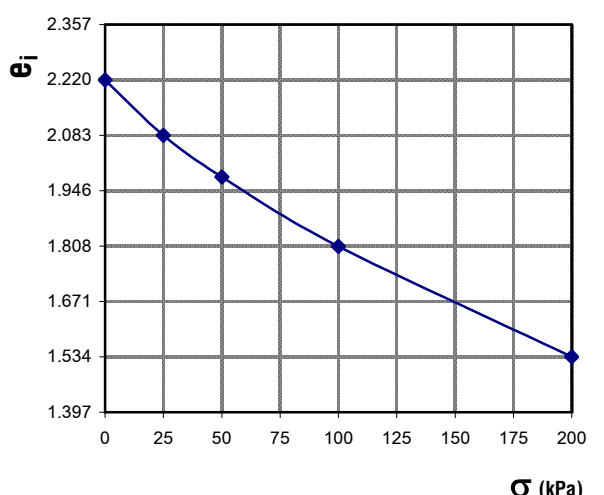
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 42 $e_0 = 2.220$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 435.6 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			2.220			
25	86.0	2.8	2.083	0.548	587.6	587.6
50	150.0	4.6	1.980	0.412	748.3	748.3
100	256.0	6.6	1.808	0.344	866.3	866.3
200	425.0	9.8	1.534	0.274	1024.8	1024.8

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	kPa/0.01mm	kPa
25	32.3	1.686	11.1
50	39.2	1.678	16.3
75	52.5	1.736	24.3
100	69.7	1.739	27.3

$\tan \varphi = 0.2264$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 5.6 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-3

Độ sâu: 5.8 - 6.0 m

Hố khoan: HK5

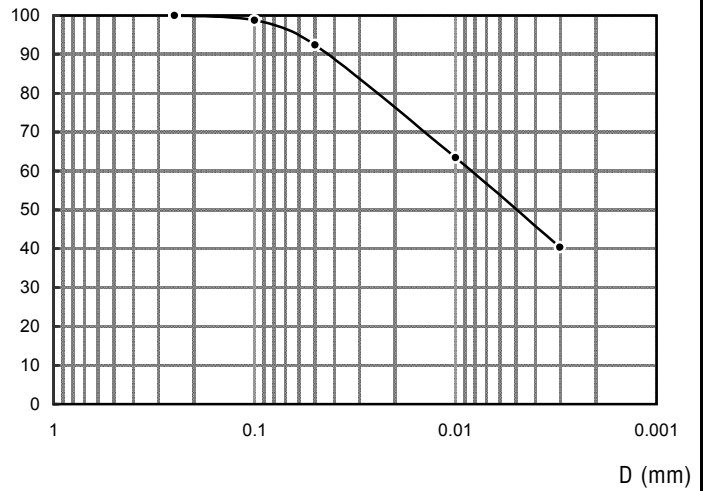
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	75.13	15.2	8.7	97.2	67.3	2.057	26.6	72.01	38.16	33.85	1.09

KQTN HẠT		KL đất khô:	30.37g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.009	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	1.2	100.0
2.0			0.1-0.05	6.4	98.8
1.0		Bụi	0.05-0.01	29.0	92.4
0.5			0.01-0.005	14.9	63.4
0.25					
0.1	0.35	Sét	<0.005	48.5	48.5



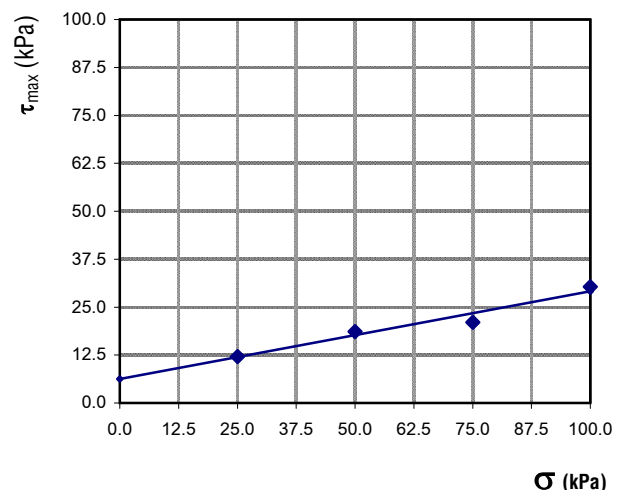
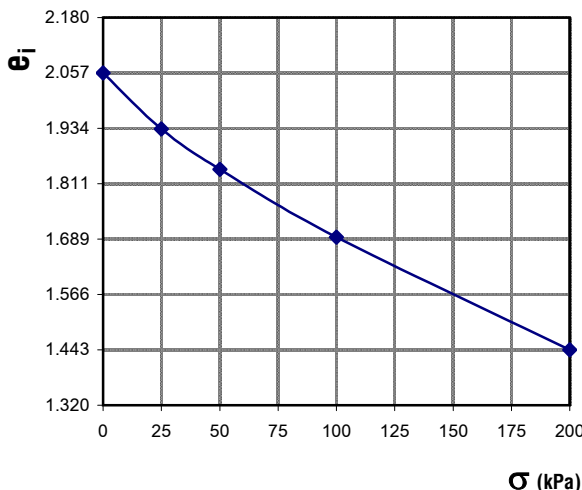
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 43 $e_0 = 2.057$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 412.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			2.057			
25	80.4	1.6	1.933	0.496	616.3	616.3
50	142.0	5.3	1.843	0.360	814.7	814.7
100	239.0	7.0	1.693	0.300	947.7	947.7
200	402.0	10.0	1.443	0.250	1077.2	1077.2

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	12.1
50	39.2	1.678	18.6
75	52.5	1.736	21.0
100	69.7	1.739	30.3

$\tan \varphi = 0.2280$ $\varphi = 12^\circ 51'$ C = 6.3 kPa



Đại diện TN: **Trần Hồng Văn**

Xử lý: **KS. Võ Thanh Long**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-4

Độ sâu: 7.8 - 8.0 m

Hố khoan: HK5

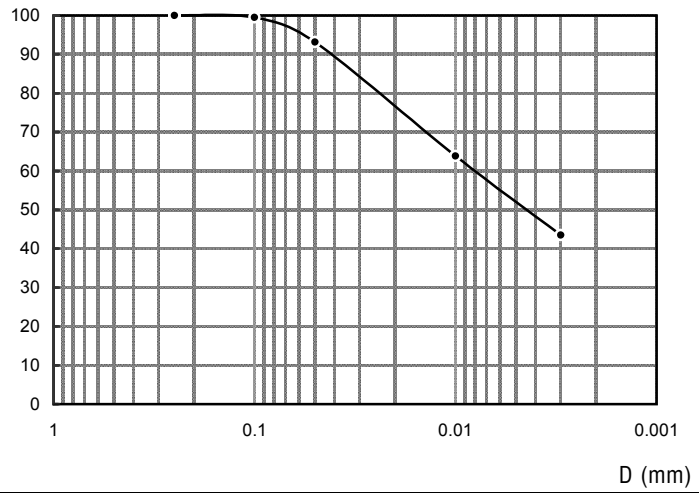
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	62.54	15.9	9.8	97.1	63.2	1.714	26.6	58.30	31.26	27.04	1.16

KQTN HẠT		KL đất khô:	33.04g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.009	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	0.5	100.0
2.0			0.1-0.05	6.3	99.5
1.0		Bụi	0.05-0.01	29.4	93.2
0.5			0.01-0.005	12.9	63.8
0.25					
0.1	0.17	Sét	<0.005	50.9	50.9



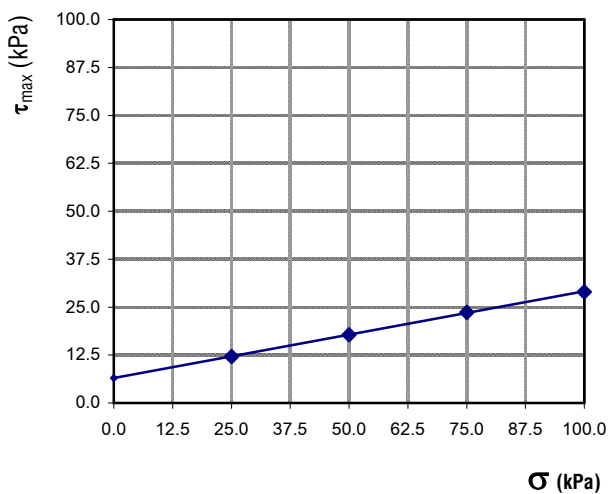
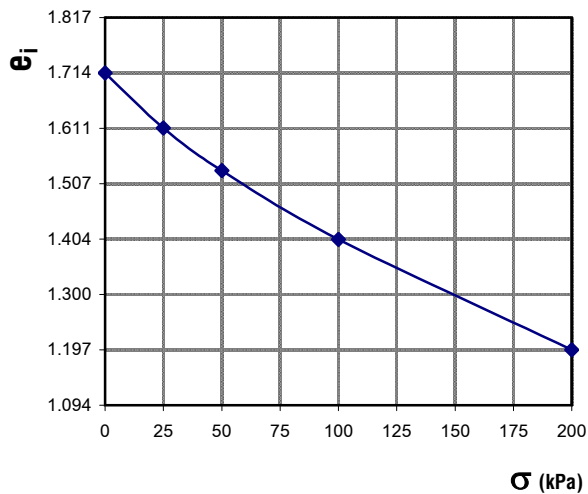
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 44 $e_0 = 1.714$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 391.6 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.714			
25	76.4	2.4	1.611	0.412	658.7	658.7
50	136.0	5.1	1.532	0.316	826.3	826.3
100	230.5	7.2	1.403	0.258	981.4	981.4
200	382.0	10.3	1.197	0.206	1166.5	1166.5

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	kPa/0.01mm	kPa
25	32.3	1.686	12.1
50	39.2	1.678	17.8
75	52.5	1.736	23.6
100	69.7	1.739	29.0

$\tan \varphi = 0.2260$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 6.5 kPa



Đại diện TN:

Xử lý:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-5

Độ sâu: 9.8 - 10.0 m

Hố khoan: HK5

Ngày TN: 02-01-18

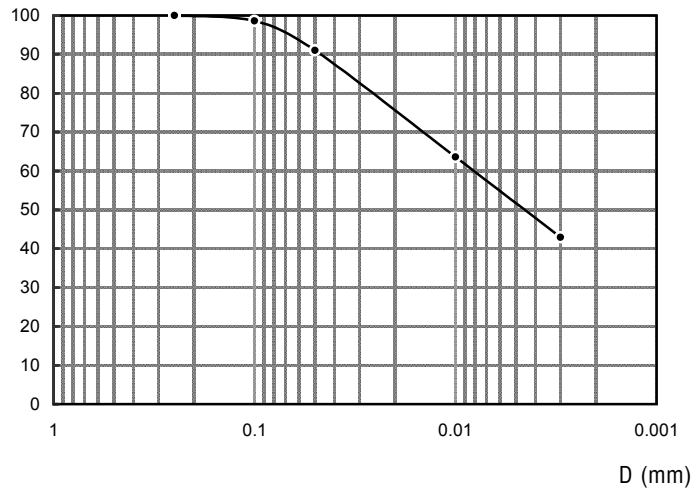
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	57.95	16.4	10.4	98.7	61.0	1.567	26.7	55.39	31.75	23.64	1.11

KQTN HẠT		KL đất khô:	30.79g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.009	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	1.4	100.0
			0.25-0.1	7.6	98.6
		Bụi	0.05-0.01	27.4	91.0
			0.01-0.005	15.5	63.6
		Sét	<0.005	48.1	48.1



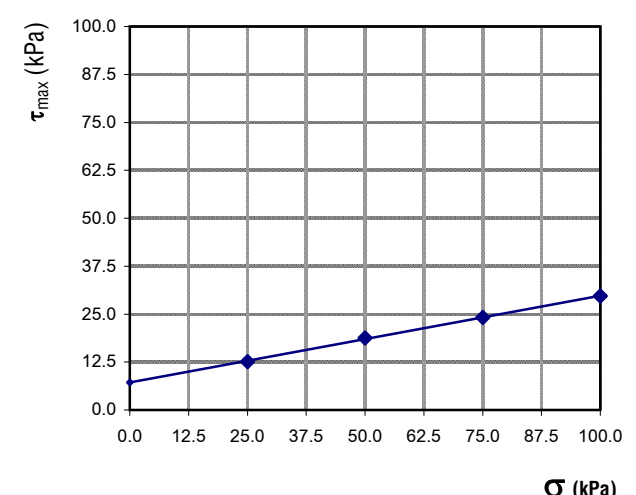
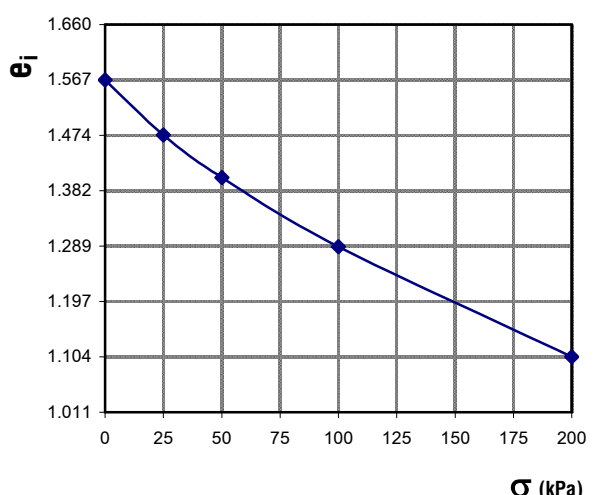
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 45 $e_0 = 1.567$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 371.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E^* m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.567			
25	73.4	3.0	1.475	0.368	697.6	697.6
50	129.0	5.5	1.404	0.284	871.5	871.5
100	219.0	7.5	1.288	0.232	1036.2	1036.2
200	362.0	10.5	1.104	0.184	1243.5	1243.5

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	12.6
50	39.2	1.678	18.8
75	52.5	1.736	24.1
100	69.7	1.739	29.7

$\tan \varphi = 0.2264$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 7.2 kPa



Đại diện TN:

Xử lý:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-6

Độ sâu: 11.8 - 12.0 m

Hố khoan: HK5

Ngày TN: 02-01-18

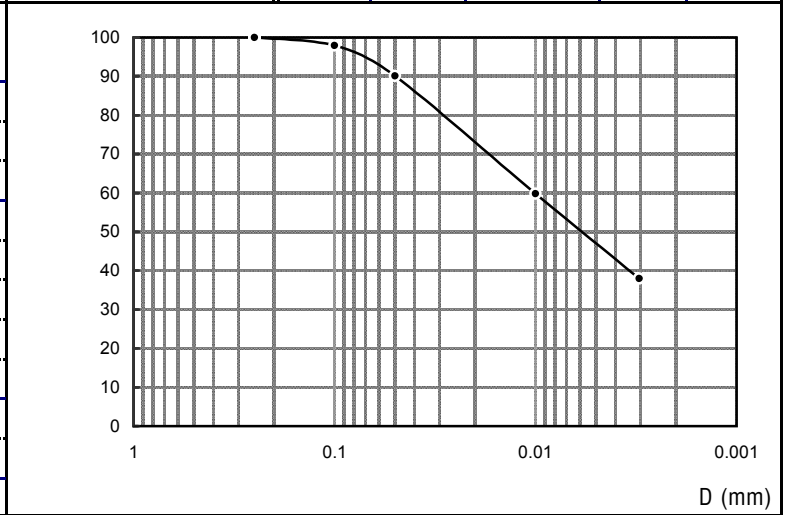
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	64.71	15.8	9.6	97.2	63.9	1.771	26.6	58.61	32.57	26.04	1.23

KQTN HẠT		KL đất khô:	29.32g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.010	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	2.1	100.0
2.0			0.1-0.05	7.8	97.9
1.0		Bụi	0.05-0.01	30.3	90.1
0.5			0.01-0.005	14.9	59.8
0.25					
0.1	0.61	Sét	<0.005	44.9	44.9



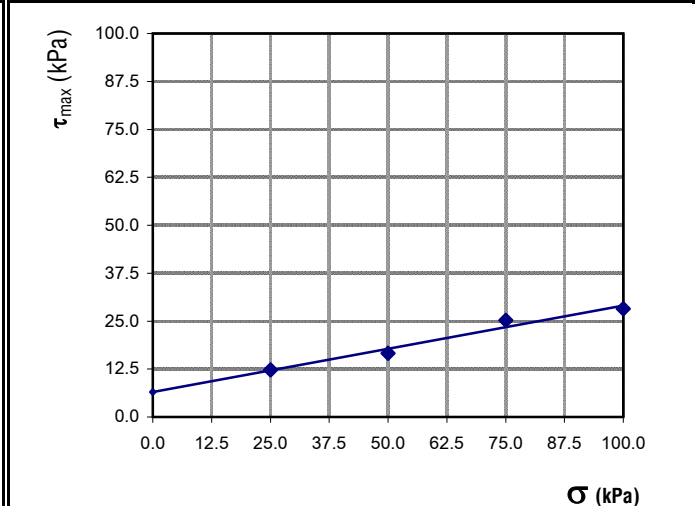
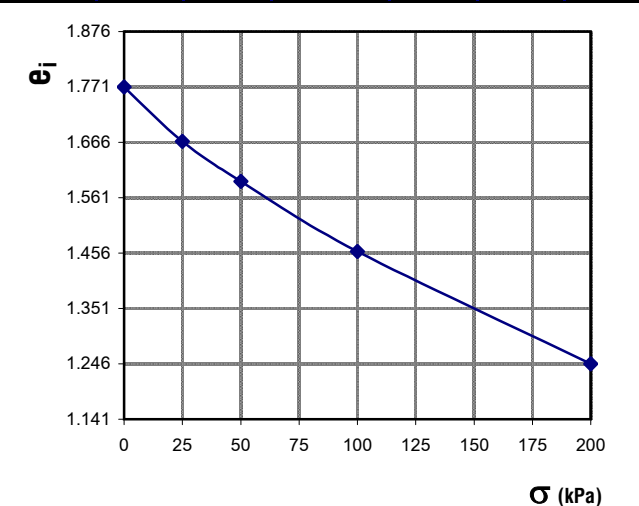
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 46 $e_0 = 1.771$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 389.5 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E^* m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.771			
25	75.0	2.6	1.668	0.412	672.6	672.6
50	130.0	3.8	1.592	0.304	877.6	877.6
100	227.5	8.3	1.459	0.266	974.4	974.4
200	380.0	11.0	1.246	0.213	1154.5	1154.5

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	12.3
50	39.2	1.678	16.6
75	52.5	1.736	25.2
100	69.7	1.739	28.2

$\tan \varphi = 0.2252$ $\varphi = 12^\circ 41'$ C = 6.5 kPa



Đại diện TN:

Xử lý:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-7

Độ sâu: 13.8 - 14.0 m

Hố khoan: HK5

Ngày TN: 02-01-18

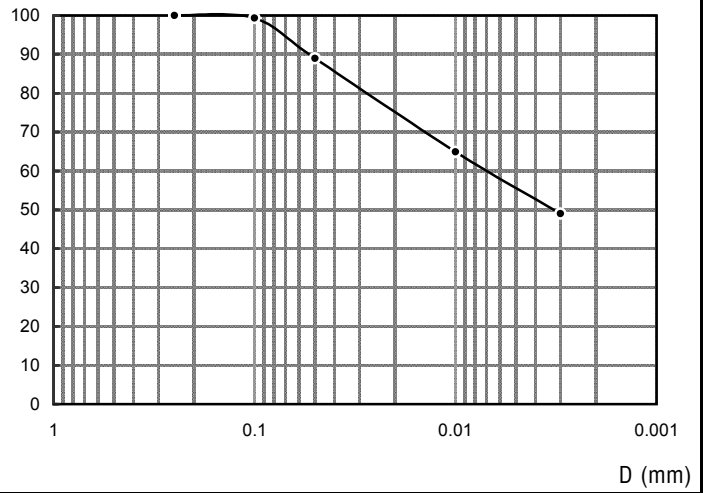
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	67.68	15.7	9.4	98.6	64.5	1.819	26.5	61.84	32.63	29.21	1.20

KQTN HẠT		KL đất khô:	28.69g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.007	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-12} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	0.7	100.0
			0.1-0.05	10.3	99.3
		Bụi	0.05-0.01	24.1	89.0
			0.01-0.005	10.3	64.9
			Sét	<0.005	54.6



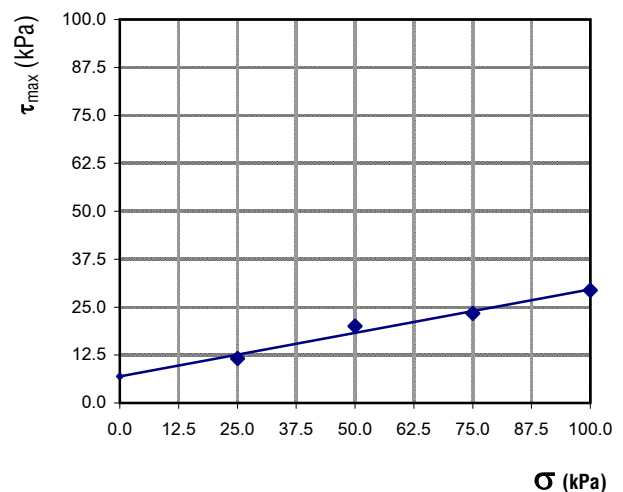
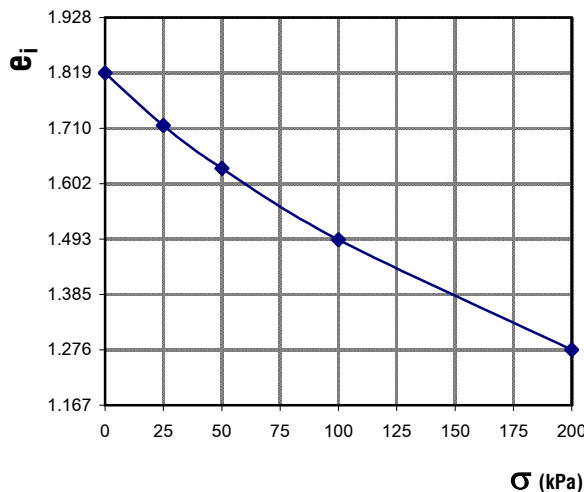
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 47 $e_0 = 1.819$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 396.7 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.819			
25	74.5	3.3	1.716	0.412	684.2	684.2
50	134.0	4.7	1.632	0.336	808.3	808.3
100	234.0	7.8	1.492	0.280	940.0	940.0
200	387.0	11.3	1.276	0.216	1153.7	1153.7

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	11.6
50	39.2	1.678	20.0
75	52.5	1.736	23.4
100	69.7	1.739	29.4

$\tan \varphi = 0.2272$ $\varphi = 12^\circ 48'$ C = 6.9 kPa



Đại diện TN: **Trần Hồng Văn**

Xử lý: **KS. Võ Thanh Long**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-8

Độ sâu: 15.8 - 16.0 m

Hố khoan: HK5

Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Bùn sét, xám xanh đen, trạng thái nhão

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	59.72	16.3	10.2	99.0	61.5	1.598	26.5	57.83	36.56	21.27	1.09

KQTN HẠT				KL đất khô:	31.69g	D_{60} (mm)	0.010	D_{30} (mm)	*	D_{10} (mm)	*	C_c	*	C_u	*
				Nhiệt độ TN:	30.0°C										
Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %										
D (mm)	m_i (g)	Số sàng	>10		100.0										
			10-5		100.0										
			5-2		100.0										
Cát	20.0		2-1		100.0										
	10.0		1-0.5		100.0										
	5.0		0.5-0.25		100.0										
	2.0		0.25-0.1	1.1	100.0										
Bụi	1.0		0.1-0.05	10.2	98.9										
	0.5		0.05-0.01	28.7	88.7										
	0.25		0.01-0.005	15.2	60.0										
0.1	0.35	Sét	<0.005	44.8	44.8										

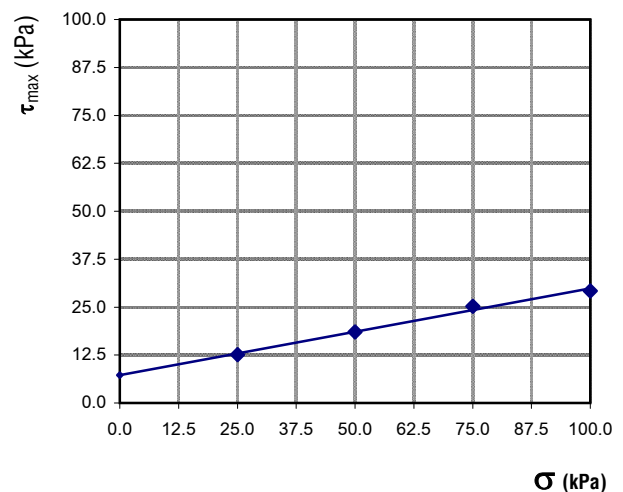
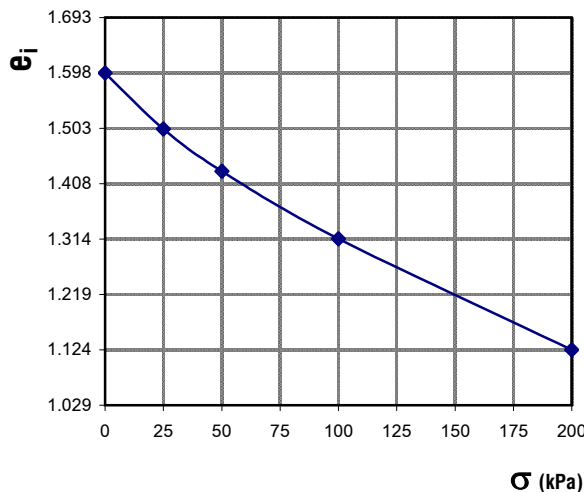
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 1.00$ Hộp nén số: 48 $e_0 = 1.598$
 $\beta = 1.00$ Số đọc sau 24h: 376.7 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			1.598			
25	75.0	2.7	1.502	0.384	676.6	676.6
50	130.5	4.4	1.430	0.288	868.8	868.8
100	221.5	8.1	1.314	0.232	1047.4	1047.4
200	367.5	11.8	1.124	0.190	1217.9	1217.9

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
25	32.3	1.686	12.6
50	39.2	1.678	18.5
75	52.5	1.736	25.2
100	69.7	1.739	29.2

$\tan \varphi = 0.2260$ $\varphi = 12^\circ 44'$ $C = 7.3 \text{ kPa}$



Đại diện TN:

Xử lý:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-9

Độ sâu: 17.8 - 18.0 m

Hố khoan: HK5

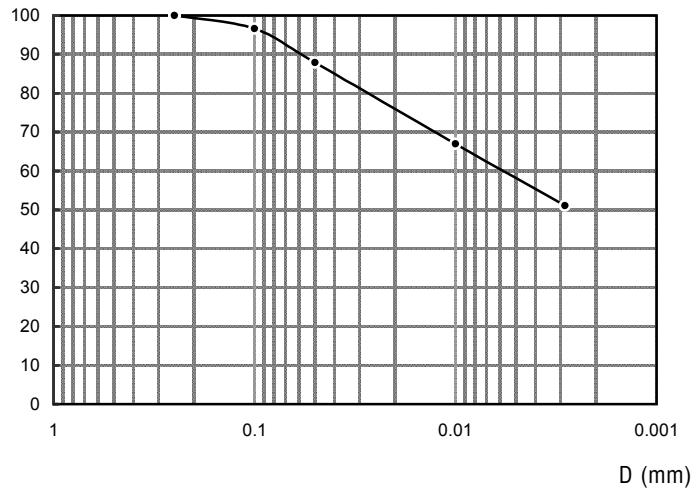
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, nâu - nâu vàng, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	30.18	18.7	14.4	92.3	47.1	0.889	27.2	46.38	20.53	25.85	0.37

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		37.00g					
		Nhiệt độ TN: 30.0°C	0.006	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	3.4	100.0
2.0			0.1-0.05	8.7	96.6
1.0		Bụi	0.05-0.01	20.9	87.9
0.5			0.01-0.005	8.7	67.0
0.25					
0.1	1.26	Sét	<0.005	58.3	58.3



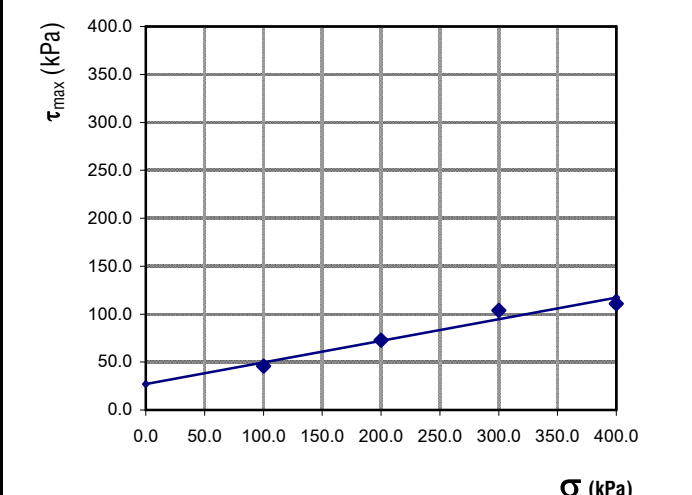
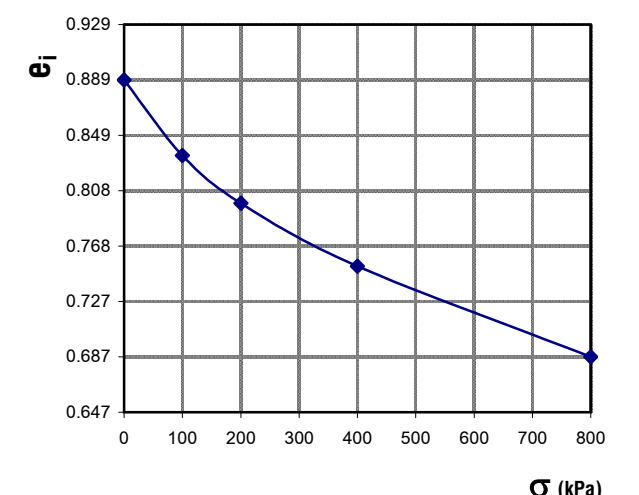
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 5.76$ Hộp nén số: 49 $e_0 = 0.889$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 230.2 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.889			
100	64.7	8.3	0.834	0.055	3434.5	7906.3
200	104.0	12.0	0.799	0.035	5240.0	12062.5
400	153.5	13.7	0.753	0.023	7821.7	18005.6
800	224.6	16.2	0.687	0.017	10311.8	23737.7

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	45.9
200	39.2	1.678	72.8
300	52.5	1.736	103.8
400	69.7	1.739	110.8

$\tan \varphi = 0.2257$ $\varphi = 12^\circ 43'$ C = 26.9 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-10

Độ sâu: 19.8 - 20.0 m

Hố khoan: HK5

Ngày TN: 02-01-18

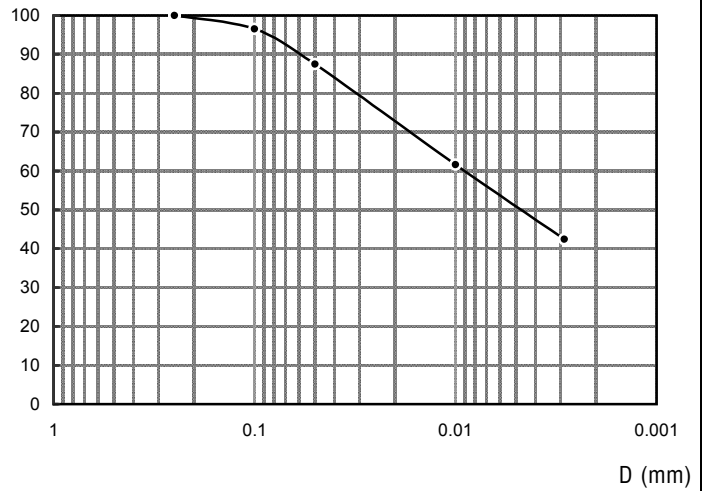
Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, nâu - nâu vàng, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	27.56	19.1	15.0	91.8	45.1	0.820	27.3	42.37	21.85	20.52	0.28

KQTN HẠT

KL đất khô:	40.77g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.009	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-12} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	3.5	100.0
			0.1-0.05	9.0	96.5
		Bụi	0.05-0.01	25.9	87.5
			0.01-0.005	10.6	61.6
		Sét	<0.005	51.0	51.0



Thí nghiệm nén lún

$m_v = 6.00$ Hộp nén số: 50 $e_0 = 0.820$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 215.3 $h_0 = 20\text{mm}$

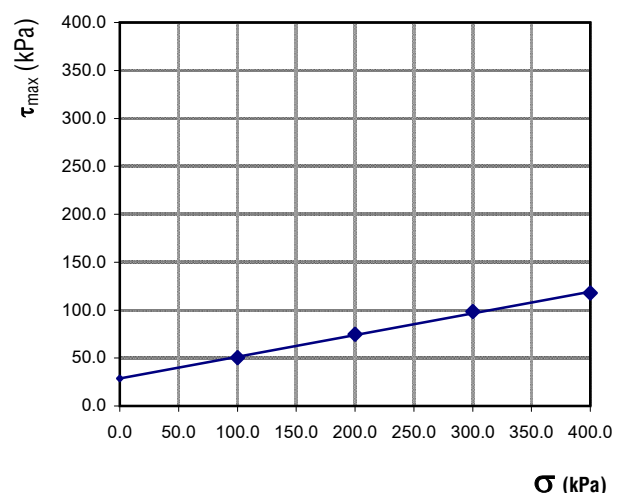
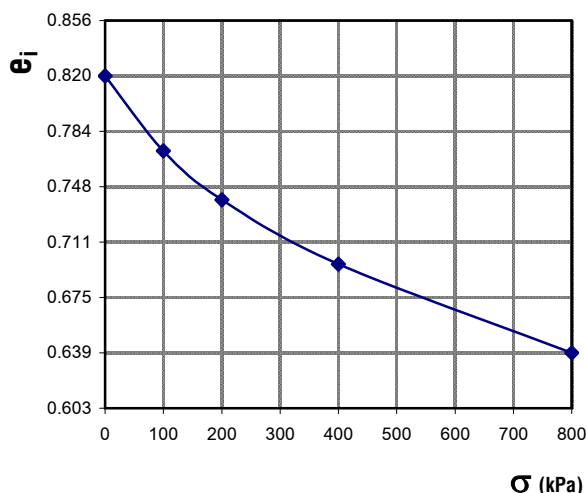
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.820			
100	60.3	7.9	0.771	0.049	3714.3	8914.3
200	98.0	11.5	0.739	0.032	5534.4	13282.5
400	145.6	14.2	0.697	0.021	8281.0	19874.3
800	210.0	16.6	0.639	0.015	11313.3	27152.0

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	50.4
200	39.2	1.678	74.7
300	52.5	1.736	98.4
400	69.7	1.739	117.9

$\tan \varphi = 0.2262$ $\varphi = 12^\circ 45'$ $C = 28.8 \text{ kPa}$



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

35/34/4 TCH36, KP2, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TPHCM; ĐT: 08-62575876, 73056719 Fax: 62575876



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-11

Độ sâu: 21.8 - 22.0 m

Hố khoan: HK5

Ngày TN: 02-01-18

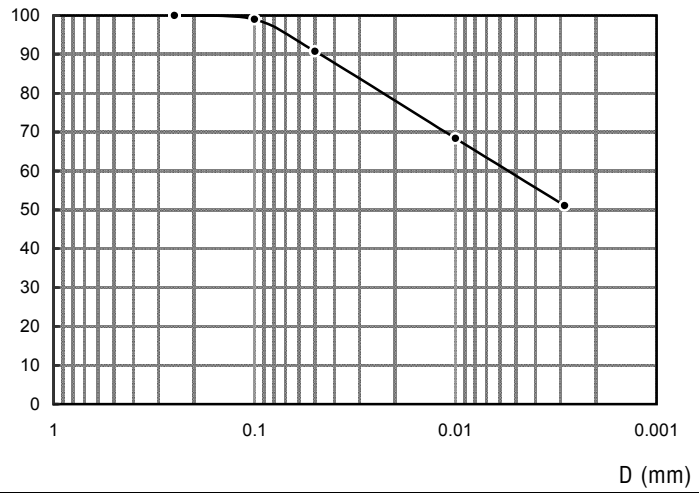
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Sét, nâu - nâu vàng, trạng thái nửa cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	24.78	19.5	15.6	89.8	43.1	0.756	27.4	46.03	21.78	24.25	0.12

KQTN HẠT		KL đất khô:	33.79g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.005	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	1.0	100.0
2.0			0.1-0.05	8.2	99.0
		Bụi	0.05-0.01	22.4	90.8
1.0			0.01-0.005	9.6	68.4
0.5					
0.25		Sét	<0.005	58.8	58.8
0.1	0.34				



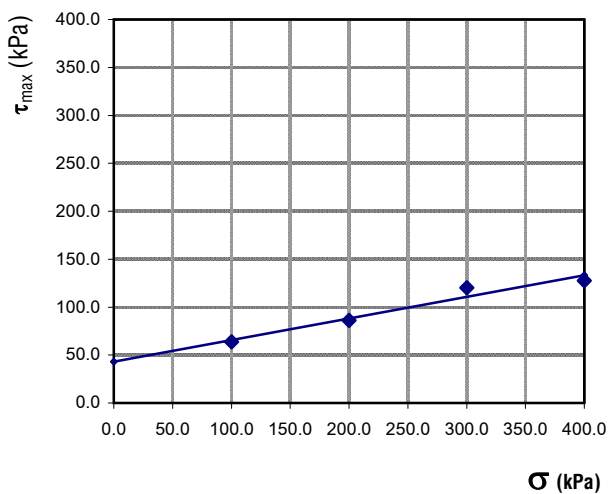
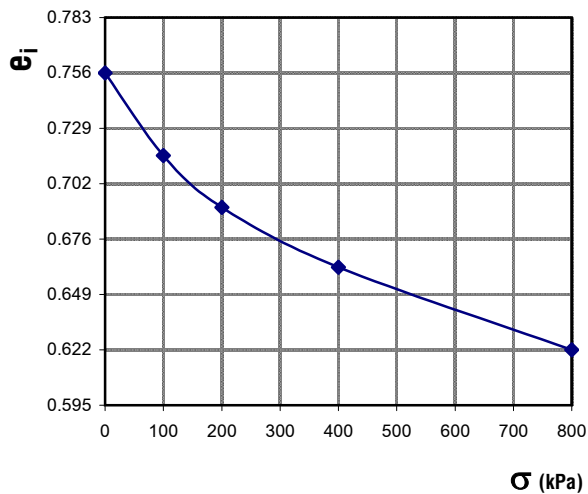
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 6.00$ Hộp nén số: 51 $e_0 = 0.756$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 169.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.756			
100	52.4	8.5	0.716	0.040	4390.0	10536.0
200	83.0	10.9	0.691	0.025	6864.0	16473.6
400	118.5	14.6	0.662	0.015	11273.3	27056.0
800	165.0	16.4	0.622	0.010	16620.0	39888.0

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	63.7
200	39.2	1.678	86.1
300	52.5	1.736	120.1
400	69.7	1.739	127.6

$\tan \varphi = 0.2257$ $\varphi = 12^\circ 43'$ C = 43.0 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-12

Độ sâu: 23.8 - 24.0 m

Hố khoan: HK5

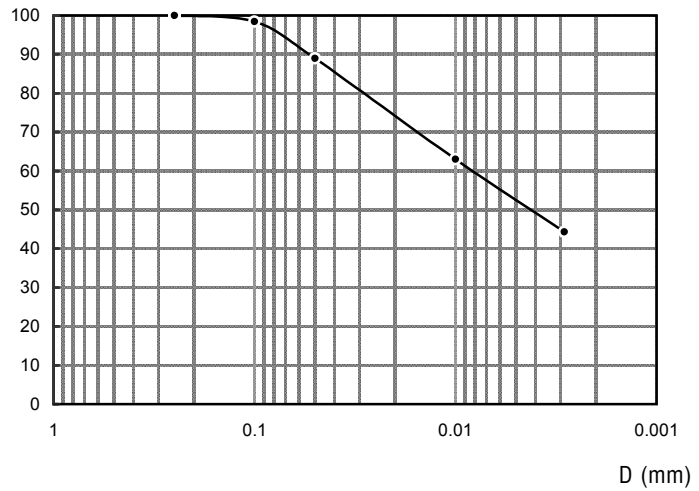
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, nâu - nâu vàng, trạng thái nửa cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	23.61	19.7	15.9	89.9	41.8	0.717	27.3	45.39	20.32	25.07	0.13

KQTN HẠT		KL đất khô:	39.07g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.009	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	1.6	100.0
2.0			0.1-0.05	9.4	98.4
1.0		Bụi	0.05-0.01	26.0	89.0
0.5			0.01-0.005	11.3	63.0
0.25					
0.1	0.62	Sét	<0.005	51.7	51.7



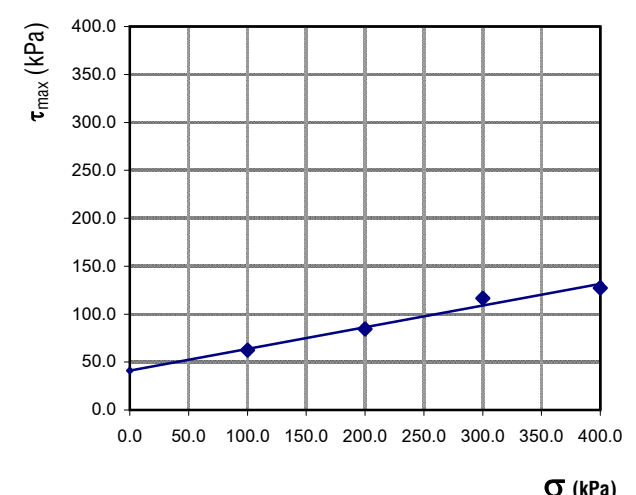
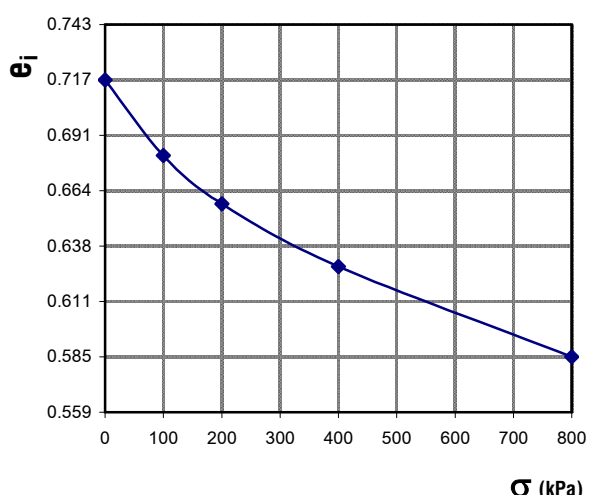
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 6.00$ Hộp nén số: 52 $e_0 = 0.717$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 171.2 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.717			
100	50.0	8.8	0.681	0.036	4769.4	11446.7
200	78.5	11.4	0.658	0.023	7308.7	17540.9
400	116.2	15.0	0.628	0.015	11053.3	26528.0
800	167.0	16.9	0.585	0.011	14800.0	35520.0

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	62.4
200	39.2	1.678	84.6
300	52.5	1.736	116.5
400	69.7	1.739	127.1

$\tan \varphi = 0.2260$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 41.2 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-13

Độ sâu: 25.8 - 26.0 m

Hố khoan: HK5

Ngày TN: 02-01-18

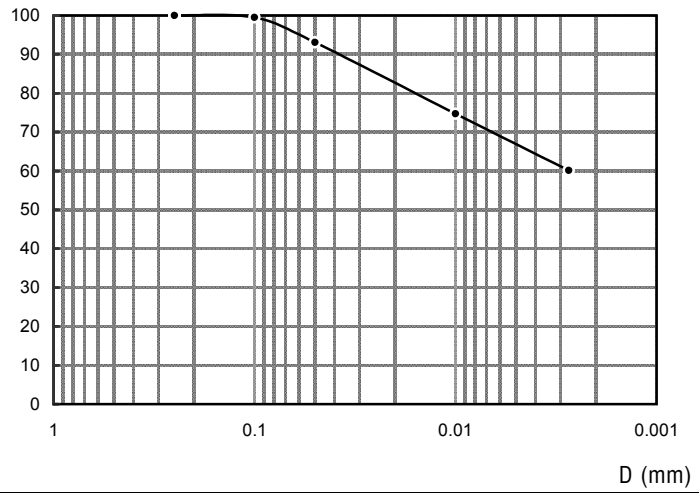
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Sét, xám trắng - nâu đỏ, trạng thái nửa cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	21.55	19.9	16.4	88.5	39.9	0.665	27.3	47.16	19.21	27.95	0.08

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		41.90g					
		Nhiệt độ TN: 30.0°C	*	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	0.5	100.0
2.0			0.1-0.05	6.4	99.5
1.0		Bụi	0.05-0.01	18.4	93.1
0.5			0.01-0.005	7.9	74.7
0.25					
0.1	0.20	Sét	<0.005	66.8	66.8



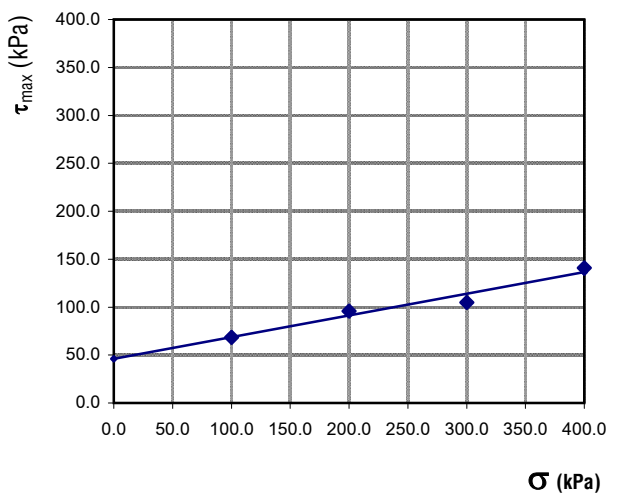
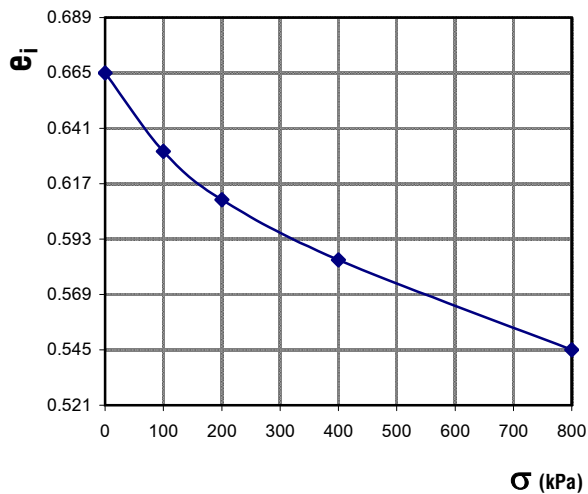
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 6.00$ Hộp nén số: 53 $e_0 = 0.665$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 160.9 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E^* m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.665			
100	49.0	8.9	0.631	0.034	4897.1	11752.9
200	76.0	11.6	0.610	0.021	7766.7	18640.0
400	110.0	15.2	0.584	0.013	12384.6	29723.1
800	157.0	17.4	0.545	0.010	15840.0	38016.0

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	kPa/0.01mm	kPa
100	32.3	1.686	68.6
200	39.2	1.678	95.8
300	52.5	1.736	105.0
400	69.7	1.739	140.9

$\tan \varphi = 0.2261$ $\varphi = 12^\circ 44'$ C = 46.1 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-14

Độ sâu: 27.8 - 28.0 m

Hố khoan: HK5

Ngày TN: 02-01-18

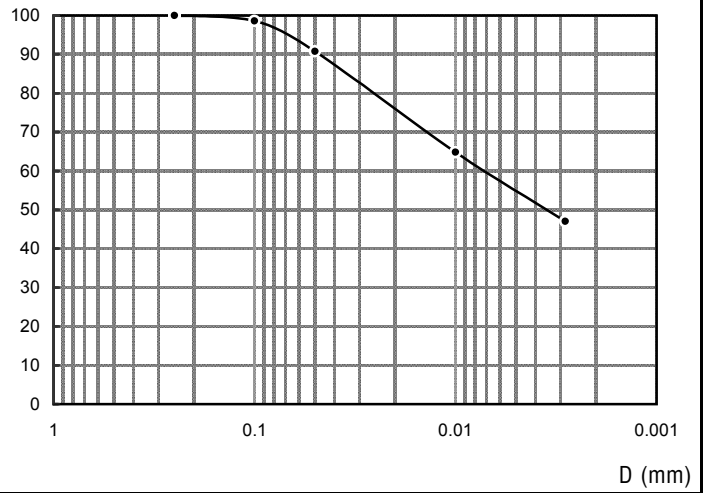
Tên đất theo TCVN 9362:2012:

Sét, xám trắng - vàng nâu, trạng thái nửa cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	24.07	19.6	15.8	89.9	42.3	0.734	27.4	46.18	20.37	25.81	0.14

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		40.08g	0.008	*	*	*	*
		Nhiệt độ TN: 30.0°C					

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25	1.4	100.0
			0.25-0.1	7.8	98.6
		Bụi	0.05-0.01	26.0	90.8
			0.01-0.005	9.5	64.8
		Sét	<0.005	55.3	55.3



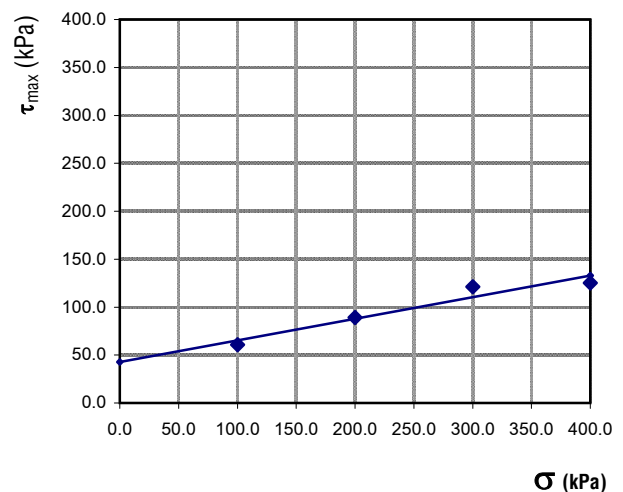
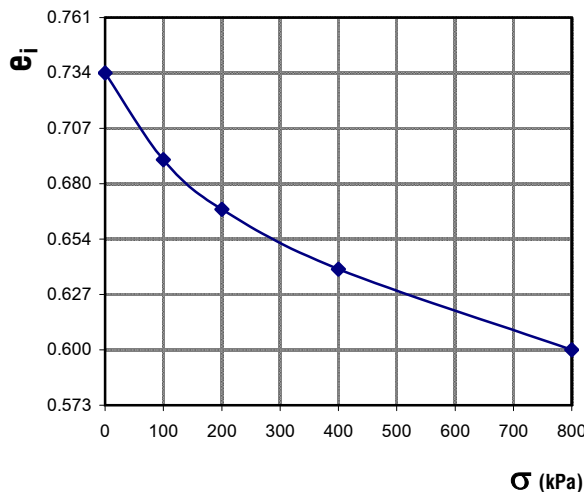
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 6.00$ Hộp nén số: 54 $e_0 = 0.734$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 171.2 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.734			
100	56.0	9.0	0.692	0.042	4128.6	9908.6
200	86.0	12.0	0.668	0.024	7050.0	16920.0
400	121.8	14.7	0.639	0.015	11120.0	26688.0
800	167.0	17.3	0.600	0.010	16390.0	39336.0

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	kPa/0.01mm	kPa
100	32.3	1.686	60.7
200	39.2	1.678	89.1
300	52.5	1.736	121.3
400	69.7	1.739	125.2

$\tan \varphi = 0.2257$ $\varphi = 12^\circ 43'$ C = 42.7 kPa



Đại diện TN: **Trần Hồng Văn**

Xử lý: **KS. Võ Thanh Long**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-15

Độ sâu: 29.8 - 30.0 m

Hố khoan: HK5

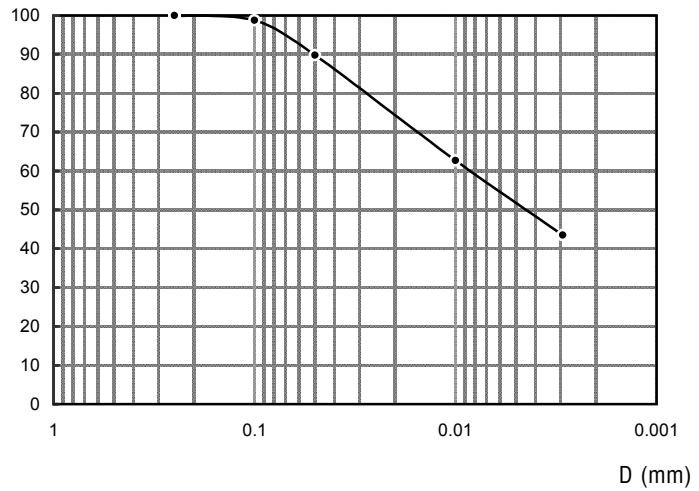
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	32.73	18.6	14.0	94.4	48.5	0.943	27.2	47.52	24.76	22.76	0.35

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		34.39g	0.008	*	*	*	*
		Nhiệt độ TN: 30.0°C					

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	1.2	100.0
			0.1-0.05	9.0	98.8
		Bụi	0.05-0.01	27.1	89.8
			0.01-0.005	9.5	62.7
		Sét	<0.005	53.2	53.2



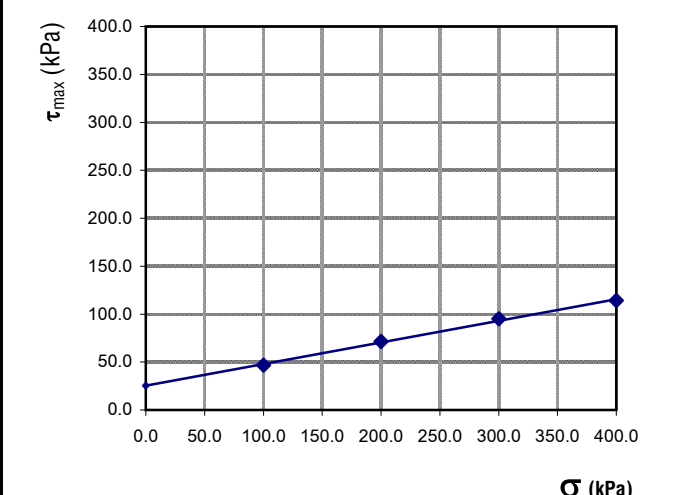
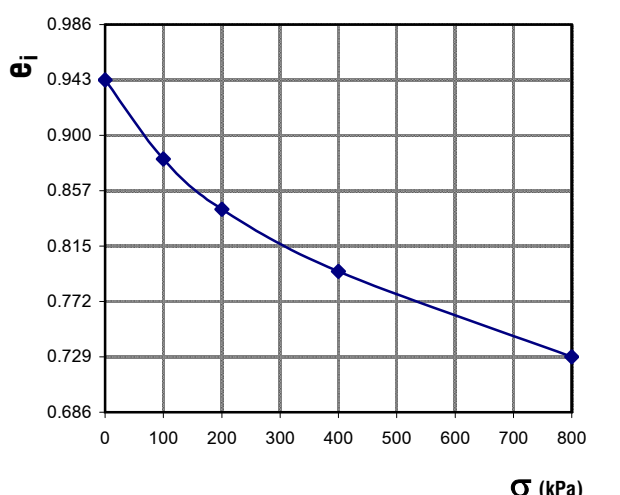
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 5.54$ Hộp nén số: 55 $e_0 = 0.943$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 238.2 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.943			
100	67.8	6.3	0.882	0.061	3185.2	7052.1
200	113.0	12.6	0.843	0.039	4825.6	10684.0
400	163.0	15.2	0.795	0.024	7679.2	17001.7
800	232.4	18.3	0.729	0.017	10558.8	23377.2

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	kPa/0.01mm	kPa
100	32.3	1.686	46.7
200	39.2	1.678	71.5
300	52.5	1.736	95.0
400	69.7	1.739	114.1

$\tan \varphi = 0.2257$ $\varphi = 12^\circ 43'$ C = 25.4 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-16

Độ sâu: 31.8 - 32.0 m

Hố khoan: HK5

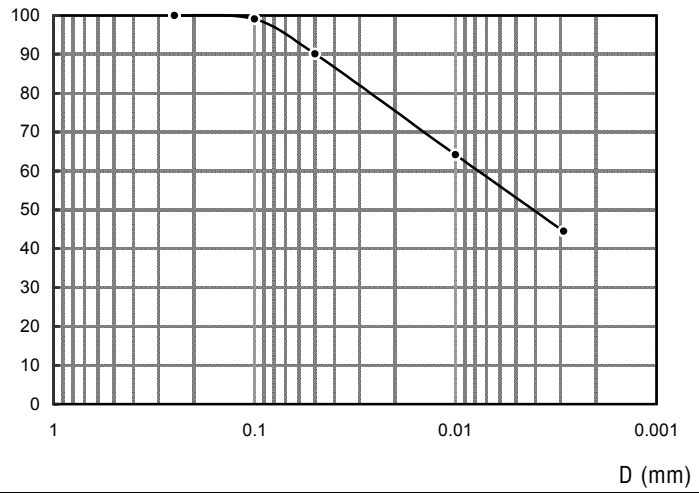
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	29.73	19.0	14.6	93.3	46.5	0.870	27.3	45.00	23.07	21.93	0.30

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		36.07g					
		Nhiệt độ TN: 30.0°C	0.007	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	0.9	100.0
			0.1-0.05	9.0	99.1
		Bụi	0.05-0.01	25.9	90.1
			0.01-0.005	11.3	64.2
		Sét	<0.005	52.9	52.9



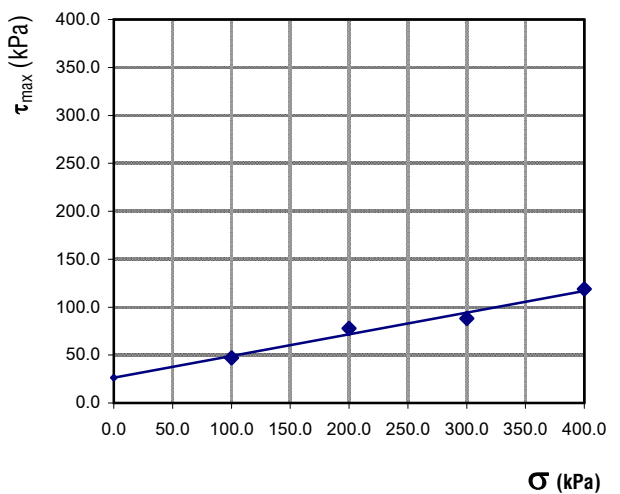
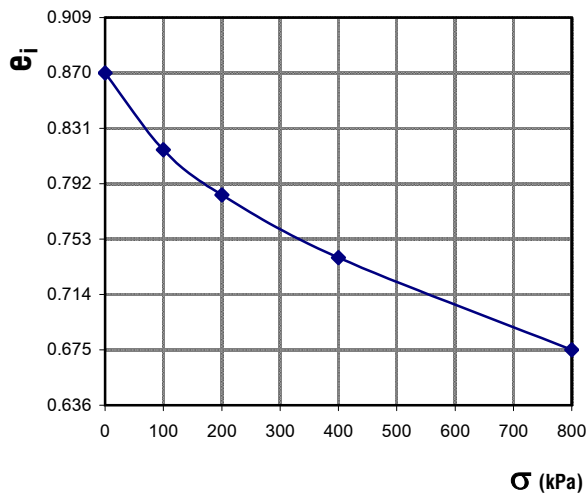
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 5.83$ Hộp nén số: 56 $e_0 = 0.870$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 227.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.870			
100	62.7	6.2	0.816	0.054	3463.0	8075.6
200	101.5	11.9	0.784	0.032	5675.0	13234.1
400	150.5	14.9	0.740	0.022	8109.1	18910.4
800	221.6	17.9	0.675	0.016	10875.0	25360.5

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	47.0
200	39.2	1.678	77.9
300	52.5	1.736	88.0
400	69.7	1.739	118.9

$\tan \varphi = 0.2258$ $\varphi = 12^\circ 43'$ $C = 26.5 \text{ kPa}$



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-17

Độ sâu: 33.8 - 34.0 m

Hố khoan: HK5

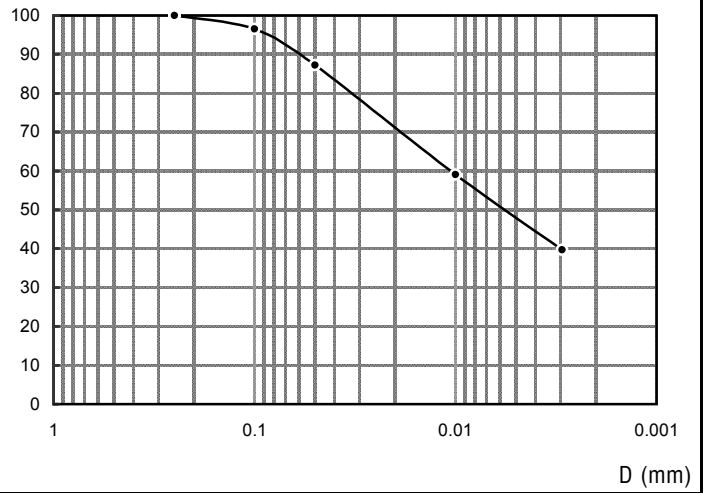
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	28.36	19.1	14.9	93.4	45.2	0.826	27.2	43.04	21.46	21.58	0.32

KQTN HẠT		KL đất khô:	33.72g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.011	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-12} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	3.5	100.0
			0.1-0.05	9.3	96.5
		Bụi	0.05-0.01	28.1	87.2
			0.01-0.005	9.7	59.1
			Sét	<0.005	49.4



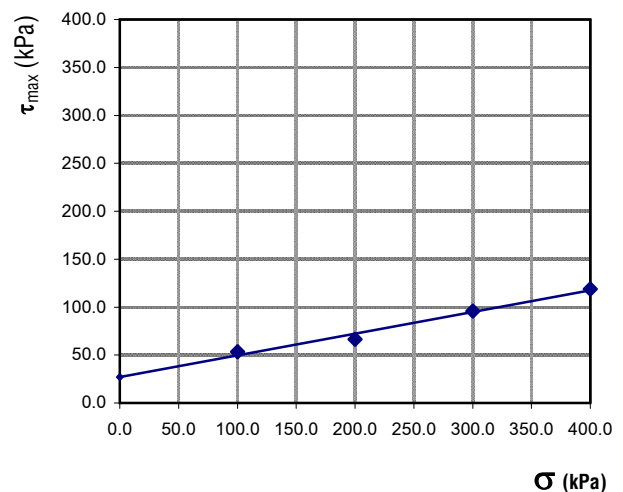
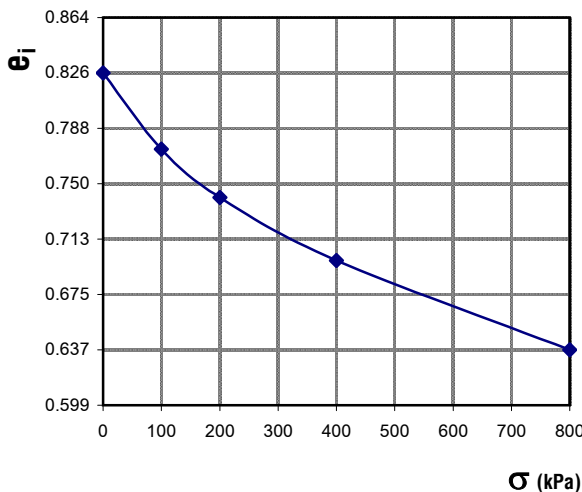
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 6.00$ Hộp nén số: 57 $e_0 = 0.826$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 224.1 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E^* m_k \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.826			
100	62.0	6.3	0.774	0.052	3511.5	8427.7
200	102.0	11.6	0.741	0.033	5375.8	12901.8
400	150.6	14.7	0.698	0.022	7913.6	18992.7
800	218.6	17.1	0.637	0.015	11320.0	27168.0

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	53.3
200	39.2	1.678	66.3
300	52.5	1.736	95.7
400	69.7	1.739	118.9

$\tan \varphi = 0.2262$ $\varphi = 12^\circ 45'$ $C = 27.0 \text{ kPa}$



Đại diện TN: **Trần Hồng Vân**

Xử lý: **Võ Thanh Long**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-18

Độ sâu: 35.8 - 36.0 m

Hố khoan: HK5

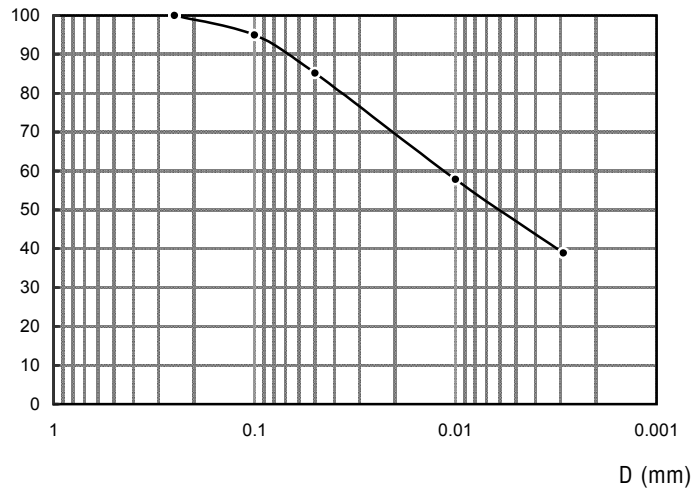
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	31.25	18.7	14.2	92.9	47.8	0.915	27.2	45.93	22.56	23.37	0.37

KQTN HẠT		KL đất khô:	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		40.50g					
		Nhiệt độ TN: 30.0°C	0.012	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-12} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	5.0	100.0
			0.1-0.05	9.8	95.0
		Bụi	0.05-0.01	27.4	85.2
			0.01-0.005	9.4	57.8
			Sét	<0.005	48.4



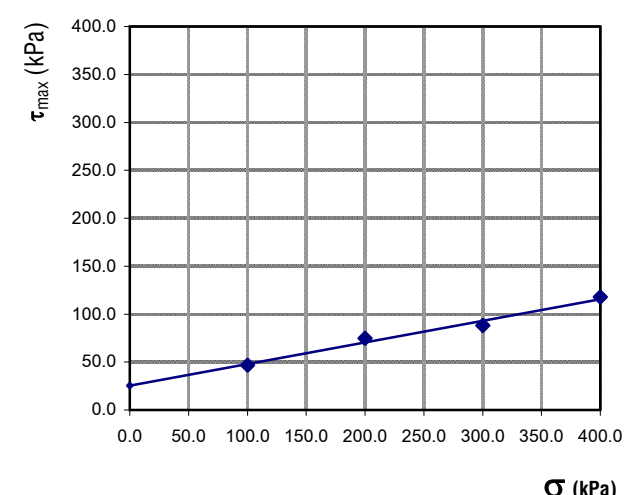
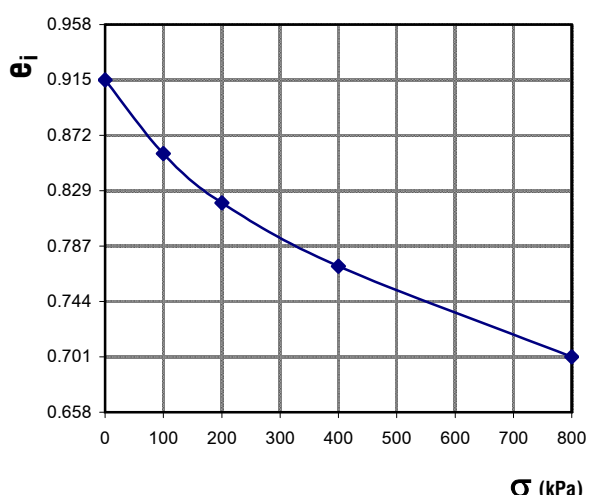
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 5.65$ Hộp nén số: 58 $e_0 = 0.915$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 241.5 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.915			
100	65.0	6.6	0.858	0.057	3359.6	7592.8
200	108.0	11.6	0.820	0.038	4889.5	11050.2
400	161.0	14.6	0.771	0.025	7280.0	16452.8
800	235.6	17.5	0.701	0.018	9838.9	22235.9

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	46.9
200	39.2	1.678	74.7
300	52.5	1.736	88.0
400	69.7	1.739	117.7

$\tan \varphi = 0.2257$ $\varphi = 12^\circ 43'$ C = 25.4 kPa



Đại diện TN: **Trần Hồng Vân**

Xử lý: **KS. Võ Thanh Long**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-19

Độ sâu: 37.8 - 38.0 m

Hố khoan: HK5

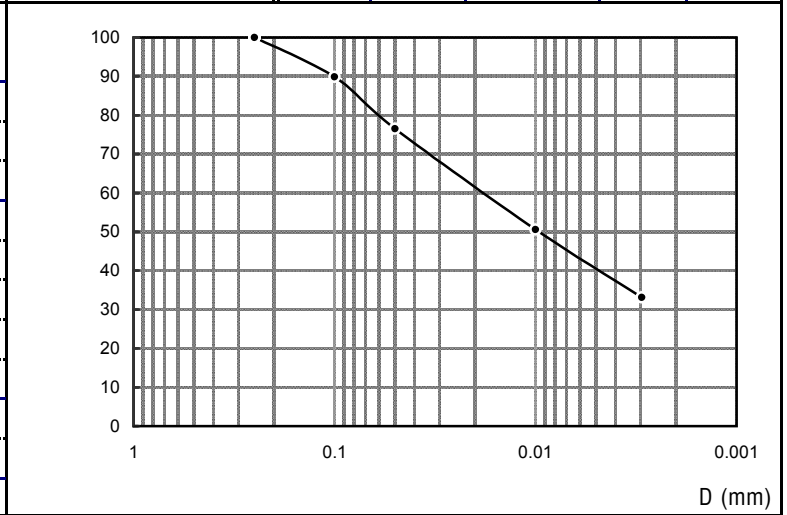
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	26.51	19.2	15.2	90.9	44.3	0.796	27.3	42.37	20.83	21.54	0.26

KQTN HẠT		KL đất khô:	36.07g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.016	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-2} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
20.0			1-0.5		100.0
10.0			0.5-0.25		100.0
5.0			0.25-0.1	10.1	100.0
2.0			0.1-0.05	13.4	89.9
1.0		Bụi	0.05-0.01	25.9	76.5
0.5			0.01-0.005	8.9	50.6
0.25					
0.1	3.64	Sét	<0.005	41.7	41.7



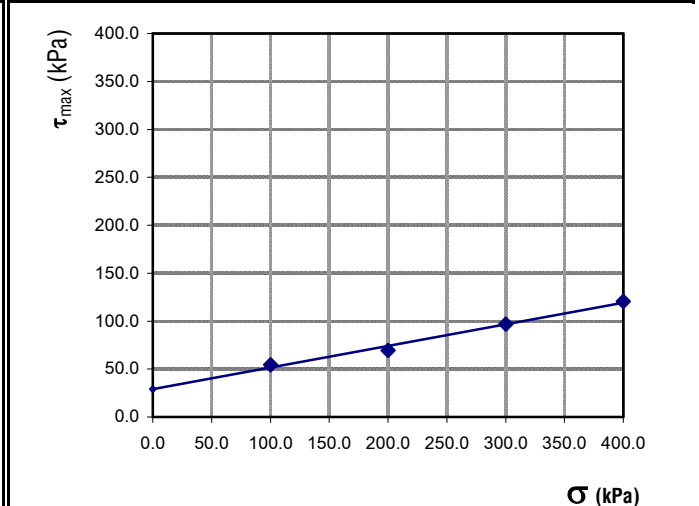
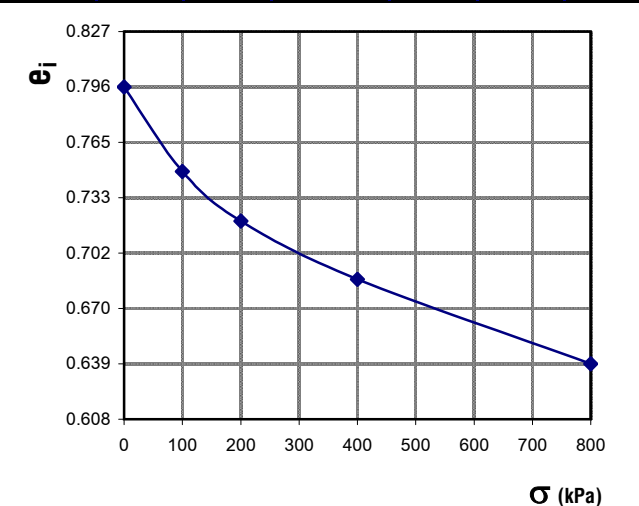
Thí nghiệm nén lún
 $m_v = 6.00$ Hộp nén số: 59 $e_0 = 0.796$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 192.2 $h_0 = 20\text{mm}$

σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.796			
100	58.0	6.9	0.748	0.048	3741.7	8980.0
200	94.0	11.3	0.720	0.028	6242.9	14982.9
400	132.0	14.3	0.687	0.017	10117.6	24282.4
800	187.5	17.0	0.639	0.012	14058.3	33740.0

Thí nghiệm cắt phẳng
 PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	54.5
200	39.2	1.678	69.3
300	52.5	1.736	96.7
400	69.7	1.739	120.5

$\tan \varphi = 0.2254$ $\varphi = 12^\circ 42'$ C = 28.9 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH



LAS-XD
1584

PHIẾU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Công trình: CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU

Địa điểm: PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU

Tên mẫu: HK5-20

Độ sâu: 39.8 - 40.0 m

Hố khoan: HK5

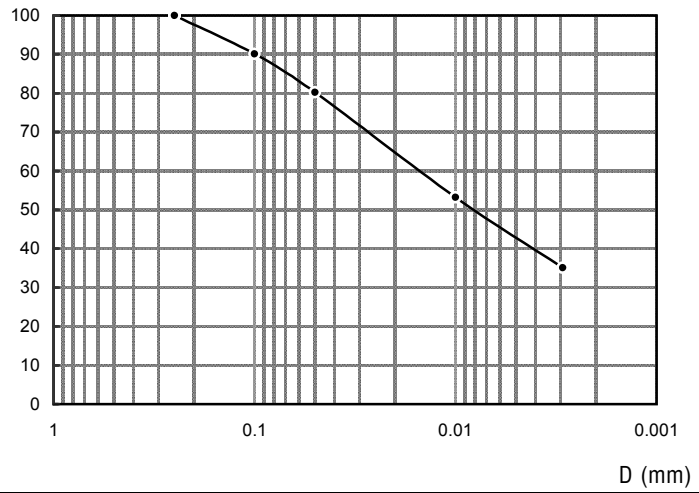
Ngày TN: 02-01-18

Tên đất theo TCVN 9362:2012: Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng

Nguyên dạng	W	γ	γ_d	S_r	n	e_0	G_s	W_L	W_P	I_P	I_L
	27.63	19.2	15.0	92.4	44.9	0.813	27.2	42.08	21.19	20.89	0.31

KQTN HẠT		KL đất khô:	41.22g	D_{60} (mm)	D_{30} (mm)	D_{10} (mm)	C_c	C_u
		Nhiệt độ TN:	30.0°C	0.015	*	*	*	*

Khối lượng đất >0.1mm		Cấp hạt	D_{11-12} (mm)	P_i %	P %
D (mm)	m_i (g)	Sỏi sạn	>10		100.0
			10-5		100.0
			5-2		100.0
		Cát	2-1		100.0
			1-0.5		100.0
			0.5-0.25		100.0
			0.25-0.1	9.9	100.0
			0.1-0.05	9.9	90.1
		Bụi	0.05-0.01	27.0	80.2
			0.01-0.005	9.6	53.2
			Sét	<0.005	43.6



Thí nghiệm nén lún

$m_v = 6.00$ Hộp nén số: 60 $e_0 = 0.813$
 $\beta = 0.40$ Số đọc sau 24h: 209.7 $h_0 = 20\text{mm}$

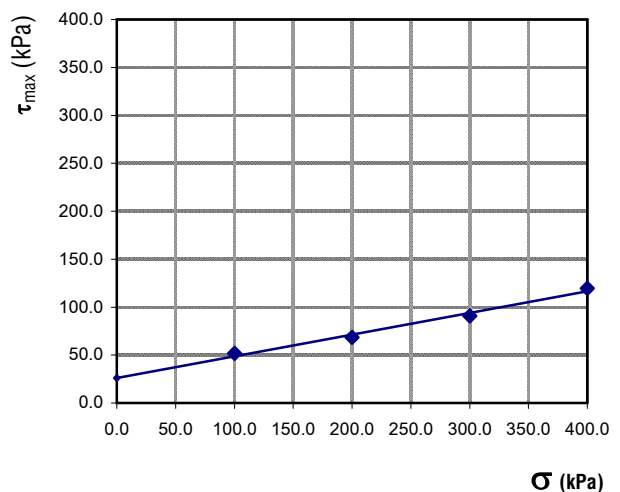
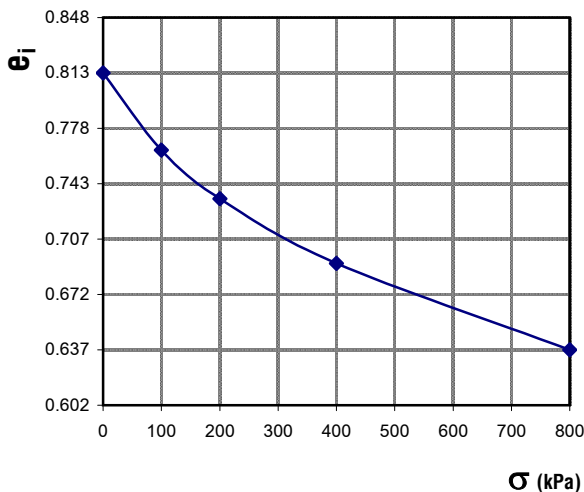
σ_i	Δh_n	Δh_m	e_i	a	E	$E_0 = E \cdot m_k \cdot \beta$
kPa	Vạch	Vạch	-	$\text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$	kPa	kPa
0			0.813			
100	59.4	6.7	0.764	0.049	3700.0	8880.0
200	96.0	10.3	0.733	0.031	5690.3	13656.8
400	143.0	13.8	0.692	0.021	8252.4	19805.7
800	204.6	16.1	0.637	0.014	12085.7	29005.7

Thí nghiệm cắt phẳng

PP: Cắt nhanh không thoát nước
 Hệ số vòng lực: Cr

σ_i	R	Cr	τ_{max}
kPa	Vạch	$\text{kPa}/0.01\text{mm}$	kPa
100	32.3	1.686	51.6
200	39.2	1.678	68.3
300	52.5	1.736	90.8
400	69.7	1.739	119.5

$\tan \varphi = 0.2262$ $\varphi = 12^\circ 45'$ C = 26.0 kPa



Đại diện TN: *Trần Hồng Văn*

Xử lý: *KS. Võ Thanh Long*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH

PHỤ LỤC 2

BIỂU KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN CỐ KẾT

KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU** Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Ngày TN: 29/12/17-5/1/18

Mô tả: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Người TN: Nguyễn Đông Hà

Hố khoan: **HK1**

KH mẫu: **HK1-2**

Độ sâu: **3.8-4m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Chiều cao cốt đất,	H _g : 6.24 mm	KL mẫu trước TN,	M ₀ : 87.79 g	KL mẫu sau TN,	M _f : 72.94 g
Tỷ trọng hạt	G _s : 2.63	Chiều cao ban đầu,	H ₀ : 20.0 mm	Chiều cao sau TN,	H _f : 14.4 mm
Dung trọng ướt,	γ: 14.8	Độ ẩm trước TN,	W ₀ : 80.18 %	Độ ẩm sau TN,	W _f : 49.71 %
Dung trọng khô,	γ _d : 8.2	Độ bão hoà trước TN,	S ₀ : 95.5 %	Độ bão hoà sau TN,	S _f : 100.0 %
Đường kính,	61.50 mm	HSR ban đầu,	e ₀ : 2.207	HSR cuối TN,	e _f : 1.307

Áp lực nén	Biến dạng cuối	Gia số biến dạng	Chiều cao cuối	Chiều cao phần rỗng	Hệ số rỗng	Chiều cao TB	Thời gian cố kết	HS cố kết	HS nén lún	Modun BD	HS thấm	HS b.dạng thể tích
P, (kPa)	(mm)	ΔH, (mm)	H _{lt} , (mm)	H _v , (mm)	e	H _{d50(av)} , (mm)	t ₅₀	C _v , x10 ⁻³ (cm ² /s)	a, (kPa ⁻¹ x10 ⁻²)	E, (kPa)	k _v , x10 ⁻⁶ (cm/s)	m _v , kPa ⁻¹ x10 ⁻²
0	0.000		20.00	13.76	2.207							
		0.273				19.86	426	0.457	0.350	916.3	0.050	0.109
12.5	0.273		19.73	13.49	2.163							
		0.235				19.61	589	0.321	0.301	1050.9	0.030	0.095
25	0.508		19.49	13.26	2.126							
		0.525				19.23	514	0.354	0.337	927.5	0.038	0.108
50	1.033		18.97	12.73	2.041							
		1.217				18.36	426	0.389	0.390	779.8	0.050	0.128
100	2.250		17.75	11.51	1.846							
		1.549				16.98	457	0.311	0.248	1147.7	0.027	0.087
200	3.799		16.20	9.96	1.598							
		1.812				15.30	439	0.262	0.145	1791.6	0.015	0.056
400	5.611		14.39	8.15	1.307							
		0.015				-	-	-	-	-	-	-
200	5.596		14.40	8.17	1.310							
		0.134				-	-	-	-	-	-	-
50	5.462		14.54	8.30	1.331							
		0.106				-	-	-	-	-	-	-
12.5	5.356		14.64	8.41	1.348							

BIỂU ĐỒ TỔNG HỢP KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU** Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Ngày TN: 29/12/17-5/1/18

Mô tả: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Người TN: Nguyễn Đông Hà

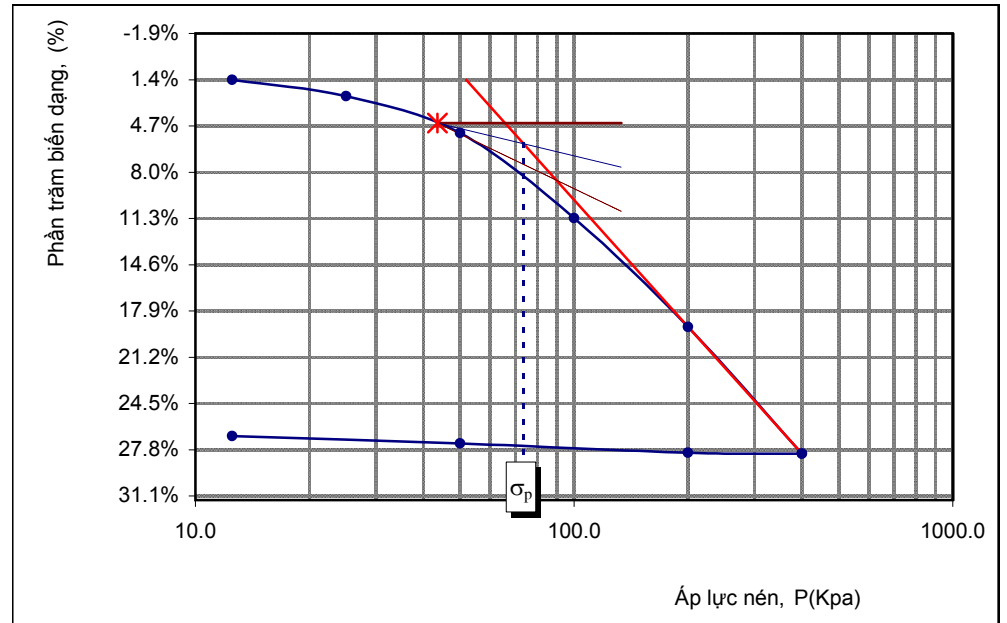
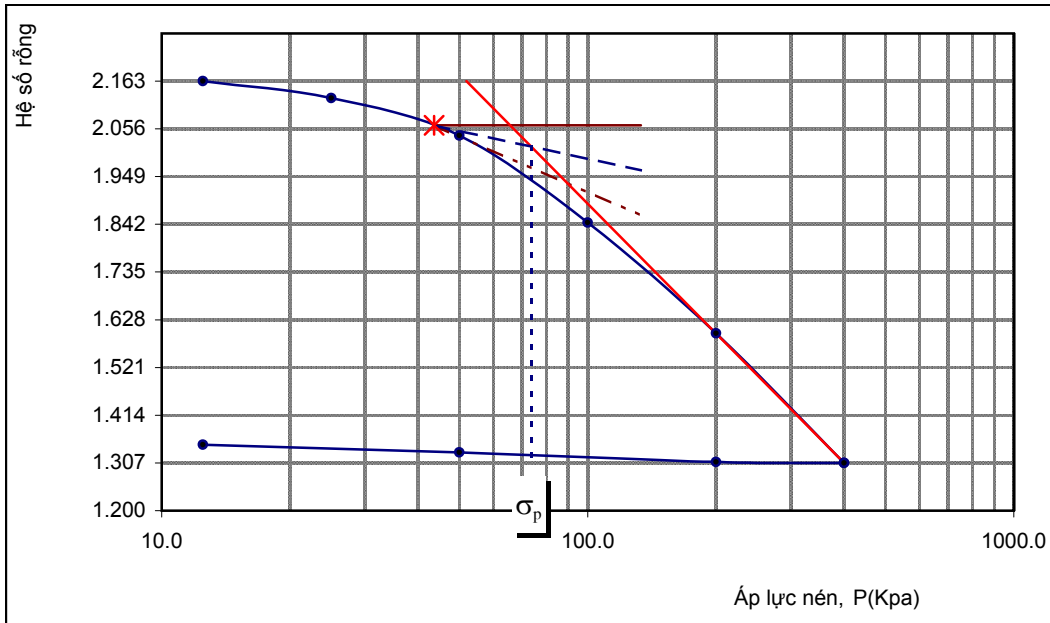
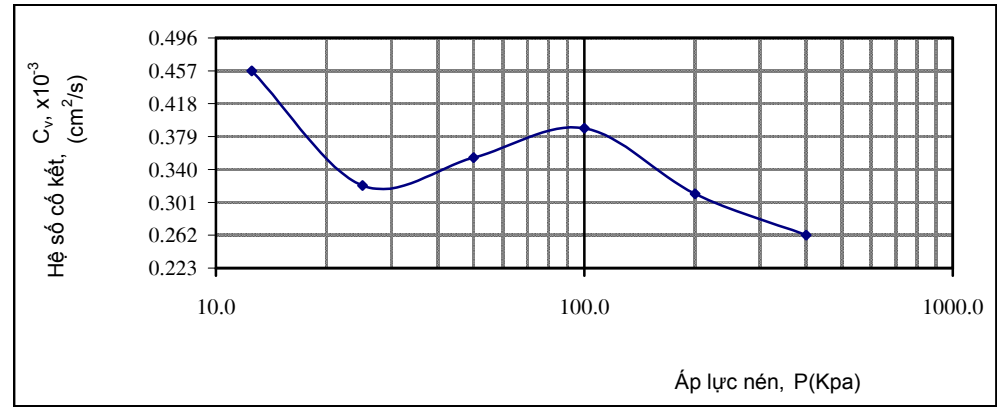
Hố khoan: **HK1**

KH mẫu: **HK1-2**

Độ sâu: **3.8-4m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ứng suất tiền cố kết	$\sigma_p = 73.6 \text{ kPa}$
Chỉ số nén	$C_c = \frac{1.598 - 1.307}{\log(400) - \log(200)} = 0.965$
Chỉ số nở	$C_s = \frac{1.348 - 1.331}{\log(50) - \log(12.5)} = 0.028$



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hồ khoan: **HK1**

KH mẫu: **HK1-2**

Độ sâu: **3.8-4m**

Mô tả: **Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão**

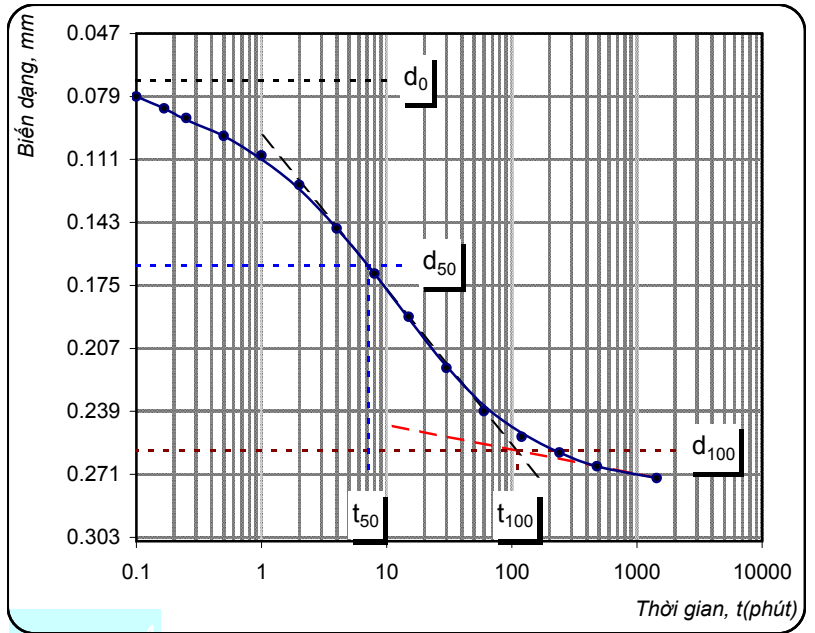
Người TN: Nguyễn Đông Hà

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ngày TN: 30-31/12/17

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.079
10"	0.2'	0.085
15"	0.3'	0.090
30"	0.5'	0.099
1'	1'	0.109
2'	2'	0.124
4'	4'	0.146
8'	8'	0.169
15'	15'	0.191
30'	30'	0.217
1h	60'	0.239
2h	120'	0.252
4h	240'	0.260
8h	480'	0.267
24h	1440'	0.273

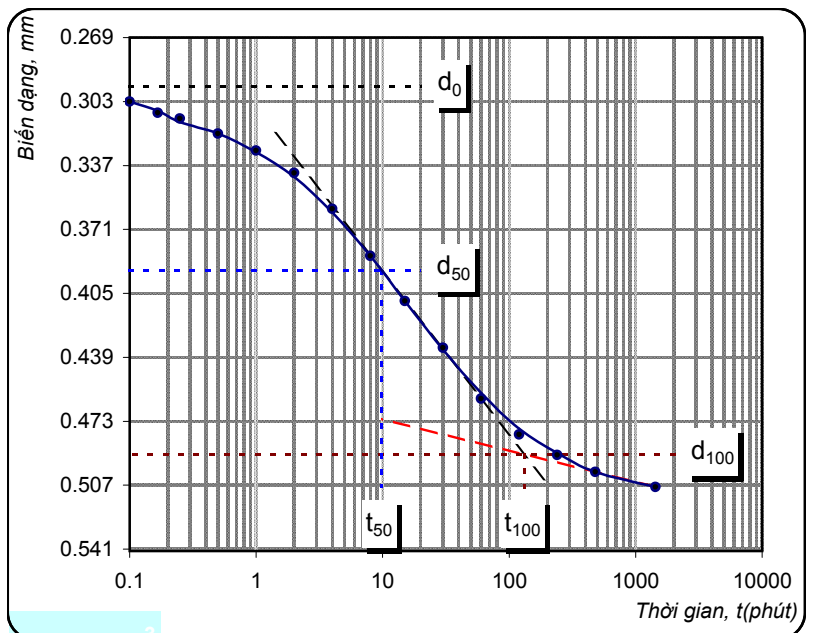
Áp lực nén: **12.5 kPa**



$t_{50} = 7.1'$

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.303
10"	0.2'	0.309
15"	0.3'	0.312
30"	0.5'	0.320
1'	1'	0.329
2'	2'	0.341
4'	4'	0.360
8'	8'	0.385
15'	15'	0.409
30'	30'	0.434
1h	60'	0.461
2h	120'	0.480
4h	240'	0.491
8h	480'	0.500
24h	1440'	0.508

Áp lực nén: **25 kPa**



$t_{50} = 9.8'$

TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hố khoan: **HK1**

KH mẫu: **HK1-2**

Độ sâu: **3.8-4m**

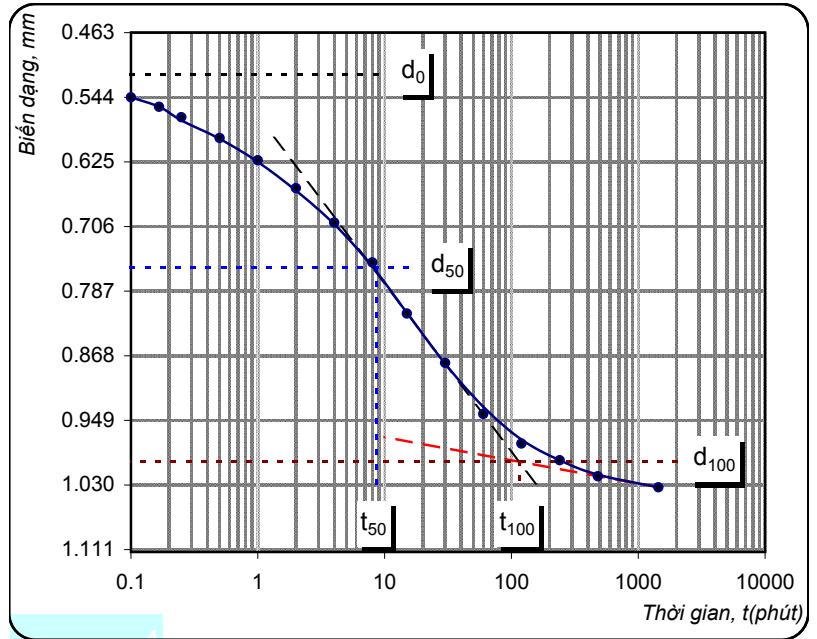
Mô tả: **Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão**

Người TN: **Nguyễn Đông Hà**

Xử lý: **KS. Nguyễn Quốc Khánh**

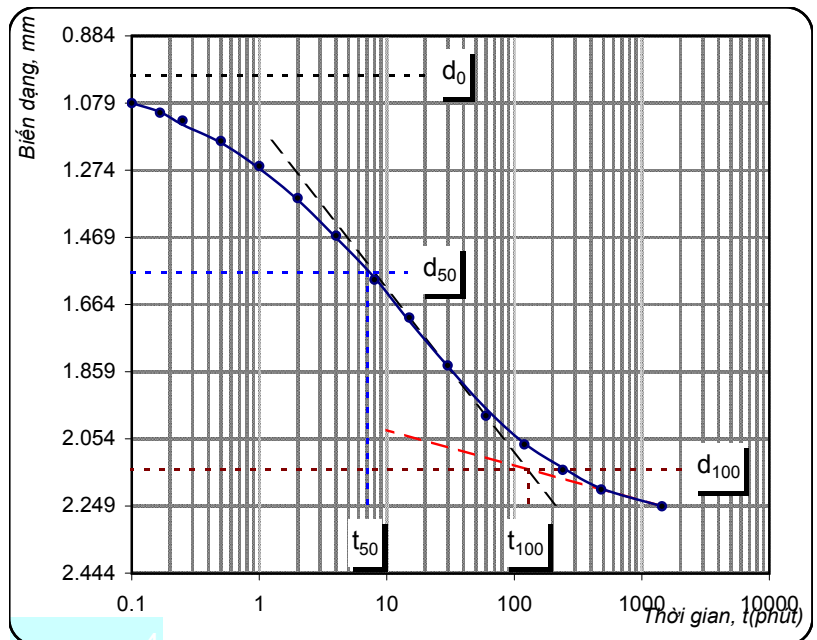
Ngày TN: **1-2/1/18**

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.544
10"	0.2'	0.556
15"	0.3'	0.569
30"	0.5'	0.595
1'	1'	0.623
2'	2'	0.658
4'	4'	0.701
8'	8'	0.751
15'	15'	0.815
30'	30'	0.877
1h	60'	0.941
2h	120'	0.978
4h	240'	0.999
8h	480'	1.019
24h	1440'	1.033



$t_{50} = 8.6'$

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.079
10"	0.2'	1.107
15"	0.3'	1.130
30"	0.5'	1.189
1'	1'	1.262
2'	2'	1.355
4'	4'	1.464
8'	8'	1.592
15'	15'	1.702
30'	30'	1.841
1h	60'	1.987
2h	120'	2.070
4h	240'	2.144
8h	480'	2.201
24h	1440'	2.250



$t_{50} = 7.1'$

TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hố khoan: **HK1**

KH mẫu: **HK1-2**

Độ sâu: **3.8-4m**

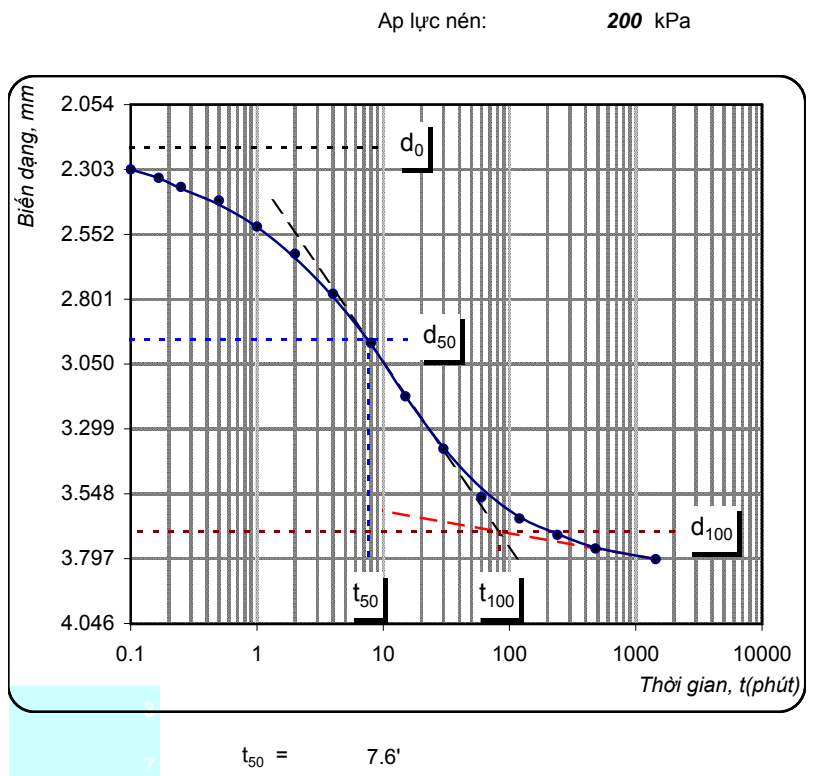
Mô tả: **Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

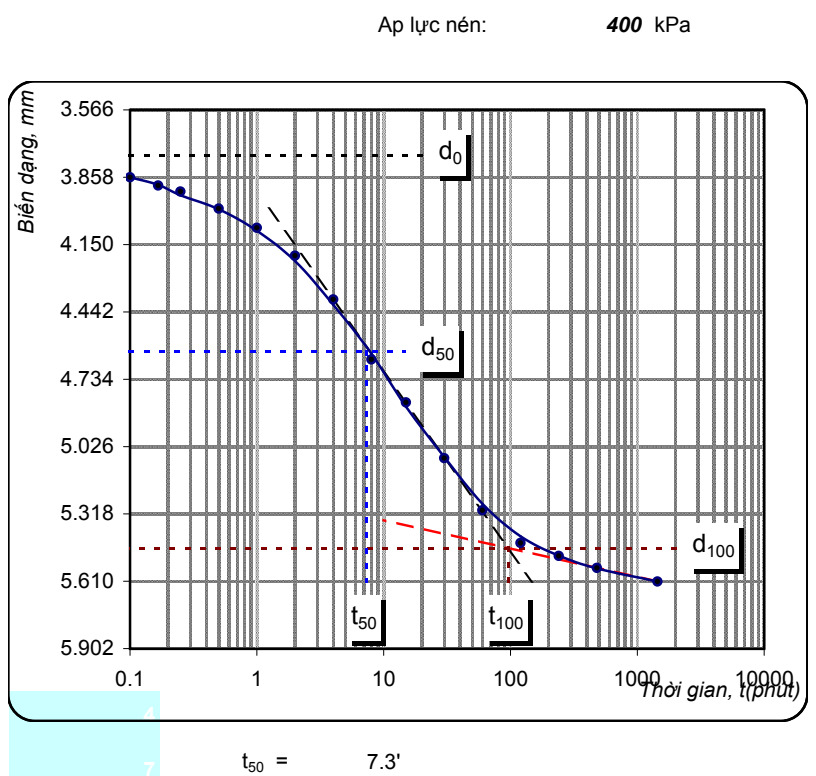
Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ngày TN: 3-4/1/18

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	2.303
10"	0.2'	2.335
15"	0.3'	2.370
30"	0.5'	2.422
1'	1'	2.522
2'	2'	2.627
4'	4'	2.780
8'	8'	2.969
15'	15'	3.174
30'	30'	3.375
1h	60'	3.561
2h	120'	3.643
4h	240'	3.706
8h	480'	3.758
24h	1440'	3.799



Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	3.858
10"	0.2'	3.894
15"	0.3'	3.920
30"	0.5'	3.994
1'	1'	4.077
2'	2'	4.198
4'	4'	4.388
8'	8'	4.648
15'	15'	4.834
30'	30'	5.076
1h	60'	5.302
2h	120'	5.444
4h	240'	5.500
8h	480'	5.552
24h	1440'	5.611



KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU**

Ngày TN: 29/12/17-5/1/18

Mô tả: Sét, nâu - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

Hồ khoan: **HK1**

KH mẫu: **HK1-9**

Độ sâu: **17.8-18m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Chiều cao cốt đất,	H _g : 10.77 mm	KL mẫu trước TN,	M _o : 112.94 g	KL mẫu sau TN,	M _f : 102.86 g
Tỷ trọng hạt	G _s : 2.73	Chiều cao ban đầu,	H _o : 20.0 mm	Chiều cao sau TN,	H _f : 16.0 mm
Dung trọng ướt,	γ: 19.0	Độ ẩm trước TN,	W _o : 29.31 %	Độ ẩm sau TN,	W _f : 17.77 %
Dung trọng khô,	γ _d : 14.7	Độ bão hoà trước TN,	S _o : 93.4 %	Độ bão hoà sau TN,	S _f : 100.0 %
Đường kính,	61.50 mm	HSR ban đầu,	e _o : 0.857	HSR cuối TN,	e _f : 0.485

Ap lực nén	Biến dạng cuối	Gia số biến dạng	Chiều cao cuối	Chiều cao phần rỗng	Hệ số rỗng	Chiều cao TB	Thời gian cố kết	HS cố kết	HS nén lún	Modun BD	HS thấm	HS b.dạng thể tích
P, (kPa)	(mm)	ΔH, (mm)	H _{lt} , (mm)	H _v , (mm)	e	H _{d50(av)} , (mm)	t ₅₀	C _v , x10 ⁻³ (cm ² /s)	a, (kPa ⁻¹ x10 ⁻²)	E, (kPa)	k _v , x10 ⁻⁶ (cm/s)	m _v , kPa ⁻¹ x10 ⁻²
0	0.000		20.00	9.23	0.857							
		1.082				19.46	1483	0.126	0.201	923.9	0.014	0.108
50.0	1.082		18.92	8.15	0.757							
		0.410				18.71	1212	0.142	0.076	2311.2	0.006	0.043
100	1.492		18.51	7.74	0.718							
		0.475				18.27	677	0.243	0.044	3905.6	0.006	0.026
200	1.967		18.03	7.26	0.674							
		0.578				17.74	627	0.247	0.027	6201.3	0.004	0.016
400	2.545		17.46	6.68	0.621							
		0.643				17.13	489	0.295	0.015	10804.6	0.003	0.009
800	3.188		16.81	6.04	0.561							
		0.818				16.40	556	0.238	0.009	17344.4	0.001	0.006
1600	4.006		15.99	5.22	0.485							
		0.024				-	-	-	-	-	-	-
800	3.982		16.02	5.25	0.487							
		0.197				-	-	-	-	-	-	-
200	3.785		16.22	5.44	0.506							
		0.333				-	-	-	-	-	-	-
50	3.452		16.55	5.78	0.536							

BIỂU ĐỒ TỔNG HỢP KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU**

Ngày TN: 29/12/17-5/1/18

Mô tả: Sét, nâu - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

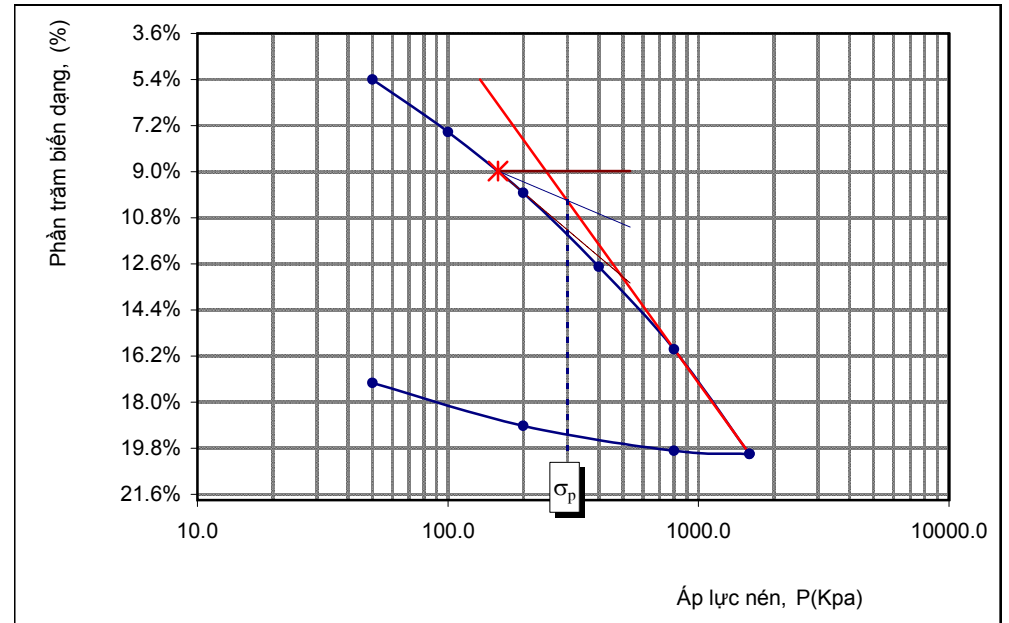
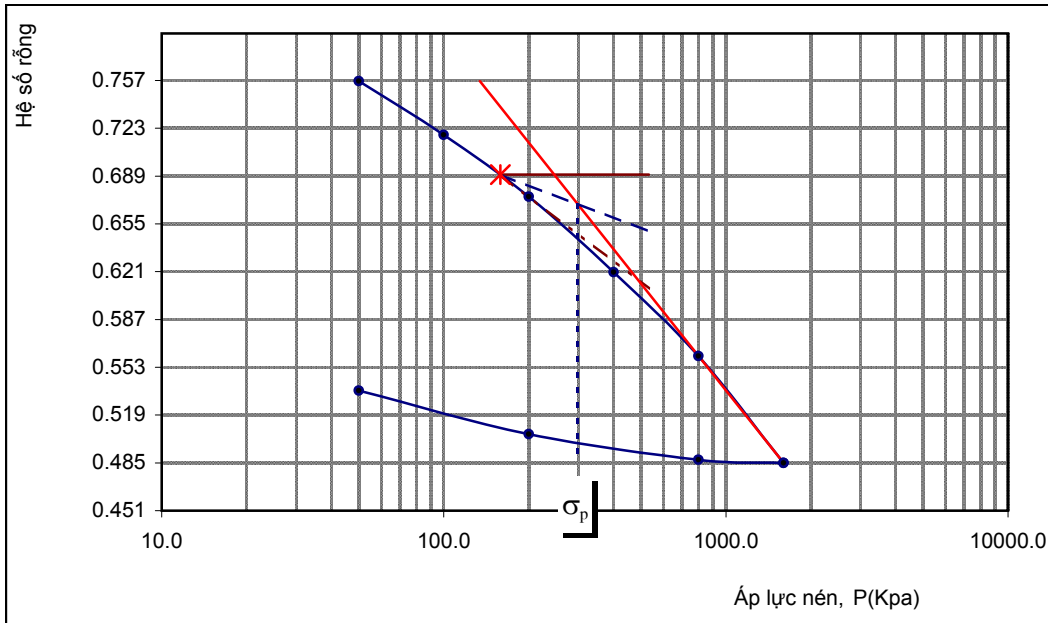
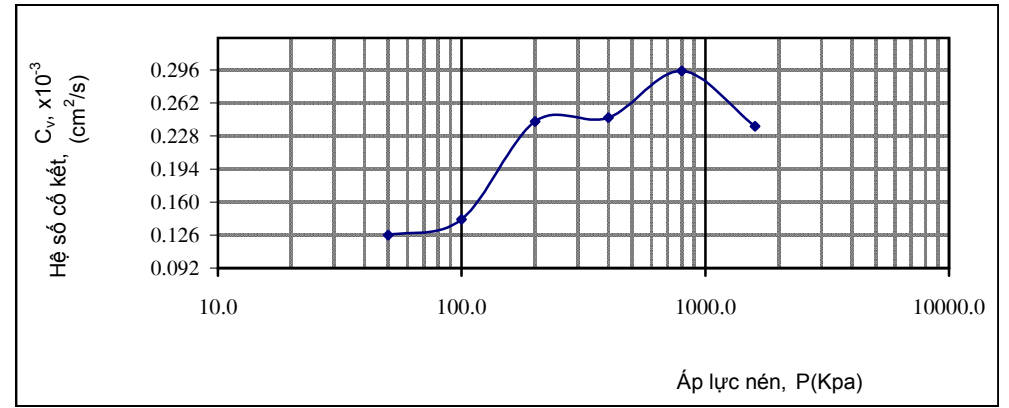
Hố khoan: **HK1**

KH mẫu: **HK1-9**

Độ sâu: **17.8-18m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ứng suất tiền cố kết	$\sigma_p = 298.9 \text{ kPa}$
Chỉ số nén	$C_c = \frac{0.561 - 0.485}{\log(1600) - \log(800)} = 0.252$
Chỉ số nở	$C_s = \frac{0.536 - 0.506}{\log(200) - \log(50)} = 0.051$



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hồ khoan: **HK1**

KH mẫu: **HK1-9**

Độ sâu: **17.8-18m**

Mô tả: Sét, nâu - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

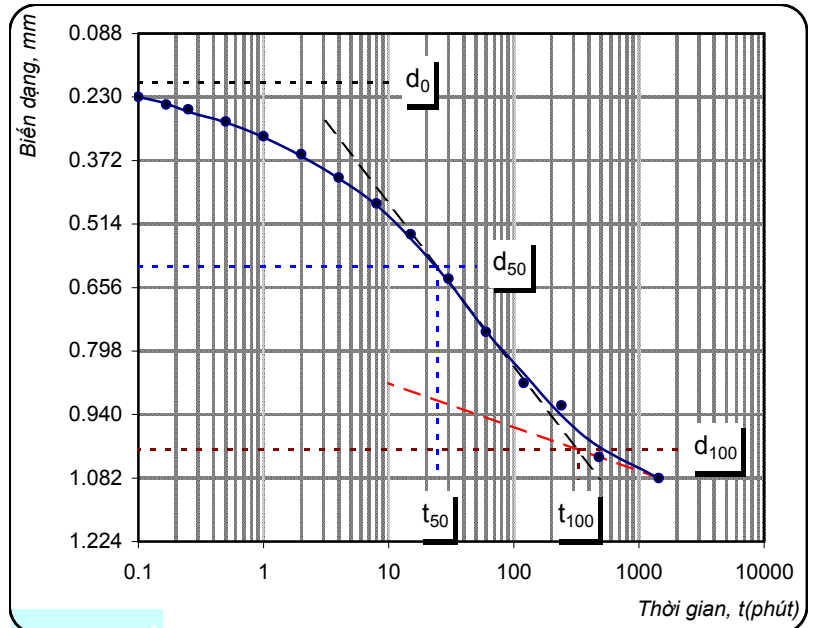
Người TN: Nguyễn Đông Hà

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ngày TN: 30-31/12/17

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.230
10"	0.2'	0.247
15"	0.3'	0.258
30"	0.5'	0.285
1'	1'	0.318
2'	2'	0.358
4'	4'	0.410
8'	8'	0.468
15'	15'	0.537
30'	30'	0.636
1h	60'	0.755
2h	120'	0.870
4h	240'	0.920
8h	480'	1.035
24h	1440'	1.082

Áp lực nén: **50 kPa**

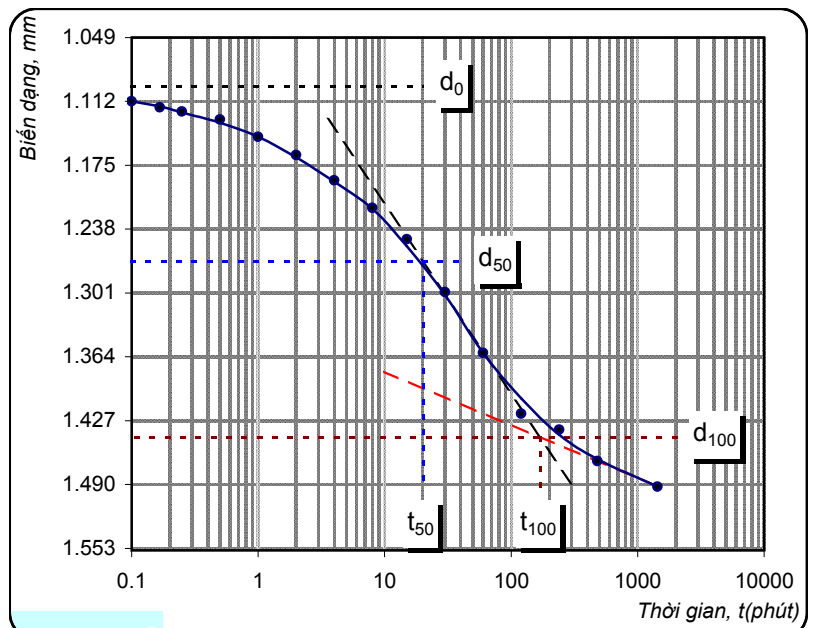


$t_{50} = 24.7'$

#

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.112
10"	0.2'	1.118
15"	0.3'	1.122
30"	0.5'	1.130
1'	1'	1.147
2'	2'	1.165
4'	4'	1.190
8'	8'	1.217
15'	15'	1.248
30'	30'	1.300
1h	60'	1.360
2h	120'	1.420
4h	240'	1.436
8h	480'	1.467
24h	1440'	1.492

Áp lực nén: **100 kPa**



$t_{50} = 20.2'$

#

TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hố khoan: **HK1**

KH mẫu: **HK1-9**

Độ sâu: **17.8-18m**

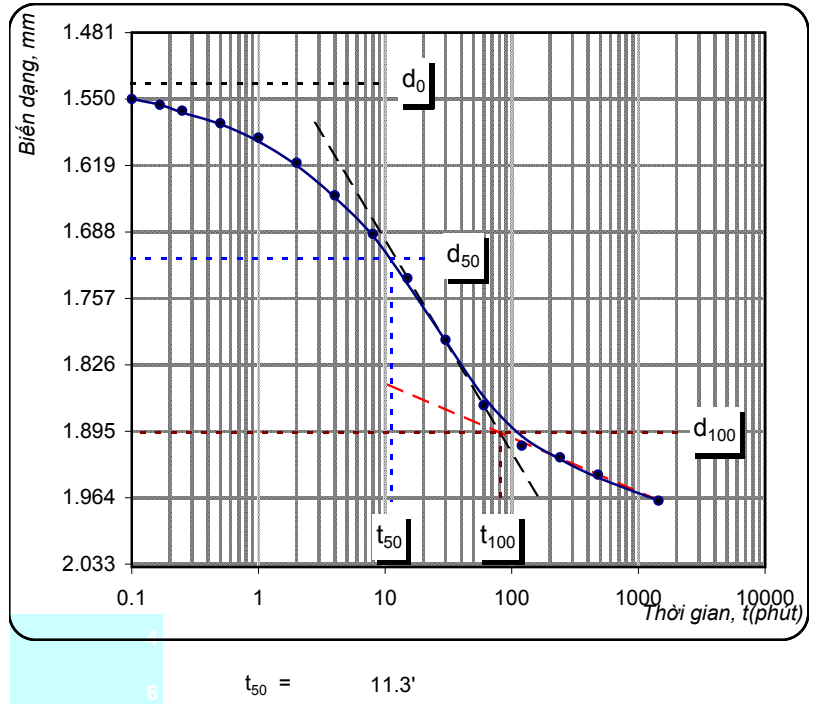
Mô tả: **Sét, nâu - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: **Nguyễn Đông Hà**

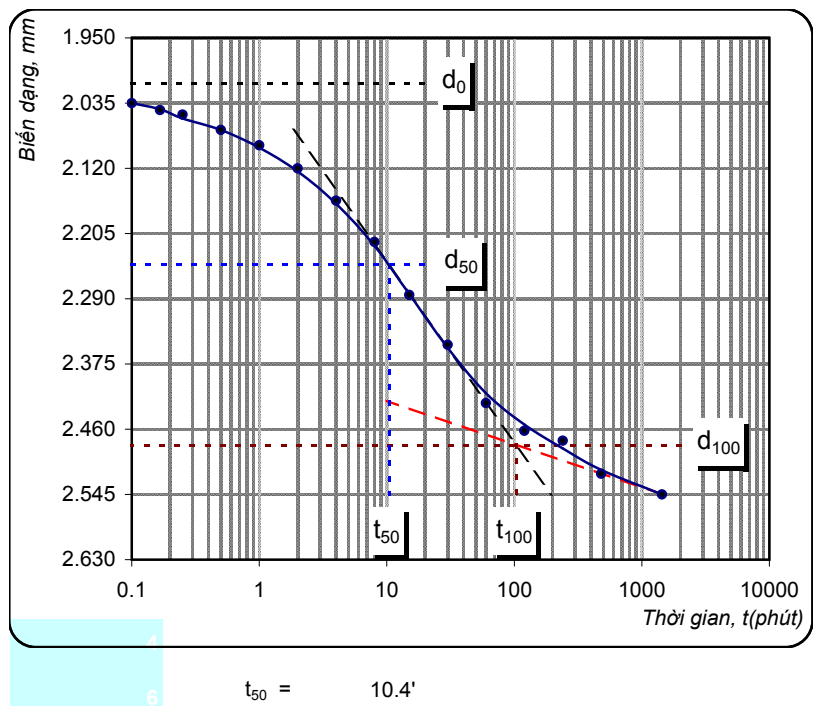
Xử lý: **KS. Nguyễn Quốc Khánh**

Ngày TN: **1-2/1/18**

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.550
10"	0.2'	1.556
15"	0.3'	1.562
30"	0.5'	1.575
1'	1'	1.590
2'	2'	1.616
4'	4'	1.650
8'	8'	1.690
15'	15'	1.736
30'	30'	1.800
1h	60'	1.868
2h	120'	1.910
4h	240'	1.922
8h	480'	1.940
24h	1440'	1.967



Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	2.035
10"	0.2'	2.044
15"	0.3'	2.050
30"	0.5'	2.070
1'	1'	2.090
2'	2'	2.120
4'	4'	2.162
8'	8'	2.216
15'	15'	2.285
30'	30'	2.350
1h	60'	2.426
2h	120'	2.462
4h	240'	2.475
8h	480'	2.518
24h	1440'	2.545



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hồ khoan: **HK1**

KH mẫu: **HK1-9**

Độ sâu: **17.8-18m**

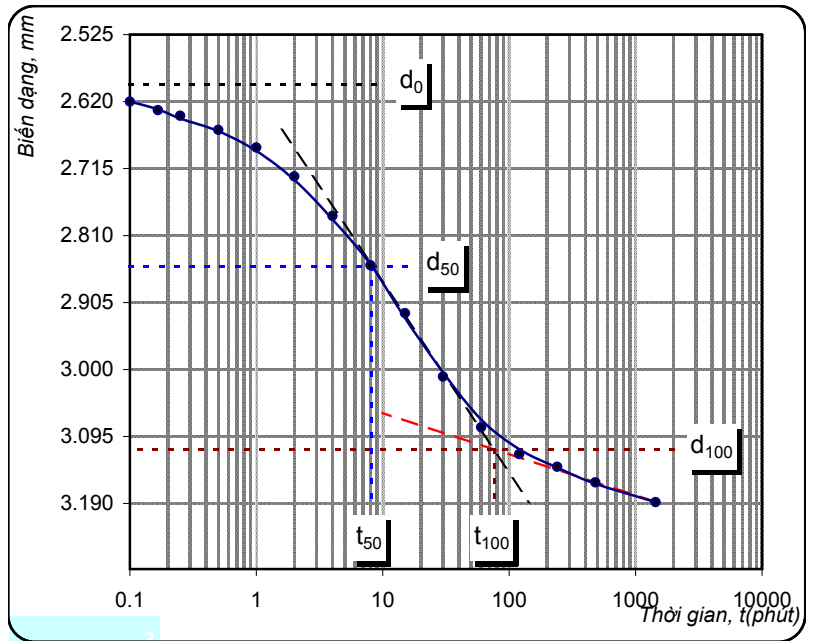
Mô tả: **Sét, nâu - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: **Nguyễn Đông Hà**

Xử lý: **KS. Nguyễn Quốc Khánh**

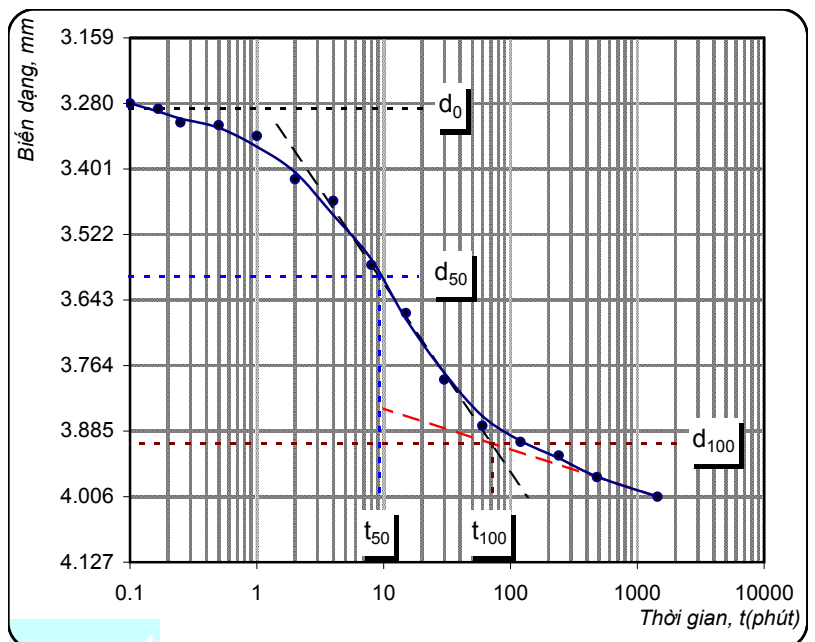
Ngày TN: **3-4/1/18**

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	2.620
10"	0.2'	2.632
15"	0.3'	2.640
30"	0.5'	2.660
1'	1'	2.685
2'	2'	2.726
4'	4'	2.782
8'	8'	2.852
15'	15'	2.920
30'	30'	3.010
1h	60'	3.082
2h	120'	3.120
4h	240'	3.138
8h	480'	3.160
24h	1440'	3.188



$t_{50} = 8.2'$

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	3.280
10"	0.2'	3.290
15"	0.3'	3.315
30"	0.5'	3.320
1'	1'	3.340
2'	2'	3.420
4'	4'	3.460
8'	8'	3.578
15'	15'	3.667
30'	30'	3.790
1h	60'	3.875
2h	120'	3.905
4h	240'	3.930
8h	480'	3.970
24h	1440'	4.006



$t_{50} = 9.3'$

KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU** Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Ngày TN: 29/12/17-5/1/18

Mô tả: Á sét, xám xanh - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng

Người TN: Nguyễn Đông Hà

Hố khoan: **HK1**

KH mẫu: **HK1-16**

Độ sâu: **31.8-32m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Chiều cao cốt đất,	H _g : 11.00 mm	KL mẫu trước TN,	M _o : 112.86 g	KL mẫu sau TN,	M _f : 106.35 g
Tỷ trọng hạt	G _s : 2.69	Chiều cao ban đầu,	H _o : 20.0 mm	Chiều cao sau TN,	H _f : 17.2 mm
Dung trọng ướt,	γ: 19.0	Độ ẩm trước TN,	W _o : 28.38 %	Độ ẩm sau TN,	W _f : 20.98 %
Dung trọng khô,	γ _d : 14.8	Độ bão hoà trước TN,	S _o : 93.3 %	Độ bão hoà sau TN,	S _f : 100.0 %
Đường kính,	61.50 mm	HSR ban đầu,	e _o : 0.818	HSR cuối TN,	e _f : 0.564

Áp lực nén	Biến dạng cuối	Gia số biến dạng	Chiều cao cuối	Chiều cao phần rỗng	Hệ số rỗng	Chiều cao TB	Thời gian cố kết	HS cố kết	HS nén lún	Modun BD	HS thấm	HS b.dạng thể tích
P, (kPa)	(mm)	ΔH, (mm)	H _{lt} , (mm)	H _v , (mm)	e	H _{d50(av)} , (mm)	t ₅₀	C _v , x10 ⁻³ (cm ² /s)	a, (kPa ⁻¹ x10 ⁻²)	E, (kPa)	k _v , x10 ⁻⁶ (cm/s)	m _v , kPa ⁻¹ x10 ⁻²
0	0.000		20.00	9.00	0.818							
		0.680				19.66	70	2.737	0.124	1466.1	0.186	0.068
50.0	0.680		19.32	8.32	0.756							
		0.247				19.20	106	1.708	0.045	3902.6	0.044	0.026
100	0.927		19.07	8.07	0.734							
		0.340				18.90	104	1.694	0.031	5592.7	0.030	0.018
200	1.267		18.73	7.73	0.703							
		0.403				18.53	83	2.047	0.018	9460.2	0.023	0.011
400	1.670		18.33	7.33	0.666							
		0.520				18.07	74	2.160	0.012	13885.0	0.015	0.007
800	2.190		17.81	6.81	0.619							
		0.600				17.51	70	2.150	0.007	23127.6	0.009	0.004
1600	2.790		17.21	6.21	0.564							
		0.005				-	-	-	-	-	-	-
800	2.785		17.22	6.21	0.565							
		0.211				-	-	-	-	-	-	-
200	2.574		17.43	6.42	0.584							
		0.258				-	-	-	-	-	-	-
50	2.316		17.68	6.68	0.607							

BIỂU ĐỒ TỔNG HỢP KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU** Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Ngày TN: 29/12/17-5/1/18

Mô tả: **Á sét, xám xanh - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

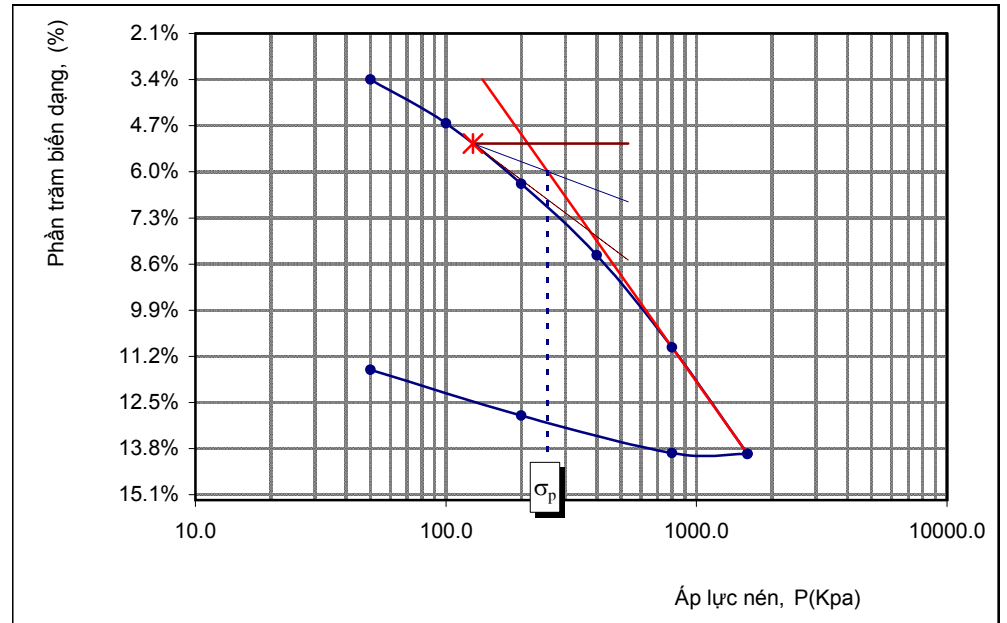
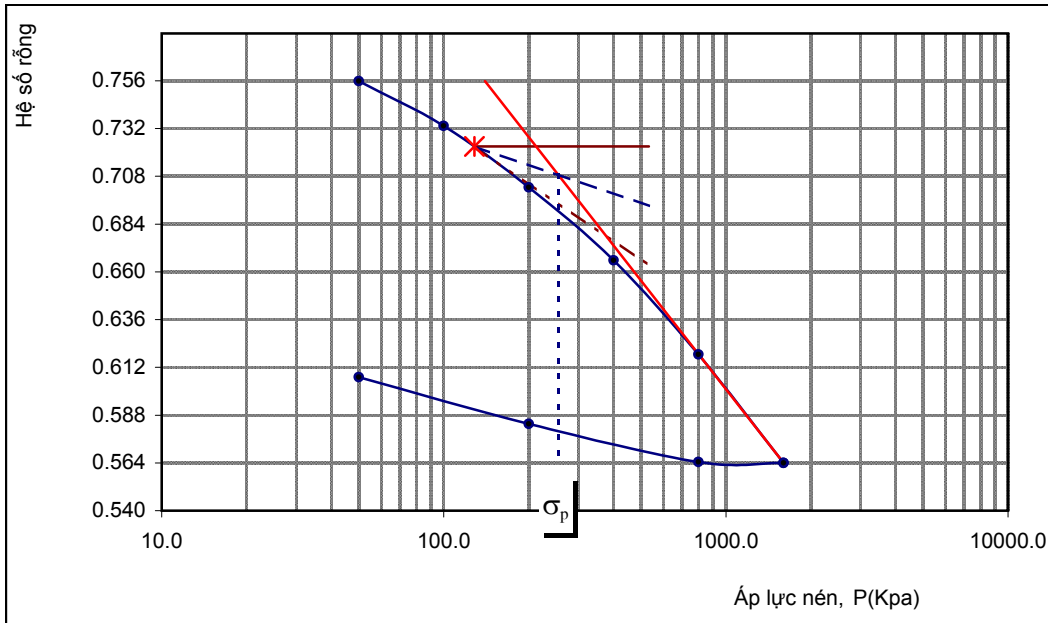
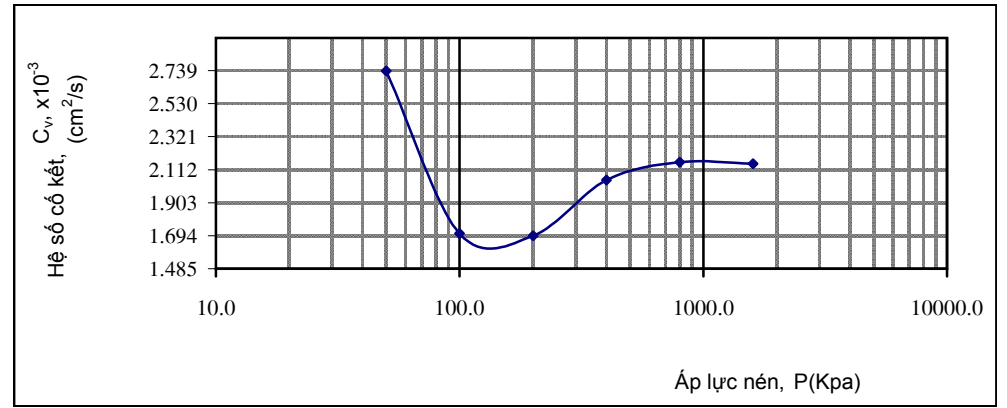
Hố khoan: **HK1**

KH mẫu: **HK1-16**

Độ sâu: **31.8-32m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ứng suất tiền cố kết	$\sigma_p = 254.4 \text{ kPa}$
Chỉ số nén	$C_c = \frac{0.619 - 0.564}{\log(1600) - \log(800)} = 0.181$
Chỉ số nở	$C_s = \frac{0.607 - 0.584}{\log(200) - \log(50)} = 0.039$



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hồ khoan: **HK1**

KH mẫu: **HK1-16**

Độ sâu: **31.8-32m**

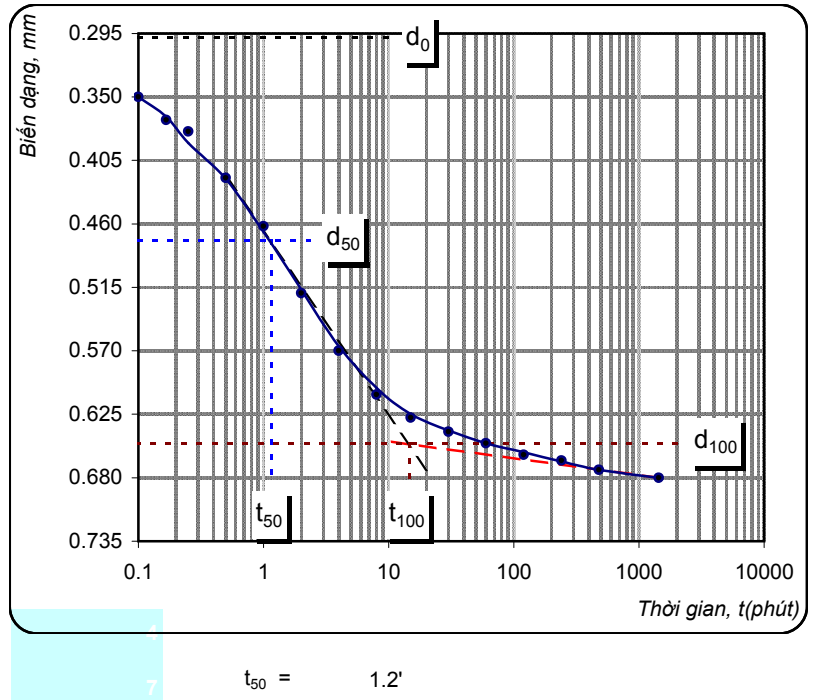
Mô tả: **Á sét, xám xanh - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

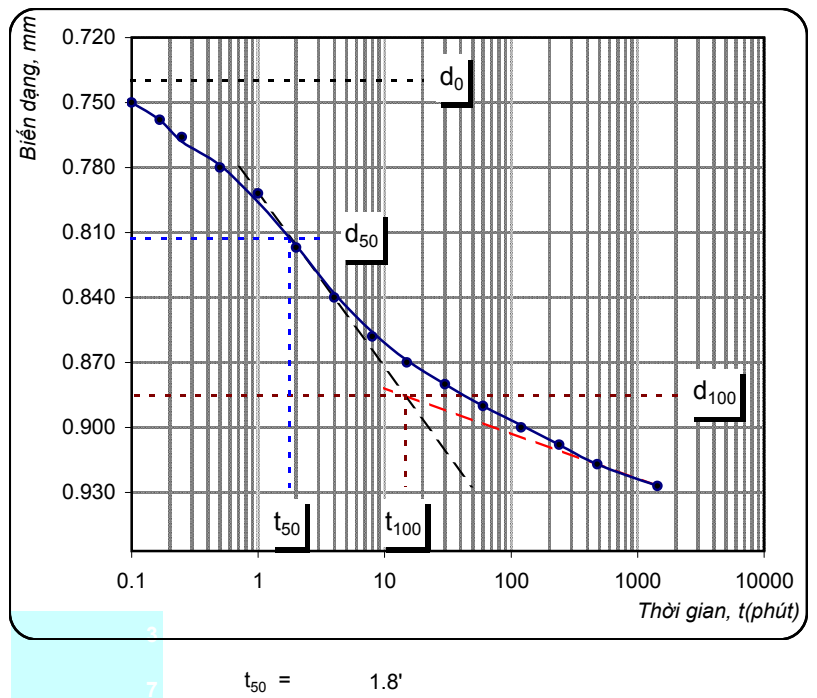
Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ngày TN: 30-31/12/17

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.350
10"	0.2'	0.370
15"	0.3'	0.380
30"	0.5'	0.420
1'	1'	0.462
2'	2'	0.520
4'	4'	0.570
8'	8'	0.608
15'	15'	0.628
30'	30'	0.640
1h	60'	0.650
2h	120'	0.660
4h	240'	0.665
8h	480'	0.673
24h	1440'	0.680



Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.750
10"	0.2'	0.758
15"	0.3'	0.766
30"	0.5'	0.780
1'	1'	0.792
2'	2'	0.817
4'	4'	0.840
8'	8'	0.858
15'	15'	0.870
30'	30'	0.880
1h	60'	0.890
2h	120'	0.900
4h	240'	0.908
8h	480'	0.917
24h	1440'	0.927



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hố khoan: **HK1**

KH mẫu: **HK1-16**

Độ sâu: **31.8-32m**

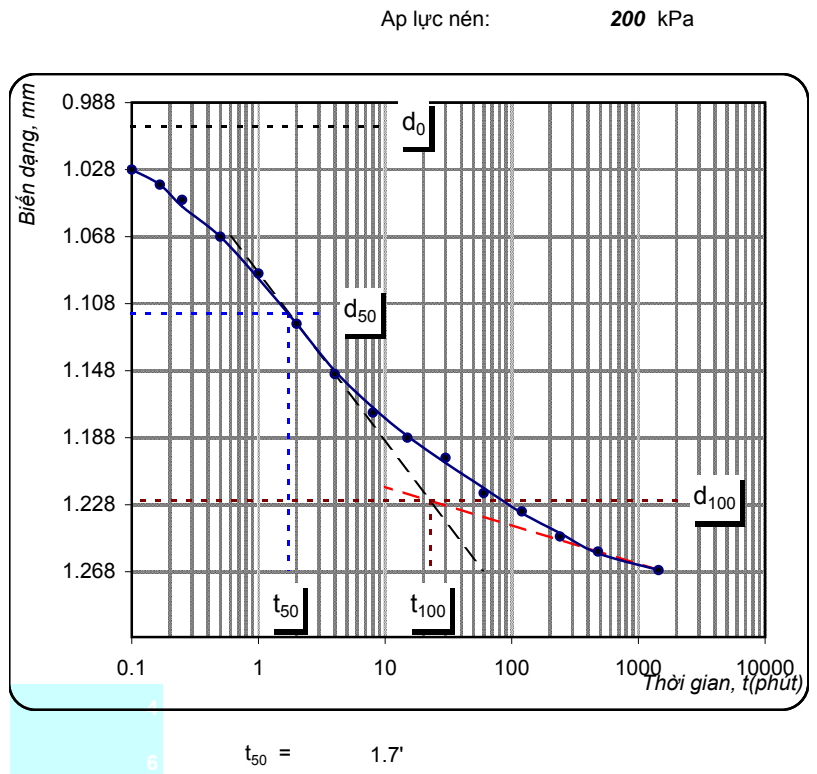
Mô tả: **Á sét, xám xanh - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

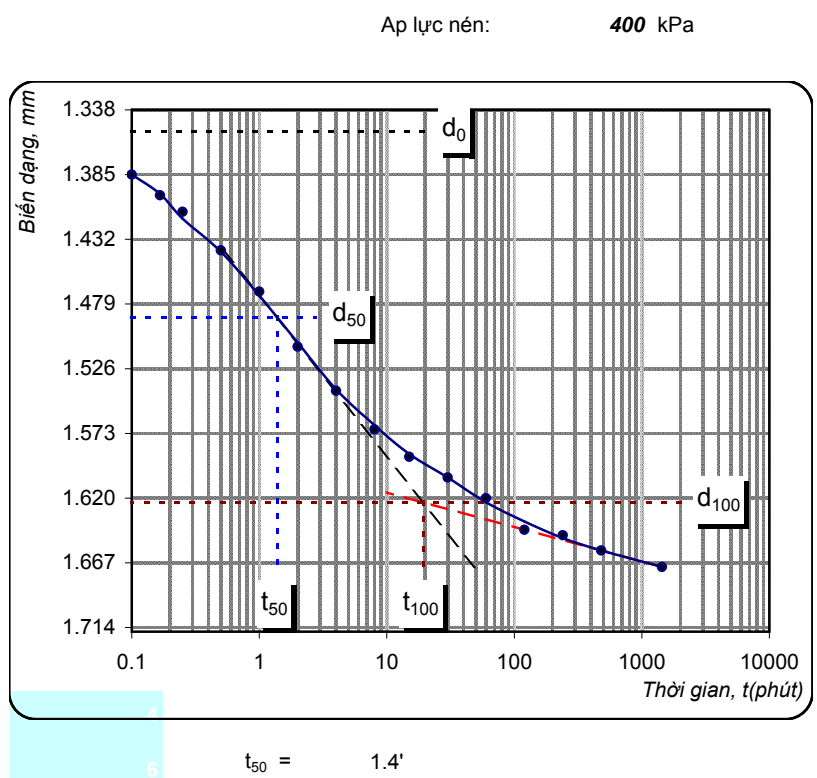
Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ngày TN: 1-2/1/18

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.028
10"	0.2'	1.037
15"	0.3'	1.046
30"	0.5'	1.068
1'	1'	1.090
2'	2'	1.120
4'	4'	1.150
8'	8'	1.173
15'	15'	1.188
30'	30'	1.200
1h	60'	1.221
2h	120'	1.232
4h	240'	1.247
8h	480'	1.256
24h	1440'	1.267



Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.385
10"	0.2'	1.400
15"	0.3'	1.412
30"	0.5'	1.440
1'	1'	1.470
2'	2'	1.510
4'	4'	1.542
8'	8'	1.570
15'	15'	1.590
30'	30'	1.605
1h	60'	1.620
2h	120'	1.643
4h	240'	1.647
8h	480'	1.658
24h	1440'	1.670



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hồ khoan: **HK1**

KH mẫu: **HK1-16**

Độ sâu: **31.8-32m**

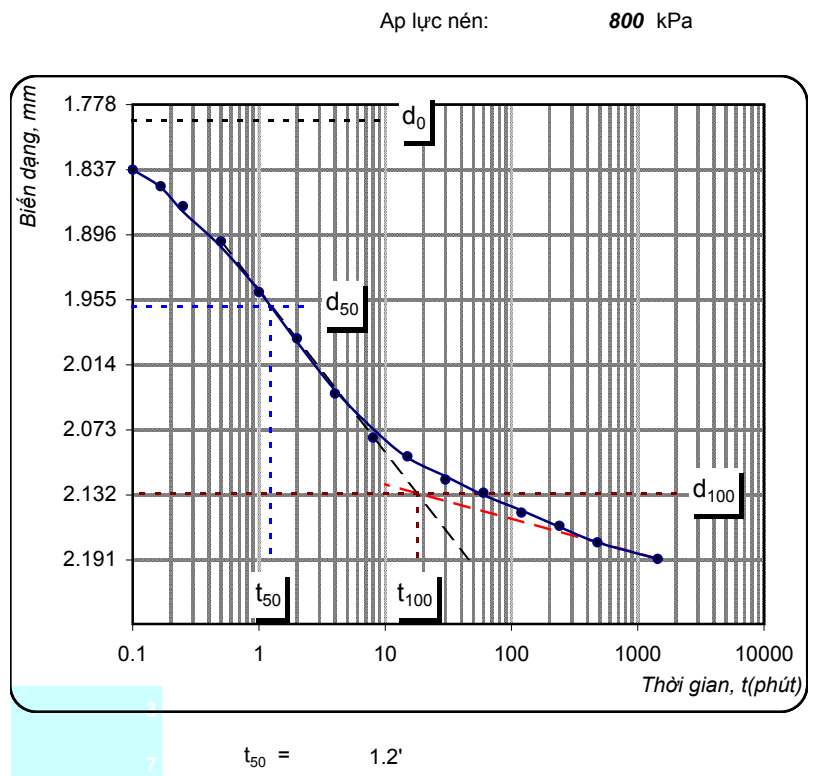
Mô tả: **Á sét, xám xanh - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

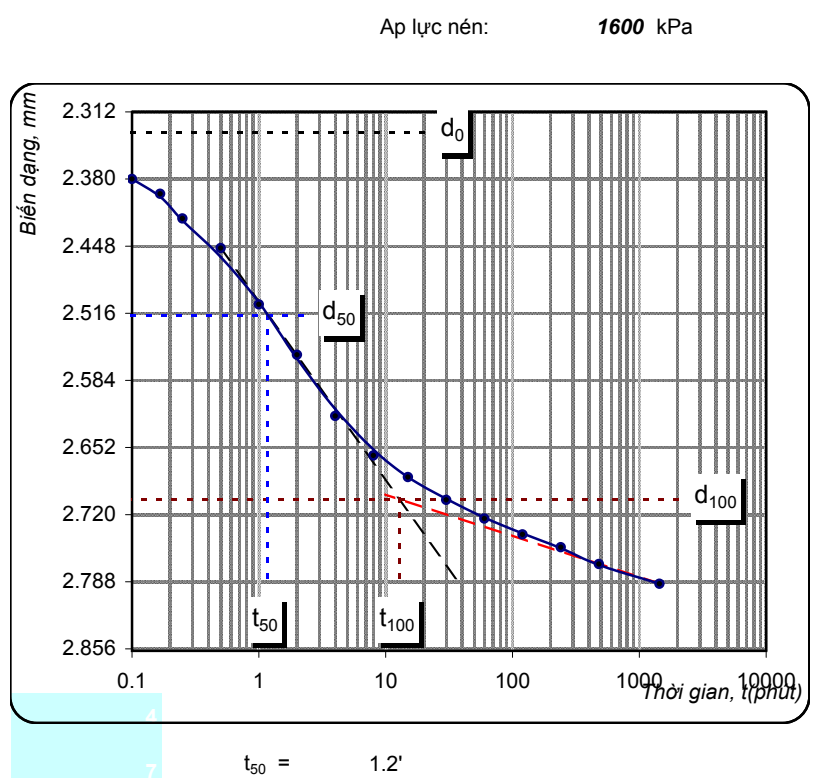
Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ngày TN: 3-4/1/18

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.837
10"	0.2'	1.852
15"	0.3'	1.870
30"	0.5'	1.902
1'	1'	1.948
2'	2'	1.990
4'	4'	2.040
8'	8'	2.080
15'	15'	2.097
30'	30'	2.118
1h	60'	2.130
2h	120'	2.148
4h	240'	2.160
8h	480'	2.175
24h	1440'	2.190



Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	2.380
10"	0.2'	2.395
15"	0.3'	2.420
30"	0.5'	2.450
1'	1'	2.507
2'	2'	2.558
4'	4'	2.620
8'	8'	2.660
15'	15'	2.682
30'	30'	2.705
1h	60'	2.724
2h	120'	2.740
4h	240'	2.753
8h	480'	2.770
24h	1440'	2.790



KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU**

Ngày TN: 2-9/1/18

Mô tả: Sét, nâu đỏ - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

Hồ khoan: **HK2**

KH mẫu: **HK2-12**

Độ sâu: **23.8-24m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Chiều cao cốt đất,	H _g : 10.77 mm	KL mẫu trước TN,	M _o : 112.94 g	KL mẫu sau TN,	M _f : 106.38 g
Tỷ trọng hạt	G _s : 2.73	Chiều cao ban đầu,	H _o : 20.0 mm	Chiều cao sau TN,	H _f : 17.2 mm
Dung trọng ướt,	γ: 19.0	Độ ẩm trước TN,	W _o : 29.31 %	Độ ẩm sau TN,	W _f : 21.80 %
Dung trọng khô,	γ _d : 14.7	Độ bão hoà trước TN,	S _o : 93.4 %	Độ bão hoà sau TN,	S _f : 100.0 %
Đường kính,	61.50 mm	HSR ban đầu,	e _o : 0.857	HSR cuối TN,	e _f : 0.595

Áp lực nén	Biến dạng cuối	Gia số biến dạng	Chiều cao cuối	Chiều cao phần rỗng	Hệ số rỗng	Chiều cao TB	Thời gian cố kết	HS cố kết	HS nén lún	Modun BD	HS thấm	HS b.dạng thể tích
P, (kPa)	(mm)	ΔH, (mm)	H _{lt} , (mm)	H _v , (mm)	e	H _{d50(av)} , (mm)	t ₅₀	C _v , x10 ⁻³ (cm ² /s)	a, (kPa ⁻¹ x10 ⁻²)	E, (kPa)	k _v , x10 ⁻⁶ (cm/s)	m _v , kPa ⁻¹ x10 ⁻²
0	0.000		20.00	9.23	0.857							
		0.612				19.69	218	0.875	0.114	1628.9	0.053	0.061
50.0	0.612		19.39	8.62	0.800							
		0.262				19.26	273	0.670	0.049	3673.8	0.018	0.027
100	0.874		19.13	8.36	0.776							
		0.379				18.94	231	0.765	0.035	5073.9	0.015	0.020
200	1.253		18.75	7.98	0.741							
		0.500				18.50	223	0.755	0.023	7568.1	0.010	0.013
400	1.753		18.25	7.48	0.694							
		0.517				17.99	261	0.610	0.012	14118.6	0.004	0.007
800	2.270		17.73	6.96	0.646							
		0.550				17.46	239	0.627	0.006	27437.2	0.003	0.004
1600	2.820		17.18	6.41	0.595							
		0.009				-	-	-	-	-	-	-
800	2.811		17.19	6.42	0.596							
		0.185				-	-	-	-	-	-	-
200	2.626		17.37	6.60	0.613							
		0.191				-	-	-	-	-	-	-
50	2.435		17.57	6.79	0.631							

BIỂU ĐỒ TỔNG HỢP KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Ngày TN: 2-9/1/18

Mô tả: Sét, nâu đỏ - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

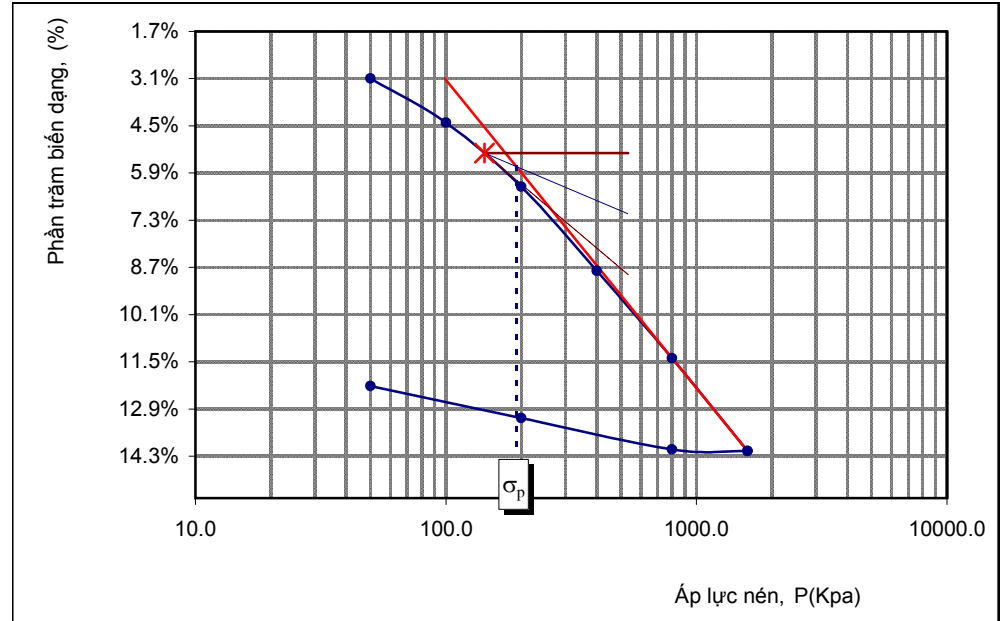
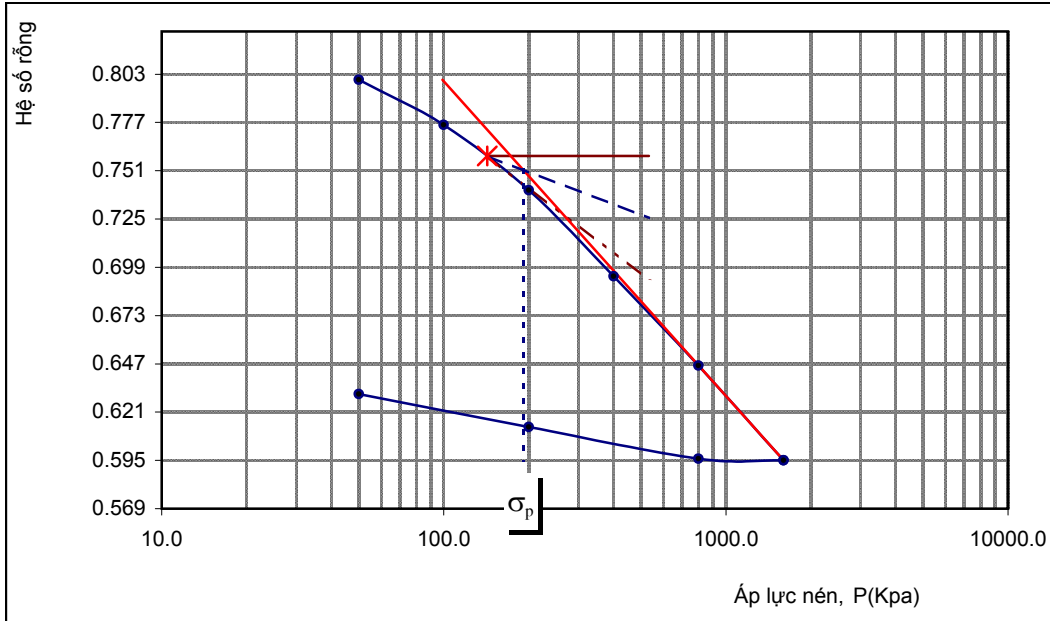
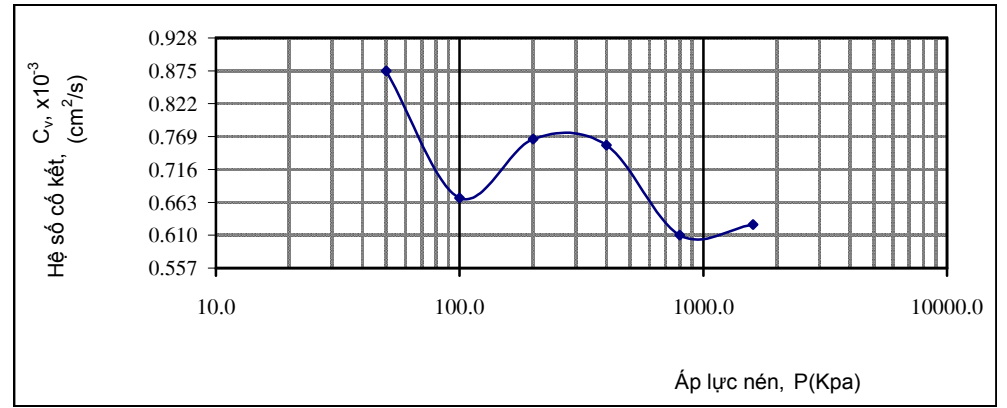
Hố khoan: **HK2**

KH mẫu: **HK2-12**

Độ sâu: **23.8-24m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ứng suất tiền cố kết	$\sigma_p = 190.9 \text{ kPa}$
Chỉ số nén	$C_c = \frac{0.646 - 0.595}{\log(1600) - \log(800)} = 0.170$
Chỉ số nở	$C_s = \frac{0.631 - 0.613}{\log(200) - \log(50)} = 0.029$



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hồ khoan: **HK2**

KH mẫu: **HK2-12**

Độ sâu: **23.8-24m**

Mô tả: Sét, nâu đỏ - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng

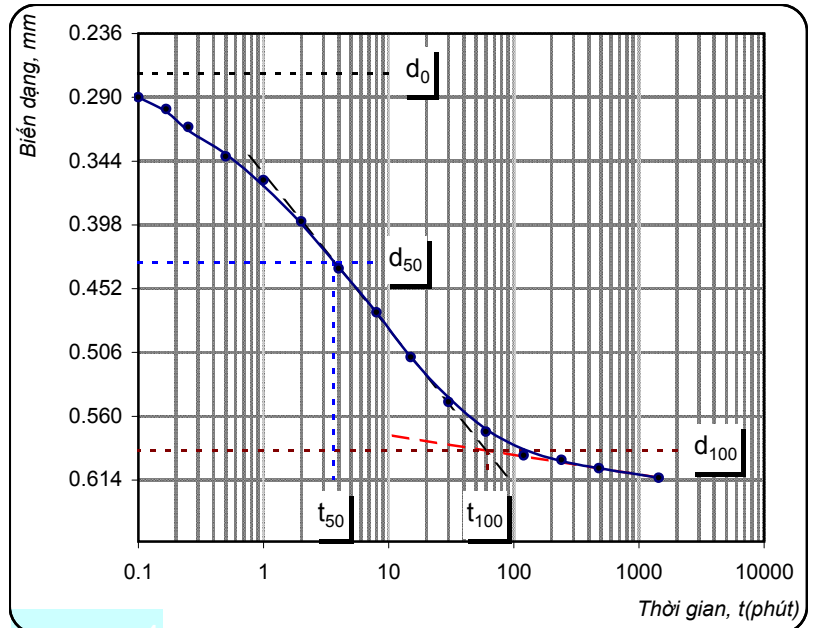
Người TN: Nguyễn Đông Hà

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ngày TN: 3-4/1/18

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.290
10"	0.2'	0.300
15"	0.3'	0.315
30"	0.5'	0.340
1'	1'	0.360
2'	2'	0.395
4'	4'	0.435
8'	8'	0.472
15'	15'	0.510
30'	30'	0.548
1h	60'	0.573
2h	120'	0.593
4h	240'	0.597
8h	480'	0.604
24h	1440'	0.612

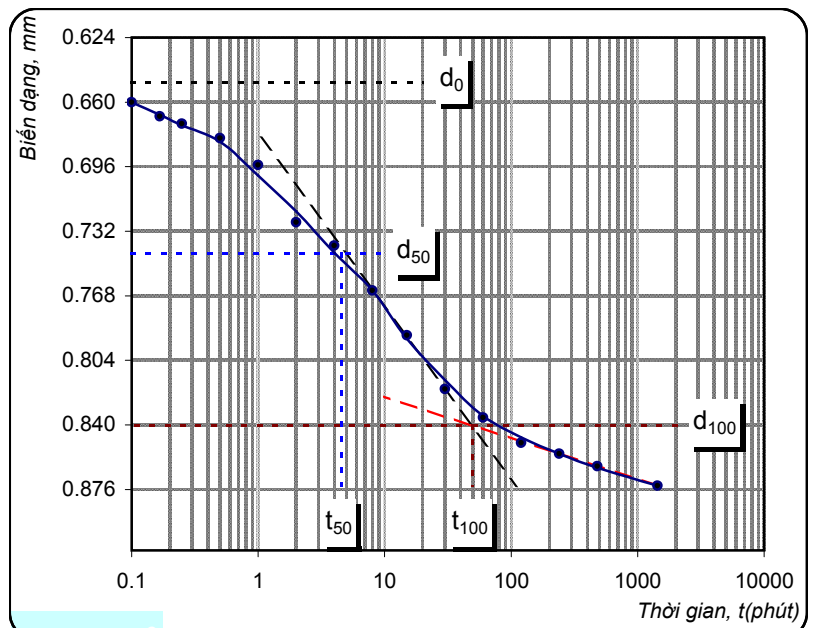
Áp lực nén: **50 kPa**



$t_{50} = 3.6'$

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.660
10"	0.2'	0.668
15"	0.3'	0.672
30"	0.5'	0.680
1'	1'	0.695
2'	2'	0.727
4'	4'	0.740
8'	8'	0.765
15'	15'	0.790
30'	30'	0.820
1h	60'	0.836
2h	120'	0.850
4h	240'	0.856
8h	480'	0.863
24h	1440'	0.874

Áp lực nén: **100 kPa**



$t_{50} = 4.5'$

TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hồ khoan: **HK2**

KH mẫu: **HK2-12**

Độ sâu: **23.8-24m**

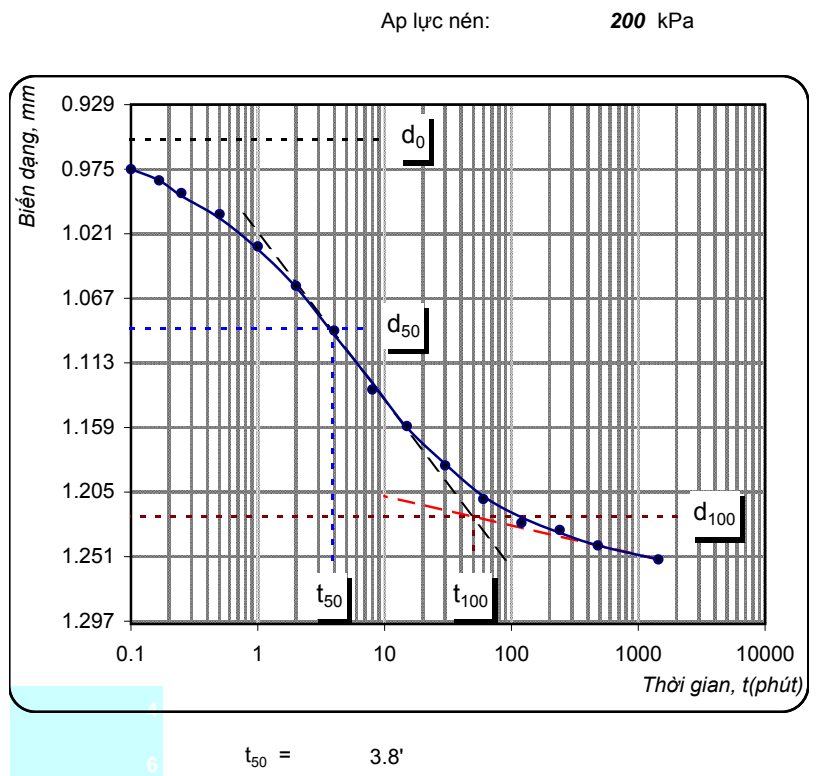
Mô tả: **Sét, nâu đỏ - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: **Nguyễn Đông Hà**

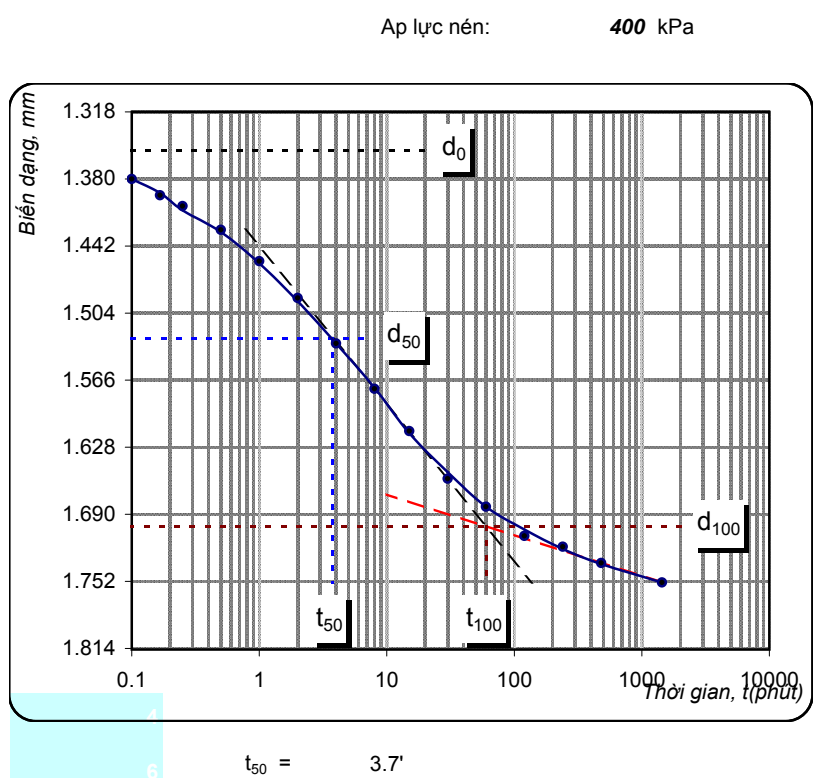
Xử lý: **KS. Nguyễn Quốc Khánh**

Ngày TN: **5-6/1/18**

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.975
10"	0.2'	0.983
15"	0.3'	0.992
30"	0.5'	1.007
1'	1'	1.030
2'	2'	1.058
4'	4'	1.090
8'	8'	1.132
15'	15'	1.158
30'	30'	1.186
1h	60'	1.210
2h	120'	1.227
4h	240'	1.232
8h	480'	1.243
24h	1440'	1.253



Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.380
10"	0.2'	1.395
15"	0.3'	1.405
30"	0.5'	1.427
1'	1'	1.456
2'	2'	1.490
4'	4'	1.532
8'	8'	1.574
15'	15'	1.613
30'	30'	1.657
1h	60'	1.683
2h	120'	1.710
4h	240'	1.720
8h	480'	1.735
24h	1440'	1.753



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hố khoan: **HK2**

KH mẫu: **HK2-12**

Độ sâu: **23.8-24m**

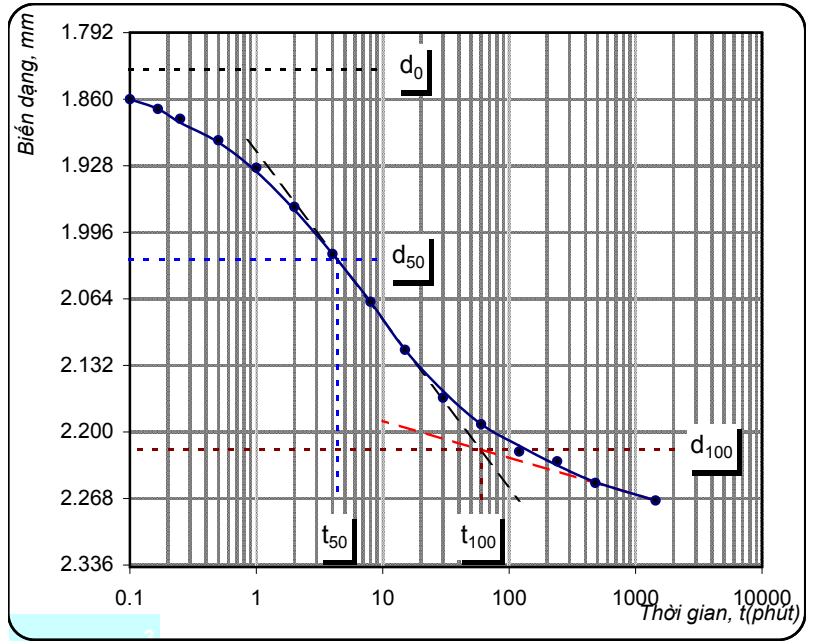
Mô tả: **Sét, nâu đỏ - vàng nâu, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: **Nguyễn Đông Hà**

Xử lý: **KS. Nguyễn Quốc Khánh**

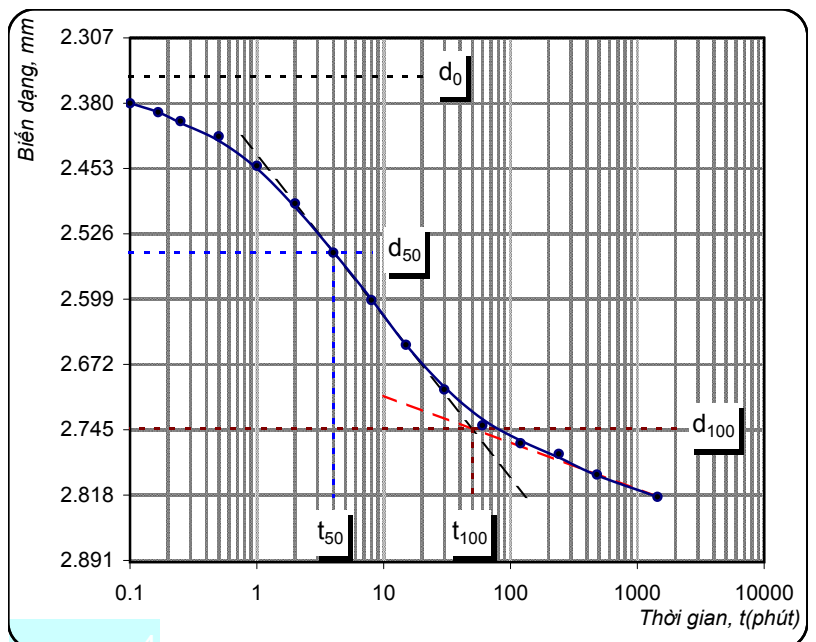
Ngày TN: **7-8/1/18**

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.860
10"	0.2'	1.870
15"	0.3'	1.880
30"	0.5'	1.902
1'	1'	1.930
2'	2'	1.970
4'	4'	2.018
8'	8'	2.067
15'	15'	2.116
30'	30'	2.165
1h	60'	2.192
2h	120'	2.220
4h	240'	2.230
8h	480'	2.252
24h	1440'	2.270



$t_{50} = 4.4'$

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	2.380
10"	0.2'	2.390
15"	0.3'	2.400
30"	0.5'	2.417
1'	1'	2.450
2'	2'	2.492
4'	4'	2.547
8'	8'	2.600
15'	15'	2.650
30'	30'	2.700
1h	60'	2.740
2h	120'	2.760
4h	240'	2.772
8h	480'	2.795
24h	1440'	2.820



$t_{50} = 4.0'$

KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU** Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Ngày TN: 2-9/1/18

Mô tả: Á sét, nâu, trạng thái dẻo cứng

Người TN: Nguyễn Đông Hà

Hố khoan: **HK2**

KH mẫu: **HK2-16**

Độ sâu: **31.8-32m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Chiều cao cốt đất,	H _g : 11.19 mm	KL mẫu trước TN,	M ₀ : 114.22 g	KL mẫu sau TN,	M _f : 104.73 g
Tỷ trọng hạt	G _s : 2.70	Chiều cao ban đầu,	H ₀ : 20.0 mm	Chiều cao sau TN,	H _f : 16.2 mm
Dung trọng ướt,	γ: 19.2	Độ ẩm trước TN,	W ₀ : 27.31 %	Độ ẩm sau TN,	W _f : 16.74 %
Dung trọng khô,	γ _d : 15.1	Độ bão hoà trước TN,	S ₀ : 93.6 %	Độ bão hoà sau TN,	S _f : 100.0 %
Đường kính,	61.50 mm	HSR ban đầu,	e ₀ : 0.788	HSR cuối TN,	e _f : 0.452

Áp lực nén	Biến dạng cuối	Gia số biến dạng	Chiều cao cuối	Chiều cao phần rỗng	Hệ số rỗng	Chiều cao TB	Thời gian cố kết	HS cố kết	HS nén lún	Modun BD	HS thấm	HS b.dạng thể tích
P, (kPa)	(mm)	ΔH, (mm)	H _{lt} , (mm)	H _v , (mm)	e	H _{d50(av)} , (mm)	t ₅₀	C _v , x10 ⁻³ (cm ² /s)	a, (kPa ⁻¹ x10 ⁻²)	E, (kPa)	k _v , x10 ⁻⁶ (cm/s)	m _v , kPa ⁻¹ x10 ⁻²
0	0.000		20.00	8.81	0.788							
		0.810				19.60	45	4.247	0.145	1233.1	0.344	0.081
50.0	0.810		19.19	8.00	0.716							
		0.402				18.99	45	3.916	0.072	2382.8	0.164	0.042
100	1.212		18.79	7.60	0.680							
		0.508				18.53	80	2.109	0.045	3732.5	0.057	0.027
200	1.720		18.28	7.09	0.634							
		0.553				18.00	48	3.312	0.025	6536.9	0.050	0.015
400	2.273		17.73	6.54	0.585							
		0.689				17.38	50	2.997	0.015	10565.3	0.027	0.009
800	2.962		17.04	5.85	0.523							
		0.798				16.64	69	1.987	0.009	16924.4	0.012	0.006
1600	3.760		16.24	5.05	0.452							
		0.008				-	-	-	-	-	-	-
800	3.752		16.25	5.06	0.453							
		0.171				-	-	-	-	-	-	-
200	3.581		16.42	5.23	0.468							
		0.189				-	-	-	-	-	-	-
50	3.392		16.61	5.42	0.485							

BIỂU ĐỒ TỔNG HỢP KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU** Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Ngày TN: 2-9/1/18

Mô tả: **Á sét, nâu, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

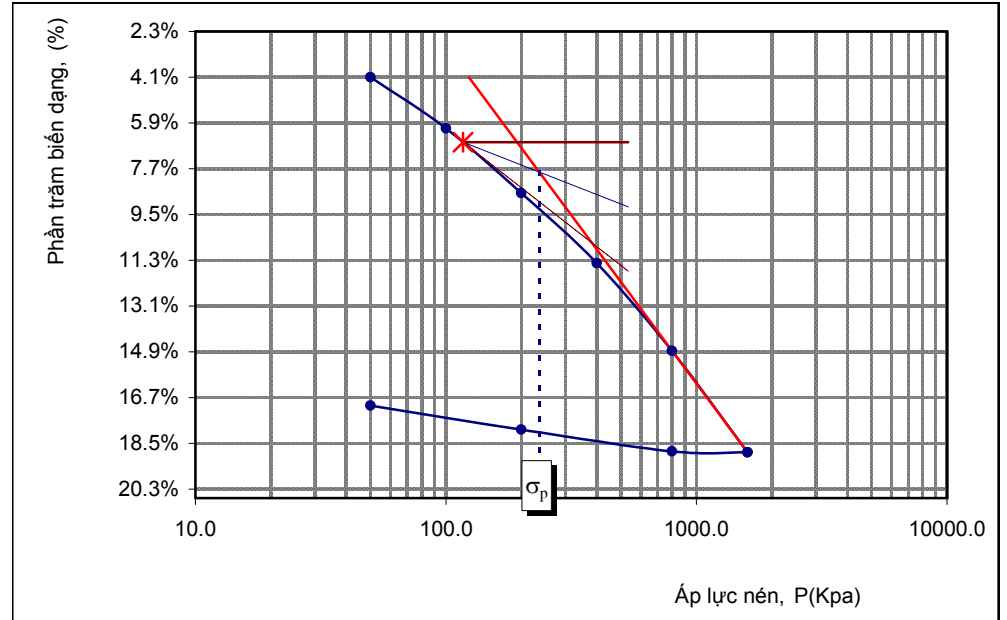
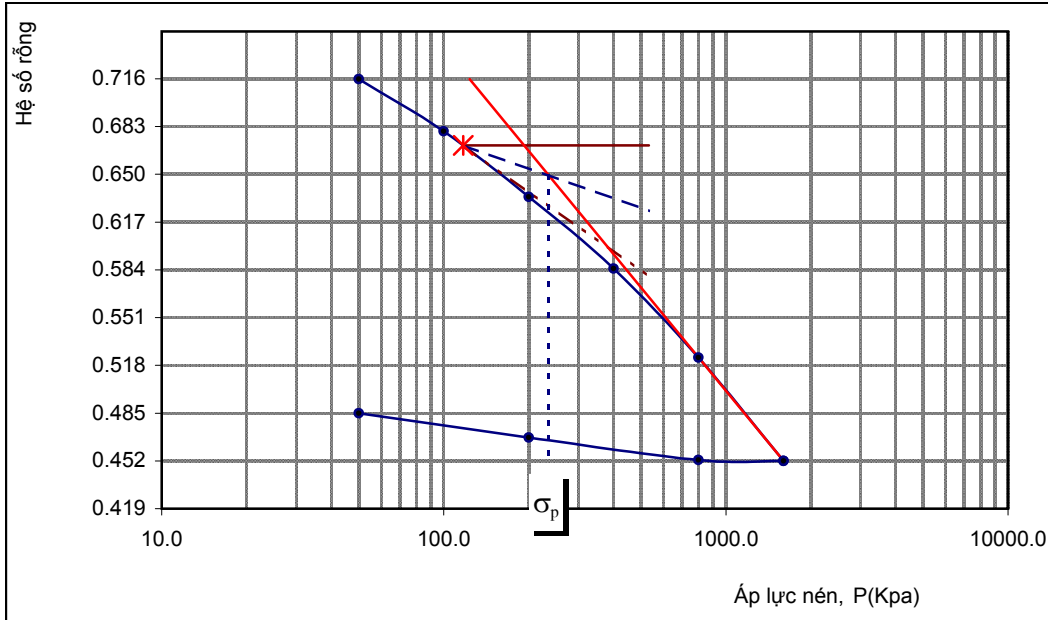
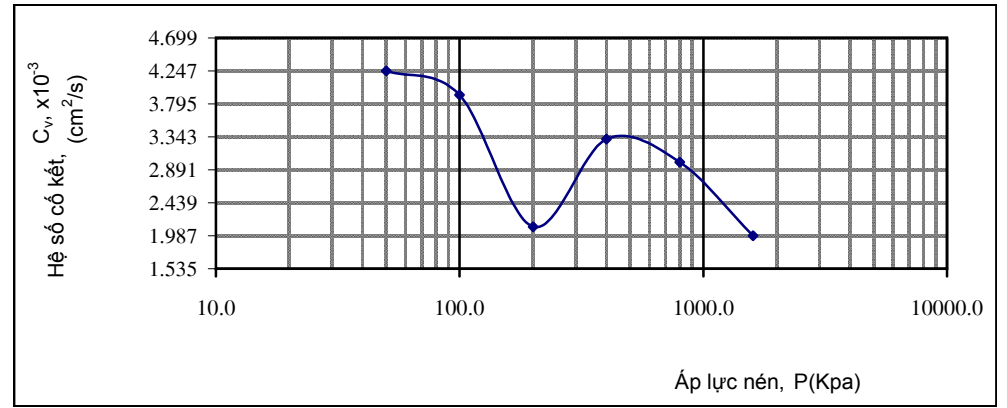
Hố khoan: **HK2**

KH mẫu: **HK2-16**

Độ sâu: **31.8-32m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ứng suất tiền cố kết	$\sigma_p = 235.7 \text{ kPa}$
Chỉ số nén	$C_c = \frac{0.523 - 0.452}{\log(1600) - \log(800)} = 0.237$
Chỉ số nở	$C_s = \frac{0.485 - 0.468}{\log(200) - \log(50)} = 0.028$



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hồ khoan: **HK2**

KH mẫu: **HK2-16**

Độ sâu: **31.8-32m**

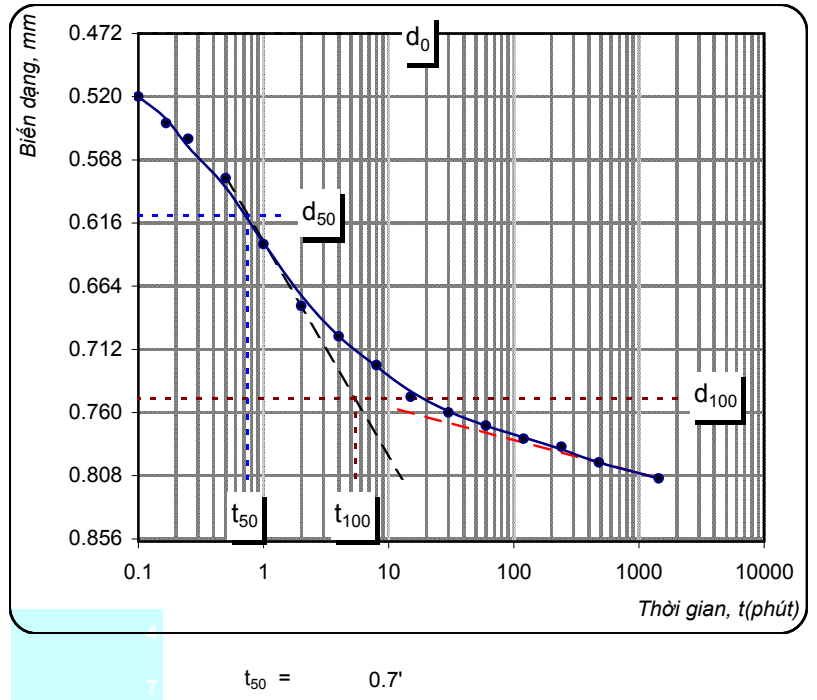
Mô tả: **Á sét, nâu, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

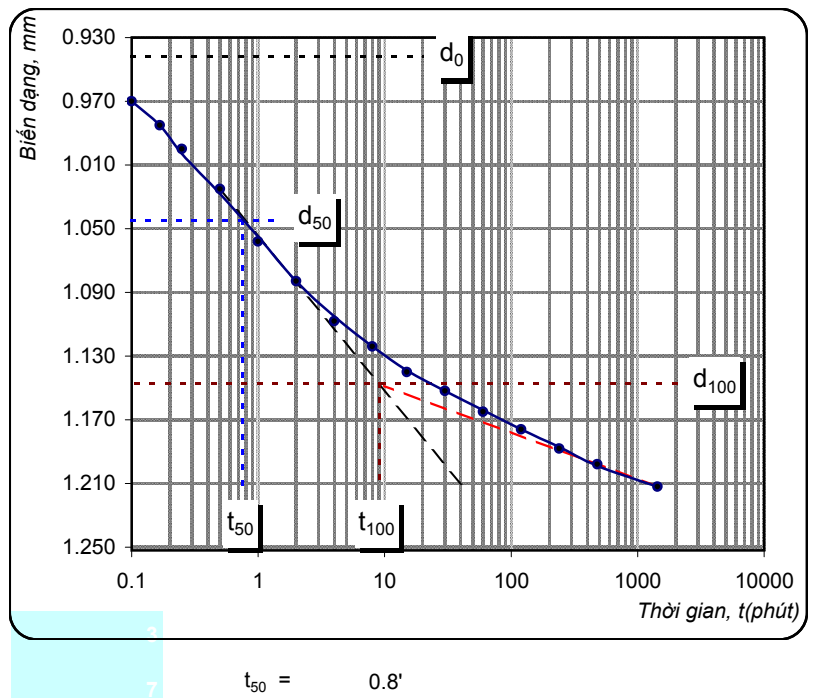
Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ngày TN: 3-4/1/18

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.520
10"	0.2'	0.540
15"	0.3'	0.552
30"	0.5'	0.582
1'	1'	0.632
2'	2'	0.679
4'	4'	0.702
8'	8'	0.724
15'	15'	0.748
30'	30'	0.760
1h	60'	0.770
2h	120'	0.780
4h	240'	0.786
8h	480'	0.798
24h	1440'	0.810



Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.970
10"	0.2'	0.985
15"	0.3'	1.000
30"	0.5'	1.025
1'	1'	1.058
2'	2'	1.083
4'	4'	1.108
8'	8'	1.124
15'	15'	1.140
30'	30'	1.152
1h	60'	1.165
2h	120'	1.176
4h	240'	1.188
8h	480'	1.198
24h	1440'	1.212



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hồ khoan: **HK2**

KH mẫu: **HK2-16**

Độ sâu: **31.8-32m**

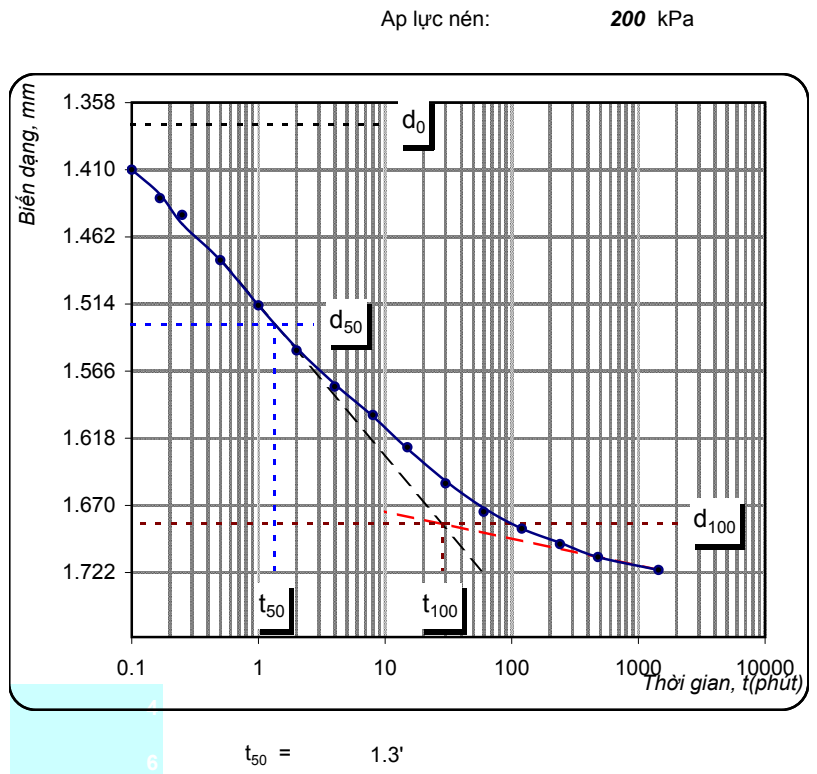
Mô tả: **Á sét, nâu, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

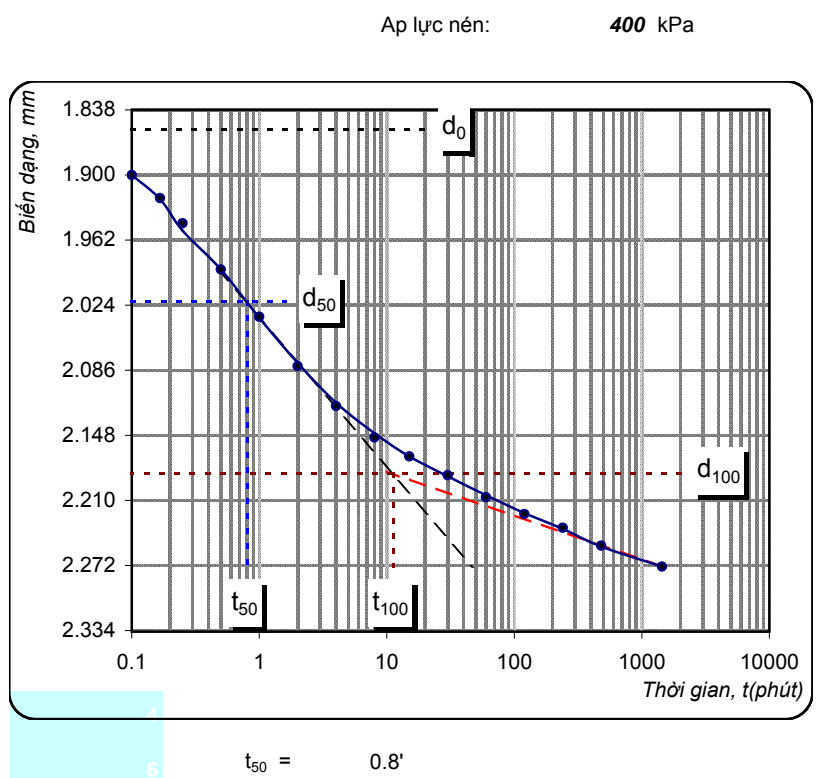
Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ngày TN: 5-6/1/18

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.410
10"	0.2'	1.432
15"	0.3'	1.445
30"	0.5'	1.480
1'	1'	1.515
2'	2'	1.550
4'	4'	1.578
8'	8'	1.600
15'	15'	1.625
30'	30'	1.653
1h	60'	1.675
2h	120'	1.688
4h	240'	1.700
8h	480'	1.710
24h	1440'	1.720



Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.900
10"	0.2'	1.922
15"	0.3'	1.946
30"	0.5'	1.990
1'	1'	2.035
2'	2'	2.082
4'	4'	2.120
8'	8'	2.150
15'	15'	2.168
30'	30'	2.186
1h	60'	2.207
2h	120'	2.223
4h	240'	2.236
8h	480'	2.253
24h	1440'	2.273



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hố khoan: **HK2**

KH mẫu: **HK2-16**

Độ sâu: **31.8-32m**

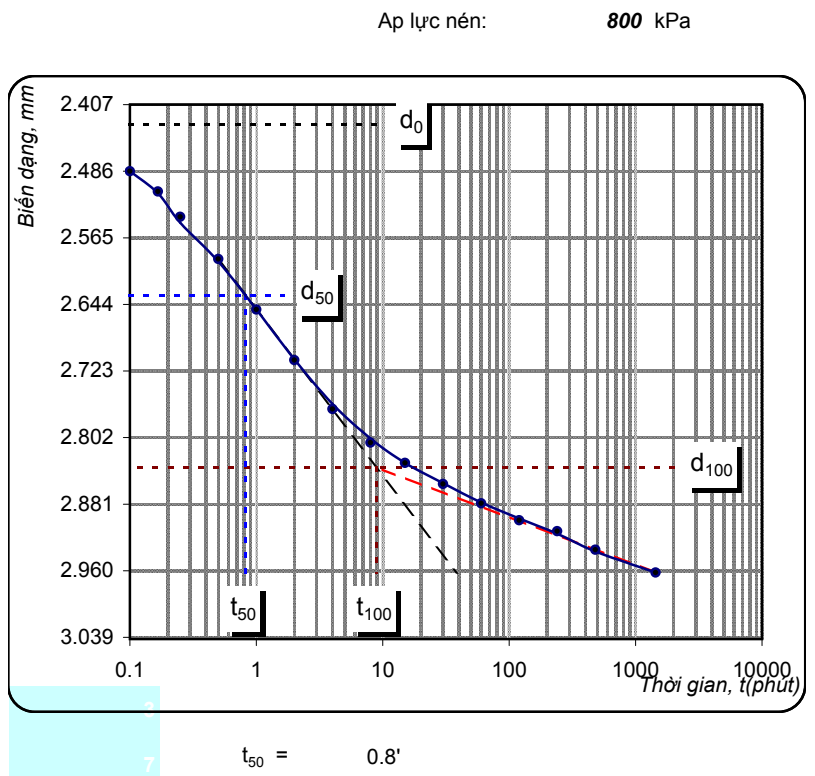
Mô tả: **Á sét, nâu, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

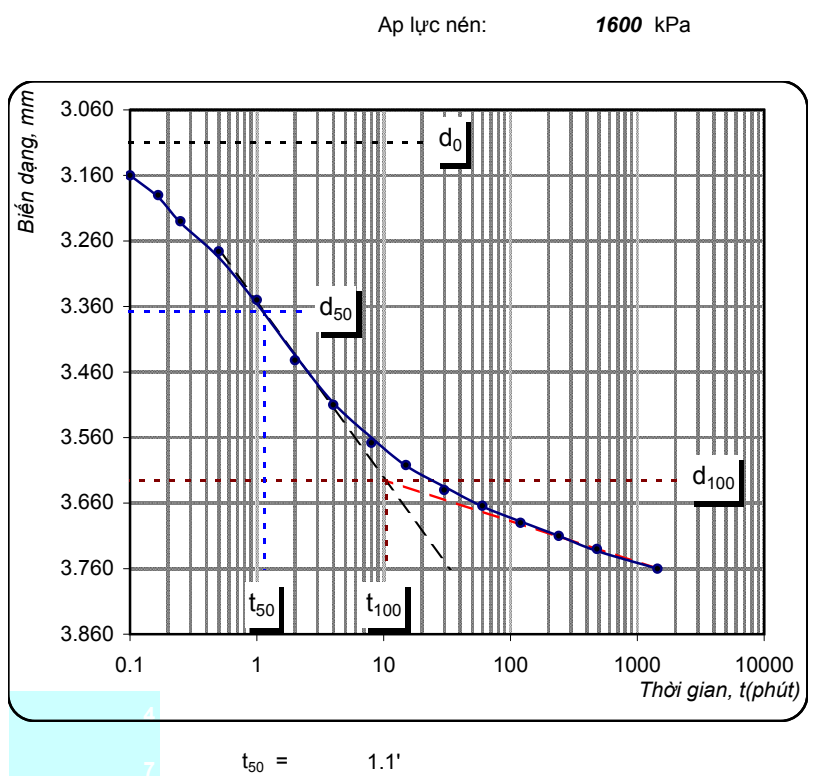
Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ngày TN: 7-8/1/18

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	2.486
10"	0.2'	2.510
15"	0.3'	2.540
30"	0.5'	2.590
1'	1'	2.650
2'	2'	2.710
4'	4'	2.768
8'	8'	2.808
15'	15'	2.832
30'	30'	2.857
1h	60'	2.880
2h	120'	2.900
4h	240'	2.913
8h	480'	2.935
24h	1440'	2.962



Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	3.160
10"	0.2'	3.190
15"	0.3'	3.230
30"	0.5'	3.276
1'	1'	3.350
2'	2'	3.442
4'	4'	3.510
8'	8'	3.568
15'	15'	3.602
30'	30'	3.640
1h	60'	3.664
2h	120'	3.690
4h	240'	3.710
8h	480'	3.730
24h	1440'	3.760



KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU** Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Ngày TN: 2-9/1/18

Mô tả: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Người TN: Nguyễn Đông Hà

Hố khoan: **HK3**

KH mẫu: **HK3-4**

Độ sâu: **7.8-8m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Chiều cao cốt đất,	H_g : 6.77 mm	KL mẫu trước TN,	M_o : 92.20 g	KL mẫu sau TN,	M_f : 71.81 g
Tỷ trọng hạt	G_s : 2.66	Chiều cao ban đầu,	H_o : 20.0 mm	Chiều cao sau TN,	H_f : 12.9 mm
Dung trọng ướt,	γ : 15.5	Độ ẩm trước TN,	W_o : 72.45 %	Độ ẩm sau TN,	W_f : 34.33 %
Dung trọng khô,	γ_d : 9.0	Độ bão hoà trước TN,	S_o : 98.5 %	Độ bão hoà sau TN,	S_f : 100.0 %
Đường kính,	61.50 mm	HSR ban đầu,	e_o : 1.956	HSR cuối TN,	e_f : 0.913

Áp lực nén	Biến dạng cuối	Gia số biến dạng	Chiều cao cuối	Chiều cao phần rỗng	Hệ số rỗng	Chiều cao TB	Thời gian cố kết	HS cố kết	HS nén lún	Modun BD	HS thấm	HS b.dạng thể tích
P , (kPa)	(mm)	ΔH , (mm)	$H_{(t)}$, (mm)	H_v , (mm)	e	$H_{d50(av)}$, (mm)	t_{50}	$C_v, \times 10^{-3}$ (cm ² /s)	a , (kPa ⁻¹ $\times 10^{-2}$)	E , (kPa)	$k_v, \times 10^{-6}$ (cm/s)	$m_v, \text{kPa}^{-1} \times 10^{-2}$
0	0.000		20.00	13.23	1.956							
		1.126				19.44	584	0.319	1.331	222.1	0.144	0.450
12.5	1.126		18.87	12.11	1.790							
		0.462				18.64	679	0.252	0.546	510.9	0.049	0.196
25	1.588		18.41	11.65	1.721							
		0.852				17.99	660	0.241	0.504	539.9	0.045	0.185
50	2.440		17.56	10.79	1.595							
		1.284				16.92	685	0.206	0.380	683.0	0.030	0.146
100	3.724		16.28	9.51	1.406							
		1.572				15.49	692	0.171	0.232	1036.9	0.016	0.096
200	5.296		14.70	7.94	1.173							
		1.760				13.82	541	0.174	0.130	1671.7	0.010	0.060
400	7.056		12.94	6.18	0.913							
		0.068				-	-	-	-	-	-	-
200	6.988		13.01	6.25	0.923							
		0.143				-	-	-	-	-	-	-
50	6.845		13.16	6.39	0.944							
		0.120				-	-	-	-	-	-	-
12.5	6.725		13.28	6.51	0.962							

BIỂU ĐỒ TỔNG HỢP KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU** Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Ngày TN: 2-9/1/18

Mô tả: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Người TN: Nguyễn Đông Hà

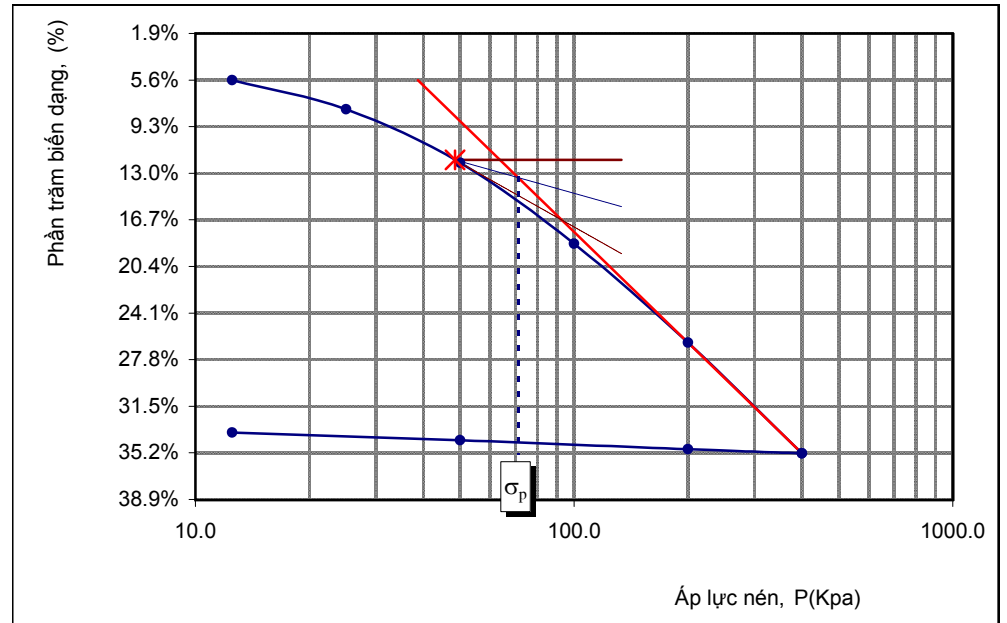
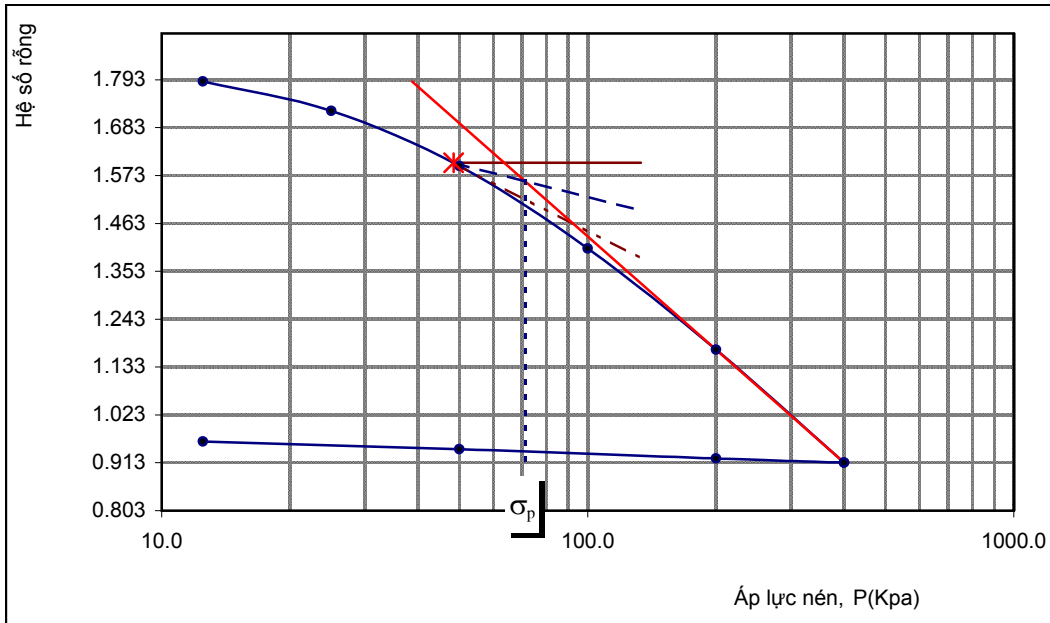
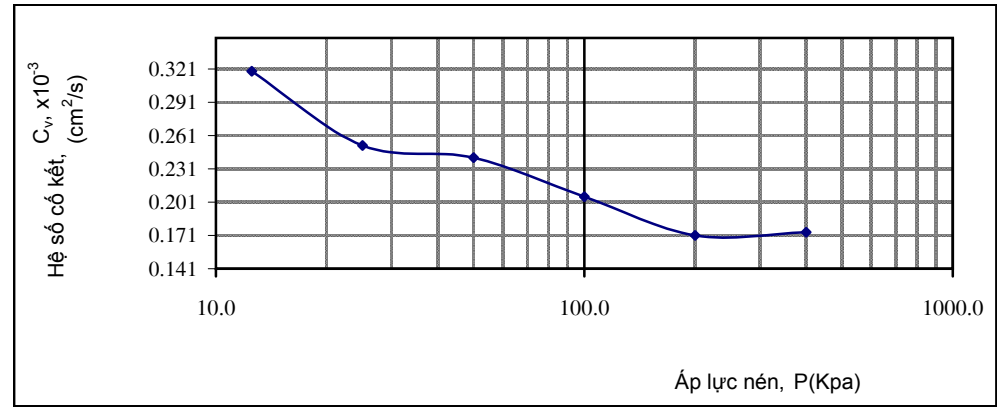
Hố khoan: **HK3**

KH mẫu: **HK3-4**

Độ sâu: **7.8-8m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ứng suất tiền cố kết	$\sigma_p = 71.3 \text{ kPa}$
Chỉ số nén	$C_c = \frac{1.173 - 0.913}{\log(400) - \log(200)} = 0.864$
Chỉ số nở	$C_s = \frac{0.962 - 0.944}{\log(50) - \log(12.5)} = 0.029$



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hồ khoan: **HK3**

KH mẫu: **HK3-4**

Độ sâu: **7.8-8m**

Mô tả: **Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão**

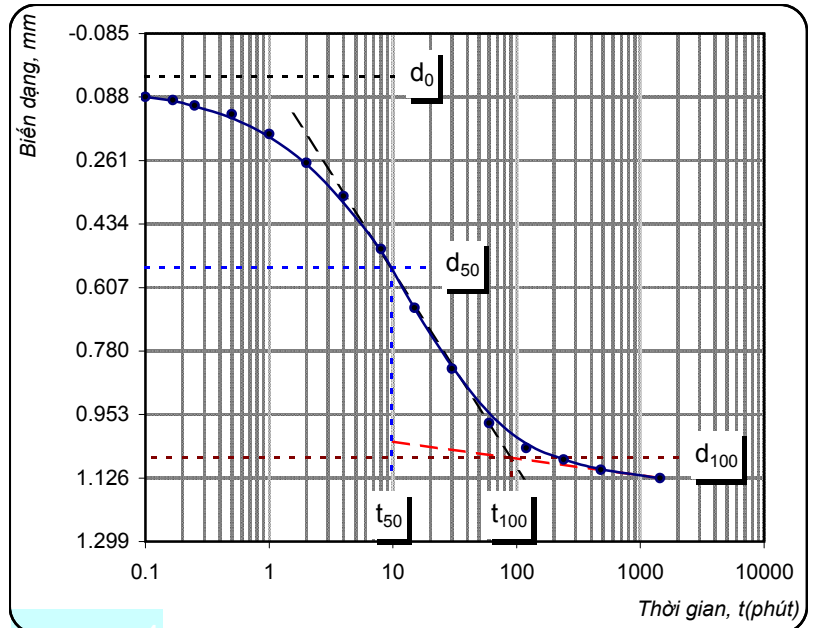
Người TN: **Nguyễn Đông Hà**

Xử lý: **KS. Nguyễn Quốc Khánh**

Ngày TN: **3-4/1/18**

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.088
10"	0.2'	0.096
15"	0.3'	0.111
30"	0.5'	0.135
1'	1'	0.189
2'	2'	0.267
4'	4'	0.358
8'	8'	0.502
15'	15'	0.662
30'	30'	0.828
1h	60'	0.976
2h	120'	1.044
4h	240'	1.076
8h	480'	1.104
24h	1440'	1.126

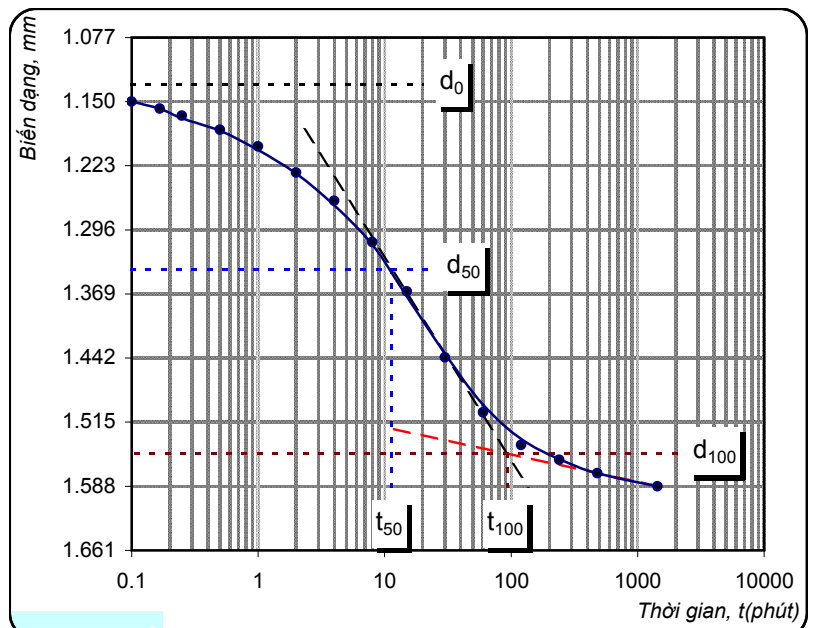
Áp lực nén: **12.5 kPa**



$t_{50} = 9.7'$

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.150
10"	0.2'	1.158
15"	0.3'	1.166
30"	0.5'	1.182
1'	1'	1.201
2'	2'	1.231
4'	4'	1.263
8'	8'	1.310
15'	15'	1.366
30'	30'	1.441
1h	60'	1.504
2h	120'	1.541
4h	240'	1.558
8h	480'	1.573
24h	1440'	1.588

Áp lực nén: **25 kPa**



$t_{50} = 11.3'$

TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hố khoan: **HK3**

KH mẫu: **HK3-4**

Độ sâu: **7.8-8m**

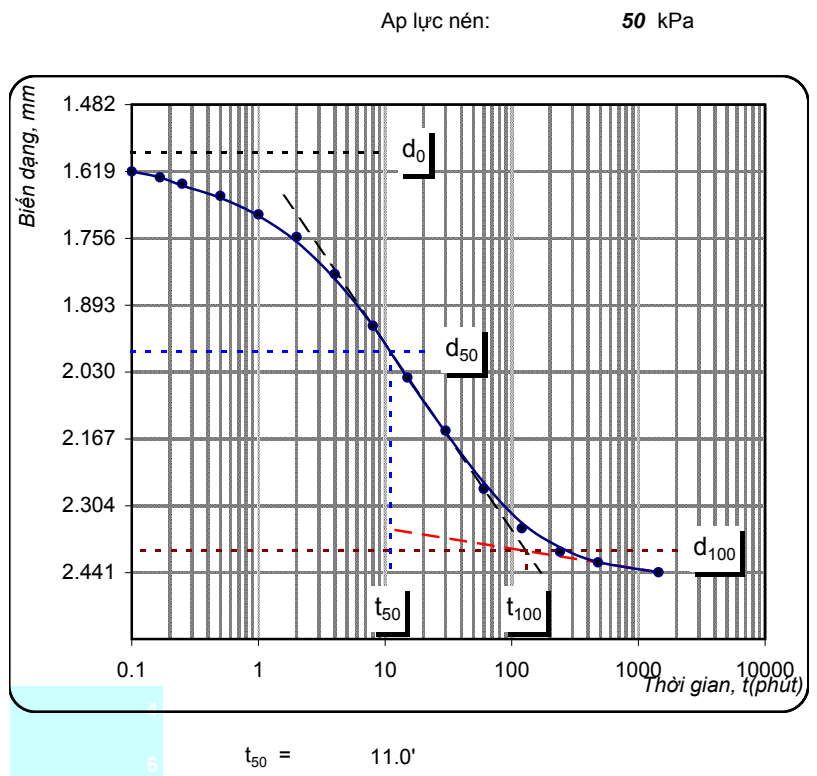
Mô tả: **Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

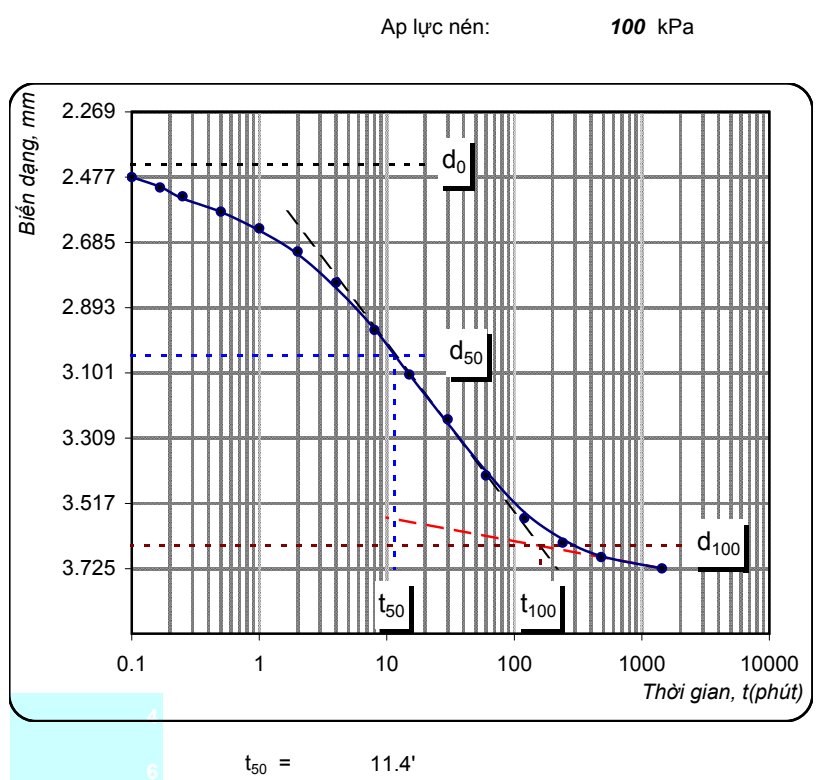
Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ngày TN: 5-6/1/18

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.619
10"	0.2'	1.631
15"	0.3'	1.644
30"	0.5'	1.669
1'	1'	1.707
2'	2'	1.753
4'	4'	1.829
8'	8'	1.935
15'	15'	2.041
30'	30'	2.150
1h	60'	2.269
2h	120'	2.350
4h	240'	2.398
8h	480'	2.420
24h	1440'	2.440



Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	2.477
10"	0.2'	2.510
15"	0.3'	2.538
30"	0.5'	2.587
1'	1'	2.640
2'	2'	2.714
4'	4'	2.813
8'	8'	2.964
15'	15'	3.106
30'	30'	3.249
1h	60'	3.428
2h	120'	3.564
4h	240'	3.642
8h	480'	3.688
24h	1440'	3.724



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hố khoan: **HK3**

KH mẫu: **HK3-4**

Độ sâu: **7.8-8m**

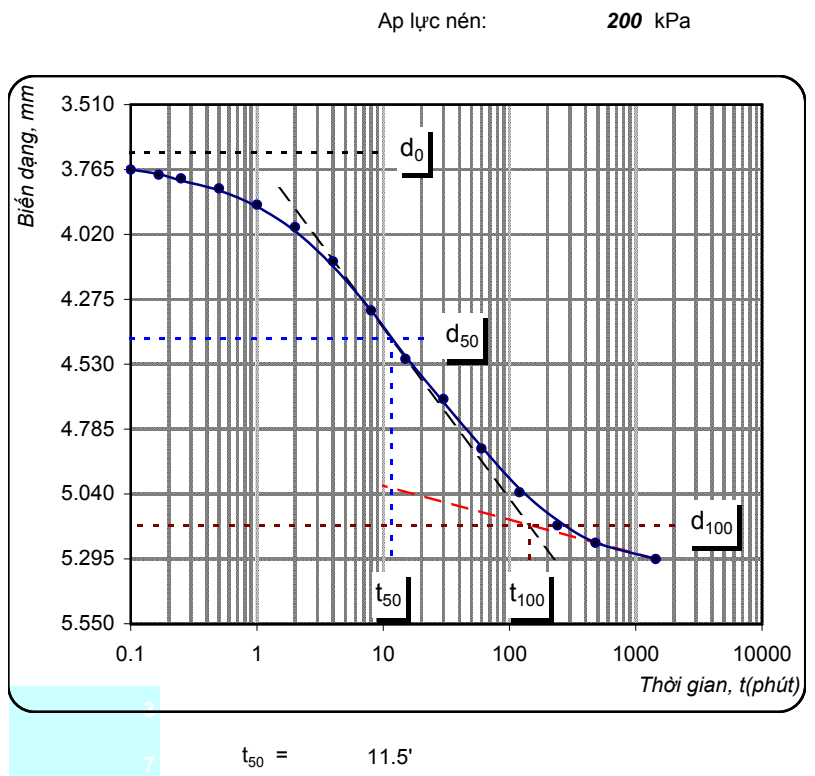
Mô tả: **Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão**

Người TN: **Nguyễn Đông Hà**

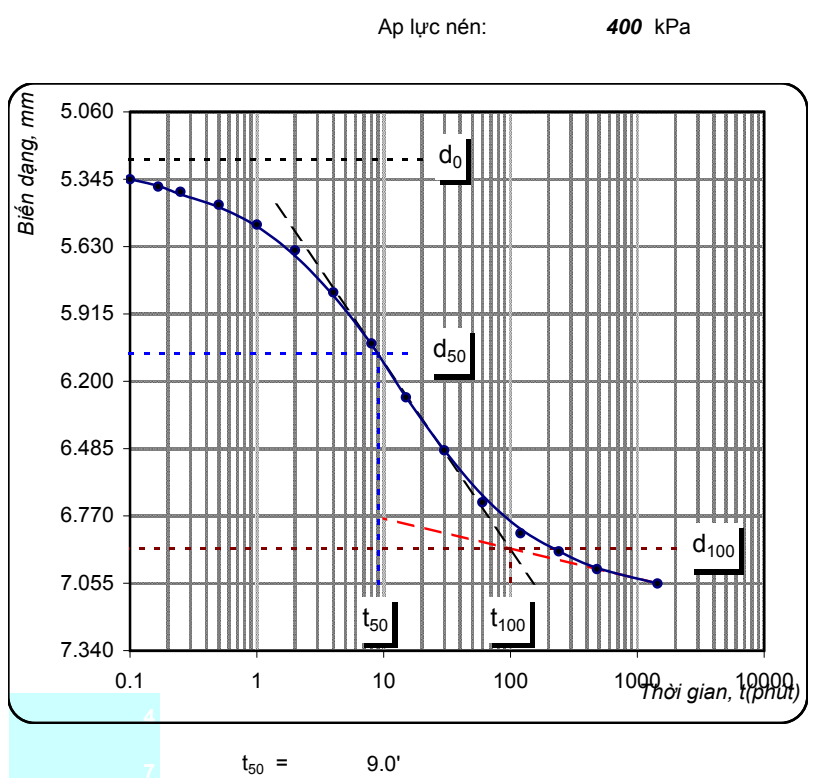
Xử lý: **KS. Nguyễn Quốc Khánh**

Ngày TN: **7-8/1/18**

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	3.765
10"	0.2'	3.785
15"	0.3'	3.800
30"	0.5'	3.839
1'	1'	3.903
2'	2'	3.991
4'	4'	4.126
8'	8'	4.319
15'	15'	4.509
30'	30'	4.667
1h	60'	4.861
2h	120'	5.033
4h	240'	5.163
8h	480'	5.232
24h	1440'	5.296



Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	5.345
10"	0.2'	5.376
15"	0.3'	5.398
30"	0.5'	5.453
1'	1'	5.537
2'	2'	5.646
4'	4'	5.824
8'	8'	6.040
15'	15'	6.268
30'	30'	6.492
1h	60'	6.712
2h	120'	6.843
4h	240'	6.920
8h	480'	6.995
24h	1440'	7.056



KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU**

Ngày TN: 2-9/1/18

Mô tả: Sét, nâu, trạng thái dẻo cứng

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

Hồ khoan: **HK3**

KH mẫu: **HK3-10**

Độ sâu: **19.8-20m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Chiều cao cốt đất,	H _g : 10.18 mm	KL mẫu trước TN,	M _o : 109.55 g	KL mẫu sau TN,	M _f : 102.35 g
Tỷ trọng hạt	G _s : 2.73	Chiều cao ban đầu,	H _o : 20.0 mm	Chiều cao sau TN,	H _f : 16.8 mm
Dung trọng ướt,	γ: 18.4	Độ ẩm trước TN,	W _o : 32.66 %	Độ ẩm sau TN,	W _f : 23.93 %
Dung trọng khô,	γ _d : 13.9	Độ bão hoà trước TN,	S _o : 92.5 %	Độ bão hoà sau TN,	S _f : 100.0 %
Đường kính,	61.50 mm	HSR ban đầu,	e _o : 0.964	HSR cuối TN,	e _f : 0.653

Ap lực nén	Biến dạng cuối	Gia số biến dạng	Chiều cao cuối	Chiều cao phần rỗng	Hệ số rỗng	Chiều cao TB	Thời gian cố kết	HS cố kết	HS nén lún	Modun BD	HS thấm	HS b.dạng thể tích
P, (kPa)	(mm)	ΔH, (mm)	H _{lt} , (mm)	H _v , (mm)	e	H _{d50(av)} , (mm)	t ₅₀	C _v , x10 ⁻³ (cm ² /s)	a, (kPa ⁻¹ x10 ⁻²)	E, (kPa)	k _v , x10 ⁻⁶ (cm/s)	m _v , kPa ⁻¹ x10 ⁻²
0	0.000		20.00	9.82	0.964							
		0.670				19.67	147	1.294	0.132	1487.9	0.087	0.067
50.0	0.670		19.33	9.15	0.898							
		0.275				19.19	228	0.796	0.054	3515.2	0.022	0.028
100	0.945		19.06	8.87	0.871							
		0.382				18.86	214	0.820	0.038	4924.2	0.016	0.020
200	1.327		18.67	8.49	0.834							
		0.443				18.45	162	1.037	0.022	8334.9	0.012	0.012
400	1.770		18.23	8.05	0.790							
		0.624				17.92	217	0.730	0.015	11934.6	0.006	0.008
800	2.394		17.61	7.42	0.729							
		0.770				17.22	245	0.597	0.009	19210.1	0.003	0.005
1600	3.164		16.84	6.65	0.653							
		0.016				-	-	-	-	-	-	-
800	3.148		16.85	6.67	0.655							
		0.186				-	-	-	-	-	-	-
200	2.962		17.04	6.85	0.673							
		0.314				-	-	-	-	-	-	-
50	2.648		17.35	7.17	0.704							

BIỂU ĐỒ TỔNG HỢP KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Ngày TN: 2-9/1/18

Mô tả: Sét, nâu, trạng thái dẻo cứng

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

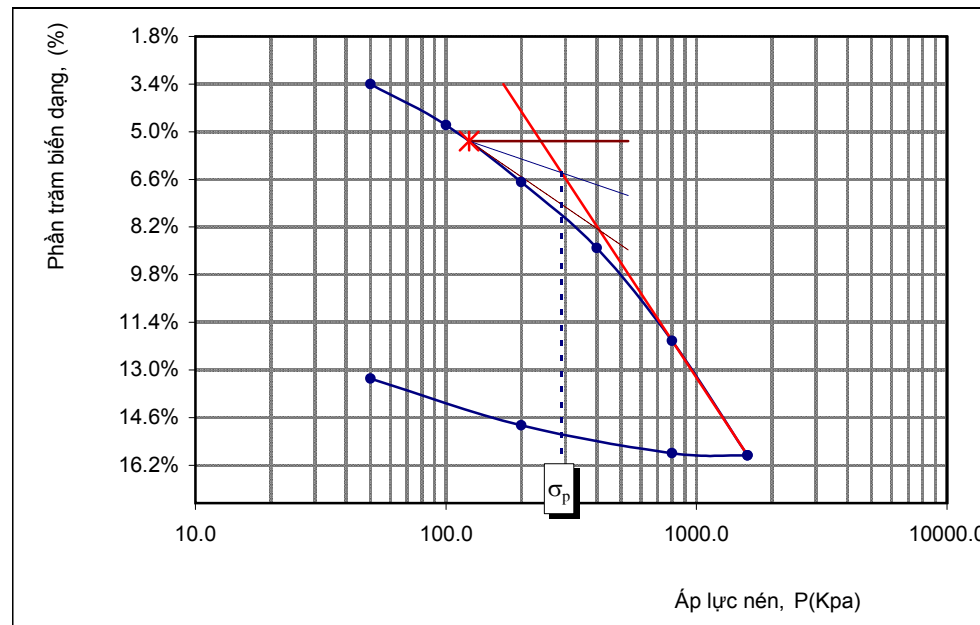
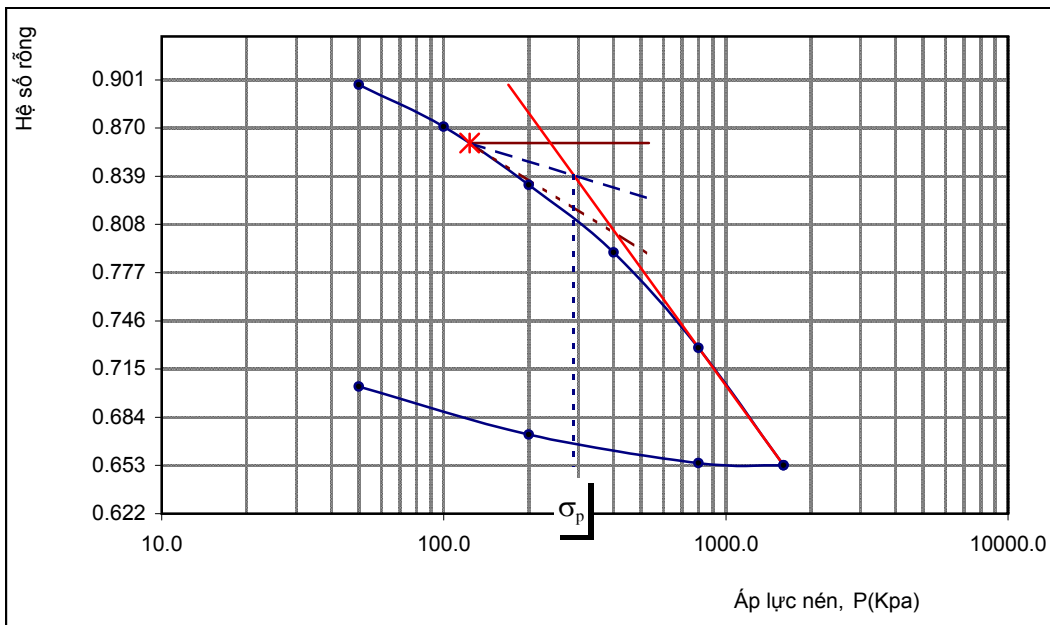
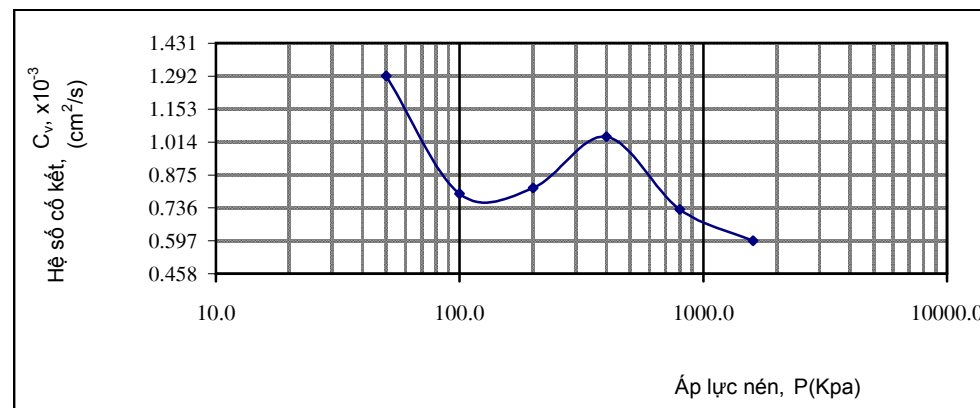
Hố khoan: **HK3**

KH mẫu: **HK3-10**

Độ sâu: **19.8-20m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ứng suất tiền cố kết	$\sigma_p = 289.6 \text{ kPa}$
Chỉ số nén	$C_c = \frac{0.729 - 0.653}{\log(1600) - \log(800)} = 0.251$
Chỉ số nở	$C_s = \frac{0.704 - 0.673}{\log(200) - \log(50)} = 0.051$



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hồ khoan: **HK3**

KH mẫu: **HK3-10**

Độ sâu: **19.8-20m**

Mô tả: **Sét, nâu, trạng thái dẻo cứng**

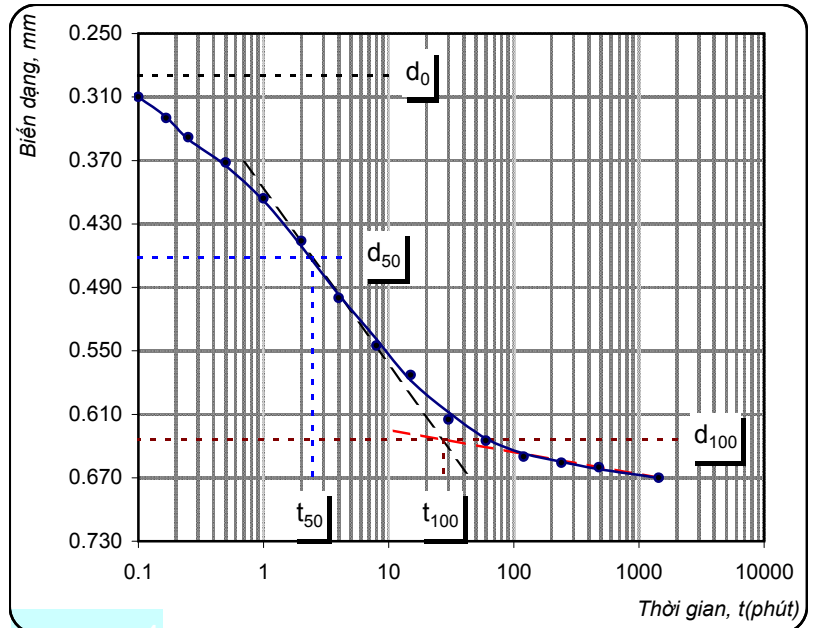
Người TN: **Nguyễn Đông Hà**

Xử lý: **KS. Nguyễn Quốc Khánh**

Ngày TN: **3-4/1/18**

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.310
10"	0.2'	0.330
15"	0.3'	0.348
30"	0.5'	0.372
1'	1'	0.406
2'	2'	0.446
4'	4'	0.500
8'	8'	0.545
15'	15'	0.573
30'	30'	0.615
1h	60'	0.635
2h	120'	0.650
4h	240'	0.656
8h	480'	0.660
24h	1440'	0.670

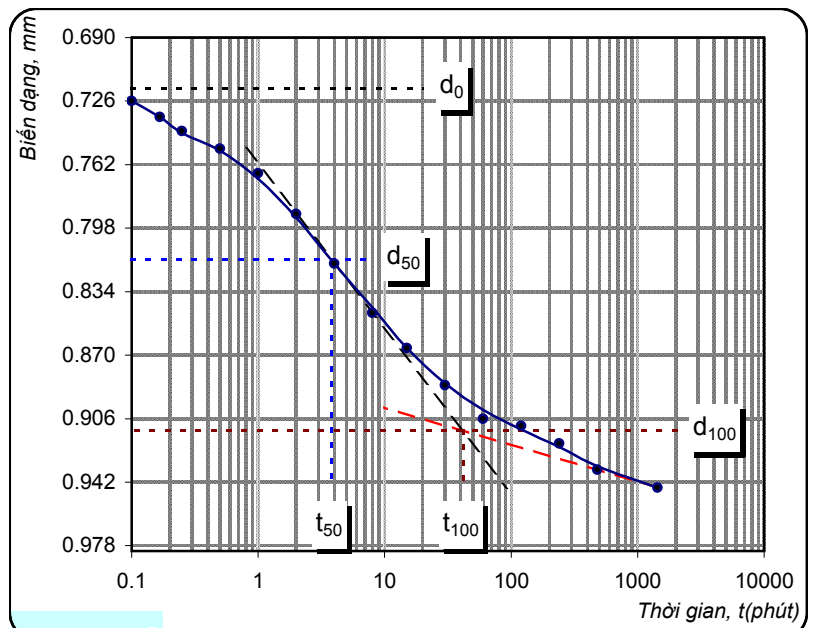
Áp lực nén: **50 kPa**



$t_{50} = 2.5'$

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.726
10"	0.2'	0.735
15"	0.3'	0.743
30"	0.5'	0.753
1'	1'	0.767
2'	2'	0.790
4'	4'	0.818
8'	8'	0.846
15'	15'	0.866
30'	30'	0.887
1h	60'	0.906
2h	120'	0.910
4h	240'	0.920
8h	480'	0.935
24h	1440'	0.945

Áp lực nén: **100 kPa**



$t_{50} = 3.8'$

TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hố khoan: **HK3**

KH mẫu: **HK3-10**

Độ sâu: **19.8-20m**

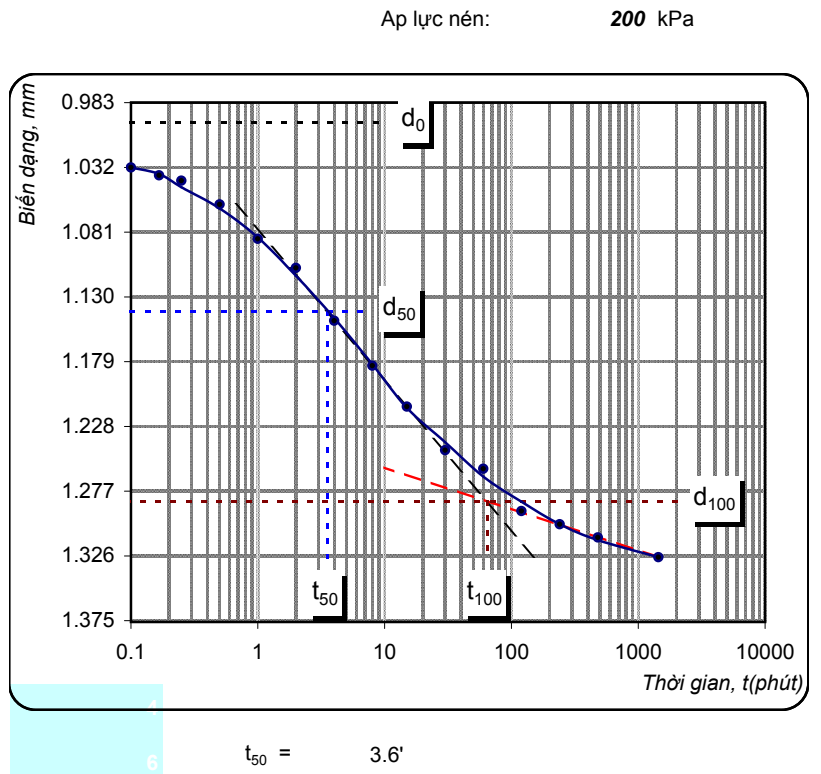
Mô tả: **Sét, nâu, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: **Nguyễn Đông Hà**

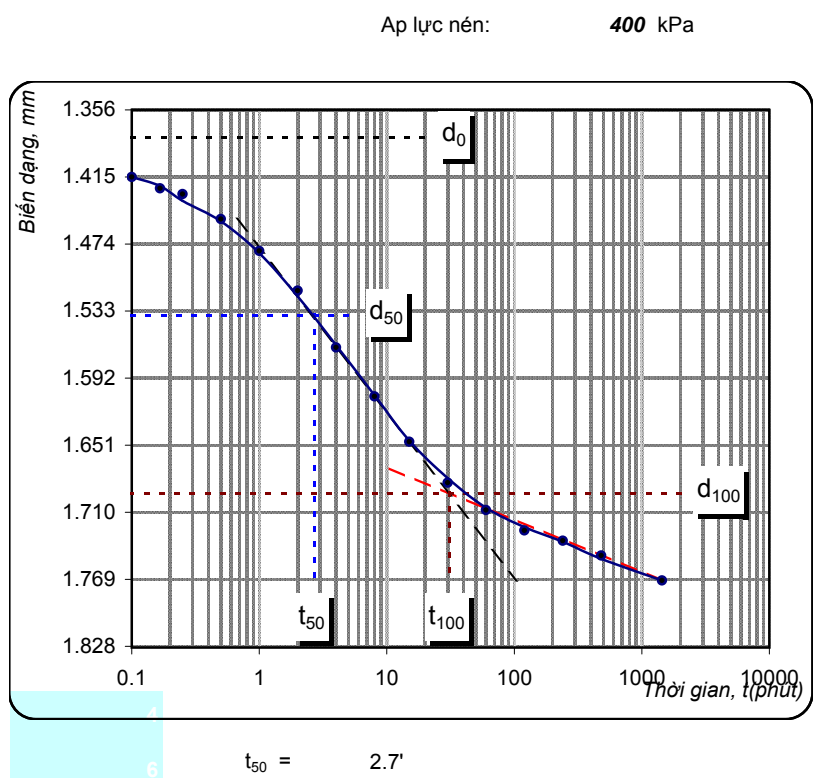
Xử lý: **KS. Nguyễn Quốc Khánh**

Ngày TN: **5-6/1/18**

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.032
10"	0.2'	1.038
15"	0.3'	1.042
30"	0.5'	1.060
1'	1'	1.086
2'	2'	1.108
4'	4'	1.148
8'	8'	1.182
15'	15'	1.213
30'	30'	1.246
1h	60'	1.260
2h	120'	1.292
4h	240'	1.302
8h	480'	1.312
24h	1440'	1.327



Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.415
10"	0.2'	1.425
15"	0.3'	1.430
30"	0.5'	1.452
1'	1'	1.480
2'	2'	1.515
4'	4'	1.565
8'	8'	1.608
15'	15'	1.648
30'	30'	1.684
1h	60'	1.708
2h	120'	1.726
4h	240'	1.735
8h	480'	1.748
24h	1440'	1.770



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hồ khoan: **HK3**

KH mẫu: **HK3-10**

Độ sâu: **19.8-20m**

Mô tả: **Sét, nâu, trạng thái dẻo cứng**

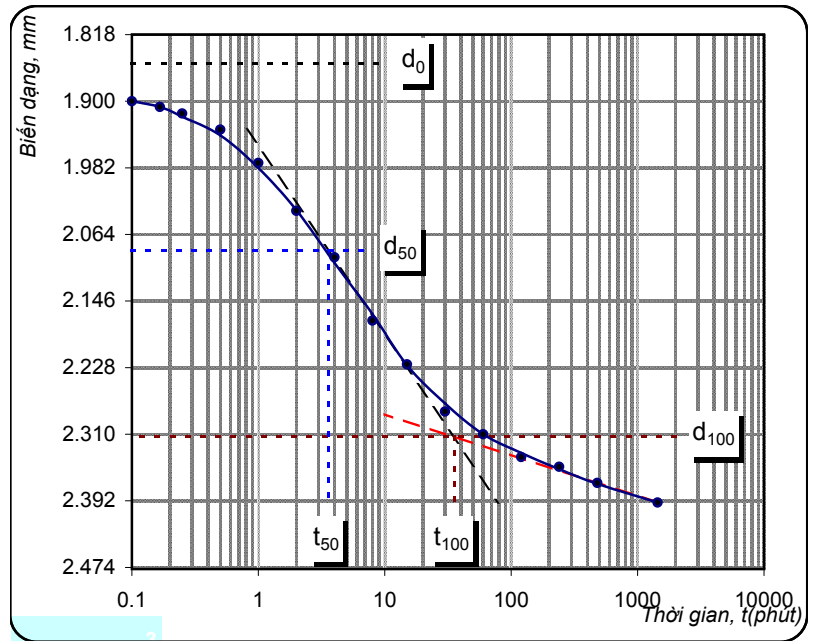
Người TN: **Nguyễn Đông Hà**

Xử lý: **KS. Nguyễn Quốc Khánh**

Ngày TN: **7-8/1/18**

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.900
10"	0.2'	1.907
15"	0.3'	1.915
30"	0.5'	1.935
1'	1'	1.976
2'	2'	2.035
4'	4'	2.092
8'	8'	2.170
15'	15'	2.224
30'	30'	2.282
1h	60'	2.310
2h	120'	2.338
4h	240'	2.350
8h	480'	2.370
24h	1440'	2.394

Áp lực nén: **800 kPa**

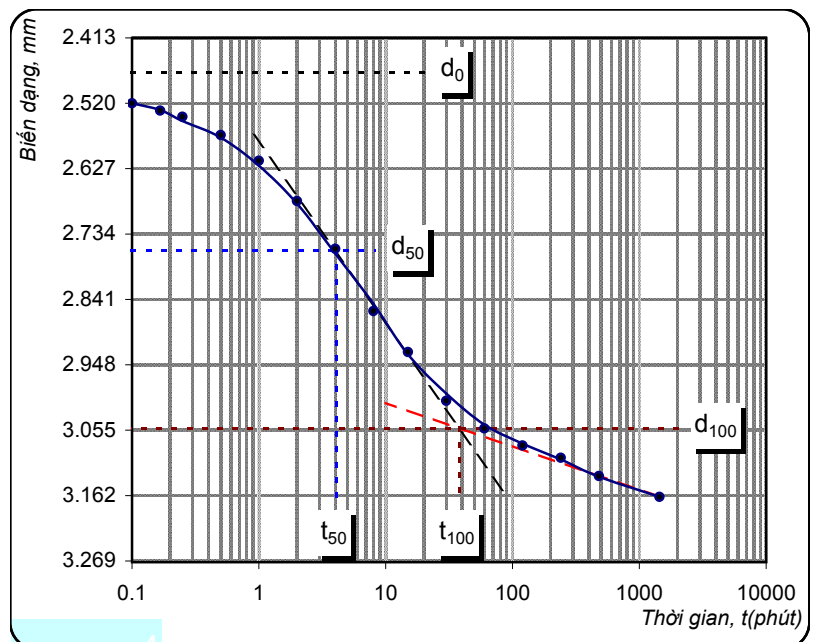


$t_{50} = 3.6'$

#

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	2.520
10"	0.2'	2.532
15"	0.3'	2.542
30"	0.5'	2.572
1'	1'	2.614
2'	2'	2.680
4'	4'	2.758
8'	8'	2.860
15'	15'	2.927
30'	30'	3.007
1h	60'	3.052
2h	120'	3.080
4h	240'	3.100
8h	480'	3.130
24h	1440'	3.164

Áp lực nén: **1600 kPa**



$t_{50} = 4.1'$

#

KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU**

Ngày TN: 29/12/17-5/1/18

Mô tả: Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

Hồ khoan: **HK4**

KH mẫu: **HK4-16**

Độ sâu: **31.8-32m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Chiều cao cốt đất,	H _g : 10.95 mm	KL mẫu trước TN,	M _o : 114.14 g	KL mẫu sau TN,	M _f : 104.19 g
Tỷ trọng hạt	G _s : 2.74	Chiều cao ban đầu,	H _o : 20.0 mm	Chiều cao sau TN,	H _f : 16.0 mm
Dung trọng ướt,	γ: 19.2	Độ ẩm trước TN,	W _o : 28.10 %	Độ ẩm sau TN,	W _f : 16.93 %
Dung trọng khô,	γ _d : 15.0	Độ bão hoà trước TN,	S _o : 93.1 %	Độ bão hoà sau TN,	S _f : 100.0 %
Đường kính,	61.50 mm	HSR ban đầu,	e _o : 0.827	HSR cuối TN,	e _f : 0.464

Ap lực nén	Biến dạng cuối	Gia số biến dạng	Chiều cao cuối	Chiều cao phần rỗng	Hệ số rỗng	Chiều cao TB	Thời gian cố kết	HS cố kết	HS nén lún	Modun BD	HS thấm	HS b.dạng thể tích
P, (kPa)	(mm)	ΔH, (mm)	H _{lt} , (mm)	H _v , (mm)	e	H _{d50(av)} , (mm)	t ₅₀	C _v , x10 ⁻³ (cm ² /s)	a, (kPa ⁻¹ x10 ⁻²)	E, (kPa)	k _v , x10 ⁻⁶ (cm/s)	m _v , kPa ⁻¹ x10 ⁻²
0	0.000		20.00	9.05	0.827							
		0.870				19.57	107	1.761	0.159	1149.1	0.153	0.087
50.0	0.870		19.13	8.18	0.748							
		0.376				18.94	365	0.484	0.069	2532.6	0.019	0.039
100	1.246		18.75	7.81	0.713							
		0.486				18.51	278	0.607	0.044	3893.6	0.016	0.026
200	1.732		18.27	7.32	0.669							
		0.618				17.96	239	0.665	0.028	5959.9	0.011	0.017
400	2.350		17.65	6.70	0.612							
		0.713				17.29	249	0.592	0.016	10077.0	0.006	0.010
800	3.063		16.94	5.99	0.547							
		0.912				16.48	180	0.742	0.010	15471.9	0.004	0.006
1600	3.975		16.03	5.08	0.464							
		0.010				-	-	-	-	-	-	-
800	3.965		16.04	5.09	0.465							
		0.180				-	-	-	-	-	-	-
200	3.785		16.22	5.27	0.481							
		0.239				-	-	-	-	-	-	-
50	3.546		16.45	5.51	0.503							

BIỂU ĐỒ TỔNG HỢP KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU**

Ngày TN: 29/12/17-5/1/18

Mô tả: Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

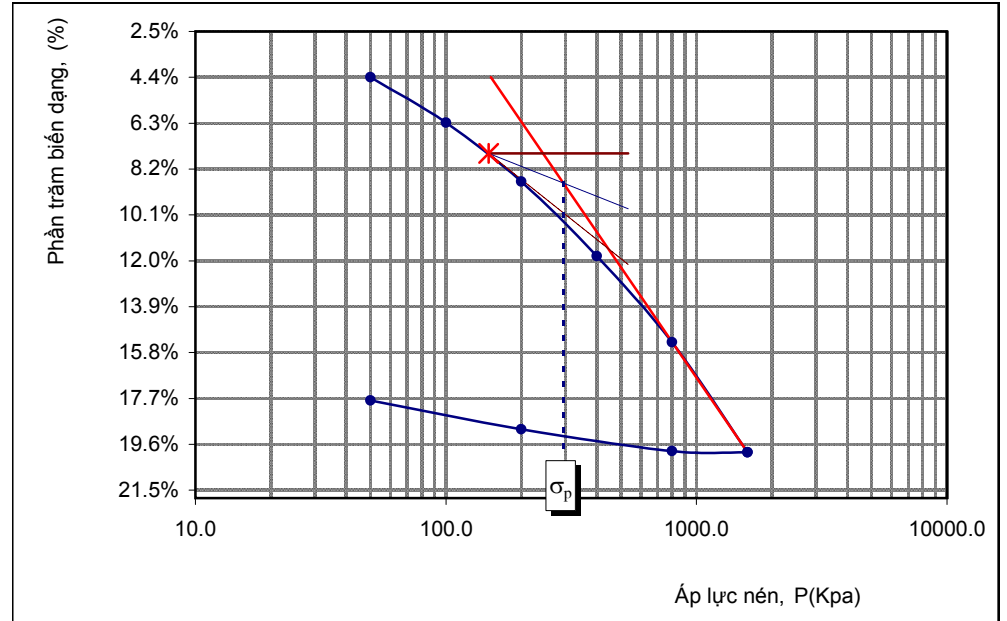
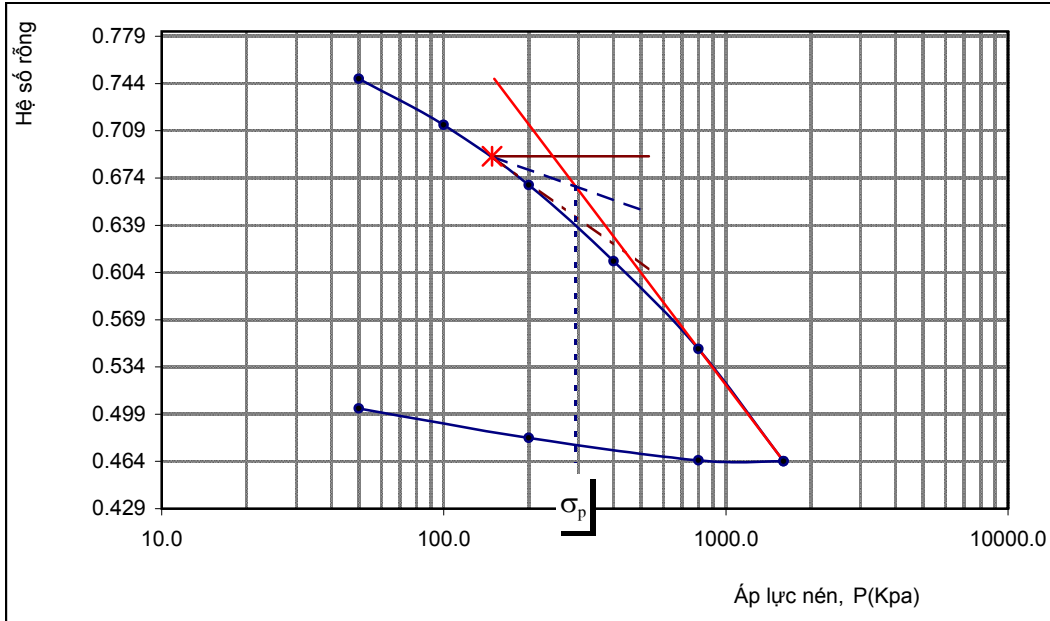
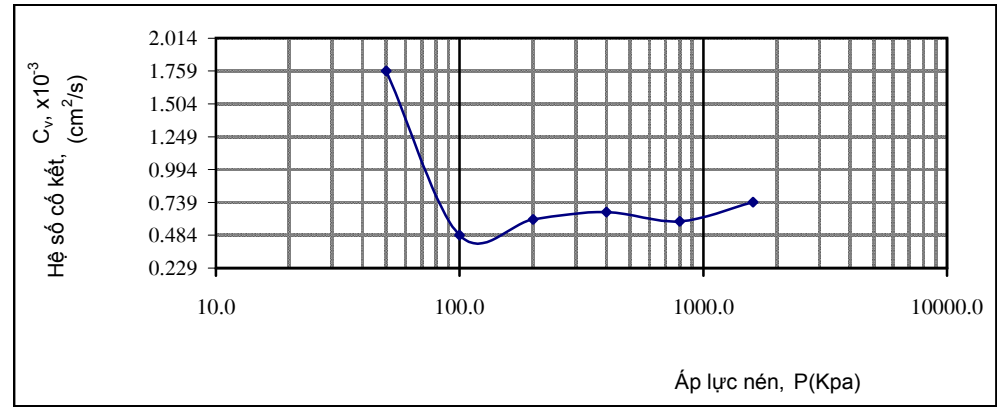
Hố khoan: **HK4**

KH mẫu: **HK4-16**

Độ sâu: **31.8-32m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ứng suất tiền cố kết	$\sigma_p = 293.9 \text{ kPa}$
Chỉ số nén	$C_c = \frac{0.547 - 0.464}{\log(1600) - \log(800)} = 0.277$
Chỉ số nở	$C_s = \frac{0.503 - 0.481}{\log(200) - \log(50)} = 0.036$



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hồ khoan: **HK4**

KH mẫu: **HK4-16**

Độ sâu: **31.8-32m**

Mô tả: **Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng**

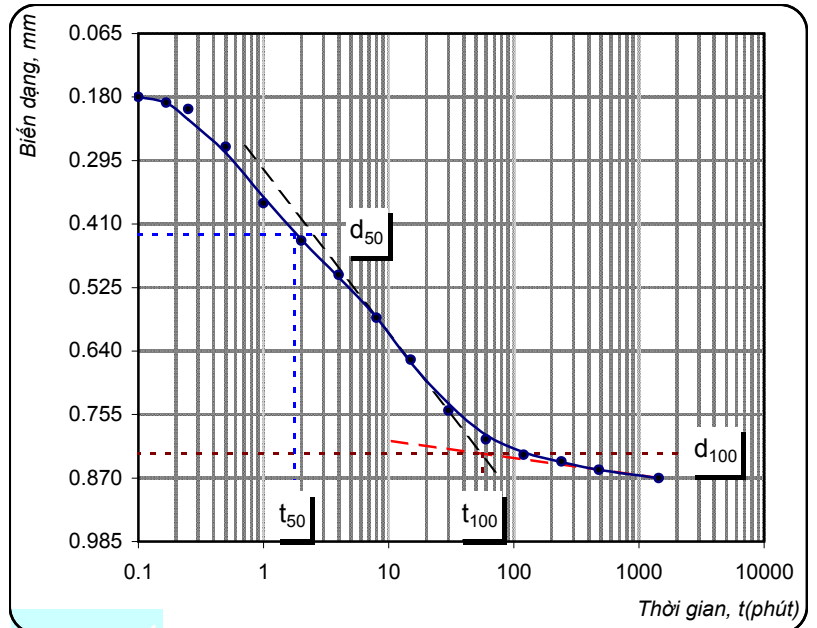
Người TN: Nguyễn Đông Hà

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ngày TN: 30-31/12/17

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.180
10"	0.2'	0.190
15"	0.3'	0.202
30"	0.5'	0.270
1'	1'	0.372
2'	2'	0.440
4'	4'	0.502
8'	8'	0.580
15'	15'	0.656
30'	30'	0.748
1h	60'	0.800
2h	120'	0.828
4h	240'	0.840
8h	480'	0.855
24h	1440'	0.870

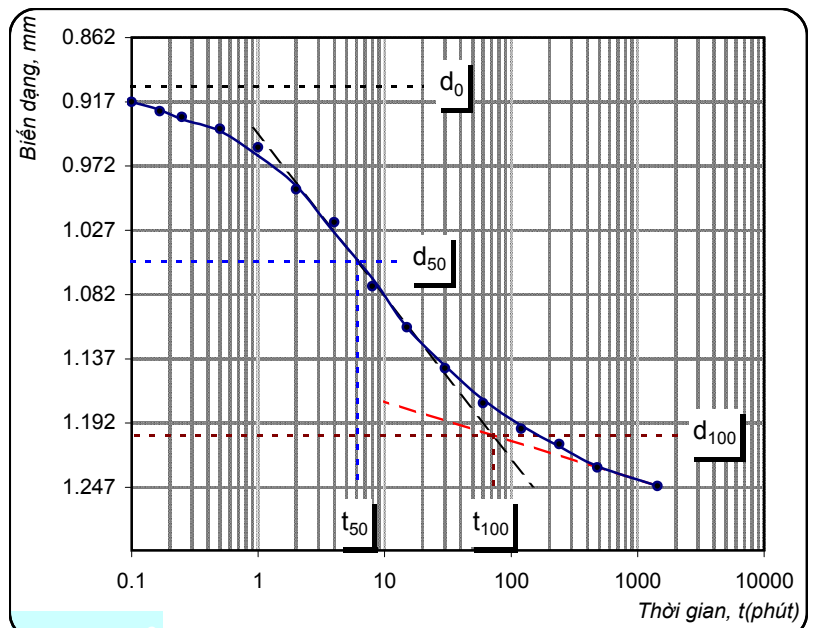
Áp lực nén: **50 kPa**



$t_{50} = 1.8'$

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.917
10"	0.2'	0.925
15"	0.3'	0.930
30"	0.5'	0.940
1'	1'	0.956
2'	2'	0.992
4'	4'	1.020
8'	8'	1.075
15'	15'	1.110
30'	30'	1.145
1h	60'	1.175
2h	120'	1.197
4h	240'	1.210
8h	480'	1.230
24h	1440'	1.246

Áp lực nén: **100 kPa**



$t_{50} = 6.1'$

TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hồ khoan: **HK4**

KH mẫu: **HK4-16**

Độ sâu: **31.8-32m**

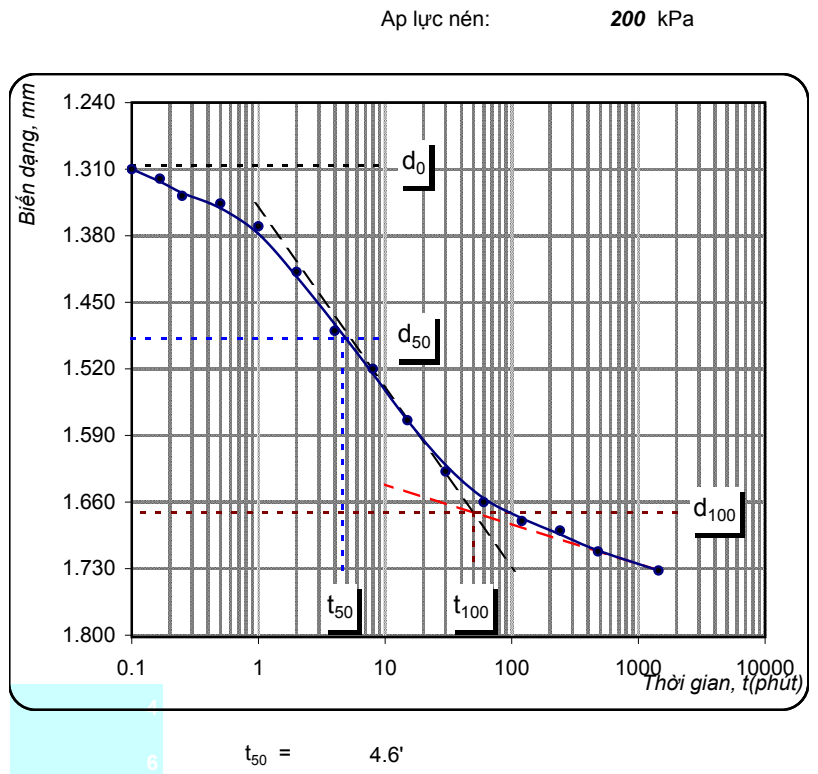
Mô tả: **Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: **Nguyễn Đông Hà**

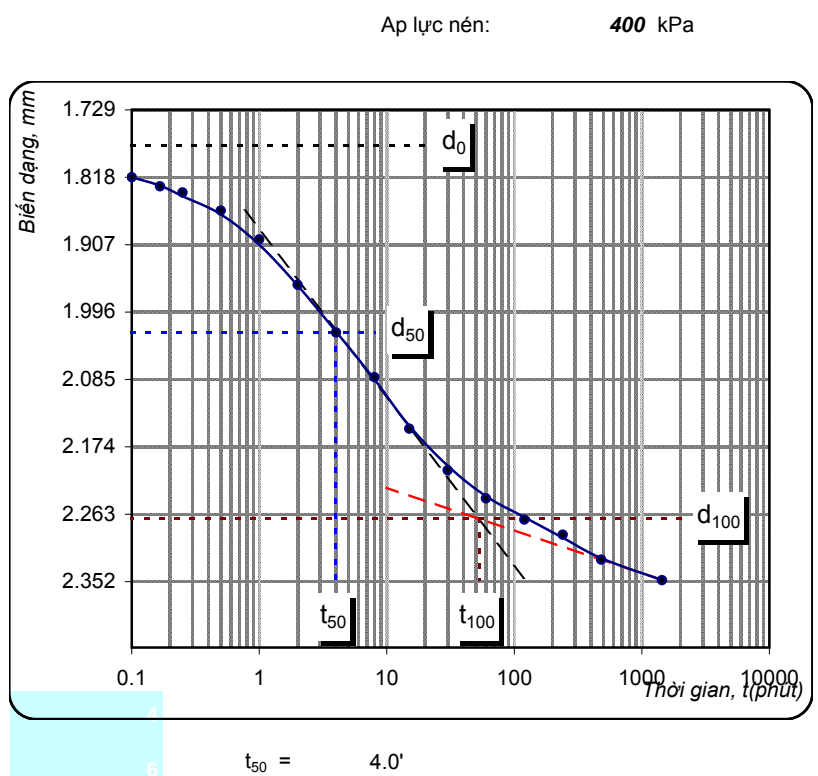
Xử lý: **KS. Nguyễn Quốc Khánh**

Ngày TN: **1-2/1/18**

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.310
10"	0.2'	1.320
15"	0.3'	1.338
30"	0.5'	1.346
1'	1'	1.370
2'	2'	1.418
4'	4'	1.480
8'	8'	1.520
15'	15'	1.574
30'	30'	1.628
1h	60'	1.660
2h	120'	1.680
4h	240'	1.690
8h	480'	1.712
24h	1440'	1.732



Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.818
10"	0.2'	1.830
15"	0.3'	1.838
30"	0.5'	1.862
1'	1'	1.900
2'	2'	1.960
4'	4'	2.023
8'	8'	2.082
15'	15'	2.150
30'	30'	2.205
1h	60'	2.242
2h	120'	2.270
4h	240'	2.290
8h	480'	2.323
24h	1440'	2.350



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hồ khoan: **HK4**

KH mẫu: **HK4-16**

Độ sâu: **31.8-32m**

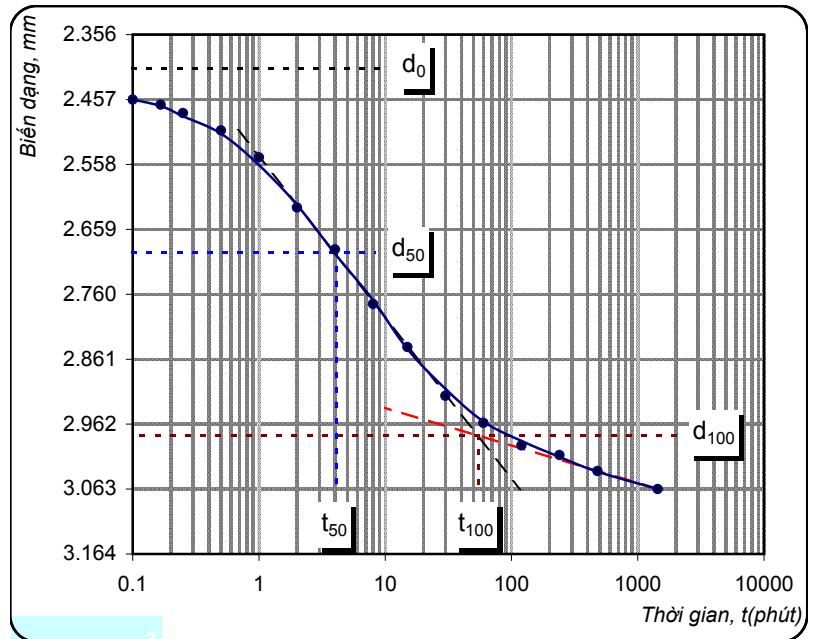
Mô tả: **Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

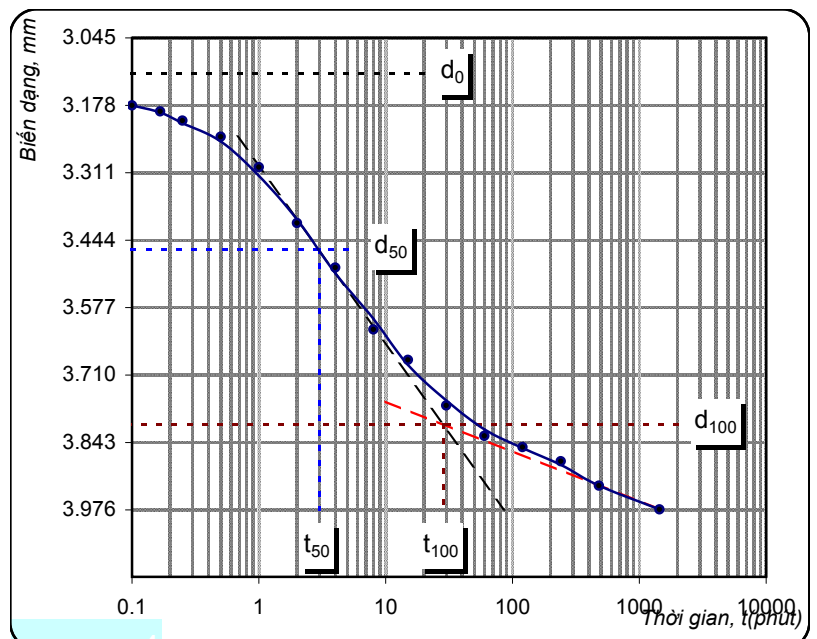
Ngày TN: 3-4/1/18

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	2.457
10"	0.2'	2.465
15"	0.3'	2.478
30"	0.5'	2.505
1'	1'	2.547
2'	2'	2.625
4'	4'	2.690
8'	8'	2.775
15'	15'	2.842
30'	30'	2.918
1h	60'	2.960
2h	120'	2.995
4h	240'	3.010
8h	480'	3.035
24h	1440'	3.063



$t_{50} = 4.1'$

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	3.178
10"	0.2'	3.190
15"	0.3'	3.208
30"	0.5'	3.240
1'	1'	3.300
2'	2'	3.410
4'	4'	3.498
8'	8'	3.620
15'	15'	3.680
30'	30'	3.770
1h	60'	3.830
2h	120'	3.852
4h	240'	3.880
8h	480'	3.928
24h	1440'	3.975



$t_{50} = 3.0'$

KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU** Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Ngày TN: 2-9/1/18

Mô tả: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Người TN: Nguyễn Đông Hà

Hố khoan: **HK5**

KH mẫu: **HK5-6**

Độ sâu: **11.8-12m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Chiều cao cốt đất,	H_g : 7.22 mm	KL mẫu trước TN,	M_o : 93.94 g	KL mẫu sau TN,	M_f : 80.18 g
Tỷ trọng hạt	G_s : 2.66	Chiều cao ban đầu,	H_o : 20.0 mm	Chiều cao sau TN,	H_f : 15.0 mm
Dung trọng ướt,	γ : 15.8	Độ ẩm trước TN,	W_o : 64.71 %	Độ ẩm sau TN,	W_f : 40.59 %
Dung trọng khô,	γ_d : 9.6	Độ bão hoà trước TN,	S_o : 97.2 %	Độ bão hoà sau TN,	S_f : 100.0 %
Đường kính,	61.50 mm	HSR ban đầu,	e_o : 1.771	HSR cuối TN,	e_f : 1.080

Áp lực nén	Biến dạng cuối	Gia số biến dạng	Chiều cao cuối	Chiều cao phần rỗng	Hệ số rỗng	Chiều cao TB	Thời gian cố kết	HS cố kết	HS nén lún	Modun BD	HS thấm	HS b.dạng thể tích
P , (kPa)	(mm)	ΔH , (mm)	H_{lt} , (mm)	H_v , (mm)	e	$H_{d50(av)}$, (mm)	t_{50}	C_v , $\times 10^{-3}$ (cm ² /s)	a , (kPa ⁻¹ $\times 10^{-2}$)	E , (kPa)	k_v , $\times 10^{-6}$ (cm/s)	m_v , kPa ⁻¹ $\times 10^{-2}$
0	0.000		20.00	12.78	1.771							
		0.665				19.67	489	0.390	0.737	376.0	0.104	0.266
12.5	0.665		19.34	12.12	1.679							
		0.576				19.05	802	0.223	0.638	419.9	0.053	0.238
25	1.241		18.76	11.54	1.599							
		0.615				18.45	892	0.188	0.341	762.2	0.025	0.131
50	1.856		18.14	10.93	1.514							
		0.859				17.71	657	0.235	0.238	1056.2	0.022	0.095
100	2.715		17.29	10.07	1.395							
		1.042				16.76	638	0.217	0.144	1663.1	0.013	0.060
200	3.757		16.24	9.03	1.250							
		1.233				15.63	582	0.207	0.085	2647.6	0.008	0.038
400	4.990		15.01	7.79	1.080							
		0.020				-	-	-	-	-	-	-
200	4.970		15.03	7.81	1.082							
		0.120				-	-	-	-	-	-	-
50	4.850		15.15	7.93	1.099							
		0.090				-	-	-	-	-	-	-
12.5	4.760		15.24	8.02	1.112							

BIỂU ĐỒ TỔNG HỢP KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU** Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Ngày TN: 2-9/1/18

Mô tả: Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão

Người TN: Nguyễn Đông Hà

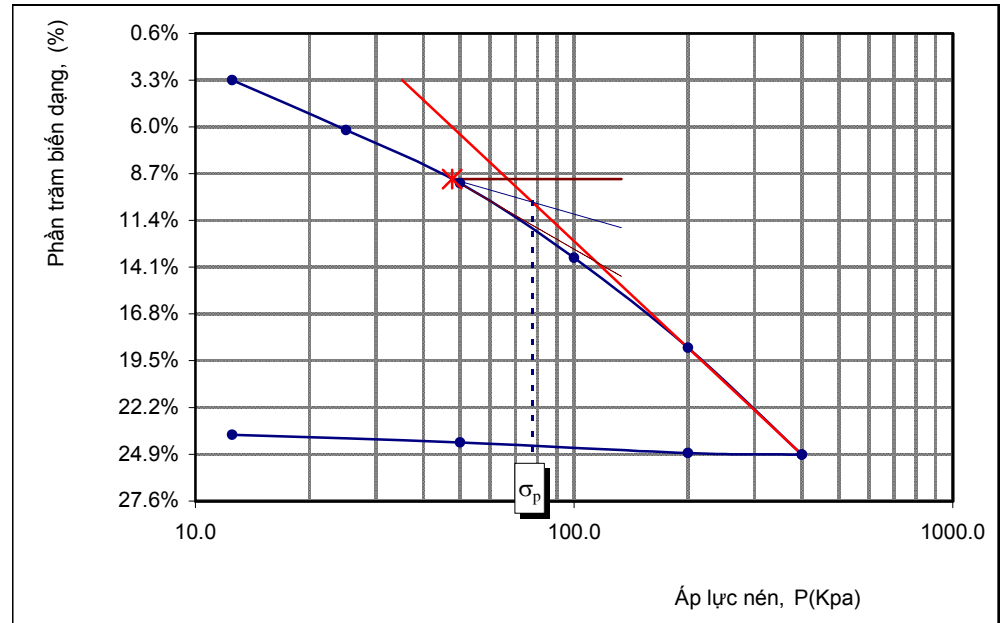
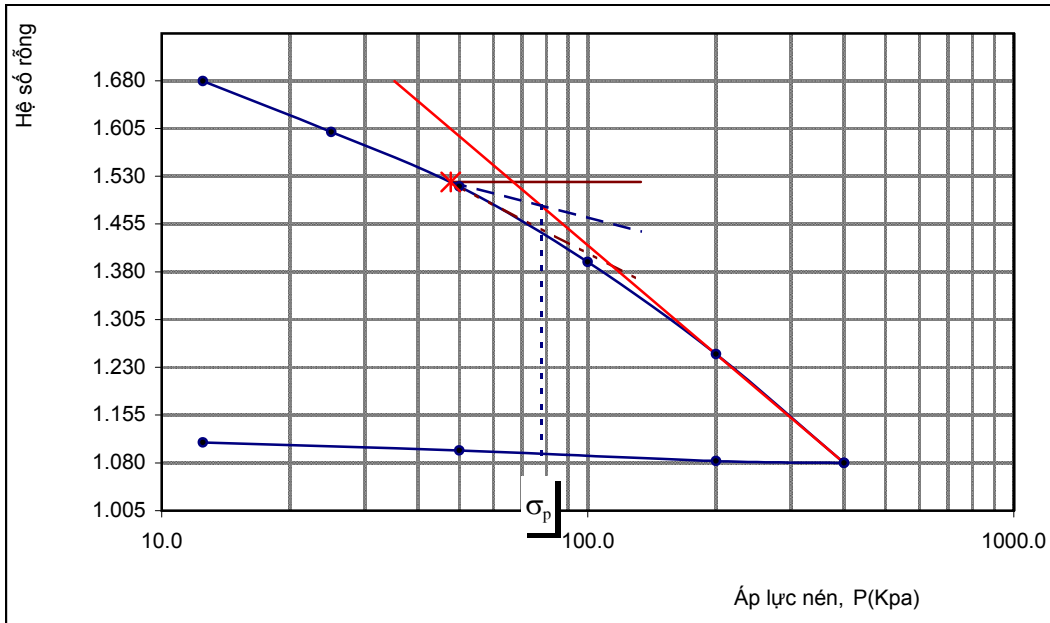
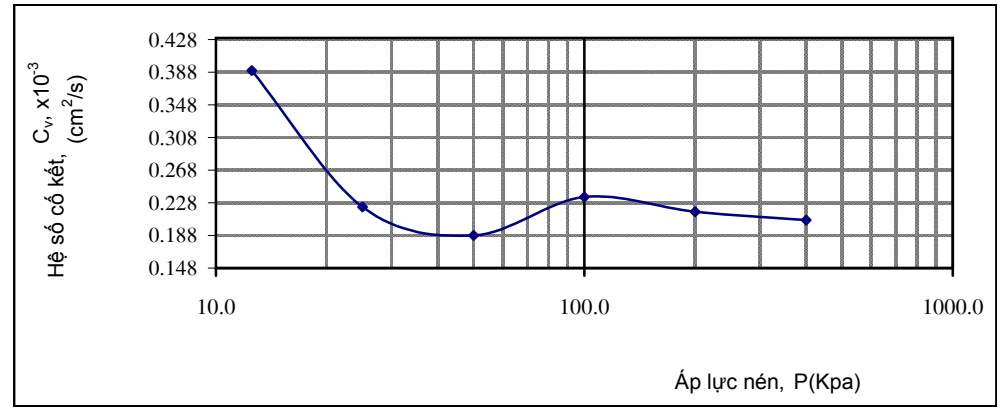
Hố khoan: **HK5**

KH mẫu: **HK5-6**

Độ sâu: **11.8-12m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ứng suất tiền cố kết	$\sigma_p = 77.7 \text{ kPa}$
Chỉ số nén	$C_c = \frac{1.25 - 1.08}{\log(400) - \log(200)} = 0.567$
Chỉ số nở	$C_s = \frac{1.112 - 1.099}{\log(50) - \log(12.5)} = 0.021$



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hồ khoan: **HK5**

KH mẫu: **HK5-6**

Độ sâu: **11.8-12m**

Mô tả: **Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão**

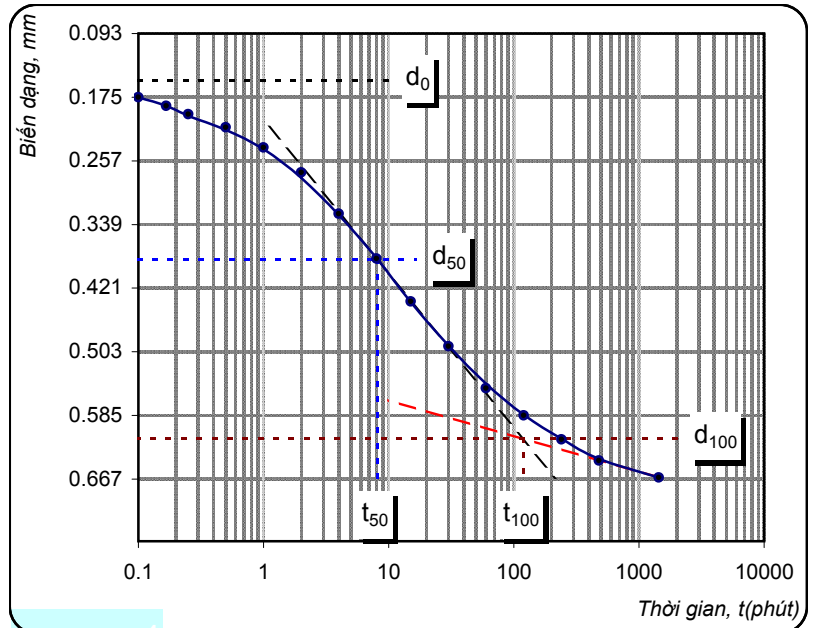
Người TN: **Nguyễn Đông Hà**

Xử lý: **KS. Nguyễn Quốc Khánh**

Ngày TN: **3-4/1/18**

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.175
10"	0.2'	0.186
15"	0.3'	0.197
30"	0.5'	0.214
1'	1'	0.240
2'	2'	0.272
4'	4'	0.325
8'	8'	0.383
15'	15'	0.438
30'	30'	0.496
1h	60'	0.550
2h	120'	0.585
4h	240'	0.616
8h	480'	0.643
24h	1440'	0.665

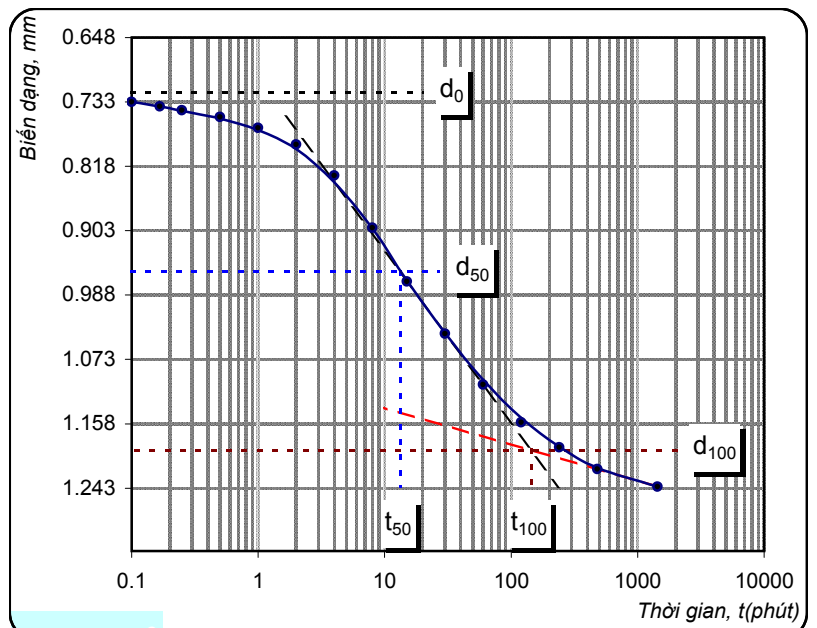
Áp lực nén: **12.5 kPa**



$t_{50} = 8.1'$

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.733
10"	0.2'	0.739
15"	0.3'	0.744
30"	0.5'	0.753
1'	1'	0.767
2'	2'	0.789
4'	4'	0.830
8'	8'	0.899
15'	15'	0.970
30'	30'	1.039
1h	60'	1.106
2h	120'	1.156
4h	240'	1.189
8h	480'	1.218
24h	1440'	1.241

Áp lực nén: **25 kPa**



$t_{50} = 13.4'$

TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hố khoan: **HK5**

KH mẫu: **HK5-6**

Độ sâu: **11.8-12m**

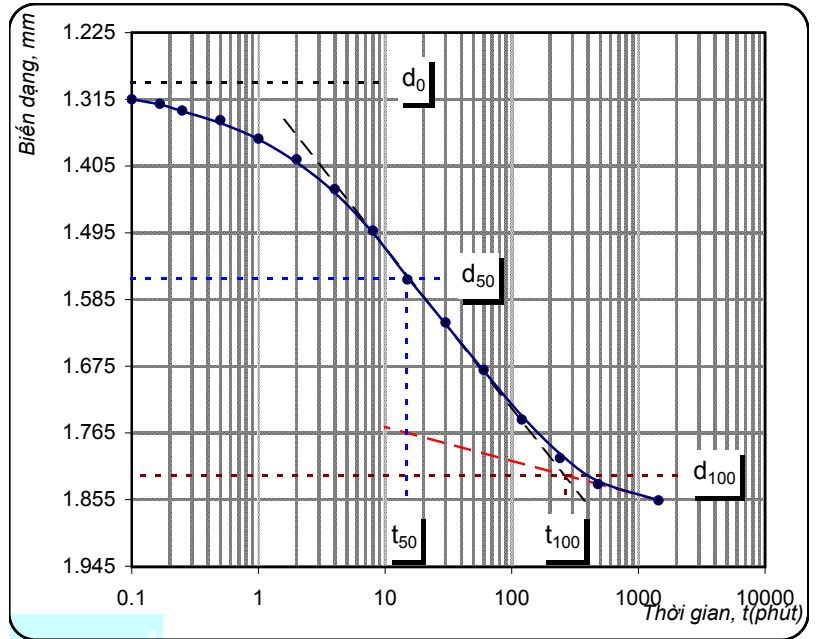
Mô tả: **Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão**

Người TN: **Nguyễn Đông Hà**

Xử lý: **KS. Nguyễn Quốc Khánh**

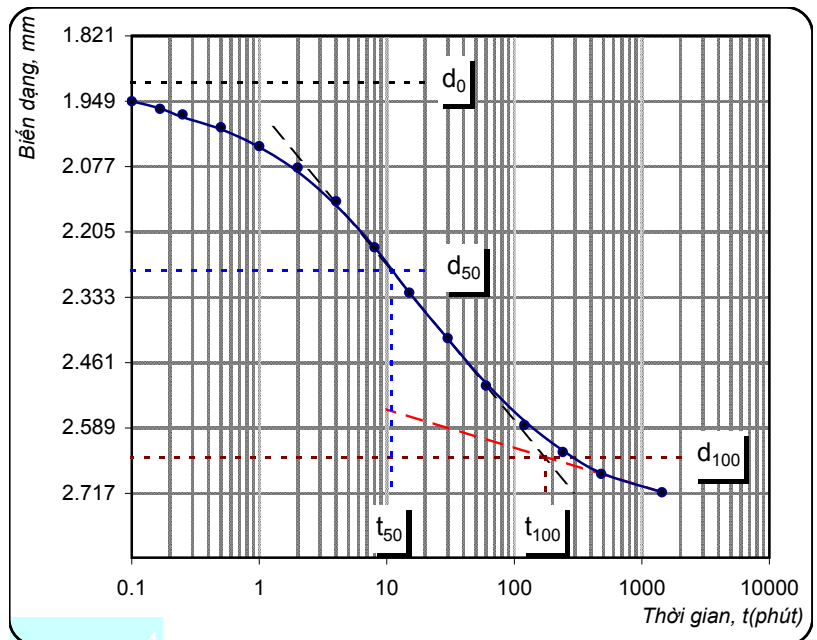
Ngày TN: **5-6/1/18**

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.315
10"	0.2'	1.321
15"	0.3'	1.330
30"	0.5'	1.343
1'	1'	1.368
2'	2'	1.396
4'	4'	1.436
8'	8'	1.492
15'	15'	1.558
30'	30'	1.616
1h	60'	1.680
2h	120'	1.747
4h	240'	1.799
8h	480'	1.834
24h	1440'	1.856



$t_{50} = 14.9'$

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.949
10"	0.2'	1.964
15"	0.3'	1.975
30"	0.5'	2.000
1'	1'	2.037
2'	2'	2.079
4'	4'	2.145
8'	8'	2.235
15'	15'	2.324
30'	30'	2.413
1h	60'	2.506
2h	120'	2.583
4h	240'	2.636
8h	480'	2.679
24h	1440'	2.715



$t_{50} = 11.0'$

TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hố khoan: **HK5**

KH mẫu: **HK5-6**

Độ sâu: **11.8-12m**

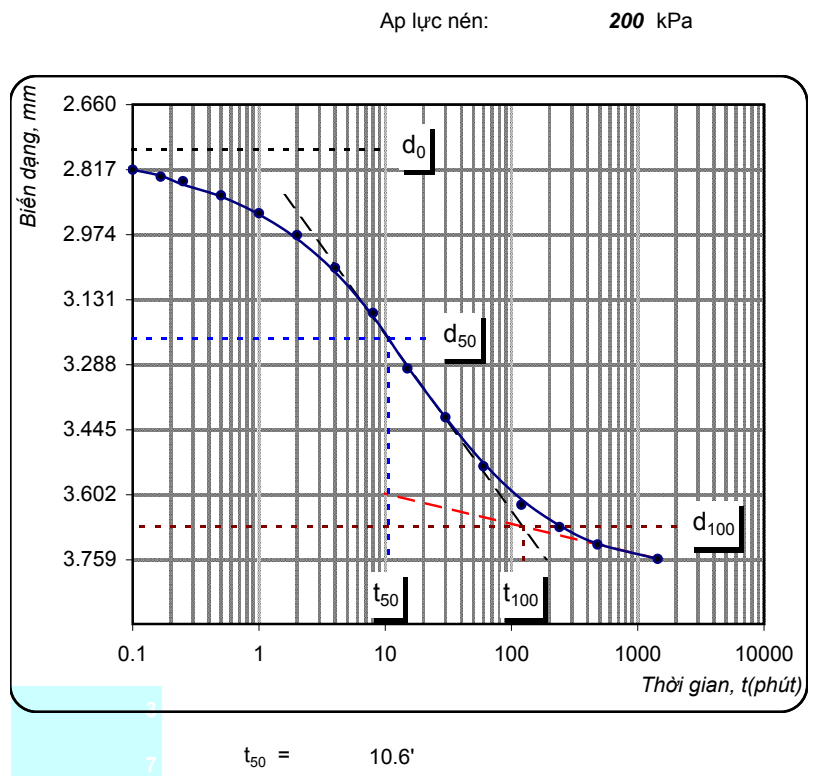
Mô tả: **Bùn sét, xám nâu, trạng thái nhão**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

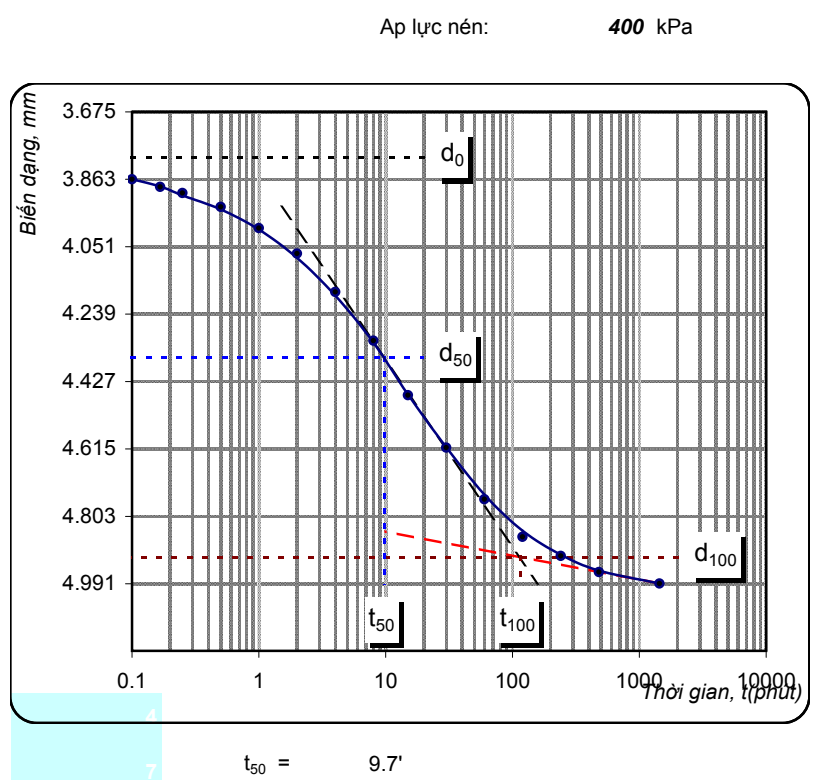
Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ngày TN: 7-8/1/18

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	2.817
10"	0.2'	2.834
15"	0.3'	2.845
30"	0.5'	2.879
1'	1'	2.922
2'	2'	2.975
4'	4'	3.054
8'	8'	3.163
15'	15'	3.297
30'	30'	3.415
1h	60'	3.533
2h	120'	3.626
4h	240'	3.680
8h	480'	3.722
24h	1440'	3.757



Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	3.863
10"	0.2'	3.884
15"	0.3'	3.901
30"	0.5'	3.940
1'	1'	3.999
2'	2'	4.070
4'	4'	4.177
8'	8'	4.313
15'	15'	4.465
30'	30'	4.611
1h	60'	4.755
2h	120'	4.860
4h	240'	4.913
8h	480'	4.958
24h	1440'	4.990



KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG MẠI BẠC LIÊU** Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Ngày TN: 2-9/1/18

Mô tả: Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng

Người TN: Nguyễn Đông Hà

Hố khoan: **HK5**

KH mẫu: **HK5-15**

Độ sâu: **29.8-30m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Chiều cao cốt đất,	H _g : 10.29 mm	KL mẫu trước TN,	M _o : 110.39 g	KL mẫu sau TN,	M _f : 98.35 g
Tỷ trọng hạt	G _s : 2.72	Chiều cao ban đầu,	H _o : 20.0 mm	Chiều cao sau TN,	H _f : 15.4 mm
Dung trọng ướt,	γ: 18.6	Độ ẩm trước TN,	W _o : 32.73 %	Độ ẩm sau TN,	W _f : 18.26 %
Dung trọng khô,	γ _d : 14.0	Độ bão hoà trước TN,	S _o : 94.4 %	Độ bão hoà sau TN,	S _f : 100.0 %
Đường kính,	61.50 mm	HSR ban đầu,	e _o : 0.943	HSR cuối TN,	e _f : 0.497

Ap lực nén	Biến dạng cuối	Gia số biến dạng	Chiều cao cuối	Chiều cao phần rỗng	Hệ số rỗng	Chiều cao TB	Thời gian cố kết	HS cố kết	HS nén lún	Modun BD	HS thấm	HS b.dạng thể tích
P, (kPa)	(mm)	ΔH, (mm)	H _{lt} , (mm)	H _v , (mm)	e	H _{d50(av)} , (mm)	t ₅₀	C _v , x10 ⁻³ (cm ² /s)	a, (kPa ⁻¹ x10 ⁻²)	E, (kPa)	k _v , x10 ⁻⁶ (cm/s)	m _v , kPa ⁻¹ x10 ⁻²
0	0.000		20.00	9.71	0.943							
		1.424				19.29	597	0.307	0.277	701.4	0.044	0.143
50.0	1.424		18.58	8.28	0.805							
		0.428				18.36	802	0.207	0.083	2174.3	0.010	0.046
100	1.852		18.15	7.85	0.763							
		0.518				17.89	486	0.324	0.050	3526.2	0.009	0.028
200	2.370		17.63	7.34	0.713							
		0.545				17.36	394	0.377	0.026	6587.5	0.006	0.015
400	2.915		17.09	6.79	0.660							
		0.745				16.71	371	0.370	0.018	9221.2	0.004	0.011
800	3.660		16.34	6.05	0.587							
		0.935				15.87	606	0.205	0.011	14431.2	0.001	0.007
1600	4.595		15.41	5.11	0.497							
		0.005				-	-	-	-	-	-	-
800	4.590		15.41	5.12	0.497							
		0.168				-	-	-	-	-	-	-
200	4.422		15.58	5.28	0.513							
		0.212				-	-	-	-	-	-	-
50	4.210		15.79	5.50	0.534							

BIỂU ĐỒ TỔNG HỢP KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU** Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Ngày TN: 2-9/1/18

Mô tả: Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng

Người TN: Nguyễn Đông Hà

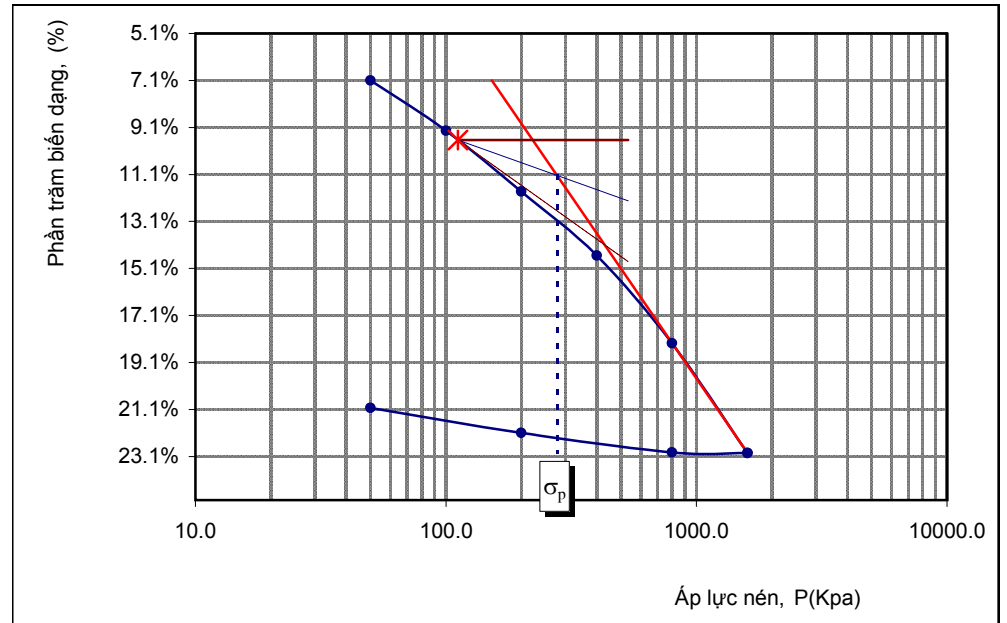
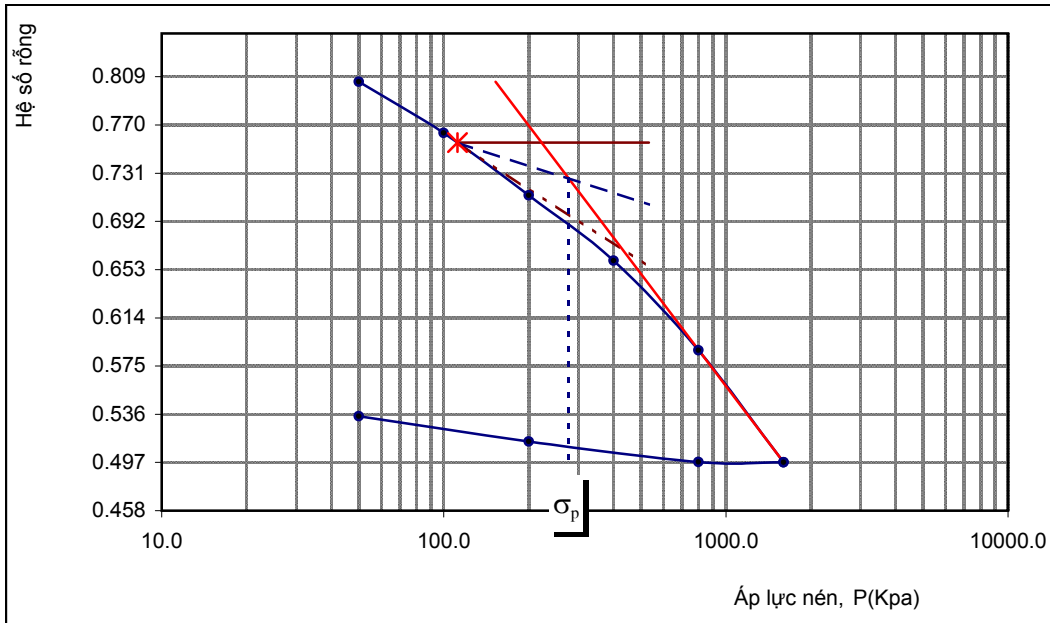
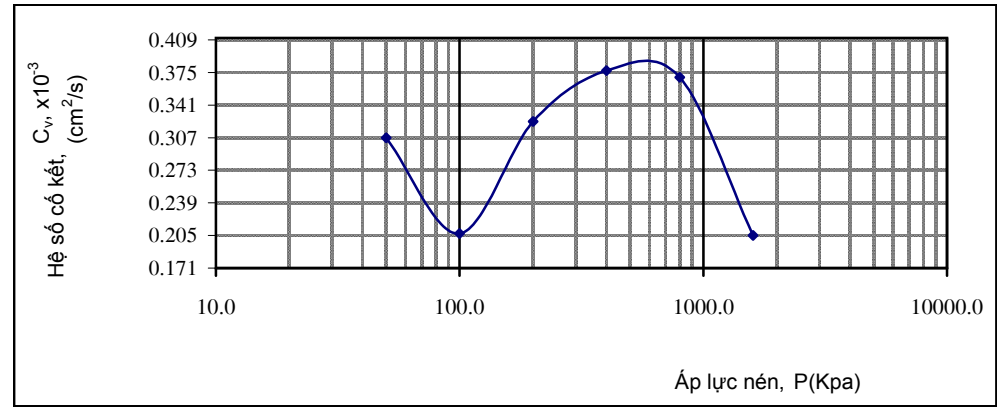
Hố khoan: **HK5**

KH mẫu: **HK5-15**

Độ sâu: **29.8-30m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ứng suất tiền cố kết	$\sigma_p = 277.5 \text{ kPa}$
Chỉ số nén	$C_c = \frac{0.587 - 0.497}{\log(1600) - \log(800)} = 0.302$
Chỉ số nở	$C_s = \frac{0.534 - 0.513}{\log(200) - \log(50)} = 0.034$



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hồ khoan: **HK5**

KH mẫu: **HK5-15**

Độ sâu: **29.8-30m**

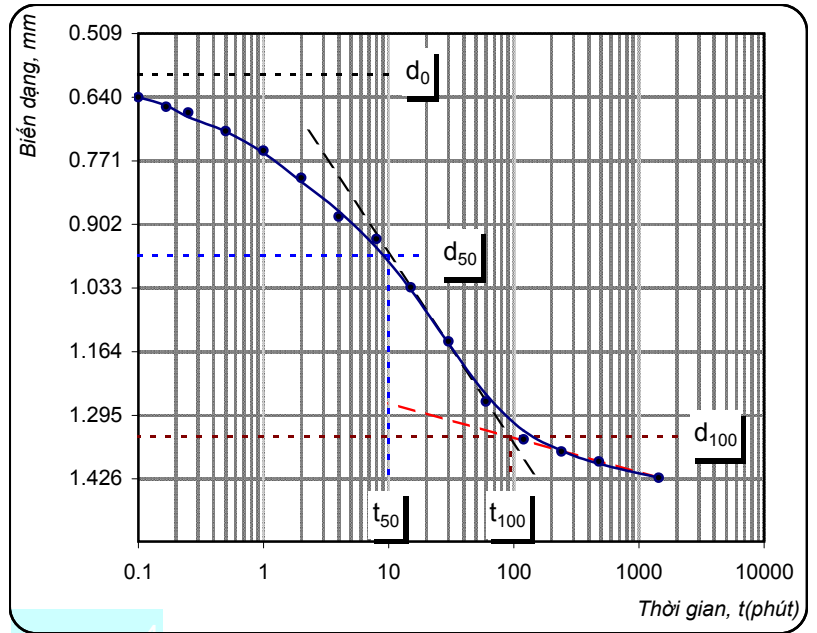
Mô tả: **Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: **Nguyễn Đông Hà**

Xử lý: **KS. Nguyễn Quốc Khánh**

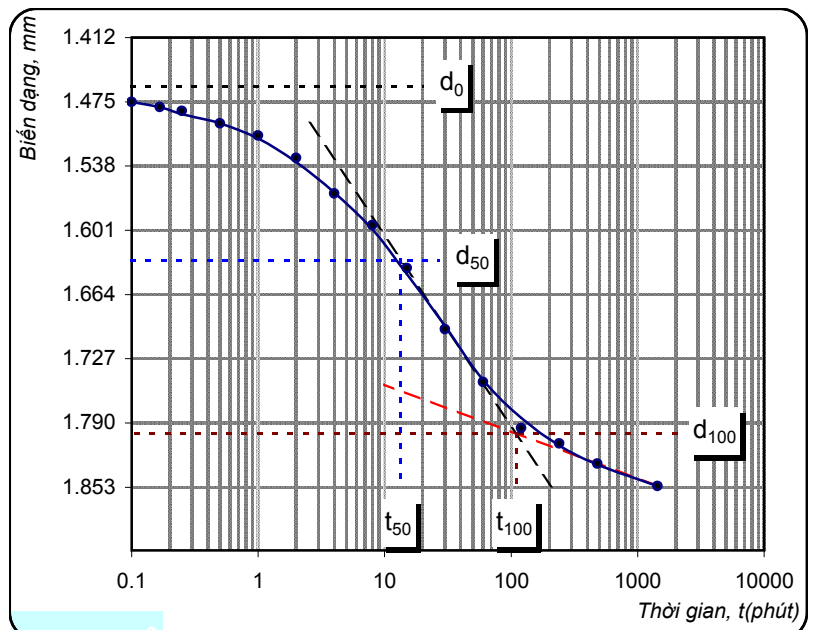
Ngày TN: **3-4/1/18**

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.640
10"	0.2'	0.660
15"	0.3'	0.672
30"	0.5'	0.710
1'	1'	0.750
2'	2'	0.806
4'	4'	0.886
8'	8'	0.932
15'	15'	1.032
30'	30'	1.143
1h	60'	1.267
2h	120'	1.345
4h	240'	1.370
8h	480'	1.390
24h	1440'	1.424



$t_{50} = 9.9'$

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.475
10"	0.2'	1.480
15"	0.3'	1.484
30"	0.5'	1.496
1'	1'	1.508
2'	2'	1.530
4'	4'	1.565
8'	8'	1.596
15'	15'	1.638
30'	30'	1.698
1h	60'	1.750
2h	120'	1.795
4h	240'	1.810
8h	480'	1.830
24h	1440'	1.852



$t_{50} = 13.4'$

TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hồ khoan: **HK5**

KH mẫu: **HK5-15**

Độ sâu: **29.8-30m**

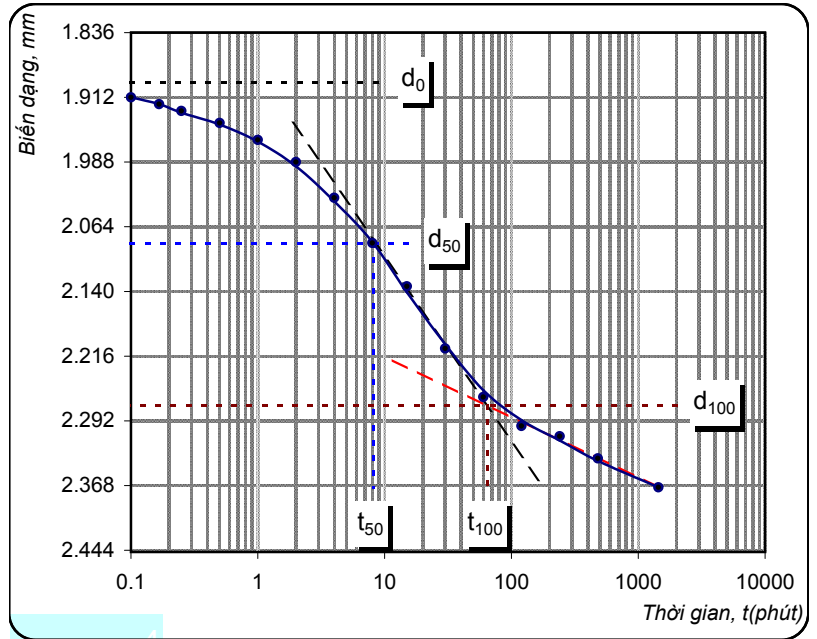
Mô tả: **Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

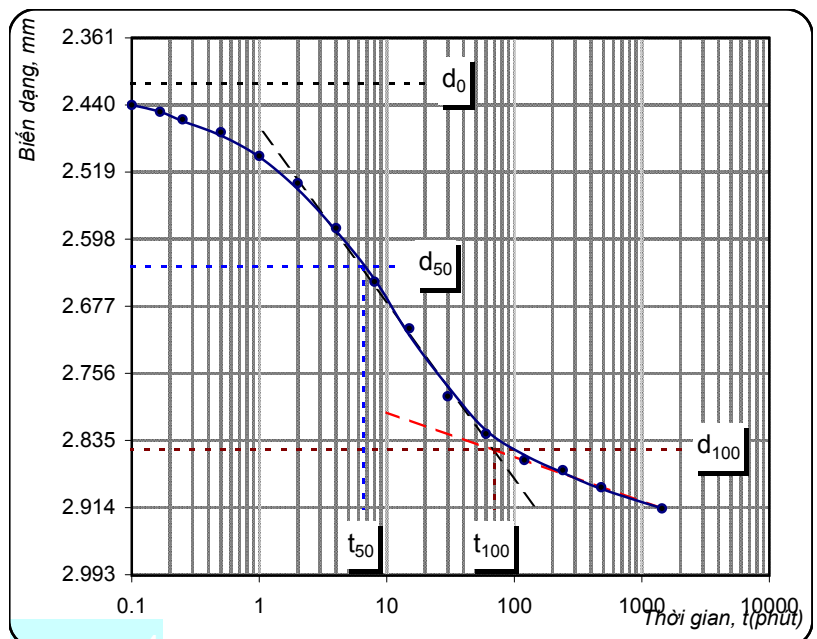
Ngày TN: 5-6/1/18

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.912
10"	0.2'	1.920
15"	0.3'	1.928
30"	0.5'	1.942
1'	1'	1.962
2'	2'	1.988
4'	4'	2.030
8'	8'	2.083
15'	15'	2.134
30'	30'	2.207
1h	60'	2.264
2h	120'	2.298
4h	240'	2.310
8h	480'	2.336
24h	1440'	2.370



#

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	2.440
10"	0.2'	2.448
15"	0.3'	2.457
30"	0.5'	2.472
1'	1'	2.500
2'	2'	2.532
4'	4'	2.585
8'	8'	2.648
15'	15'	2.703
30'	30'	2.783
1h	60'	2.827
2h	120'	2.858
4h	240'	2.870
8h	480'	2.890
24h	1440'	2.915



#

TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hố khoan: **HK5**

KH mẫu: **HK5-15**

Độ sâu: **29.8-30m**

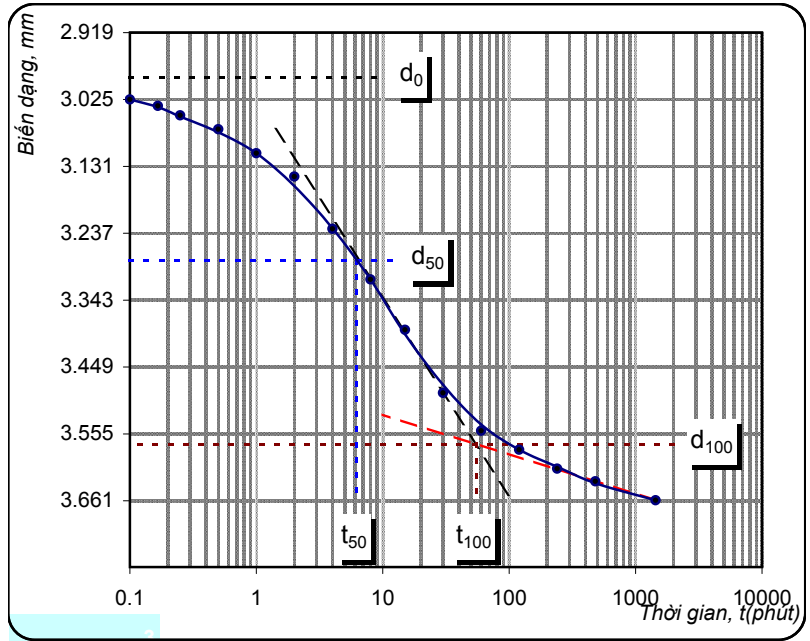
Mô tả: **Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

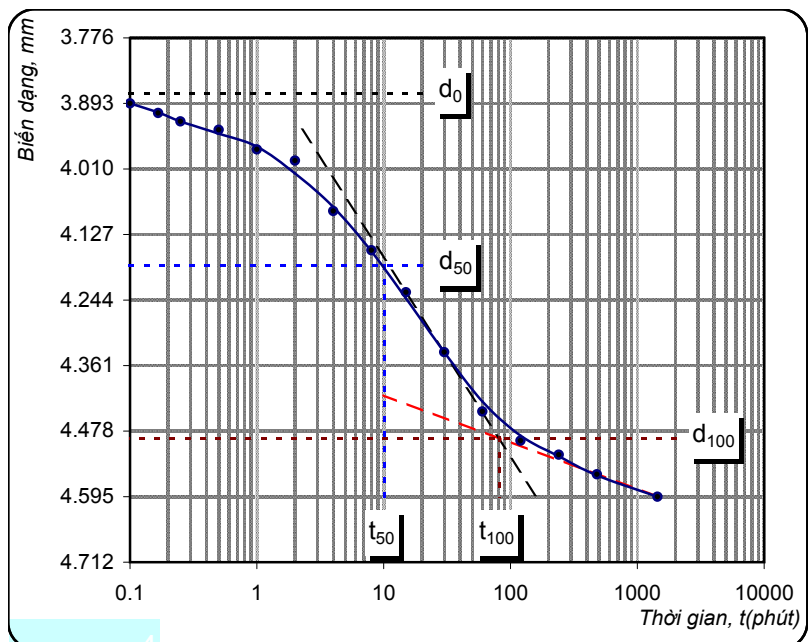
Ngày TN: 7-8/1/18

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	3.025
10"	0.2'	3.035
15"	0.3'	3.050
30"	0.5'	3.072
1'	1'	3.110
2'	2'	3.147
4'	4'	3.230
8'	8'	3.310
15'	15'	3.390
30'	30'	3.490
1h	60'	3.550
2h	120'	3.580
4h	240'	3.610
8h	480'	3.630
24h	1440'	3.660



$t_{50} = 6.2'$

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	3.893
10"	0.2'	3.910
15"	0.3'	3.925
30"	0.5'	3.940
1'	1'	3.975
2'	2'	3.995
4'	4'	4.085
8'	8'	4.155
15'	15'	4.230
30'	30'	4.337
1h	60'	4.443
2h	120'	4.495
4h	240'	4.520
8h	480'	4.555
24h	1440'	4.595



$t_{50} = 10.1'$

KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG L** Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Ngày TN: 2-9/1/18

Mô tả: Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng

Người TN: Nguyễn Đông Hà

Hố khoan: **HK5**

KH mẫu: **HK5-19**

Độ sâu: **37.8-38m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Chiều cao cốt đất,	H _g : 11.14 mm	KL mẫu trước TN,	M _o : 114.25 g	KL mẫu sau TN,	M _f : 107.73 g
Tỷ trọng hạt	G _s : 2.73	Chiều cao ban đầu,	H _o : 20.0 mm	Chiều cao sau TN,	H _f : 17.0 mm
Dung trọng ướt,	γ: 19.2	Độ ẩm trước TN,	W _o : 26.51 %	Độ ẩm sau TN,	W _f : 19.30 %
Dung trọng khô,	γ _d : 15.2	Độ bão hoà trước TN,	S _o : 90.9 %	Độ bão hoà sau TN,	S _f : 100.0 %
Đường kính,	61.50 mm	HSR ban đầu,	e _o : 0.796	HSR cuối TN,	e _f : 0.527

Áp lực nén	Biến dạng cuối	Gia số biến dạng	Chiều cao cuối	Chiều cao phần rỗng	Hệ số rỗng	Chiều cao TB	Thời gian cố kết	HS cố kết	HS nén lún	Modun BD	HS thấm	HS b.dạng thể tích
P, (kPa)	(mm)	ΔH, (mm)	H _{lt} , (mm)	H _v , (mm)	e	H _{d50(av)} , (mm)	t ₅₀	C _v , x10 ⁻³ (cm ² /s)	a, (kPa ⁻¹ x10 ⁻²)	E, (kPa)	k _v , x10 ⁻⁶ (cm/s)	m _v , kPa ⁻¹ x10 ⁻²
0	0.000		20.00	8.86	0.796							
		0.367				19.82	226	0.854	0.066	2721.2	0.032	0.037
50.0	0.367		19.63	8.50	0.763							
		0.131				19.57	1412	0.134	0.024	7346.0	0.002	0.014
100	0.498		19.50	8.37	0.751							
		0.380				19.31	1436	0.128	0.034	5150.8	0.002	0.019
200	0.878		19.12	7.99	0.717							
		0.462				18.89	1363	0.129	0.021	8176.9	0.002	0.012
400	1.340		18.66	7.52	0.676							
		0.783				18.27	1493	0.110	0.018	9309.3	0.001	0.011
800	2.123		17.88	6.74	0.605							
		0.875				17.44	797	0.188	0.010	16053.5	0.001	0.006
1600	2.998		17.00	5.87	0.527							
		0.005				-	-	-	-	-	-	-
800	2.993		17.01	5.87	0.527							
		0.177				-	-	-	-	-	-	-
200	2.816		17.18	6.05	0.543							
		0.202				-	-	-	-	-	-	-
50	2.614		17.39	6.25	0.561							

BIỂU ĐỒ TỔNG HỢP KẾT QUẢ TN NÉN CỐ KẾT

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯỜNG L** Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Ngày TN: 2-9/1/18

Mô tả: Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng

Người TN: Nguyễn Đông Hà

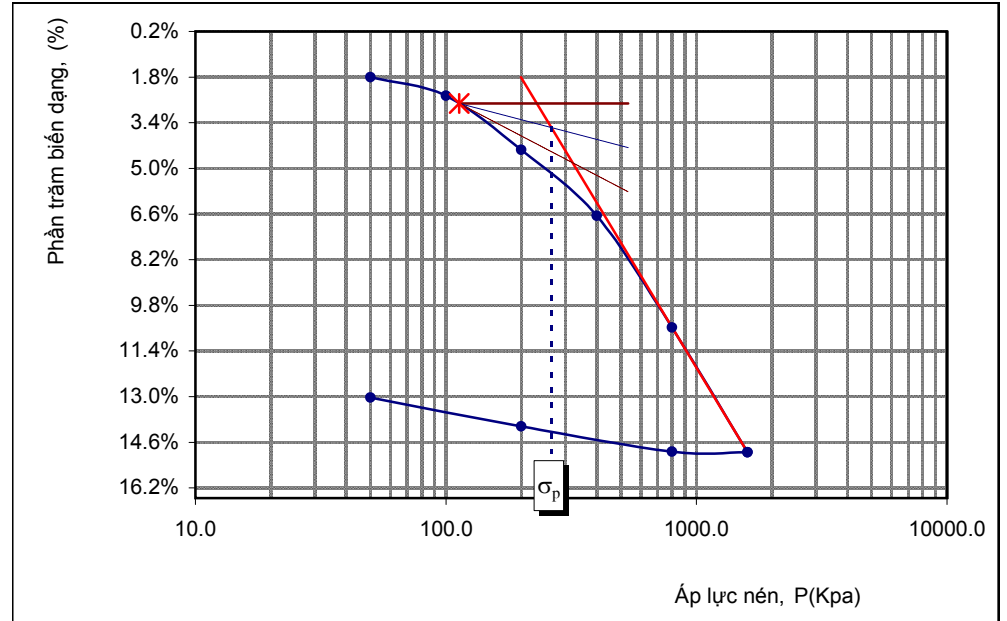
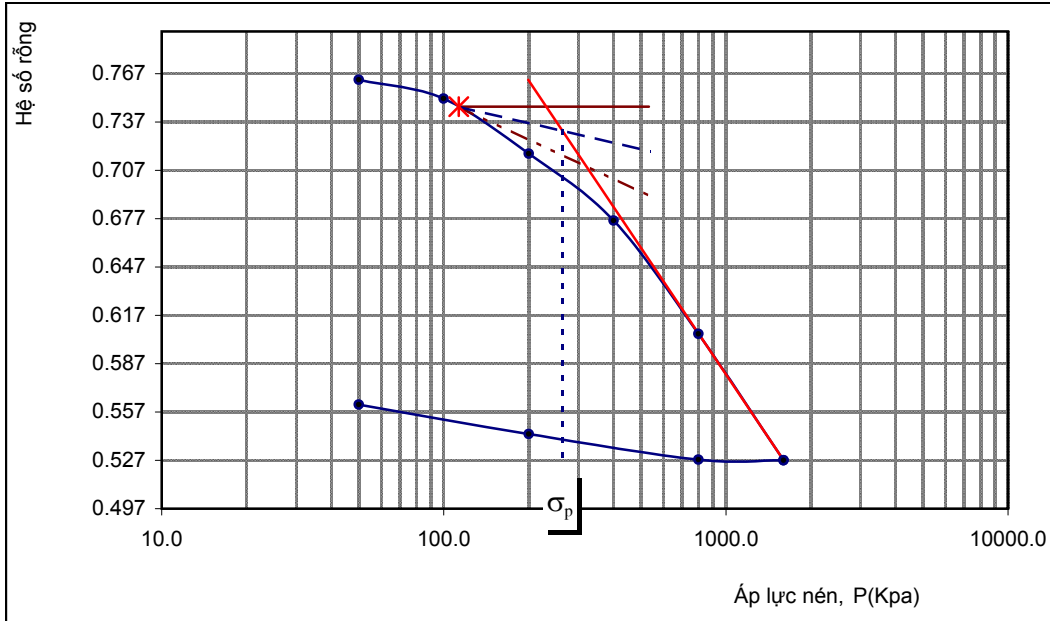
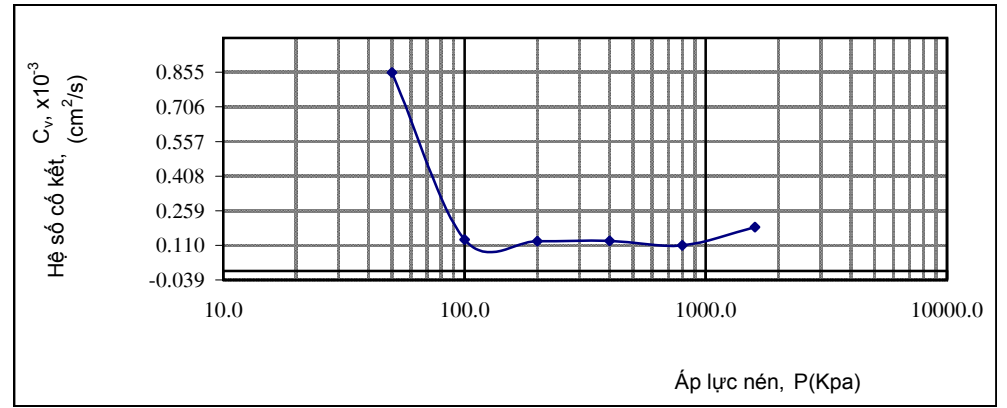
Hố khoan: **HK5**

KH mẫu: **HK5-19**

Độ sâu: **37.8-38m**

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ứng suất tiền cố kết	$\sigma_p = 263.4 \text{ kPa}$
Chỉ số nén	$C_c = \frac{0.605 - 0.527}{\log(1600) - \log(800)} = 0.261$
Chỉ số nở	$C_s = \frac{0.561 - 0.543}{\log(200) - \log(50)} = 0.030$



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hồ khoan: **HK5**

KH mẫu: **HK5-19**

Độ sâu: **37.8-38m**

Mô tả: **Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng**

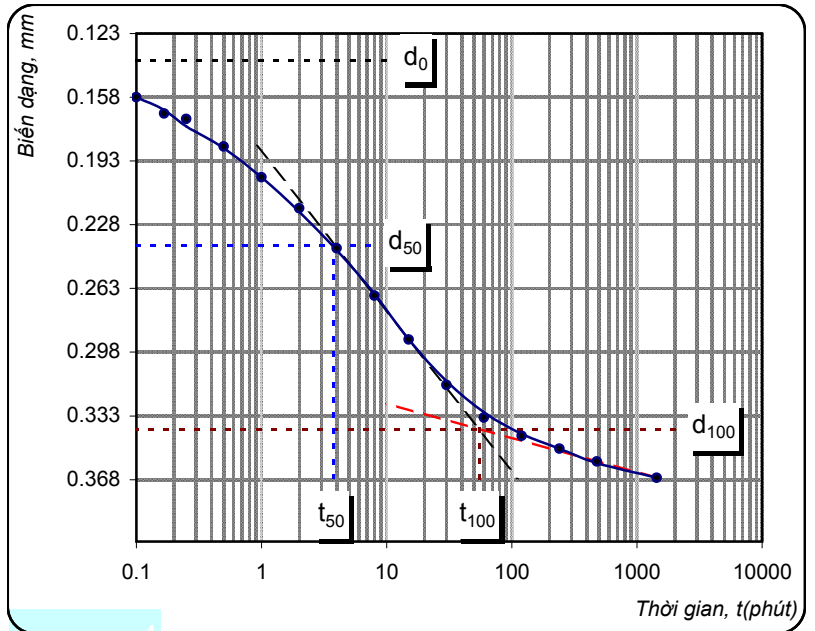
Người TN: **Nguyễn Đông Hà**

Xử lý: **KS. Nguyễn Quốc Khánh**

Ngày TN: **3-4/1/18**

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.158
10"	0.2'	0.167
15"	0.3'	0.170
30"	0.5'	0.185
1'	1'	0.202
2'	2'	0.219
4'	4'	0.241
8'	8'	0.267
15'	15'	0.291
30'	30'	0.316
1h	60'	0.334
2h	120'	0.344
4h	240'	0.351
8h	480'	0.358
24h	1440'	0.367

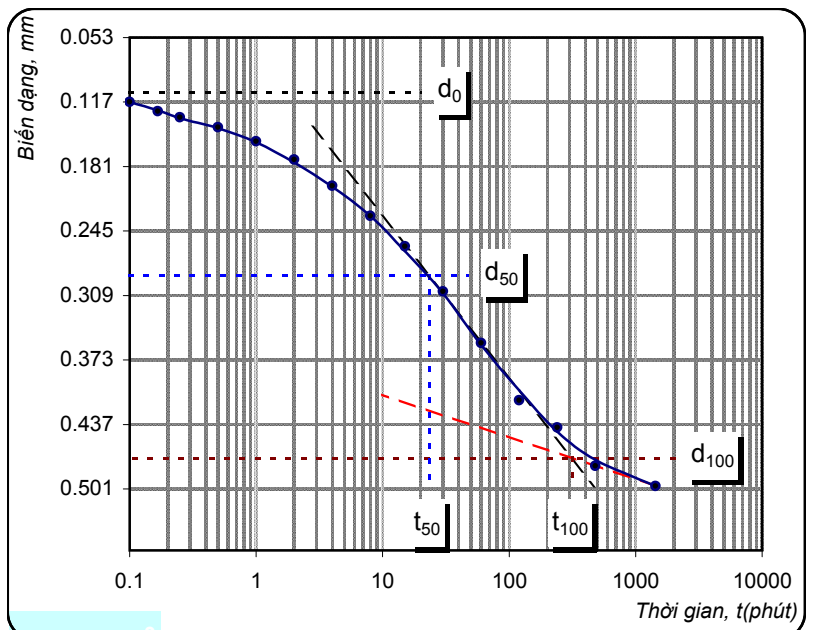
Áp lực nén: **50 kPa**



$t_{50} = 3.8'$

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.117
10"	0.2'	0.126
15"	0.3'	0.132
30"	0.5'	0.142
1'	1'	0.156
2'	2'	0.174
4'	4'	0.200
8'	8'	0.230
15'	15'	0.260
30'	30'	0.305
1h	60'	0.356
2h	120'	0.413
4h	240'	0.440
8h	480'	0.478
24h	1440'	0.498

Áp lực nén: **100 kPa**



$t_{50} = 23.5'$

TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hố khoan: **HK5** KH mẫu: **HK5-19**

Độ sâu: **37.8-38m**

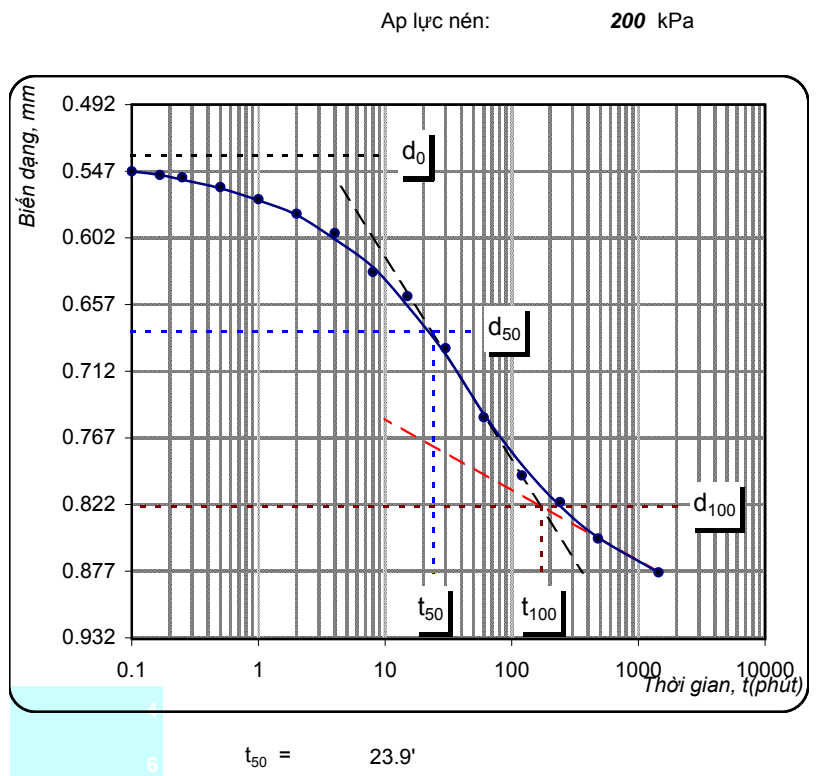
Mô tả: **Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

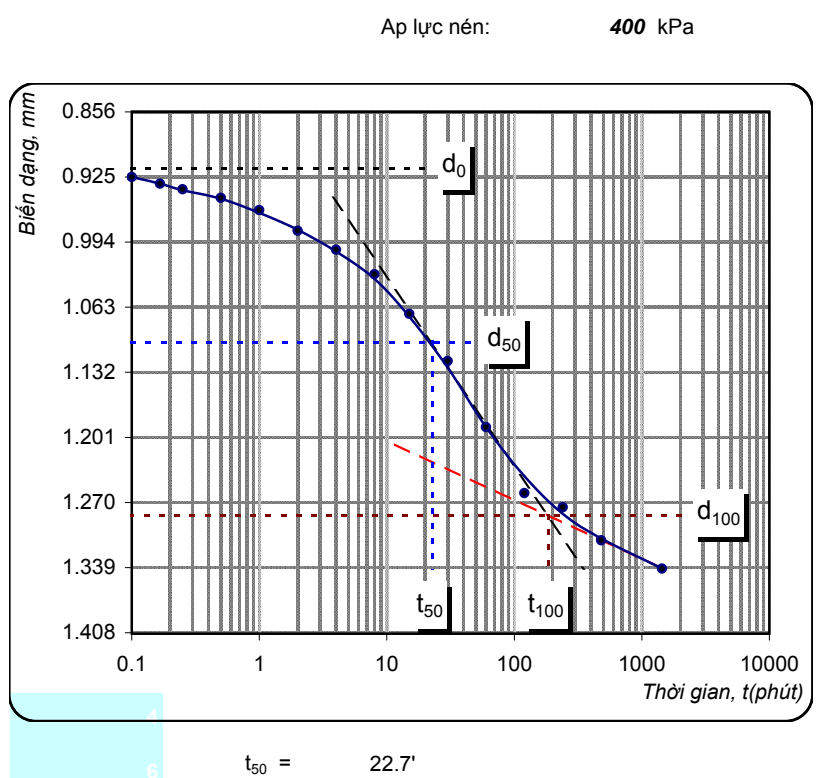
Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ngày TN: 5-6/1/18

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.547
10"	0.2'	0.550
15"	0.3'	0.552
30"	0.5'	0.560
1'	1'	0.570
2'	2'	0.582
4'	4'	0.598
8'	8'	0.630
15'	15'	0.650
30'	30'	0.693
1h	60'	0.750
2h	120'	0.798
4h	240'	0.820
8h	480'	0.850
24h	1440'	0.878



Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	0.925
10"	0.2'	0.932
15"	0.3'	0.938
30"	0.5'	0.947
1'	1'	0.960
2'	2'	0.982
4'	4'	1.002
8'	8'	1.028
15'	15'	1.070
30'	30'	1.120
1h	60'	1.190
2h	120'	1.260
4h	240'	1.275
8h	480'	1.310
24h	1440'	1.340



TN NÉN CỐ KẾT (ASTM D2435 - 2011)

TT04-BM18

Công trình: **CỤM SHOWROOM KIA - MAZDA - THƯƠNG MẠI BẠC LIÊU**

Địa điểm: **PHƯỜNG 7, TP. BẠC LIÊU, T. BẠC LIÊU**

Hố khoan: **HK5**

KH mẫu: **HK5-19**

Độ sâu: **37.8-38m**

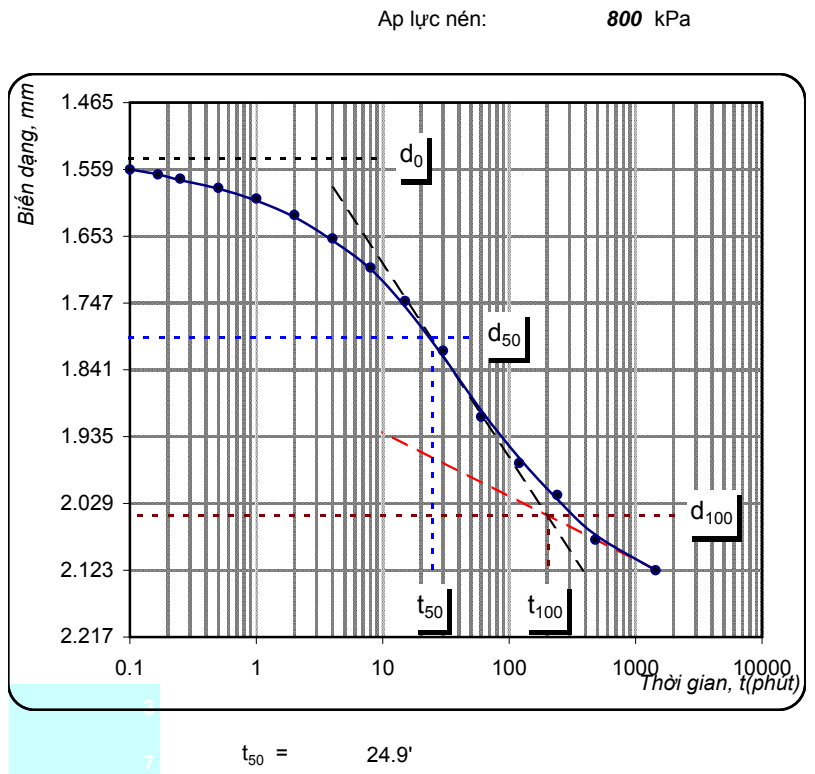
Mô tả: **Sét, xám xanh đen, trạng thái dẻo cứng**

Người TN: Nguyễn Đông Hà

Xử lý: KS. Nguyễn Quốc Khánh

Ngày TN: 7-8/1/18

Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	1.559
10"	0.2'	1.566
15"	0.3'	1.572
30"	0.5'	1.585
1'	1'	1.600
2'	2'	1.623
4'	4'	1.656
8'	8'	1.697
15'	15'	1.744
30'	30'	1.814
1h	60'	1.907
2h	120'	1.972
4h	240'	2.017
8h	480'	2.080
24h	1440'	2.123



Thời gian, t	Thời gian, t(phút)	Biến dạng, mm
6"	0.1'	2.417
10"	0.2'	2.422
15"	0.3'	2.435
30"	0.5'	2.445
1'	1'	2.465
2'	2'	2.500
4'	4'	2.548
8'	8'	2.605
15'	15'	2.675
30'	30'	2.772
1h	60'	2.870
2h	120'	2.910
4h	240'	2.930
8h	480'	2.967
24h	1440'	2.998

